

HỒ SƠ MẬT 1963

Từ Các Nguồn Tài Liệu Của Chính Phủ Mỹ

Nhóm Thiện Pháp *thực hiện*

NHÀ XUẤT BẢN THIỆN TRI THỨC PUBLICATIONS
2013

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU (trang 7)

PHẦN I - CUỘC VẬN ĐỘNG BÌNH ĐẲNG TÔN GIÁO NĂM 1963 CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- 1- FRUS III (9-5-1963): *Các điện văn trao đổi giữa Huế, Sài Gòn và Washington* (trang 21)
- 2- CIA (11-5-1963): *Báo cáo cho Tổng thống Mỹ về cuộc thăm sát tại Huế năm 1963* (trang 39)
- 3- FRUS III (1-8-1963): *Tấn công Hóa học ở Huế* (trang 43)
- 4- Pentagon Papers (20-8-1963): *Chiến dịch Tổng tấn công chùa đêm 20-8-1963 và các hệ quả* (trang 49)
- 5- Trần Văn Đôn / Việt Nam Nhân Chứng (20-8-1963): *Cuộc tấn công các Chùa đêm 20-8-1963* (trang 70)
- 6- FRUS III (24-8-1963): *CIA - Cuộc nói chuyện bí mật của Tướng Trần Văn Đôn* (trang 76)
- 7- Bộ Ngoại giao (24-8-1963): *Điện văn tối mật số 243 ngày 24-8-1963* (trang 92)
- 8- FRUS III (24-8-1963): *Điện văn 274, Chiến dịch tấn công chùa* (trang 99)
- 9- Liên Hiệp Quốc (7-12-1963): *Bản Phúc trình của Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc* (trang 105)
- 10- Liên Hiệp Quốc (7-12-1963): *Phúc trình Liên Hiệp Quốc A/5630 đã kết luận như thế nào?* (trang 109)

PHẦN II – TÌNH HÌNH CHÍNH QUYỀN NGŨ ĐÌNH DIỆM TRONG NĂM 1963

- 1- FRUS II (1/1962): *Nhiều ngàn Sĩ quan VNCH cải đạo để tiến thân* (trang 125)
- 2- CIA (10-7-1963): *Bản đánh giá Tình báo Quốc gia đặc biệt* (trang 132)
- 3- FRUS II (16-8-1962): *Năm 1962, Mỹ đã thấy mất Việt Nam* (trang 153)
- 4- FRUS III (16-8-1963): *Ngũ Đình Nhu muốn thay thế ông Diệm làm Tổng thống* (trang 170)

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

- 5- Howard Jones / *Death of A Generation: Ngô Đình Nhu thương thuyết với Hà Nội* (trang 181)
- 6- FRUS IV (6-9-1963): *Điện văn 68 ngày 6-9-1963, Nhu thiết lập danh sách nhân viên Mỹ sẽ bị ám sát* (trang 204)
- 7- FRUS IV (15-9-1963): *Mỹ thấy lính và dân Việt Nam phần nộ* (trang 210)
- 8- FRUS IV (16-9-1963): *Điện văn 118 – Thân phụ và thân mẫu bà Nhu kêu gọi lật đổ nhà Ngô* (trang 219)
- 9- FRUS IV (26-9-1963): *Bộ trưởng Quốc phòng McNamara viết từ Sài Gòn: Diệm Nhu đàn áp toàn dân* (trang 224)
- 10- FRUS IV (7-10-1963): *Vua Lê Ngô Đình Diệm và Chúa Trịnh Ngô Đình Nhu* (trang 232)
- 11- Tòa Bạch Ốc / Cục An Ninh Quốc Gia (11-10-1963): *Mỹ đã thấy mất Việt Nam từ cuối năm 1961* (trang 244)
- 12- Thượng Viện Hoa Kỳ (30-10-1963): *Áp lực giờ chót của Mỹ đòi hủy bỏ cuộc lật đổ nhà Ngô* (trang 261)

PHẦN III – VÀI TÀI LIỆU TỔNG HỢP

- 1- CIA (4/1966): *Thích Trí Quang và Mục tiêu Chính trị của Phật giáo tại Nam Việt Nam* (trang 271)
- 2- CIA (7/1966): *Chính quyền Johnson nhìn lại biến cố 1963* (trang 310)
- 3- The Pentagon Papers (1/1969): *Biến động Phật giáo từ 8-5 đến 21-8 năm 1963* (trang 314)
- 4- Tâm Diệu (10/2013): *Phật giáo và cuộc Chính biến 1-11-1963* (trang 328)

LỜI GIỚI THIỆU

Tập sách “*Hồ Sơ Mật 1963 - Từ các nguồn Tài liệu của Chính phủ Mỹ*” này ra đời có hai mục đích:

Thứ nhất là để giới thiệu với quảng đại độc giả một nguồn tài liệu tham cứu của chính phủ Mỹ, ký tự là FRUS, vốn khá quen thuộc với giới nghiên cứu nhưng lại vẫn còn xa lạ với độc giả Việt Nam bình thường khi muốn tìm hiểu về những biến động lịch sử trong thập niên 1960’ của nước ta.

Thứ nhì là thông qua nguồn tài liệu đó để trình bày một số phát hiện mới, vốn không được đa số giới nghiên cứu người Việt hải ngoại khai thác và phổ biến, thậm chí còn bị một số “nhà bình luận” xuyên tạc và ngộ nhận, về những gì đã thực sự xảy ra tại miền Nam Việt Nam trong năm 1963.

Do đó, từ “*Mật*” trong tiêu đề tập sách là chỉ để cho quảng đại độc giả chưa biết đến, hoặc có biết đến nhưng không chịu sử dụng, nguồn tài liệu này mà thôi. Từ nay, hy vọng rằng mọi độc giả đều có thể tiếp cận trực tiếp nguồn FRUS để bổ túc cho những nhận định của mình được trung thực và chính xác hơn.

Tập sách này gồm 26 tài liệu, trong đó hơn 80%, **21 tài liệu**, là của chính phủ Mỹ. Những văn bản này của chính phủ (Công điện, Bản Ghi nhớ, Điện tín, Phúc trình, ...) gồm 12 tài liệu, hơn 57%, đã là của Bộ Ngoại Giao Mỹ dưới ký tự viết tắt **FRUS**. 9 tài liệu còn lại là của Tòa Bạch Ốc (Cục An Ninh Quốc Gia NSA), Bộ Quốc Phòng (Pentagon Papers), CIA (tại Sài Gòn và tại Langley), và từ Thượng Viện (Select Committee to Study Governmental Operations).

Còn 5 tài liệu *không có* nguồn gốc từ chính phủ Mỹ là

Phúc trình A/5630 của Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc; một đoạn trong *Death of A Generation* của Howard Jones vốn là một tác phẩm cũng sử dụng rất nhiều nguồn tài liệu của chính phủ Mỹ. Ngoài ra, còn có một trích đoạn trong cuốn *Việt Nam Nhân Chứng* của Trung Tướng Trần Văn Đôn, kể lại đêm tổng tấn công chùa 20-8-1963 mà ông vừa là tác nhân vừa là chứng nhân khiến một tài liệu của CIA đã phải đặc biệt nhắc đến; và một bài viết kết luận tổng hợp của tác giả Tâm Diệu về *Phật giáo và cuộc Chính biến 1-11-1963* thông qua các tài liệu của chính phủ Mỹ.

Xin được có vài lời về lý do tại sao chúng tôi lại sử dụng đến hơn 57% tài liệu FRUS của Bộ Ngoại Giao Mỹ cho tập sách này.

FRUS, ký tự viết tắt của cụm từ *Foreign Relations of the United States*, là một tập hợp các tài liệu lịch sử chính thức liên hệ đến các quyết định quan trọng trong chính sách ngoại giao của Mỹ đã được giải mật và biên tập để công bố (*The Foreign Relations of the United States series is the official documentary historical record of major U.S. foreign policy decisions that have been declassified and edited for publication*). Những tài liệu này do Văn phòng Sử gia (Office of the Historian) thuộc Bộ Ngoại giao soạn thảo và chịu trách nhiệm xuất bản, và do Sở Ấn loát Chính phủ (Government Printing Office) in ấn phát hành. Tập hợp tài liệu đồ sộ này bắt đầu từ các biến cố ngoại giao từ thời chính quyền của Tổng thống Abraham Lincoln (1861) cho đến ngày nay.

Riêng tài liệu liên hệ đến Việt Nam dưới nhiệm kỳ Tổng thống Kennedy thì gồm 4 Tập, phủ dài thời gian 3 năm từ 1961 đến 1963. Hai tập cuối cùng, Tập III và Tập IV, được phát hành vào năm 1991 và được phổ biến *Online* trong không gian Internet vào đầu thiên niên 2000.

Độc giả người Việt ở hải ngoại, ngay cả ở Mỹ, cũng ít nghe nói đến kho tài liệu đồ sộ và quý giá đã được giải mật khá đầy đủ và dễ dàng truy cập *Online* này. Chỉ một số nhà nghiên cứu nghiêm túc là biết từ rất sớm về FRUS và đã khai thác rất

hiệu quả để tái khẳng định và/hoặc hiệu đính lại một số biến cố / luận điểm mà trong quá khứ đã không hoặc chưa được biểu đạt rõ ràng.

Xin đan cử trường hợp về hai bài viết có liên quan đến chế độ Ngô Đình Diệm chỉ vài năm sau khi FRUS được lên Online: Cách đây hơn 10 năm, trong bài viết “*Toàn Trị và Ngoại Thuộc*” vào tháng 5 năm 2003, giáo sư Cao Huy Thuần ở Pháp đã sử dụng **50 nguồn trích dẫn từ FRUS** trong tổng số 53 cước chú của ông.¹ Còn trong tiểu luận công phu “*Phiên Cọng’ trong Dinh Gia Long*”, hoàn thành vào tháng 8 cũng năm 2003, tiến sĩ Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu ở Mỹ đã sử dụng **49 tham chiếu từ FRUS** trong tổng số 149 cước chú của ông.²

Sở dĩ FRUS đạt được độ tin cậy khá cao, do đó mức sử dụng khá nhiều, trong các công trình nghiên cứu là vì ba lý do:

- (i) Nói chung, FRUS là những tài liệu mật hoặc tuyệt mật (TOP SECRET) được trao đổi giới hạn giữa một số ít giới chức hành pháp rất cao cấp của Mỹ. Nội dung của những tài liệu này thường được làm cơ sở hoặc công cụ để thiết lập chính sách hoặc kế hoạch hành động cấp quốc gia, nên độ trung thực và tính chính xác của tài liệu, dù có lợi hay có hại cho chính quyền Mỹ, đều luôn luôn được người soạn thảo tài liệu cố gắng giữ ở mức tối đa;
- (ii) Cơ chế vận hành *Check and Balance* (Kiểm soát và Quân bình) của chính phủ Mỹ [và sau này với việc ban hành *Freedom of Information Act* năm 1966 (Đạo luật về Quyền tự do tiếp cận Thông tin)] cho phép hai ngành Lập pháp và Tư pháp cũng như bất kỳ người dân nào, sớm hay muộn, cũng truy cứu được thông tin của chính phủ. Thậm chí nếu cần, có thể xin tòa án can thiệp (subpoena) để được tiếp cận tài liệu. Vì biết rõ và vì làm việc trong khung nguyên tắc đó từ lâu nên trong quá trình hình thành các tài liệu, giới chức chọn lựa và soạn thảo FRUS đã phải cố gắng tránh những

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

sai lầm, sơ hở, tối nghĩa, lạc dẫn, suy đoán, thậm chí dối trá, ... ở mức tối đa;

- (iii) Tinh thần và đạo đức học thuật của giới nghiên cứu Mỹ là khá cao, lãnh vực nghiên cứu là khá đa dạng, và tranh chấp học thuật thì gay gắt trên trường quốc tế. Do đó, những học giả luôn đòi hỏi các nguồn cung cấp tài liệu, dù trong hay ngoài chính phủ, dù lãnh vực an ninh quốc gia hay bất kỳ lãnh vực nào, cũng phải duy trì một mức độ chuyên nghiệp trong các tài liệu để họ có thể tin tưởng sử dụng. Trong lãnh vực bang giao quốc tế có liên hệ đến Mỹ, FRUS là công cụ làm việc của giới nghiên cứu nên cũng phải chuyên nghiệp ở mức tối đa.

Đó ít nhất là những lý do vì sao FRUS có độ khả tín khá cao. Do đó, một cách cụ thể, công trình nghiên cứu nghiêm túc nào về quan hệ Việt-Mỹ trong thập niên 1960' mà không tham chiếu FRUS thì cũng là điều thiếu sót. Nhưng dĩ nhiên chúng ta cũng không ngây thơ đến độ tin tưởng hoàn toàn bất kỳ thông tin nào của FRUS mà không đối chiếu với các nguồn thông tin khác và/hoặc đặt chúng trước quy trình phân tích chặt chẽ và chọn lọc khắt khe. Dù sao thì FRUS cũng đáng tin cậy và cần tham cứu để sử dụng, nhất là khi so sánh với những “nguồn tài liệu” khác rất đáng nghi ngờ, nhưng lại thường được đa số những “bình luận gia” người Việt cả trong lẫn ngoài nước, nhất là ở hải ngoại, sử dụng để “đầu độc chính trị” nhau nhiều hơn là để trình bày sự thật.

Một cách cụ thể, chúng tôi xin cung cấp hai đường link sau đây để độc giả có thể truy cập tất cả tài liệu FRUS liên quan đến quan hệ Việt-Mỹ trong năm 1963:

1- FRUS 1961-1963, Volume III: Vietnam January - August 1963:
http://www.historymatters.com/archive/contents/vietnam/content_s_vietnam_frus_61-63_3.htm

2- FRUS 1961-1963, Volume IV: Vietnam August -

December 1963:

http://www.historymatters.com/archive/contents/vietnam/contents_vietnam_frus_61-63_4.htm

Năm 1963 là năm có đầy đủ triệu chứng của một chế độ toàn trị đang ở hồi cuối cùng của quy trình hủy diệt. Đại sứ Trần Văn Chương, thân phụ của bà Nhu, là người đầu tiên dùng cụm từ “*toàn trị*” để xác định đặc tính chính trị của chế độ Diệm³.

Để hiểu rõ hơn về biến cố 1963, ta cần nắm bắt được ba giai đoạn phân chia cuộc đời chính trị của ông Ngô Đình Diệm:

■ Trước 1954, ông là một chính khách trôi nổi trong cuộc chiến Pháp-Việt, bị kẹt giữa chính sách của Hội Truyền giáo Hải ngoại (MEP) và truyền thống phục vụ nền đô hộ Pháp của gia đình nên ông đã không xả thân chống Pháp quyết liệt như các nhà cách mạng đương thời. Khi thì làm quan Nam Triều nên Việt Minh ghét ông, khi thì theo Nhật nên Tây muốn bắt ông, khi thì ẩn mình trong tu viện, khi thì “*bao năm từng lê gót nơi quê người*”, không uy tín, không lực lượng ngoại trừ một nhóm tín đồ Thiên Chúa giáo bản địa ủng hộ. Quốc tế không biết đến ông, vốn không có gốc rễ trong quần chúng nên không có một hoạt động nào có tác động đáng kể vào cuộc vận động giải thực gian khổ của toàn dân.

Đây là giai đoạn ông Diệm có thể có *Tâm* nhưng chắc chắn *không có Tài*, ai theo ông cũng được, không theo ông cũng chẳng sao. Ông chỉ là một “chính khách xa lông” như ta thường gọi.

■ Giai đoạn thứ nhì là từ 1954 đến 1959: Đó là lúc Mỹ thay Pháp tham dự vào thế cờ Đông Dương để xây dựng một tiền đồn chống lại chiến lược bành trướng của Cộng sản Quốc tế tại châu Á. Ông may mắn có hai yếu tố mà các chính khách Việt Nam đương thời không có: Mỹ và Vatican. Ông cũng may mắn có ông anh Giám Mục quen biết với lãnh tụ số một của

Công giáo Mỹ trong thời kỳ đó. Cho nên ông được cường quốc Mỹ hỗ trợ thay thế Bảo Đại của Pháp. Ba “bà mẹ” chăm sóc để hóa thân ông thành “phép lạ” của Mỹ là Hồng y Francis Spellman, Thượng Nghị sĩ Mike Mansfield, và Ngoại trưởng John Foster Dulles.⁴ Với hai thế lực quốc tế và bảo chứng của vị vua triều Nguyễn, ông về nước, “phất cờ” và được hầu như toàn dân miền Nam ủng hộ để xây dựng miền Nam mà chống Cộng. Quân viện và kinh viện, nhân sự và văn hóa của Mỹ ào ạt đổ vào miền Nam, giúp ông vượt qua mọi trở ngại để thành lập nên Cộng hòa. Lãnh đạo miền Bắc vừa phải chờ gần hai năm để Tổng Tuyển cử, lại vừa bận lo chữa vết thương chiến tranh sau 9 năm đánh Pháp, nên miền Nam được tạm ổn, thanh bình và trù phú. Ông làm Tổng thống của một nền Cộng hòa non trẻ, là một lãnh tụ không giỏi nhưng gặp thời và được hai thế lực đỡ đầu hết lòng yểm trợ, nên thực hiện được nhiều thành tích tại miền Nam.

Trong giai đoạn 5 năm này, ông Diệm là người có thể *vừa có Tâm vừa có Tài*, nhưng quan trọng hơn cả là ông *được thời thế*, ai là người muốn xây dựng miền Nam để chống Cộng thì phải ủng hộ ông. Ông là một ông quan phụ mẫu chi dân tuyệt vời trong một chế độ dân chủ khập khiễng.

■ Giai đoạn cuối là từ năm 1960 với những bước ngoặt oan trái, hệ quả của nền cai trị độc tài của ông mấy năm trước và của bản chất phong kiến gia đình trị, tổng hợp chất Thiên Chúa giáo Trung cổ và quan lại Tống Nho của văn hóa gia tộc ông. Năm 1960, chánh sách nội trị của ông phạm nhiều sai lầm nên bị chính quân dân miền Nam chống đối. Từ đầu năm, nhóm trí thức Bắc di cư trong báo *Tự Do* công khai tố cáo hành động đục khoét miền Nam của gia đình họ Ngô với bức tranh 5 con chuột trên bìa báo Xuân Canh Tý. Tiếp theo là thảm bại của Sư đoàn 13 tại Trảng Sập (Tây Ninh) vào ngày 26/1 dù lực lượng chính phủ đông và mạnh hơn. Đến tháng 4, nhóm 17 nhân sĩ trí thức và một linh mục (trong đó có 11 người đã từng là chiến hữu hoặc cộng tác viên cũ của ông Diệm) thuộc nhóm *Tự Do Tiến Bộ* ra Tuyên ngôn (tại khách sạn Caravelle) tố cáo tình trạng độc tài, tham nhũng, kém hữu hiệu và đòi ông thay đổi

nhân sự cũng như chính sách. Tháng 11, các sĩ quan chỉ huy binh chủng Nhảy Dù cùng nhiều nhân vật đảng phái quốc gia tập họp trong *Liên Minh Dân Chủ* và *Mặt trận Quốc gia Đoàn kết* đã phát động cuộc binh biến, đánh thẳng vào dinh Độc Lập, đòi ông Diệm cải tổ toàn diện cơ cấu lãnh đạo quốc gia để xây dựng lại chính nghĩa và nâng cao hiệu năng chiến đấu của quân dân miền Nam. Tháng 12, Hà Nội cho ra đời và công khai hóa *Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam*, làm điếm tỵ lực để thu hút quần chúng bất mãn hầu tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang, thách thức tính chính thống của Việt Nam Cộng Hòa trên cả hai mặt quốc tế và quốc nội. Nhưng 5 biến cố đó cũng không tác hại sâu sắc bằng tình trạng kể từ năm 1960, hai ông bà Ngô Đình Nhu bắt đầu khuynh loát rồi cuối cùng không chế trung tâm quyền lực quốc gia ở Dinh Gia Long, từ từ đẩy ông Diệm vào vai trò thứ yếu trong công việc quản trị miền Nam. Ông làm Tổng thống như một vua Lê bù nhìn bên (ông bà) chúa Trịnh lộng quyền.

Đây là giai đoạn chót, ông Diệm *mất đi cả cái Tâm lẫn cái Tài*, nhưng vẫn cùng gia đình cao ngạo bám vào ghế lãnh đạo quốc gia nên hại nước hại dân, vì vậy ai là người có trí và có lòng thì cũng phải chống ông. Từ người hùng của thời thế, ông Diệm trở thành tội nhân của lịch sử. Đó có phải là nhiệm ý Thiên Chúa chăng?

Vì cái năm bản lề 1960 nhiều biến động đó mà những năm sau, miền Nam bắt đầu suy thoái, chịu đựng hết cuộc khủng hoảng này đến cuộc khủng hoảng khác:

Thật vậy, năm 1961, trong lúc nền kinh tế quốc gia vẫn còn phụ thuộc nặng nề vào viện Mỹ⁵ thì tình hình an ninh hầu như bị suy sụp một cách đáng quan ngại, nhất là ở nông thôn, nơi Việt Cộng kiểm soát 80%⁶ đến nỗi ngày 10-10-1961, ông Diệm phải ban bố “*tình trạng khẩn cấp trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa.*”⁷ Và hai tháng sau, ngày 7-12-1961, ông Diệm đã gửi thư cho Tổng thống Kennedy xin tăng thêm viện trợ vì “*Việt Nam Cộng Hòa đang phải đối đầu với một thảm họa lớn nhất trong lịch sử*”⁸.

Qua năm 1962, sáng ngày 27 tháng 2, hơn một năm sau “Đào chánh Nhảy dù”, hai sĩ quan của một binh chủng khác của quân đội lại hành động: Trung úy Phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn văn Cử đã bay 2 chiếc Skyrider A-1 ném bom Napalm và bắn rocket vào dinh Độc Lập với mục đích tiêu diệt toàn bộ lãnh đạo đầu não của Đệ Nhất Cộng hòa. Trong khi đó thì ngoài chiến trường, các đơn vị vũ trang của Việt Cộng bắt đầu thách thức quân lực VNCH trên cả 4 Quân khu, đánh chiếm nhiều đồn bót, pháo kích vào các quận huyện ven thủ đô Sài Gòn. Đặc công của họ còn dám đặt chất nổ tại các thành thị và bắt cóc các viên chức của chế độ.⁹ Tình trạng an ninh khẩn trương đến nỗi ngày 31-3-1962, ông Diệm đã phải gửi thông điệp cho 92 quốc gia trên thế giới yêu cầu ủng hộ VNCH chống cuộc xâm lăng của Cộng sản¹⁰. Như vậy, “*Sau sáu năm trời làm một thứ Quốc trưởng không ai lay chuyển nổi, Diệm vẫn bất an. Sự ủng hộ của nhân dân phai nhạt, quân đội không thể chiến đấu theo lối chiến tranh cách mạng của Việt Cộng, còn kinh tế quốc gia hầu hết hoàn toàn phụ thuộc vào viện trợ Mỹ*”¹¹.

Và, cuối cùng, năm 1963 định mệnh cũng đến! Trong năm đó, những biến cố dồn dập khuấy động một miền Nam hừng hực lửa. Những biến cố này là do hệ quả tích lũy từ các nguyên nhân các năm trước hoặc được khởi động đột biến ngay trong chính năm 1963: Từ thảm bại Ấp Bắc đến Phúc trình Mansfield (đặt câu hỏi căn bản rằng “*Chúng ta có thể thắng Cộng sản với Diệm không?*”); từ cuộc đấu tranh rồi bị đàn áp của Phật giáo đến hành động quyên sinh của văn hào Nhất Linh; từ rạn nứt quan hệ với Mỹ đến những tiếp xúc thỏa hiệp với Hà Nội; từ gần 10 âm mưu đảo chánh của các sĩ quan trung cấp ngay đầu năm 1963 đến chính ông Nhu cũng dự định đảo chánh ông Diệm trong kế hoạch *Bravo I* để thay ông Diệm... Tất cả như những ngọn sóng, trùng trùng điệp điệp đan bện vào nhau đổ ụp xuống chế độ ông Diệm vào ngày 1-11-1963. Và vào sinh mạng hai anh em ông ngày 2-11-1963.

Phật giáo hay không Phật giáo, Quân đội hay không Quân đội, Mỹ hay không Mỹ, cuối cùng thì nhân nào quả nấy. Và lịch sử sang trang. Phải sang trang...

Nhiều tài liệu đã đề cập đến những ngày xao động của năm 1963. Trong tập sách này, thông qua các nguồn tài liệu Mỹ mà chủ yếu là từ FRUS, chúng tôi chỉ muốn cung cấp thêm một số dữ kiện do người Mỹ phát hiện nhưng không được đồng đảo người Việt Nam biết đến. Sau đây là vài ví dụ:

- Trong vụ nổ súng tại Đài Phát thanh Huế ngày 8-5-1963, lúc đầu, binh sĩ chính quy được lệnh đàn áp đám đông Phật tử **nhưng họ từ chối**. Do đó, cuối cùng, chính địa phương quân của Thiếu tá Đặng Sỹ đã nổ súng và ném lựu đạn. (FRUS 1961-1963, Vol. III, Doc. 116).

- Ngày 3/6/1963 tại Huế, sinh viên và đồng bào tại Huế biểu tình và đã bị quân đội **phun hóa chất** để giải tán (FRUS 1961-1963, Vol. III, Doc. 146 và 147).

- Tướng **Lê Văn Kim là tướng lãnh đầu tiên** đề cập với người Mỹ, ông Rufus Phillips của USOM, về ý định của quân đội sẽ loại bỏ ông Nhu nếu Mỹ có cùng một thái độ cứng rắn như thế. Bộ trưởng Quốc phòng **Nguyễn Đình Thuần** và Chánh Văn phòng Phủ Tổng thống **Võ Văn Hải** cũng muốn Mỹ tỏ thái độ muốn loại bỏ ông Nhu. (Pentagon Papers trích dẫn FRUS 1961-1963, Vol III, Doc. 274).

- Tướng Trần Văn Đôn cho người Mỹ biết giữa ông Diệm và bà Nhu không có quan hệ xác thịt nhưng **ông Diệm xem bà Nhu như một người vợ lý tưởng thuần khiết (platonic wife)** như Hitler đối với Eva Braun, và ông Diệm đã từng thăng chức cho một người làm vườn tại Đà Lạt **từ Trung sĩ lên Trung tá chỉ vì người này trắng trẻ đẹp trai** (FRUS 1961-1963, Vol I I I, Doc. 275).

- Việc ông Nhu lừa dối các tướng lãnh khi cho Lục Lượng Đặc Biệt giả danh quân đội tấn công các chùa tại Sài Gòn đêm 20/8/1963 khiến cả Mỹ lẫn dân chúng Việt Nam **lên án quân đội, đã là một bước ngoặt mạnh mẽ**

khiến Quân đội dứt khoát muốn loại bỏ ông Nhu hơn. (FRUS 1961-1963, Vol III, Doc. 274).

- Từ năm 1962, sau cuộc đảo chánh của Nhảy Dù và vụ oanh kích của 2 Phi công, và trước khi xảy ra vụ Phật giáo, **Mỹ đã đánh giá là miền Nam sẽ bị nhuộm đỏ** vì gia đình họ Ngô đa nghi, kém hiệu quả và mất lòng dân (FRUS 1961-1963, Vol II, 1962, Doc. 268).

- Sau cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, ngày 25/6, ông Nhu đã nói thẳng với người Mỹ rằng ông **chống đối ông Diệm, và chính phủ hiện tại phải bị loại bỏ**. Ông Nhu trình bày điều này trong một **tình trạng xúc động cao độ** (FRUS 1961-1963, Vol III, Doc. 256).

- Một **đội cảnh sát đặc biệt của bà Nhu** được thành lập và do người em của bà là Trần Văn Khiêm chỉ huy. Ông Khiêm đã cho một ký giả người Úc xem một danh sách các **viên chức Mỹ tại Sài Gòn mà ông đang lên kế hoạch ám sát** (FRUS 1961-1963, Vol IV, Doc. 68).

- Nhiều quan chức Việt Nam cho biết **quyền lực thực sự nằm trong tay ông Nhu**, ông Diệm chỉ là “búp bê” của ông Nhu. Cả hai ông Nguyễn Đình Thuần và Võ Văn Hải đều xác nhận ông **Nhu hút thuốc phiện từ hai năm rồi**. Trạng thái **tâm thần hoảng loạn của ông Nhu** hiện rõ khi ông tuyên bố chỉ có ông mới cứu được Việt Nam. (FRUS 1961-1963, Vol IV, Doc.110).

- Bà Trần Văn Chương, thân mẫu của bà Nhu, gọi bà Nhu là “đồ quỷ” (*monster*), ông Nhu là “hung nô” (*barbare*), ông Diệm là “kẻ bất tài” (*incompetent*). Còn ông Trần Văn Chương, Đại sứ VNCH tại Mỹ, thì bàn thảo với các nhà hoạt động để **thành lập một chính phủ lưu vong để lật đổ nhà Ngô** (FRUS 1961-1963, Vol IV, Doc.118).

- Khoản tiền 42,000 Mỹ Kim đã do CIA trao trước đó để dùng **mua thực phẩm** cho chiến binh VNCH và dùng làm **tiền tử tuất** cho gia đình tử sĩ trong cuộc binh biến 1-11-1963. Tướng Dương Văn Minh hai lần điện

thoại tới ông Diệm, **đề nghị hai anh em Diệm-Nhu đầu hàng sẽ được an toàn xuất ngoại**. Ông Diệm hai lần từ chối. (Phúc Trinh Thượng Viện Hoa Kỳ Số 94-465).

- Vân vân...

Đó chỉ là vài ví dụ. Xin bạn đọc từ từ đọc hết 26 tài liệu...

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Chính biến 1-11-1963, chúng tôi hy vọng tập sách này sẽ là một nhắc nhở đến những độc giả muốn tìm hiểu lịch sử Việt Nam thời cận đại một điều ai cũng đã biết, rằng trong tình trạng nhiễu loạn thông tin và nhiễu loạn thế sự hiện nay, hiểu được và đánh giá đúng một sự kiện thì thật là khó khăn.

Trân trọng,

Nhà Xuất bản **Thien Tri Thuc Publications**
P.O. Box 4805
Garden Grove, CA.92842-4805 – USA

CƯỚC CHÚ:

- (1) Bài được đăng trên *Diễn Đàn Forum* số 129, xuất bản tại Paris vào tháng 5 năm 2003 và được *Thư Viện Hoa Sen* đăng lại: http://thuvienhoasen.org/D_1-2_2-135_4-17521_5-50_6-1_17-55_14-1_15-1/
- (2) Bài được đăng trên Tạp chí *Hợp Lưu* tại California vào tháng 8 năm 2003 và được *Việt-Studies* đăng lại: http://www.viet-studies.info/kinhte/PhienCongDinhGiaLong_HopLuu.pdf
- (3) FRUS 1961-1963, Tập III, Memo của Forrestal gửi Harriman ngày 8-3-1963.
- (4) Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political History*. New York: Frederick A. Praeger, 1968.
- (5) Bernard C. Nalty, *Rival Ideologies in Divided Nations (Vietnam War)*, tr. 62; và Frances Fitzgerald, *Fire in the Lake*, tr. 101-104.
- (6) Robert Scigliano, *Vietnam, A Country At War*.
- (7) Sắc lệnh số 209-TTP của Tổng Thống Phủ - Đoàn Thêm, *Những ngày Chưa quên*” Đại Nam, 1967 – Nam Chi Tùng Thư tái bản.
- (8) Marvin E. Gettleman, *Vietnam History, Documents and Opinions* và Đoàn Thêm, *Những ngày Chưa quên*” Đại Nam, 1967 – Nam Chi Tùng Thư tái bản.
- (9) Stanley Karnow, *Vietnam, A History*, New York: King Presss, 1983.
- (10) Đoàn Thêm, *Những ngày Chưa quên*” Đại Nam, 1967 – Nam Chi Tùng Thư tái bản.
- (11) Bernard C. Nalty, *Rival Ideologies in Divided Nations (Vietnam War)*, tr. 62.

PHẦN I

CUỘC VẬN ĐỘNG BÌNH ĐẲNG TÔN GIÁO
NĂM 1963 CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**CÁC ĐIỆN VĂN TRAO ĐỔI
GIỮA TÒA TỔNG LÃNH SỰ HUẾ,
TÒA ĐẠI SỨ MỸ TẠI SÀI GÒN VÀ
BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ TẠI
WASHINGTON
VỀ BIẾN CỐ ĐÊM LỄ PHẬT ĐẢN
8-5-1963 TẠI ĐÀI PHÁT THANH HUẾ**

Lời Ban Biên Tập: Ba biến cố cao điểm của phong trào tranh đấu Phật Giáo năm 1963—cái chết của 8 Phật tử đêm **8/5/1963** tại đài phát thanh Huế, cuộc tự thiêu của HT. Quảng Đức ngày **11/6/1963** tại Sài Gòn và chiến dịch “nước lũ” tổng tấn công chùa chiền toàn quốc đêm 20 rạng ngày **21/ 8/1963**. Ba biến cố lịch sử quan trọng này dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng kéo dài nửa năm và kết thúc bằng cuộc đảo chánh lật đổ chính quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Dưới đây là các điện văn trao đổi giữa Tòa Lãnh Sự Mỹ ở Huế, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, và Bộ Ngoại Giao Mỹ ở thủ đô Washington trong đêm xảy ra biến cố 8/5/1963 tại đài phát thanh Huế. Điểm quan trọng trong biến cố này là ai đã bắn súng và ném lựu đạn vào đám đông trước đài phát thanh đêm 8/5/1963. Theo điện văn báo cáo về Washington, địa phương quân dưới quyền Thiếu tá Phó Tỉnh Trưởng Đặng Sỹ đã nổ súng và ném lựu đạn (điện văn số 116). Tuy nhiên, trong một điện văn khác ông Đại sứ Nolting, sau khi hội kiến với TT Ngô Đình Diệm cho biết ông Diệm tin rằng Việt Cộng hoặc thành phần bất đồng chính kiến đã ném lựu đạn vào đám đông. (điện văn số 131)

**Foreign Relations of the United States, 1961–1963
Volume III, Vietnam, January–August 1963,
Document 112...**

**112. Telegram From the Consulate at Hue to the
Department of State¹**

Hue, May 9, 1963, 3 p.m.

4. Buddha Birthday Celebration Hue May 8 erupted into large-scale demonstration at Hue Radio Station between 2000 hours local and 2330 hours. At 2245 hours estimated 3,000 crowd assembled and guarded by 8 armored cars, one Company CG, one Company minus ARVN, police armored cars and some carbines fired into air to disperse mob which apparently not unruly but perhaps deemed menacing by authorities. Grenade explosion on radio station porch killed four children, one woman. Other incidents, possibly some resulting from panic, claimed two more children plus one person age unknown killed. Total casualties for evening 8 killed, 4 wounded.²

Background this incident started May 7 when police attempted enforce law that no flags other than Viet-Nameese to be flown.³ Police apparently encountered popular resistance to enforcement of law as thousands Buddhist flags publicly displayed. At police request evening May 7 Province Chief Dang reportedly rescinded order. Morning May 8 demonstration at large Tu Dam Pagoda resulted in speech by Chief Bonze in presence Buddhist Dang criticizing GVN suppression freedom religion, favoritism of Catholics. Parade banners during day anti-GVN orientated. Translations of same will be forwarded when available.

Evening May 8 crowd gathered at radio station where Head Bonze scheduled broadcast speech. Permission refused at last minute by GVN. Bonzes on scene urged people remain peaceful. GVN fire hoses and exhortations of Province Chief unsuccessful in dispersing crowd. Troops arrived and ordered dispersal.

Bonzes said stand still, do not fight, GVN claims some threw rocks at radio station, although indications are this not true. Firing then broke out.

1100 hours May 9, Province Chief addressed estimated 800 youth, demonstrators, explained crowd actions spurred by oppositionist agitators had necessitated troop action to maintain order. Head Bonze requested crowd disperse peacefully and turn in flags. Some of crowd heard chanting “down with Catholicism”.

At moment Hue quiet. Population controls and unusual troop deployment not observed. However, situation very fluid and reports of Buddhist demonstration to occur afternoon May 9 flowing in. Buddhists very upset. American community on Emergency Phase II Alert but no threat to Americans apparent at present.

Helble

¹ Source: Department of State, Central Files, POL 25 S VIET. Secret; Operational Immediate. Received at 8:33 a.m.

² At 7 p.m. the Embassy in Saigon sent a second report of the incident to Washington, listing seven dead and seven injured. The Embassy noted that Vietnamese Government troops may have fired into the crowd, but most of the casualties resulted, the Embassy reported, from a bomb, a concussion grenade, or “from general melee”. The Embassy observed that although there had been no indication of Viet Cong activity in connection with the incident, the Viet Cong could be expected to exploit future demonstrations. (Telegram 1005 from Saigon, May 9; *ibid.*, SOC 14-1 S VIET) Subsequent accounts of the May 8 incident in Hue have generally listed the casualties as nine killed and fourteen wounded. (United States-Vietnam Relations, 1945-1967, Book 3, p. 5; Hilsman, *To Move a Nation*, p. 468; Mecklin, *Mission in Torment*, p. 153) In a detailed assessment of the Buddhist demonstrations in Hue May 8-10, Consul Helble reported that seven people died on the evening of May 8, and one of those injured subsequently died.

He noted that approximately 15 additional demonstrators were injured, but added that exact figures were difficult to determine. Two of those killed, both children, died from being crushed by armored vehicles. (Airgram A-20 from Hue, June 3; Department of State, Central Files, SOC 14-1 S VIET)

³The law limiting the use of religious flags was established by Decree 189/BNV/ NA/P 5, which became effective on May 12, 1958. According to the law, religious sect flags could be flown only on religious holidays at places of worship or private homes with the permission of the local authorities. In airgram A-20, cited in footnote 2 above, Helble noted that the law was “never observed” until the attempt to enforce it, apparently on orders from President Diem, at Hue on the most important Buddhist holiday of the year. (The text of the regulations outlined in Decree 189 is contained in a communique issued by the Mayor of Danang on April 8, 1963, which was transmitted to Washington as enclosure 6 to airgram A-20)

Source:

www.history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/d112

112 Điện Văn Từ Tòa Lãnh Sự tại Huế gửi về Bộ Ngoại Giao Mỹ (1)

Huế, ngày 9 tháng 5-1962 – lúc 3 giờ chiều

4. Đại Lễ Phật Đản tại Huế ngày 8 tháng 5 đã trở thành một cuộc biểu tình lớn ở Đài Phát Thanh Huế từ 20:00 giờ tới 23:30 giờ địa phương. Vào lúc 22:45 giờ, khoảng 3,000 người tụ tập và bị canh gác bởi 8 xe thiết giáp, một đại đội CG (*ND: CG không rõ là gì, chữ G có thể là Guard, là lính gác cơ hữu?*), một đại đội không đầy đủ của quân đội Nam VN, xe bọc sắt của cảnh sát, và một số súng carbines bắn chỉ thiên để giải tán đám đông trong không khó kiểm soát nhưng có vẻ đe dọa dưới mắt nhà cầm quyền. Lựu đạn nổ ở thềm đài phát thanh làm chết 4 trẻ em, một phụ nữ. Các chuyện khác xảy ra, có lẽ vì hốt hoảng,

làm chết thêm 2 trẻ em và một người không rõ tuổi. Tổng cộng thương vong đêm này là 8 chết và 4 bị thương. (2)

Dẫn tới vụ này là bắt đầu từ ngày 7 tháng 5-1963, khi cảnh sát tìm cách thi hành luật cấm treo cờ nào khác, trừ quốc kỳ. (3)

Cảnh sát khi thi hành luật phải đối diện với sự đối kháng rộng rãi khi hàng ngàn lá cờ Phật Giáo đã treo lên. Theo yêu cầu của cảnh sát, đêm 7 tháng 5-1963 Tỉnh Trưởng Dang (ND: điện văn viết tắt là Dang, trong khi Tỉnh Trưởng lúc đó là Nguyễn Văn Đăng, và Phó Tỉnh Trưởng Nội An là Thiệu Tá Đặng Sỹ -- chữ Dang có thể dễ gây nhầm lẫn) rút lại lệnh cấm.

Sáng ngày 8 tháng 5-1963, một cuộc biểu tình ở Chùa Từ Đàm có bài diễn văn của Viện Chủ ngôi chùa, lúc đó có mặt Phật Tử Dang (ND: có lẽ muốn nói Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đăng là Phật Tử), chỉ trích việc chính phủ VNCH đàn áp tự do tôn giáo trong khi ưu đãi Thiên Chúa giáo. Các biểu ngữ tuần hành có ngôn ngữ chống chính phủ VNCH. Bản dịch các biểu ngữ sẽ chuyển tới [Washington] khi có thể.

Đêm 8-5-1963, đám đông tập họp ở đài phát thanh, nơi vị sư trưởng theo lịch trình phổ biến trên đài bài diễn văn. Giờ chót, chính quyền từ chối [phát bài diễn văn]. Các vị sư tại chỗ kêu gọi dân chúng bình tĩnh.

Vòi rồng và lệnh thúc giục giải tán của Tỉnh Trưởng không giải tán được đám đông. Lính tới và ra lệnh giải tán.

Các vị sư kêu gọi đứng yên, đừng chống đối. Phía chính quyền nói là có vài người ném đá vào đài phát thanh, mặc dù có dấu hiệu cho thấy nói thế không đúng. Rồi có tiếng súng nổ.

Lúc 11:00 giờ trưa ngày 9-5-19963, Tỉnh Trưởng nói chuyện trước khoảng 800 người biểu tình trẻ, giải thích với đám đông rằng những kẻ kích động cơ hội đã làm cho lính phải tới giữ trật tự. Vị Sư Trưởng kêu gọi đám đông giải tán êm thấm và nộp các lá cờ. Một vài người trong đám đông hô khẩu hiệu “Đả đảo Thiên Chúa Giáo.”

Lúc đó, Huế lặng yên. Không thấy có việc động binh khác thường và kiểm soát quân chúng. Tuy nhiên, tình hình rất dao động và có tin cuộc biểu tình của Phật Tử sẽ xảy ra vào chiều

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

ngày 9-5. Phật Tử rất phẫn nộ. Cộng đồng người Mỹ nhận Lệnh Khẩn Cấp Bậc 2, nhưng không thấy đe dọa nào cho người Mỹ lúc này.

Ký tên: **Helble** (Tổng Lãnh Sự ở Huế)

NOTE

1) Nguồn: Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Hồ sơ trung ương, PLO 25 S VIET. Mật. Xem xét tức khắc. Nhận lúc 8:33 giờ sáng.

2) Lúc 7 giờ tối, Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn gửi bản phúc trình thứ nhì vụ này về Washington, nói 7 chết và 7 bị thương. Tòa Đại Sứ ghi nhận rằng lính VNCH có thể đã bắn vào đám đông, nhưng hầu hết thương vong, theo Tòa Đại Sứ báo cáo, là từ một quả bom, một loại lựu đạn sát thương, “từ đám đông quần chúng.” Tòa Đại Sứ thấy rằng mặc dù không có dấu hiệu Việt Cộng liên hệ tới vụ này, VC có thể dự kiến sẽ khai thác các cuộc biểu tình tương lai. (Điện tín 1005 từ Sài Gòn, ngày 9-5-1963; nguồn như trên, SOC 14-1 S VIET). Thiệt hại trong ngày 8-5-1963 tại Huế thường được ghi là 9 chết và 14 bị thương. (*United States-Vietnam Relations, 1945-1967*, Sách 3, trang 5; Hilsman, *To Move a Nation*, tr. 468; Mecklin, *Mission in Torment*, tr. 153). Trong một lượng định chi tiết về biểu tình của Phật Tử tại Huế các ngày 8-10 tháng 5 -1963, Lãnh Sự Helbe báo cáo rằng 7 người chết trong đêm 8-5, và một trong số bị thương sau đó đã chết. Ông ghi nhận rằng có thêm khoảng 15 người biểu tình bị thương, nhưng thêm rằng con số chính xác khó biết. Có 2 trong số bị giết, đều là trẻ em, chết vì bị xe thiết giáp cán chết. (Điện văn A-20 từ Huế, ngày 3 tháng 6-1963; Bộ Ngoại Giao, Central Files, SOC 14-1 S VIET)

NOTE:

3) Luật hạn chế treo cờ tôn giáo đưa ra theo Nghị Định 189/BNV/NA/P5, hiệu lực từ ngày 12 tháng 5-1958. Theo luật, cờ tôn giáo có thể treo riêng ở lễ hội tôn giáo ở nơi thờ phượng hay nhà riêng với sự cho phép của chính quyền địa phương. Trong điện văn A-20, dẫn ở chú thích 2 nêu trên, Helbe ghi nhận rằng luật này “chưa bao giờ được tôn trọng” cho tới khi

có nỗ lực thi hành tại Huế, hiển nhiên là do lệnh từ Tổng Thống Diệm, vào ngày lễ Phật Giáo quan trọng nhất trong năm. (Bản văn quy định trong Nghị Định 189 nằm trong bản văn ban hành bởi Thị Trưởng Đà Nẵng ngày 8 tháng 4-1963, đã được chuyển về Washington trong phụ lục 6 của điện văn A-20.)

Nguồn: <http://thientrithucvn.blogspot.com/2013/01/no-o-hue-ngay-9thang-5-1963-nguon.html>

115. Telegram From the Department of State to the Embassy in Vietnam¹

Washington, May 9, 1963, 3:24 p.m.

1066. Hue 4 to Dept.² At your discretion suggest you urge GVN take no repressive measures against Buddhists, offer sympathy and funeral expenses to families of demonstration victims, make any other appropriate gestures toward restoration of order and amity between religious groups.

Rusk

¹ Source: Department of State, Central Files, SOC 14-1 S VIET. Secret; Operational Immediate. Drafted by Heavner and cleared by Rice. Repeated to CINCPAC for POLAD.

² Document 112.

115. Điện Văn Từ Bộ Ngoại Giao Mỹ Gửi Tối Tòa Đại Sứ Mỹ ở VN (1)

Từ Washington, ngày 9 tháng 5-1963 - lúc 3:24 giờ chiều

1066. Hue 4 to Dept. (2). Khuyến cáo Tòa Đại Sứ hãy khéo léo thúc giục chính phủ Nam VN đừng ra biện pháp đàn áp Phật Tử, hãy bày tỏ thương cảm và giúp chi phí tang lễ cho các gia đình nạn nhân cuộc biểu tình, hãy làm bất cứ cử chỉ thích nghi nào để tái lập trật tự và quan hệ thân hữu giữa các nhóm tôn giáo.

Ký tên: **Rusk** (Ngoại Trưởng Hoa Kỳ)

NOTE:

1) Nguồn: Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Hồ Sơ Trung Ương,

SOC 14-1 S VIET. Mật; Tức khắc giải quyết. Soạn thảo bởi Heavner và thông qua bởi Rice. Gửi lại tới CINPAC (ND: viết tắt của Commander-in-Chief, U.S. Pacific Command, Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ Thái Bình Dương) cho các POLAD (ND: viết tắt của Policy Advisors, các Cố Vấn Chính Sách).

Nguồn: <http://thientrithucvn.blogspot.com/2013/01/ngoai-truong-mythuc-giuc-ong-diem-hoa.html>

116. Telegram From the Consulate at Hue to the Department of State¹

Hue, May 10, 1963, 2 a.m.

5. Early AM May 10 Hue quiet. 9 PM curfew now in effect. May 9 crowd of 3,000 gathered radio station 1700 hours local. Chief Bonze Central Vietnam Tri Quang called on people disperse quietly. He promised call meeting later date. His request obeyed. Quang has now demonstrated on at least three occasions his ability handle his followers. He apparently respected as independent, non-GVN Bonze. GVN mobile loudspeakers roamed streets evening May 9 calling on population stay calm, avoid public assemblies, respect curfew.

NRM sponsored public meeting at 1500 hours May 9 for purpose condemnation “Viet Cong terrorist act evening May 8” drew no audience whatsoever and speeches never came off. Large group mostly youths, reported to have marched around old citadel part of Hue several hours early 9th until 0400 hours chanting down with Diem government.

Theme Buddhist banners May 8 reported earlier called for equality of religion. Protested order take religious flags down, urged no refusal sacrifice for Buddhist cause. USIS BPAO forwarding photographs same.

Bonze Quang has reportedly called upon all Buddhist followers in Central Vietnam who can come to Hue May 10 do so for mass funeral victims evening May 8. Reportedly he also has ordered meetings of Buddhists in all provinces. At noon

May 8, prior killings, he reportedly sent telegrams to President Diem and Buddhist organization Rangoon protesting order take down flags. This order here known as Decree Number 10² issued by Minister Interior Saigon last year.

Nung battalion paratroops arrived Hue May 9. All evidence indicates ARVN present incident evening 8th refused take action against population, CG under Deputy Province Chief Major Sy unit which fired. Little question now that one of these threw grenade. Province Chief Dang apparently has gained stature during developments, Sy being considered villain. Brother of President, Ngo Dinh Can, reportedly informed of all developments, but not clear as to his feelings re situation.

Mass funeral May 10 probably will be peaceful, although VC have had sufficient time to react and may attempt touch off something following funerals which likely be attended by thousands. Government offices in Hue ordered now by government delegate CVN lowlands to have all personnel remain in office 24 hours a day to “prevent VC infiltration” and have available all possible weapons. May aggravate situation.

Population must be judged as tense. Duration and intensity of crisis unusual in view generally passive nature Vietnamese in terms public demonstrations. People seem to have taken seriously Bonze speech morning 8th “now is time to fight”. While word fight perhaps overemphatic, desire of people seems to be to have some sort of showdown following years of frustration for Buddhists. Student banner morning 9th “please kill us”. Man on street expressing great desire for world to know of killings on 8th. While GVN line is VC responsible, no credibility this among population.

Helble

¹ Source: Department of State, Central Files, SOC 14-1 S VIET. Secret; Operational Immediate. Also sent to Saigon.

² The correct reference is to Decree 189; see footnote 3, Document 112. Decree 10, which became a central issue in the

Buddhist crisis, was issued by Emperor Bao Dai at Vichy, France on August 6, 1950. It established regulations governing the creation and functioning of associations in Vietnam. As interpreted by the Diem government, the law governed the functioning of the Buddhist religion, as well as political parties, trade unions, and sports associations. The law provided, however, that “a special status shall be prescribed later for Catholic and Protestant missions and for Chinese congregations”. (For text, see Journal officiel de la Republique du Viet-Nam, No. 34, August 26, 1950, pp. 434-437; the English language text, as amended by Ordinance No. 6 of April 3, 1954, is printed as Annex XV to U.N. doc. A/5630, December 7, 1963.)

116. Điện Văn Từ Lãnh Sự Quán ở Huế Gửi về Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ (1)

Huế, ngày 10 tháng 5-1963 – lúc 2 giờ sáng

5. Sáng sớm ngày 10 tháng 5, Huế yên tĩnh. Lệnh giới nghiêm từ 9 giờ tối đã hiệu lực. Ngày 9 tháng 5, đám đông 3,000 người tụ tập trước đài phát thanh lúc 17:00 giờ địa phương. Vị Sư Trưởng Miền Trung Thích Trí Quang kêu gọi dân chúng giải tán ôn hòa. Sư hứa sẽ kêu gọi tụ họp sau. Lời yêu cầu của Sư được mọi người tuân lệnh. Sư Trí Quang bây giờ đã chứng tỏ được ít nhất trong ba trường hợp khả năng của Sư điều hành được tín đồ. Sư có vẻ được tôn trọng như một nhà sư độc lập, không lệ thuộc chính quyền. Các xe loa di động của chính phủ VNCH chạy quanh đường phố đêm 9 tháng 5-1963, yêu cầu dân chúng tỉnh tĩnh, tránh tụ tập nơi công cộng, tôn trọng luật giới nghiêm.

Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia (National Revolutionary Movement, viết tắt trong điện văn là NRM) thực hiện một cuộc tụ tập công chúng lúc 15:00 giờ chiều ngày 9 tháng 5, để lên án “Việt Cộng khủng bố trong đêm 8 tháng 5-1963” đã không được dân chúng tham dự và [thế là] không thấy bài diễn văn nào phát biểu.

Một đám đông hầu hết là giới trẻ, được kể là diễn hành

quanh một phần cổ thành Huế nhiều giờ sáng sớm ngày 9 cho tới 04:00 giờ hồ đã đảo chính phủ ông Diệm.

Các biểu ngữ Phật Giáo ngày 8 tháng 5-1963 trước đó được kể là kêu gọi bình đẳng tôn giáo. Phản đối lệnh hạ cờ tôn giáo, thúc giục hy sinh cho chính nghĩa Phật Giáo. USIS BPAO chuyển đi cùng các tấm ảnh.

Có tin nhà sư Thích Trí Quang kêu gọi tất cả Phật Tử miền Trung VN những người có thể tới Huế ngày 10 tháng 5-1963 để tham dự tang lễ tập thể các nạn nhân chết ngày 8 tháng 5. Có tin Sư cũng đã ra lệnh họp tất cả Phật Tử ở tất cả các tỉnh. Vào trưa ngày 8 tháng 5, trước cuộc thăm sát, có tin Sư đã gửi điện văn tới Tổng Thống Diệm và tổ chức Phật Giáo ở Rangoon để phản đối lệnh hạ cờ. Lệnh này ở đây có tên là Nghị Định Số 10 (2) bản hành bởi Bộ Nội Vụ Sài Gòn năm ngoái.

Chiến binh nhảy dù từ tiểu đoàn người Nùng đã tới Huế ngày 9 tháng 5-1963. Tất cả chứng cứ cho thấy khi các chiến binh VNCH trong đêm 8 tháng 5 đã từ chối lệnh đàn áp đám đông, [thì] địa phương quân dưới quyền Thiếu Tá Phó Tỉnh Trưởng Đặng Sỹ đã nổ súng. Bây giờ không có bao nhiêu ngờ vực rằng một trong nhóm này đã ném lựu đạn. Tỉnh Trưởng Đặng có vẻ như được uy tín qua các diễn biến này, Sỹ...

NOTE:

1) Nguồn: Bộ Ngoại Giao, Hồ sơ Trung ương, SOC 14-1 S VIET. Mật; Xử lý tức khắc. Cũng gửi về Siagon. (ND: Điện văn ghi nhận Saigon ra Siagon).

2) Đúng ra là Nghị Định 189; hãy xem ghi chú 3, Hồ sơ 112. **Dụ Số 10**, điều trở thành vấn đề trung tâm trong khủng hoảng Phật Giáo, nguyên ban hành bởi Hoàng Đế Bảo Đại ở Vichy, Pháp Quốc, ngày 6 tháng 8-1950. Qua sự diễn dịch bởi chính quyền Diệm, luật này chi phối hoạt động của Phật Giáo, cũng như các đảng phái chính trị, hội nghề nghiệp, và hội thể thao. Tuy nhiên, luật này đã trao cho “một vị thế đặc biệt sẽ được mô tả sau giành cho các hội truyền giáo Công Giáo và Tin Lành và cho các bang hội Hoa Kiều.” (Bản văn, xin đọc ở Journal officiel de la République du Viet-Nam, Số 34, ngày 26 tháng 8-1950, các trang 434-437; bản Anh dịch, được bỏ tước bởi

Sắc Lệnh Số 6, ngày 3 tháng 4-1954, in làm bản bổ sung Annex XV to U.N. doc. A/5630, ngày 7 tháng 12, 1963.)

Nguồn: <http://thientrithucvn.blogspot.com/2013/01/hue-ngay10-5-1963-thay-tri-quang-keu.html>

118. Manifesto of Vietnamese Buddhist Clergy and Faithful¹

Hue, May 10, 1963.

For many thousands of years the Buddhist clergy and faithful throughout the world as well as within the country have been loyal to the principles of benevolence, altruism and honesty espoused by Buddha. Because of this, Buddhism has gradually evolved an atmosphere of tranquillity. History has clearly proven this point. Thus, for many years Buddhists have been terrorized and repressed everywhere. Because of our conscience, we are still resigned, although not cowardly so, in the face of the suffering and mourning of our present national circumstances. But our sorrow has been taken advantage of by the authorities to cause untold mourning among the Buddhist clergy and faithful in the country. Buddhism has been condemned in a manner unjust to a religion which has existed in the country for thousands of years. From these actions we can perceive the bad intention of the authorities. They even have smashed the most sacred symbol of the Buddhists by taking down the International Buddhist flag. This decision is contrary to the Constitution and brazenly violates the freedom of religious worship. In the face of these unjust actions, the monks and faithful throughout our country must rise up and struggle for their ideals.

The incident which occurred three days ago really affected morale. Blood flowed and human lives were once again sacrificed, so we are now determined to place our hopes before the government and to request the following points:

1. To request that the Government of the Republic of Vietnam permanently retract the official cable repressing the

Buddhist religious flag.

2. To request that Buddhists be allowed to enjoy a special regime such as that allowed to Catholics according to Decree 10.²

3. To request the government to stop arrests and terrorization of Buddhist followers.

4. To request that Buddhist bonzes and faithful be allowed freedom to preach and observe their religion.

5. To request that the government make worthwhile compensation for those innocent persons who were killed, and mete out proper punishment to the instigators of the murders.

The points mentioned above express the most ardent hopes of Buddhist bonzes and followers in the entire country. We are prepared to make sacrifices until such time as the reasonable aspirations mentioned above are realized.³

Buddhist Year 2307

Hue, 10 May 1963

Bonze Tuong Van

President, Vietnam General Association of Buddhists

Bonze Mat Nguyen

Board of Directors of the Central Vietnam Bonze

Association Bonze Mat Hien

Board of Directors of the Thua Thien Bonze Association

Bonze Tri Quang

Board of Directors of the Central Vietnam Buddhist

Association Bonze Thien Sieu

Board of Directors of the Thua Thien Bonze Association

¹ Source: Department of State, Central Files, POL 13-6 S VIET. Unclassified; Translation. Transmitted as attachment A to airgram A-781 from Saigon, June 10. A slightly variant translation of this manifesto was transmitted as enclosure 5 to airgram A-20 from Hue, June 3. (Ibid., SOC 14-1 S VIET) The manifesto was issued at a mass meeting of Buddhist clergy and faithful at Tu Dam Pagoda in Hue on May 10. The five demands put forward in this declaration are those which have

been described in some of the memoir accounts dealing with the Buddhist crisis as having been addressed to the Diem government on May 13. (Hilsman, *To Move a Nation*, p. 469; Mecklin, *Mission in Torment*, p. 154)

² See footnote 2, Document 116.

³ On May 13 a representative of the Diem government met in Hue with a delegation of Buddhist leaders to consider the demands outlined in the May 10 declaration. The government official suggested that most of the Buddhist concerns were groundless, but indicated that the government would consider them. He added, however, that the Buddhist declaration was extreme in language and appeared to be an ultimatum. Such an approach, he indicated, was a mistake. A memorandum of the discussion between an unnamed Vietnamese Government official and the Buddhist delegation was transmitted as enclosure 1 to airgram A-20 from Hue. On May 15 a delegation of Buddhist leaders took up the Buddhist demands with President Diem in a meeting with him at the Presidential Palace in Saigon. For a report of that meeting, see Document 129.

118 Bản Tuyên Ngôn của Phật Giáo Việt Nam

Huế ngày 10 tháng 5 năm 1963

"Đã từ nhiều ngàn năm, tăng ni và tín đồ Phật giáo trên thế giới cũng như trong nước vẫn trung thành với tôn chỉ: Từ bi, Vị Tha và Như Thật của Đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Phật giáo đến đâu đều đem lại một không khí an lành ở đó. Điều ấy lịch sử đã chứng minh.

Và, đã từ nhiều năm nay Phật giáo đồ bị khủng bố, đàn áp khắp nơi, chúng tôi vẫn nhẫn nhục, đương nhiên không phải hèn yếu mà vì ý thức đ ư ợ c những nỗi đau khổ, tang tóc của hoàn cảnh dân tộc hiện t ạ i. Nhưng đau đớn thay, một số người đã lợi dụng quyền hành gây ra không biết bao nhiêu tang tóc đối với tăng ni và tín đồ Phật giáo khắp trong nước, đối xử một cách bất công với một Tôn giáo có hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc. Từ hành động này đến hành động khác, thậm chí đã chà

đạp lên quyền lợi thiêng liêng nhất của Phật giáo đồ: Cờ Phật giáo quốc tế bị triệt hạ. Quyết định này đã trái hiến pháp và ngang nhiên vi phạm quyền tự do tín ngưỡng. Trước những hành động bất công đó, bắt buộc tăng ni và tín đồ khắp trong nước chúng tôi phải đứng dậy tranh đấu cho lý tưởng của mình.

Sự kiện xảy ra 3 ngày nay chính là phản ánh tinh thần đó. Máu đã chảy, nhân mạng đã bị hy sinh, một lần nữa, chúng tôi cương quyết đề đạt những nguyện vọng dưới đây lên chính phủ, yêu cầu thực thi 5 điểm:

1. YÊU CẦU CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HÒA THU HỒI VĨNH VIỄN CÔNG ĐIỆN TRIỆT GIÁO KỶ CỦA PHẬT GIÁO.

2. YÊU CẦU PHẬT GIÁO PHẢI ĐƯỢC HƯỞNG MỘT CHẾ ĐỘ ĐẶC BIỆT NHƯ CÁC HỘI TRUYỀN GIÁO THIÊN CHÚA ĐÃ ĐƯỢC GHI TRONG ĐẠO DỤ SỐ 10.

3. YÊU CẦU CHÍNH PHỦ CHẤM DỨT TÌNH TRẠNG BẮT BỐ, KHỦNG BỐ TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO.

4. YÊU CẦU CHO TĂNG NI, TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO ĐƯỢC TỰ DO TRUYỀN ĐẠO VÀ HÀNH ĐẠO.

5. YÊU CẦU CHÍNH PHỦ ĐỀN BỒI MỘT CÁCH XỨNG ĐÁNG CHO NHỮNG KẺ BỊ CHẾT OAN VÔ TỘI VÀ KẺ CHỦ MƯU GIẾT HẠI PHẢI ĐỀN TỘI ĐÚNG MỨC.

Những điều trên đây là những nguyện vọng tối thiểu và thiết tha nhất của toàn thể tăng và tín đồ Phật giáo trong cả nước. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho đến khi nào những nguyện vọng hợp lý trên được thực hiện.

Làm tại Huế, Phật lịch 2.507, ngày 10-5dl-1963.

Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt nam

Hòa thượng TỊNH KHIẾT (ký tên)

Hội Trưởng Tổng trị sự Thượng tọa T. TRÍ QUANG (ký tên)

Hội trưởng ban Trị sự, Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên

Thượng tọa T. THIÊN SIÊU (ký tên)

Trị Sự trưởng Tổng trị sự Giáo hội Tăng già trung Phần

Thượng tọa T. MẬT NGUYỄN (ký tên)
Trị sự trưởng ban Trị sự giáo hội Tăng già Thừa Thiên
Thượng tọa T. MẬT HIỀN (ký tên)

**Foreign Relations of the United States, 1961–1963
Volume III, Vietnam, January–August 1963,
Document 131.**

**131. Telegram From the Embassy in Vietnam to the
Department of State ¹**

Saigon, May 22, 1963, 2 p.m.

1050. CINCPAC for POLAD. Deptel 1117.² During meeting with Diem May 18, he devoted about two hours to Buddhist questions. I sought to impress on him need for further GVN action and specifically suggested public declaration by him and/or appointment commission along lines Embtel 1038.³ Diem was non-committal re commission and took position that declaration should be deferred until people had had time to reflect on various statements which have been made, particularly at press conference held by Buddhist leaders following meeting with him.

From Diem's extensive remarks to me, it was quite clear that he is convinced that (a) Hue incident was provoked by Buddhist leaders, (b) deaths were caused by grenade or grenades thrown by VC or other dissidents and not by GVN, and (c) certain Buddhist leaders are seeking to use Hue affair as means of enhancing their own positions within Buddhist movement. Finally, Diem appears to feel that whole affair is far less serious matter than we do. I said I hoped he had not underestimated seriousness of situation; that our information re facts and attitude of people was considerably different from his.

With regard to Buu Hoi's suggestion,⁴ there might be

merit in creation of Cabinet-level post for religious affairs. I do not feel, however, that this is propitious moment to propose it, and I frankly think that at any time, proposal would have far better chance of acceptance if made by Vietnamese rather than American. We will work toward this at suitable opportunity.

Nolting

¹ Source: Department of State, Central Files, SOC 14-1 S VIET. Secret; Priority. Repeated to CINCPAC.

² See footnote 3, Document 129.

³ Document 129.

⁴ In telegram 1117 to Saigon, the Department of State also noted that, during his current visit to Washington, Ambassador Buu Hoi had expressed the idea that the Diem government should appoint a cabinet level official responsible for religious affairs. Buu Hoi suggested that Ambassador Nolting might take up the idea with Diem.

<http://history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/d131>

131. Điện Văn Từ Tòa Đại Sứ Mỹ ở Việt Nam Gửi về Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ[1]

Sài Gòn, ngày 22 tháng năm 1963, 14:00

1050. CINCPAC cho POLAD. Deptel 1117,[2] Trong cuộc họp với Diệm ngày 18 tháng Năm, ông ấy đã dành khoảng hai giờ cho những câu hỏi về Phật giáo. Tôi đã tìm cách gây ấn tượng với ông ấy về những hành động cần cho Chính phủ Việt Nam và đặc biệt đề nghị ông tuyên bố công khai và / hoặc bổ nhiệm một ủy ban theo Embtel 1.038,[3] Diệm không cam kết tái lập lại ủy ban và giữ ở vị trí mà tuyên bố công khai cần được hoãn lại cho đến khi dân chúng có thời gian suy nghĩ về nhiều báo cáo khác nhau đã được thực hiện, đặc biệt là tại cuộc họp báo được tổ chức bởi các nhà lãnh đạo Phật giáo sau cuộc họp với ông ấy.

Từ những nhận xét sâu rộng của Diệm, tôi thấy khá rõ

ràng rằng ông ấy tin rằng (a) biến cố ở Huế (xảy ra tại đài phát thanh) đã được kích động bởi các nhà lãnh đạo Phật giáo, (b) trường hợp tử vong là do một trái hay nhiều trái lựu đạn ném bởi VC hoặc những thành phần bất đồng chính kiến và không phải do Chính phủ Việt Nam, và (c) một số nhà lãnh đạo Phật giáo nào đó đang tìm cách sử dụng biến cố Huế này như là phương tiện nâng cao vị trí của mình trong phong trào Phật giáo tranh đấu. Cuối cùng, Diệm dường như cảm thấy rằng toàn bộ sự việc không nghiêm trọng hơn là chúng ta nghĩ. Tôi đã nói tôi hy vọng ông ấy đã không đánh giá thấp mức độ nghiêm trọng của tình hình, mà những thông tin của chúng tôi là những dữ kiện thật và thái độ của dân chúng quan tâm khác với ông ấy.

Liên quan đến đề nghị của Bửu Hội, [4] có thể là một điều tốt trong việc thiết lập một cơ quan chính quyền cấp bộ lo cho các vấn đề tôn giáo. Tôi không cảm thấy, tuy nhiên, đây là thời điểm thuận lợi để đề xuất nó, và tôi thành thật nghĩ rằng bất cứ lúc nào, đề nghị sẽ có cơ hội tốt hơn để chấp thuận nếu được đề nghị bởi (chính) người Việt Nam chứ không phải người Mỹ. Chúng tôi sẽ làm việc hướng tới cơ hội tốt này.

Nolting (Đại sứ Mỹ tại Việt Nam)

[1] Nguồn: Bộ Ngoại giao, các tập tin Trung ương, SOC 14-1 S VIỆT. Bí mật; ưu tiên. Lặp đi lặp lại CINCPAC.

[2] Xem chú thích 3, tài liệu 129.

[3] tài liệu 129.

[4] Trong bức điện tín 1117 gửi đến Sài Gòn, Bộ Ngoại giao cũng lưu ý rằng, trong chuyến thăm hiện tại đến Washington, Đại sứ Bửu Hội đã bày tỏ ý tưởng rằng chính phủ Diệm nên bổ nhiệm một quan chức cấp nội các chịu trách nhiệm về các vấn đề tôn giáo. Bửu Hội cho rằng Đại sứ Nolting có thể chuyển ý tưởng này đến với Diệm.

CIA BÁO CÁO TỔNG THỐNG MỸ VỀ CUỘC THẨM SÁT HUẾ 1963

BẢN PHỤC TRÌNH
Tình Báo Trung Ương
(Central Intelligence Bulletin)



Central Intelligence Agency
United States of America

Ngày 11 tháng 5 năm 1963
Đã duyệt bởi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ
Chấp thuận giải mật ngày 17 tháng 4 năm 2003
Tên hồ sơ: CIA-RDP79T00975A007000150001-7.pdf

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Vài ngày sau cuộc thẩm sát ở đài phát thanh Huế, bản phúc trình này được Sở Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ trình lên các cấp cao nhất trong chính phủ Mỹ -- trong đó có Tổng Thống Mỹ, Phó Tổng Thống Mỹ, nhiều Bộ Trưởng trong nội các chính phủ, và các cấp cao nhất về quốc phòng và tình báo. Danh sách các nơi nhận ghi nơi trang áp chót hồ sơ PDF có tên nêu trên.

Bản phúc trình tình báo này thuộc loại TOP SECRET, tối mật, và sau khi được giải mật, vẫn còn một trang và một số câu bị xóa trắng để giữ bí mật. Các chỗ chưa giải mật trong hồ sơ

PDF này có ghi mã số kế bên là 25X1, để biết là có những chữ được xóa trắng.

Hồ sơ này gồm 6 phần, mỗi phần một trang: phần 1 nói về Haiti, phần 2 về Lào Quốc, phần 3 về Nam Việt Nam, phần 4 còn xóa trắng, phần 5 về Indonesia; phần 6 là Ghi chú về Liên Bang Sô Viết, Argentina và Peru.

Nơi đây sẽ dịch riêng phần về Việt Nam, trong đó ghi rằng, khi giải tán đám đông 3,000 Phật Tử, trách nhiệm thăm sát tại Đài Phát Thanh Huế là do 3 lực lượng: cảnh sát, Dân Vệ và quân đội.

Hồ sơ CIA nơi đây cũng nói: chính sách của chính phủ ông Diệm là thiên vị Thiên Chúa Giáo, nhưng Phật Tử trước giờ vẫn lặng lẽ chịu đựng, cho tới khi xảy ra biến động Huế.

Kèm bản dịch sẽ là phóng ảnh trang 3 hồ sơ dạng .jpg, và hồ sơ nguyên bản PDF. Tựa đề “CIA Báo Cáo Tổng Thống Mỹ Về Cuộc Thăm Sát Huế 1963” là của người dịch ghi vào, để khỏi nhầm với các hồ sơ CIA khác đã dịch. Sau đây là bản dịch thực hiện bởi Cư Sĩ Nguyên Giác.)

NAM VIỆT NAM

Một sự bùng phát thái độ chống chính phủ trong các Phật Tử ở thành phố Huế vào ngày 8 tháng 5 năm 1963 có thể có các hậu quả nghiêm trọng.

Phật Tử chiếm khoảng 80% dân số, nhưng trước đây ít bày tỏ bất mãn đối với chính sách thiên vị Thiên Chúa Giáo của chính phủ Ông Diệm. Rắc rối tại Huế hiển nhiên khởi lên từ một lệnh của chính quyền – sau đó lệnh này đã thu hồi -- lệnh đó ngăn cấm treo cờ Phật Giáo trong lễ hội mừng Phật Đản.

Một phát ngôn nhân Phật Giáo đã kêu gọi Phật Tử ra biểu tình đông đảo bằng cách lên án chính quyền đàn áp tự do tôn giáo, và một số người biểu tình đã mang biểu ngữ chống ông Diệm và chống Thiên Chúa Giáo. Nỗ lực của cảnh sát, Dân Vệ, và quân đội khi giải tán đám đông khoảng 3,000 người ở đài phát thanh đã làm chết ít nhất 7 người.

Các sự kiện tiếp theo có thể dẫn tới kết quả là các lãnh tụ

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Phật Tử sẽ kêu gọi những cuộc biểu tình ủng hộ ở các tỉnh khác, và sẽ dẫn tới tình hình chính quyền Huế sẽ ra các biện pháp an ninh xiết chặt.

Có tin là một số nhóm Phật Tử và những người dân tộc chủ nghĩa khác có lập trường chống chính phủ ông Diệm dự định công bố những tấm ảnh chụp được trong cuộc hỗn loạn, đặc biệt là công bố ở các quốc gia Phật Giáo khác.

Đính kèm là bản PDF, và ảnh trang 3. →

South Vietnam: An outburst of antigovernment sentiment among Buddhists in the major northern city of Hué on 8 May could have serious repercussions.

Buddhists comprise about 80 percent of the population, but there has previously been little manifestation of their resentment against the Catholic orientation of Diem's government. The trouble in Hué apparently arose over a government order--later rescinded--which would have prevented the display of Buddhist flags during the celebration of Buddha's birthday.

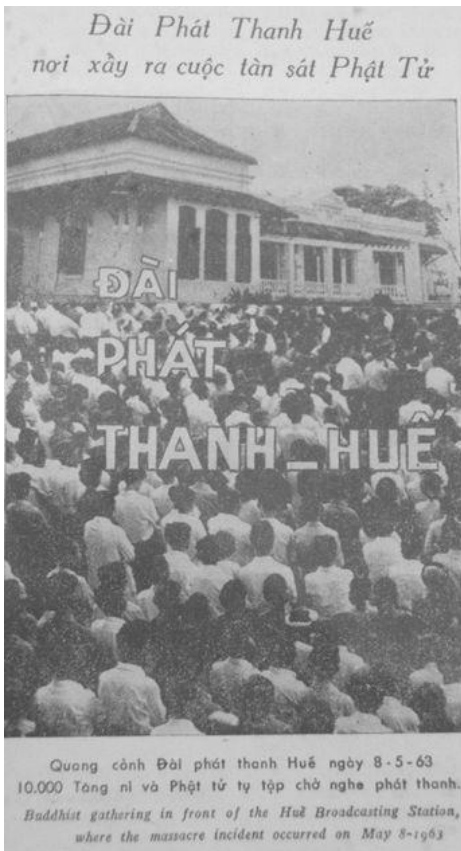
A Buddhist spokesman aroused crowds by charging the government with suppressing religious freedom, and some demonstrators carried anti-Diem and anti-Catholic banners. The efforts of police, Civil Guardsmen, and army troops to disperse a crowd of about 3,000 at the radio station resulted in the death of at least seven persons.

Further incidents could develop as a result of the call by Buddhist leaders for sympathy demonstrations in other provinces and of heightened security measures taken by the government in Hué. Some Buddhist circles and other antigovernment nationalists reportedly plan to publicize photographs taken during the disturbance, particularly in other Buddhist countries.

TẤN CÔNG HÓA HỌC Ở HUẾ

Tâm Diệu

Lời tòa soạn: Lễ Phật Đản năm nay 2013, kỷ niệm đúng 50 năm xảy ra cuộc vận động của Phật Giáo 1963 bắt đầu ở Huế với cái chết của tám Phật tử đêm 8/5/1963 tại đài phát thanh, rồi cuộc tự thiêu của HT. Thích Quảng Đức ngày 11/6/1963 tại Sài Gòn và chiến dịch “nước lử” tổng tấn công chùa chiền toàn quốc đêm 20 rạng ngày 21/ 8/1963. Ba



biến cố lịch sử quan trọng của phong trào Phật Giáo tranh đấu này dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng kéo dài nửa năm và kết thúc bằng cuộc đảo chánh lật đổ chính quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Bài viết dưới đây kể lại diễn tiến sự kiện lịch sử xảy ra ngày **3/6/1963** tại Huế, trước ngày Hòa Thượng Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân, theo các điện văn báo cáo của Toà Đại Sứ Mỹ đã được bạch hóa.



Sau biến cố đẫm máu xảy ra tại đài phát thanh Huế vào buổi tối ngày lễ Phật Đản 8/5/1963, khắp các nơi tại miền Nam Việt Nam, từ Sài Gòn đến Quảng Trị, chư Tăng ni hưởng ứng lời kêu gọi của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã đồng loạt tuyệt thực tại chùa 48 tiếng đồng hồ kể từ 2 giờ chiều ngày 30/5/1963 để cầu nguyện cho những người đã tử nạn và đòi hỏi quyền bình đẳng tôn giáo. Trong khi đó quần chúng Phật tử tại gia cũng đồng loạt xuống đường biểu tình khắp nơi để ủng hộ chư Tăng ni.

Riêng tại thành phố Huế, vào lúc 13:00 giờ ngày 03 tháng 6 năm 1963, khoảng 500 thanh niên, sinh viên và học sinh Phật tử đã biểu tình ngồi trước trụ sở Tòa Đại biểu Chánh phủ Trung Nguyên Trung Phần, đối diện trước một đội quân đông đảo 300 người, bao gồm cảnh sát dã chiến, lính nhảy dù và biệt kích quân, trang bị súng ống, lưới lê và lựu đạn cay đứng dàn chào. Bên chính quyền, qua loa phóng thanh cho biết là trong đám đông người biểu tình có trà trộn các phần tử Việt Cộng đang gây kích động và yêu cầu tất cả giải tán. [01]

Khi đám đông biểu tình đáp trả lại, cũng qua loa phóng thanh cầm tay gọi những người lính là “*những kẻ giết người ngu xuẩn*”, thế là cả đội quân lập tức rập lưới lê vào súng và đeo mặt nạ phòng hơi độc rồi đồng loạt bắn lựu đạn cay vào đám đông. Đồng bào la hét vang trời. Một số người biểu tình bỏ chạy, trong khi những người khác vẫn ngồi yên cầu nguyện. Một vị lãnh đạo Phật Giáo (*Thượng tọa Thích Trí Thủ*) kêu gọi đồng

bào hãy trở về nhà hay về chùa Từ Đàm để được điều trị y tế cho người bị hơi cay. Thật là may mắn, chết chóc và bị thương đã không xảy ra. [01] [02]

Đoàn người biểu tình tháo chạy về hướng chùa Từ Đàm, nhưng khi tới Bến Ngự, thì bị chặn lại với dây thép gai, họ ngồi xếp bằng ngay trên mặt đường và tiếp tục cầu nguyện. Lúc này (15:00) dân chúng khắp nẻo đường thành phố tụ tập về đây hợp cùng đoàn biểu tình đông đến 1500 người. Một cuộc đối đầu xảy ra khi đoàn người biểu tình cố gắng vượt qua hàng rào kẽm gai băng qua cầu Bến Ngự. Nhiều đợt phóng hơi cay của đội quân chống biểu tình và đội quân khuyến tấn công, nhằm giải tán đám đông đã thất bại. [02] Một quan chức chính phủ đứng trên xe vận tải, sử dụng loa phóng thanh kêu gọi quân chúng Phật tử mà phần đông là học sinh trung học và sinh viên đại học giải tán. Lời kêu gọi được đáp trả lại bằng những tiếng la hét khi người phát ngôn chính phủ đổ lỗi cho tình trạng bất ổn này là do Việt Cộng gây nên. [02]

Sau một thời gian dài bế tắc, vào khoảng 6 giờ 30 chiều, đội quân hỗn hợp chống bạo động đeo mặt nạ quyết định giải tán đoàn biểu tình bằng cách phun một loại chất lỏng màu đỏ nâu lên trên đầu những người biểu tình đang ngồi cầu nguyện. Dân chúng la hét, chạy tứ tung, người thì ôm đầu quần quai, kẻ thì ngã gục, dây dềp vứt ngổn ngang. Kết quả là không có người chết, chỉ có 67 Phật tử phải nhập viện vì thương tích hóa học với các triệu chứng bao gồm phỏng rộp nghiêm trọng trên da và các bệnh về đường hô hấp. [02] Đoàn biểu tình đã kịch liệt phản đối việc sử dụng các khí độc và việc này đã trở thành một thảm họa quan hệ với công chúng và với Mỹ cho ông Ngô Đình Diệm. [07]

Đến nửa đêm, tình trạng căng thẳng lên cao độ. Lệnh giới nghiêm và thiết quân luật của Đại tá Đỗ Cao Trí được ban hành và đọc nhiều lần trên đài phát thanh. Tin đồn lưu hành cho biết có ba người đã chết và phóng viên Newsweek cho hay cảnh sát đã triển khai súng phóng khí blister gas vào đám đông biểu tình. Báo cáo trích dẫn nguồn tin đáng tin cậy từ văn phòng ông Cố vấn Ngô Đình Cẩn cho biết rằng ông Diệm không thỏa hiệp và

đã lập kế hoạch cho một thách thức bằng quân sự (a military showdown) chống lại các Phật tử [02] [07]. Tham tá lãnh sự Mỹ John Helble, thường trú ở Huế, trong một báo cáo về Tòa Đại Sứ ở Sài Gòn rằng quân đội miền Nam Việt Nam đã sử dụng hơi cay và "có thể là một loại khí gây mụn nước ngoài da" để giải tán đoàn người biểu tình của Phật giáo. [03] Helble báo cáo rằng chất này, mặc dù chưa được xác định, đã đẩy lên mối lo ngại của Bộ Ngoại giao Mỹ rằng khí độc đã được sử dụng bởi vì các triệu chứng không phù hợp với tiêu chuẩn hơi cay. [07]

Sau khi nhận được các báo cáo, Ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk đã hai lần chỉ thị ông William Trueheart, người xử lý thường vụ Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn "*yêu cầu ông Diệm nên hoà giải với Phật giáo và báo cáo rõ hơn về khối hóa học đã sử dụng để đàn áp Phật tử*". Điện văn của ông Rusk nói thêm: "*Ông Diệm nên đích thân ra Huế gặp các nhà lãnh đạo Phật Giáo, nói chuyện với họ và rút quân đội ra khỏi Huế, thay thế bằng lực lượng Cảnh Sát. Chuyện Ông Quang (Thích Trí Quang) và các nhà lãnh đạo Phật Giáo không thực là Việt Cộng. Chính quyền Việt Nam cần phải tránh những sai lầm trong việc xác định một cách tự động những người biểu tình và các nhà lãnh đạo của họ là Việt Cộng nếu muốn thành công trong nỗ lực kiểm soát tình hình*". [03]

Ông Trueheart đến gặp ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng tại phủ Tổng thống vào trưa ngày 4/6/1963. Ông Trueheart cho ông Thuần biết là các triệu chứng của các nạn nhân phù hợp với những khí mù tạt và hội đủ yếu tố để Hoa Kỳ tố cáo chế độ VNCH thực hiện các cuộc tấn công hóa học. [04][08] Sau buổi họp, ông Nguyễn Đình Thuần đồng ý mở cuộc điều tra về việc quân đội sử dụng vũ khí hóa học đàn áp người biểu tình do Tướng Trần Văn Đôn cầm đầu ủy ban và Trung tá Y sĩ Liêm thuộc Bộ Quốc Phòng phụ tá. [06]

Khác với chủ trương mềm mỏng của Đại sứ Nolting đang nghỉ vacation, Trueheart cảnh cáo chính quyền Ngô đình Diệm rằng Mỹ có thể ngưng yểm trợ nếu còn tiếp tục đàn áp Phật Giáo. (*U.S. support for GVN could not be maintained in face of*

bloody repressive action at Hue.) Ông Nguyễn Đình Thuận cho ông Trueheart biết Hội đồng Bộ trưởng chính phủ đã đề nghị thành lập một Ủy Ban Liên Bộ để cứu xét các đòi hỏi của Phật Giáo như ông Trueheart yêu cầu từ ngày 1/6/1963, và ông Diệm đã chấp thuận. [04] [06]

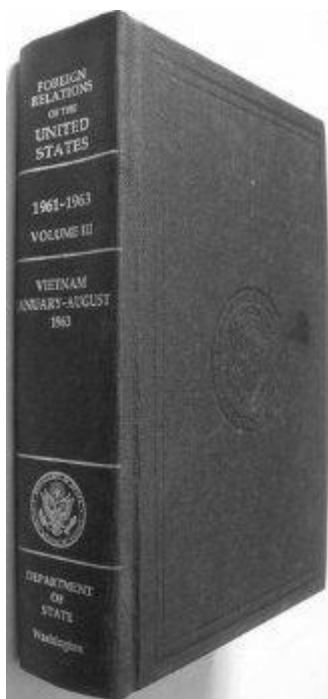
Nhưng khoảng 5 giờ chiều cùng ngày, Bộ Tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam xin ý kiến ông Trueheart về việc Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH yêu cầu Mỹ giúp không vận 300 Cảnh sát từ Vũng Tàu ra Huế để dập tắt các cuộc biểu tình tại đây, nhưng ông Trueheart đã từ chối. [05]

Kết quả cuộc điều tra của tướng Đôn sau đó (06/06/1963) cho hay hơi cay được sử dụng trong ống thủy tinh là thành phần hoá lỏng sẽ biến thành khí khi được kích hoạt. Hơi cay sử dụng được lấy từ kho vũ khí cũ còn lưu lại bởi người Pháp. Vào ngày 18/6/1963, các nhà hóa học của quân đội Mỹ tại Arsenal Edgewood ở Maryland xác nhận, từ mẫu cung cấp, rằng khí được sử dụng là một loại hơi cay của các loại hơi cay được sử dụng bởi người Pháp trong thế chiến thứ nhất. [06] [07]

Lời Kết: Năm mươi năm trôi qua, một thời gian đủ dài để chúng ta nhìn lại lịch sử. Chúng ta đã thấy rằng chính quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm đã không giải quyết khủng hoảng bằng phương pháp hoà bình mà dùng giải pháp vũ lực bằng cách đem binh sĩ tấn công, phong toả các chùa chiền, bắt các nhà sư và các đại diện của đảng phái, đàn áp những người dân biểu tình vô tội với cả vũ khí hóa học do quân đội Pháp để lại và quy tội cho họ có liên hệ với Cộng Sản. Các hành động này không những không làm êm dịu được tình hình mà còn làm khủng hoảng đi đến bùng nổ, tự làm mất sự ủng hộ của quần chúng và của các quốc gia trên thế giới.

Tâm Diệm

(Theo các tư liệu lịch sử của Bộ Ngoại Giao Mỹ FRUS)



DẪN CHIẾU:

[01] Foreign Relations of the United States (FRUS), 1961–1963 Volume III, Vietnam, January–August 1963, Document 144, PP. 343-344.

http://history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/pg_343

[02] FRUS, 1961–1963 III, Document 146, PP. 346-347

http://history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/pg_346

[03] FRUS, 1961–1963 III, Document 147, PP. 348

http://history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/pg_348

[04] FRUS, 1961–1963 III, Document 149, PP. 349-351

http://history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/pg_350

[05] FRUS, 1961–1963 III,

Document 150, PP. 351-352

http://history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/pg_351

[06] FRUS, 1961–1963 III, Document 151, PP. 352-353

http://history.state.gov/historicaldocuments/frus1961-63v03/pg_352

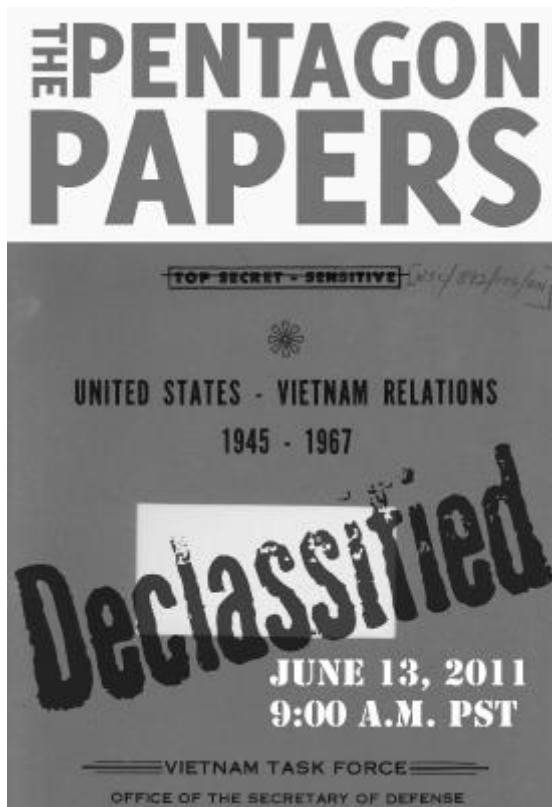
[07] Jones, Howard (2003). *Death of a Generation: how the assassinations of Diem and JFK prolonged the Vietnam War*. New York City, New York: Oxford University Press. ISBN 0-19-505286-2. pp. 261–262 & 263–264.

[08] Hammer, Ellen J. (1987). *A Death in November: America in Vietnam, 1963*. New York City, New York: E. P. Dutton. ISBN 0-525-24210-4, p. 136.

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

CHIẾN DỊCH TỔNG TẤN CÔNG CÁC CHÙA ĐÊM 20-8-1963 VÀ CÁC HỆ QUẢ THE PAGODA RAIDS AND REPERCUSSIONS

Hồ Sơ Mật Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ về Cuộc Chiến VN
Giải Mật Ngày 13-6-2011



Dịch theo bản văn từ trang nhà
của Đại Học Mount Holyoke College:
<https://www.mtholyoke.edu/acad/intrel/pentagon2/pent7.htm>

(LỜI NGƯỜI DỊCH: The Pentagon Papers là tên gọi tắt một hồ sơ tối mật về Cuộc Chiến Việt Nam; theo Wikipedia, hồ sơ này tên chính thức là “*United States – Vietnam Relations, 1945–1967: A Study Prepared by the Department of Defense*” (Quan Hệ Mỹ-Việt, 1945--1967: Cuộc Nghiên Cứu Thực Hiện Bởi Bộ Quốc Phòng). Hồ sơ này được giải mật và phổ biến công khai năm 2011.

Sau đây là bản dịch về tình hình diễn biến sau khi ông Ngô Đình Nhu chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt và cảnh sát dã chiến **tổng tấn công các chùa đêm 20-8 rạng ngày 21-8-1963**, bắt giam hơn 1,400 Tăng Ni Phật Tử.

Một số ghi nhận về hồ sơ này như sau:

- Mỹ bắt mẫn vì ông Diệm không hòa giải với Phật Giáo, và trận **tổng tấn công các chùa** đã xé bỏ bản Thông Cáo Chung 16-6-1963 mang chữ ký Hòa Thượng **Thích Tịnh Khiết** và Tổng Thống Ngô Đình Diệm.
- Quân đội VNCH bắt mẫn vì bị dân chúng đổ tội tấn công các chùa, trong khi thực tế quân đội không biết gì về việc ông **Ngô Đình Nhu** ra lệnh cho Đại Tá **Lê Quang Tung** dẫn Lực Lượng Đặc Biệt bất ngờ tấn công các chùa.
- Tụ ý các tướng lãnh, đầu tiên là Tướng **Lê Văn Kim**, cụ thể dò ý người Mỹ về nhu cầu loại trừ ông bà Nhu ra khỏi chính phủ. Tướng Kim nói quân đội không muốn bị dân chúng đổ tội là đàn áp Phật Giáo và nói quân đội sẵn sàng đoàn kết để đảo chánh.
- Về phía dân sự, Bộ Trưởng **Nguyễn Đình Thuần** và Chánh Văn Phòng Phủ Tổng Thống **Võ Văn Hải** đều nói với Mỹ là cần loại ông bà Nhu ra khỏi chính phủ.
- Bộ Trưởng Ngoại Giao **Vũ Văn Mẫu** từ chức Ngoại Trưởng, và cạo đầu như một nhà sư để phản đối tấn công chùa.

- Thân phụ bà Nhu là LS **Trần Văn Chương** từ chức Đại sứ VN ở Hoa Kỳ, thân mẫu bà Nhu là bà **Thân Thị Nam Trân** từ chức Quan sát viên VNCH ở Liên Hiệp Quốc để phản đối chế độ ông Diệm.
- Sinh viên và học sinh từ đệ nhất cấp trở lên đã biểu tình, xuống đường đồng đảo, phản đối chế độ ông Diệm.
- Ông **Cabot Lodge** tới VN, nhận chức Đại sứ Mỹ tại VN, tiến hành kế hoạch đảo chánh, muốn giữ ông Diệm trong khi loại trừ ông bà Nhu.
- Phật Giáo hoàn toàn đứng ngoài các kế hoạch đảo chánh; trong khi cả ngàn vị sư bị giam, một số vị lãnh đạo thoát được, trong đó Thầy **Thích Trí Quang** vào được Tòa Đại Sứ Mỹ để tỵ nạn.

Độc giả có thể đọc thêm nguyên bản Anh văn kèm dưới đây.

Bản dịch thực hiện bởi Bản dịch thực hiện bởi Cư Sĩ Nguyễn Giác.)

BẢN VIỆT DỊCH

III. LODGE vs. DIEM: Từ 20-8-1963 tới 2-10-1963

A. Chiến Dịch Tấn Công Các Chùa và Hậu Quả

Chỉ giây lát sau nửa đêm rạng sáng 21-8-1963, vừa sáu ngày sau khi Đại sứ Hoa Kỳ Frederick Nolting bực dọc rời Việt Nam, ông Ngô Đình Nhu, đập vỡ tan bất kỳ ảo vọng còn lại nào về phương cách hòa giải của chính phủ ông Diệm với người Phật Tử và cũng phản bội lời ông Diệm cam kết với Nolting khi ông đại sứ này rời VN, đã tổ chức một trận tổng tấn công các ngôi chùa Phật Giáo. Tại Sài Gòn, Huế và các thành phố ven biển khác, các chiến binh bị biến thành quân nhà của chế độ -- Lực Lượng Đặc Biệt do Hoa Kỳ huấn luyện -- và cảnh sát dã chiến đã xông vào các ngôi chùa và bắt hàng trăm vị sư, và như thế đã phá hủy chính sách Hoa Kỳ và ghi dấu khởi đầu sự kết thúc chế độ của ông Diệm.

Vào ngày 18-8-1963, mười tướng lãnh cao cấp đã họp với nhau và quyết định rằng họ sẽ yêu cầu ông Diệm tuyên bố thiết quân luật để cho phép họ đưa các vị sư từ ngoại ô Sài Gòn trở về lại tỉnh và chùa riêng của họ, với hy vọng giảm căng thẳng ở thủ đô. Trong những tướng dự buổi họp có Tướng Tôn Thất Đính, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô và là Tư Lệnh Quân Khu 3, và Tướng Huỳnh Văn Cao, Tư Lệnh Quân Khu 4, cả hai tướng này được giữ các chức vụ đó vì trung thành với chế độ. Hoặc là một trong hai, hoặc là cả hai tướng này, có lẽ đã báo cáo kết quả buổi họp lên ông Diệm và Nhu.

Trong bất kỳ trường hợp nào, Nhu đã quyết định xóa sổ đối lập Phật Giáo, và để kinh với Mỹ cho thành chuyện đã rồi khi tân Đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge tới; Nhu tin là Mỹ sẽ phải bực dọc chấp nhận, như đã luôn luôn làm thế trong quá khứ. Vào chiều ngày 20-8-1963, Nhu gặp một số ít tướng lãnh, trong đó có các Tướng Trần Văn Đôn, Trần Thiện Khiêm và Tôn Thất Đính, những người đã đề nghị thiết quân luật với ông. Ông Nhu, với kế hoạch tấn công chùa đã chuẩn bị xong xuôi, nói với các tướng này là hãy đề nghị lên ông Diệm. Trong buổi họp sau đó trong đêm đó, ông Diệm chấp thuận kế hoạch của các tướng lãnh, và vào nửa đêm sắc lệnh ban hành với chữ ký của Tướng Đôn, Tổng Tham Muu Trưởng Quân Lực VNCH.

Trong khi đó, trong khi các tướng lãnh không hề biết gì hết, Nhu đã sẵn sàng trực sẵn Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Lê Quang Tung và cảnh sát dã chiến. Ngay khi có lệnh thiết quân luật, như thế là quân đội sẽ mang tiếng về chiến dịch tấn công chùa, Nhu ra lệnh xuất trận và chiến dịch tấn công chùa khởi sự. Để đổ tội thêm cho quân đội, một số cảnh sát dã chiến còn mặt quân phục lính nhảy dù. Các chùa bị lục soát, quây phá ở tất cả các thành phố lớn ở Nam VN, và hơn 1400 Phật Tử, chủ yếu là các vị sư, đã bị bắt.

Trong trận tấn công vào Chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, có khoảng 30 vị sư bị thương, và nhiều vị sau đó đưa vào danh sách mất tích; chính xác số thương vong không bao giờ được thiết lập. Ông Diệm đã chấp thuận sắc lệnh thiết quân luật mà không tham khảo nội các của ông, nhưng vẫn không rõ là ông

có biết và chấp thuận kế hoạch của ông Nhu tấn công các chùa hay không. Một cách có ý nghĩa, ông Diệm sau đó không bao giờ tự tách rời ông ra khỏi ông Nhu hay là các trận tấn công chùa.

Trong khi sắc lệnh thiết quân luật cho Tướng Đôn quyền chỉ huy tất cả chiến binh, thực tế thì Tướng Đính và Đại Tá Tung nhận lệnh trực tiếp từ Dinh Tổng Thống. Do vậy, khi trận tấn công chùa xảy ra, Tướng Đôn ở văn phòng Tham Mưu Trưởng không biết gì hết. Trong một cuộc nói chuyện dài hôm 23-8-1963, với một viên chức CAS (ND: chữ viết tắt của trụ sở tình báo CIA tại Sài Gòn), Tướng Đôn nói rằng sắc lệnh thiết quân luật chỉ là giai đoạn một của một kế hoạch lớn hơn của các tướng lãnh. Tuy nhiên, họ bị trượt bắt ngờ vì trận tấn công chùa và vì việc Tướng Đính nhanh chóng kiểm soát địa phương Sài Gòn theo thiết quân luật.

Trong khi sửa soạn trận tấn công chùa, Nhu đã cực kỳ cẩn trọng, không để lộ ra lời nào cho các nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ (mặc dù các vị sứ và truyền thông Hoa Kỳ trước đó đã được báo trước bởi những người cho tin thân tín của riêng họ). Vào buổi sáng sau trận tấn công, Richardson, trưởng phòng CIA và là dân sự Hoa Kỳ cao cấp ở Sài Gòn, nói rõ và nhấn mạnh với phóng viên Halberstam (ND: của báo New York Times) rằng ông không hề biết trước trận tấn công chùa.

Để cô lập thêm phía Hoa Kỳ trong việc lượng định chính xác trong khi chiến dịch tiến hành, ông Nhu cắt đường dây điện thoại nối Tòa Đại Sứ Mỹ và nhà của tất cả các viên chức Mỹ cao cấp một thời gian ngắn sau khi trận tấn công khởi sự. nỗ lực của Nhu đã có hiệu quả như ông muốn. Phải nhiều ngày sau đó, các viên chức ngoại giao Mỹ tại Sài Gòn và các viên chức ở thủ đô Washington mới có thể ráp các thông tin lại để xem chuyện gì xảy ra.

Tại Washington, Harriman (ND: lúc đó là Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao Mỹ về Chính Trị Vụ) và Michael Forrestal, một thành viên trong ban tham mưu của McGeorge Bundy (ND: Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ) tại Tòa Bạch Ốc, soạn thảo một bản tuyên bố để Bộ Ngoại Giao sẽ phổ biến vào lúc

9:30AM sáng hôm sau. Bản văn lên án trận tấn công chùa là *“một vi phạm trực tiếp từ phía chính phủ VN đối với các bảo đảm rằng họ đang thực hiện chính sách hòa giải với người Phật Tử.”*

Nhưng các bản tin tình báo Mỹ đầu tiên, dựa vào thông tin từ phía Nhu, đã cho rằng quân đội VNCH có trách nhiệm về tấn công chùa, và xem việc trùng hợp với sắc lệnh thiết quân luật như, một cách hiệu quả, một cú đảo chánh quân sự. Trong bản ghi nhớ ngày 21-8-1963 gửi lên Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ, Giám Đốc Sở Quân Báo DIA, Tướng Carroll, viết, *“Mặc dù hành động của quân đội VNCH dựa vào sắc lệnh của Tổng Thống (Diệm), nhưng các tướng lãnh nắm toàn quyền kiểm soát.”*

Khi trận tấn công xảy ra, Lodge (ND: người sẽ là tân Đại sứ Mỹ), Nolting (cựu Đại sứ Mỹ), và Roger Hilsman, Phụ Tá Ngoại Trưởng về Viễn Đông, trước đó đã họp nhau ở Honolulu. Lodge tức khắc được lệnh tới Sài Gòn. Sau một ngừng chân ngắn ở Tokyo, Lodge tới Sài Gòn vào lúc 9:30 giờ tối ngày 22-8-1963, trong bầu không khí căng thẳng và và mù mờ thông tin về phía Mỹ. Chờ đợi ông là một điện văn từ Hilsman hỏi là cần thông tin rõ ràng về tình hình. Hỏi xem có phải quân đội VNCH đã đảo chánh và bắt giam ông Diệm không; hay có phải ông Diệm cũng cố được vị trí khi triệu tới quân đội phải không; hay có phải ông bà Nhu nắm toàn quyền? Trong vòng 24 giờ đồng hồ, Lodge gửi điện văn trả lời sơ khởi: không có đảo chánh, nhưng có vẻ như ông bà Nhu đang bị giám quyền lực, mặc dù các vai trò quyền lực trong chế độ không rõ ràng.

Cùng ngày đó, những phản ứng đầu tiên lộ ra từ phía các tướng lãnh VN để cho thấy cái mà phản ứng phía Hoa Kỳ xem như là một cú đảo chánh quân sự. Tướng Đôn, Tư Lệnh Quân Lực VNCH theo sắc lệnh thiết quân luật, có một cuộc nói chuyện dài với một viên chức CAS. Đôn trước tiên nói sơ lược về vai trò thực của quân đội trong các sự kiện ngày 20-21 tháng 8-1963, và rồi hỏi tại sao người Mỹ đổ trách nhiệm cho quân đội VNCH trong chiến dịch tấn công các chùa.

Bản thân Tướng Đôn có nghe dân chúng VN đổ trách

nhiệm cho quân đội trong việc tấn công các ngôi chùa. Ông nói rằng chính phủ Mỹ có lỗi về ngộ nhận đó vì đài VOA loan tin rằng quân đội VNCH tấn công chùa. Đôn hỏi tại sao đài VOA không nói rằng Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Tung và cảnh sát tấn công chùa. Đôn tin như thế sẽ giúp cho quân đội vào giây phút đó. Đôn nói rằng Mỹ nên nói rõ lập trường cho minh bạch.

Trong một cuộc nói chuyện cùng ngày với Rufus Phillips của USOM, Tướng Lê Văn Kim, Tham mưu phó của Tướng Đôn, đã cay đắng chỉ trích ông Nhu, nói rằng Nhu chịu trách nhiệm về trận tấn công chùa, và chỉ trích vai trò khống chế của Nhu trong chính phủ. (ND: cuộc nói chuyện của Tướng Kim ghi lại đầy đủ ở ĐIỆN VĂN 274:

<http://tinyurl.com/TVHS-DV274>). Kim nói rằng ấn tượng của dân chúng rằng quân đội tấn công chùa nếu không được cải chánh, quân đội sẽ bị bó tay trong cuộc chiến chống Việt Cộng.

Kim nói rằng nếu Mỹ biểu lộ quan điểm cứng rắn là phải dẹp bỏ ông bà Nhu, quân đội VNCH sẽ đoàn kết được và sẽ hành động chống lại ông bà Nhu. Hai đòi hỏi trực tiếp và minh bạch muốn Mỹ hỗ trợ hành động quân sự để lật đổ Nhu đã ghi dấu khởi đầu chính thức cho sự Mỹ can dự vào việc soạn kế hoạch lâu dài chống lại chế độ ông Diệm.

Hai nhân vật dân sự cao cấp trong chính phủ, Chánh Văn Phòng Tổng Thống Phủ **Võ Văn Hải** và Bộ Trưởng **Nguyễn Đình Thuần** đồng thời nói với phía người Mỹ rằng loại bỏ ông Nhu ra khỏi chính phủ là cần thiết và rằng Mỹ nên có lập trường cứng rắn chống lại ông Nhu.

Vào ngày 24-8-1963, Lodge gửi điện văn ghi ước lượng tình hình về Washington, dựa trên những cuộc nói chuyện này. Lodge viết, “*Nhu có lẽ có sự ủng hộ toàn lực từ Diệm đã chủ động phần lớn việc lập kế hoạch tấn công người Phật Tử, nếu không phải là Nhu đã toàn bộ soạn kế hoạch này. Ảnh hưởng của Nhu cũng tăng nhiều hơn.*” Nhu đã đơn giản thừa cơ các quan ngại của một số tướng lãnh, có thể đã không đầy đủ thông báo cho quân đội về chiến dịch tấn công chùa.

Tuy nhiên, không có tư lệnh quân sự nào quan trọng trong

khu vực Sài Gòn (Đôn, Đính và Tung) hiện nay bất mãn với chế độ. Thêm nữa, tình hình không có lãnh đạo quân sự minh bạch nào và thiếu sức mạnh quân đội tại Sài Gòn cho một hành động chống ông bà Nhu sẽ làm cho việc Mỹ ủng hộ một hành động như thế sẽ là một “*phát đạn bắn vào bóng đêm.*” [shot in the dark = nhiều rũi may]

Đối với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, vấn đề làm sáng tỏ trước công chúng về trận tấn công chùa và quy trách nhiệm về tấn công chùa đã trở nên gay gắt thêm vào ngày 24-8-1963. Các bản tin báo chí từ Sài Gòn bắt đầu quy trách nhiệm ông Nhu về tấn công chùa, nhưng đài VOA, với lượng thính giả đông tại Việt Nam, tiếp tục loan tin rằng lập trường chính thức Hoa Kỳ là quân đội VNCH đã là thủ phạm tấn công chùa. Chúng có nhiều thêm cho thấy Nhu chủ mưu và nhiều phần sẽ thiệt hại lớn cho tinh thần quân đội nếu VOA không loan tin cho minh bạch chỗ đang cần cải chánh.

Vấn đề thứ nhì cho Washington là Nhu. Các tướng VN đã yêu cầu, một cách hiệu quả, ngọn đèn xanh để họ lật đổ Nhu, nhưng Lodge dè dặt chỗ này. Hilsman báo cáo rằng trong khi ông ta, Harriman, Forrestal, và Ball bàn về việc thảo ra bản trả lời vào sáng Thứ Bảy đó, về tuyên bố của Thuần nói với Phillips rằng “trong mọi trường hợp, Mỹ không nên chấp thuận những gì ông bà Nhu đã làm,” đã được cân nhắc cẩn trọng. Đô Đốc Felt điện thoại về Hoa Kỳ từ CINCPAC (Phòng Tư Lệnh Quân Lực Mỹ Thái Bình Dương) để ủng hộ lập trường cứng rắn của Mỹ chống lại ông bà Nhu. Tất nhiên, câu hỏi chưa giải đáp là gỡ bỏ ông bà Nhu ra khỏi chính phủ có sẽ hy sinh cả ông Diệm hay không, và nếu không, sự bất ổn chính trị có sẽ gây ra hậu quả tai hại thêm cho nỗ lực chiến tranh hơn là giữ ông Diệm.

Điện văn ngày 24-8-1963 ghi những hướng dẫn cho Lodge, kết quả từ những suy tính vạch ra một hướng đi chính sách mới (quan trọng và cả gây tranh cãi) cho Hoa Kỳ tại Nam VN. Đoạn văn đầu tiên nêu ra cách nhìn mới từ phía Mỹ:

...Bây giờ thấy rõ rằng, cho dù thiết quân luật có do quân đội đề nghị hay do Nhu lừa gạt họ để đưa ra, **Nhu đã lợi dụng**

ơ hội đó để tấn công các chùa bằng cảnh sát và bằng Lực Lượng Đặc Biệt của Tung trung thành với Nhu, do vậy đặt trách nhiệm quân đội trước mắt thế giới và dân chúng VN. Cũng thấy rõ rằng Nhu tự sắp xếp để giữ vị trí chỉ huy tấn công chùa.

Chính phủ Mỹ không thể chấp nhận tình hình mà quyền lực nằm trong tay Nhu. Diệm phải được cơ hội để gạt bỏ Nhu và bè phái này ra, và thay thế họ bằng các cá nhân chính trị và quân sự xuất sắc nhất có thể.

Trường hợp ông [Lodge] **đã tận lực thuyết phục, mà Diệm vẫn cứng rắn không đổi, rồi chúng ta phải đối diện khả thể rằng cũng không thể giữ ông Diệm được nữa.**" [Hồ sơ 126]

Lodge được chỉ thị nói với chính phủ VNCH rằng người Mỹ không chấp nhận đàn áp Phật Tử, và như thế cần có những bước điều chỉnh tình hình. Các lãnh đạo quân sự [Hoa Kỳ] chủ yếu được thông báo riêng rằng,

...Hoa Kỳ sẽ thấy không thể tiếp tục ủng hộ chính phủ VNCH về mặt quân sự và kinh tế nếu không có những bước thay đổi tức khắc, mà chúng tôi nhận thấy là phải đẩy ông bà Nhu ra khỏi chính trường. **Chúng tôi ước mong cho Diệm cơ hội hợp lý để gạt bỏ ông bà Nhu, nhưng nếu Diệm vẫn cứng rắn, thì chúng tôi sẵn sàng chấp nhận diễn biến hiển nhiên là chúng tôi không hỗ trợ Diệm nữa.** Quý vị cũng có thể nói với các tư lệnh quân sự thích nghi rằng chúng tôi sẽ cho họ hỗ trợ trực tiếp trong thời kỳ chuyển tiếp khi gỡ bỏ cơ chế chính phủ trung ương VNCH." [Hồ sơ 126]

Cuối cùng, điện văn công nhận cần phải công khai cho thấy **quân đội VNCH không liên hệ gì với cuộc tổng tấn công các chùa**, và yêu cầu Lodge chấp thuận loan một bản tin VOA như thế. Cũng do vậy, Lodge được yêu cầu thăm dò khẩn cấp tìm xem dàn lãnh đạo thay thế.

Nhưng việc chấp thuận bản thảo thông điệp lại bị phức tạp hóa vì trùng hợp vào cuối tuần, nên hầu hết giới chức cao cấp trong chính phủ vắng mặt ở thủ đô Washington. Tổng Thống lúc đó ở Hyannis Port; Rusk đang ở New York; còn McNamara

và McCone đang nghi hè. Tuy nhiên, cả Tổng Thống và Ngoại Trưởng đều tiếp cận được, cả hai đều chấp thuận bản thảo thông điệp.

Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng Roswell Gilpatric cũng chấp thuận từ phía Quốc Phòng, và Tướng Taylor cũng chấp thuận từ phía JCS (Phòng Tổng Tham Mưu). Còn Schlesinger, khi kể chuyện này, nói rằng điện văn được xem là viết vội vã và chưa khéo, và Tổng Thống thoát tiên đã khựng lại.

Lodge trả lời ngày kế tiếp là ủng hộ lập trường cứng rắn nhưng đề nghị tiếp cận trở lại với Diệm theo phương cách cũ, và công bố lập trường của Mỹ thay vì chỉ nói với các tướng lãnh VNCH, nghĩa là Mỹ dốc toàn lực cho một cuộc đảo chánh.

Bức điện văn viết:

“Hãy tin rằng cơ hội để Diệm đáp ứng với đòi hỏi của chúng ta kể như là số không. Cùng lúc, bằng cách làm như thế, chúng ta cho Nhu cơ hội để chận trước hay ngăn cản hành động từ phía quân đội. Chúng ta tin rằng, cơ nguy là không đáng để nhận lấy trong khi **Nhu kiểm soát lực lượng tác chiến ở Sài Gòn**. Do vậy, đề nghị là chúng ta tới thẳng với các tướng lãnh với các đòi hỏi từ phía chúng ta, mà không báo cho Diệm biết. [Tôi] sẽ nói với họ [các tướng lãnh] rằng chúng ta sẵn sàng giữ ông Diệm trong khi loại trừ ông bà Nhu, nhưng khả thi hay không là tùy vào họ có giữ ông ta [Diệm] hay không.” (Hồ sơ 127)

Hilsman khẳng định rằng điện văn cũng cho thấy quan điểm của Lodge rằng bởi vì ai cũng biết việc chúng ta không chấp thuận hành động của chính phủ VNCH [đàn áp Phật Giáo], nên sẽ không thích nghi để Mỹ tới với ông Diệm, mà rằng chính Diệm phải tới với Hoa Kỳ.

Trong một điện văn của trụ sở CIA Sài Gòn trong cùng ngày, Richardson, Trưởng Phòng CIA ở Sài Gòn, báo cáo rằng trong một buổi gặp gỡ với Lodge và Harkins, mọi người đồng ý rằng Diệm sẽ không chịu loại trừ Nhu, và do vậy, trong tinh thần bản điện văn hướng dẫn ngày 24-8-1963 [Hồ sơ 126] của Bộ Ngoại Giao Mỹ, đồng thuận là sẽ tức khắc liên lạc với các tướng như **Dương Văn Minh** và **Nguyễn Khánh** để đánh giá

mức độ đoàn kết và quyết tâm của các sĩ quan cao cấp.

Minh được xem là lãnh tụ tốt nhất trong thời chuyển tiếp, với Phó Tổng Thống Thơ là ứng viên nổi bật nhất trong nhóm dân sự để làm Tổng Thống. Điện văn kết luận với cái nhìn rằng một nhóm quân sự sẽ có thể điều hành sau hậu trường trong tương hợp đảo chánh thành công, và Mỹ nên để chiến thuật đảo chánh cụ thể cho các tướng lãnh quyết định. Có một khoảng ngưng trong lưu lượng điện văn vào lúc đó, nhưng Hilsman nói rằng Hoa Kỳ đã quyết định vào hôm Chủ Nhật 25-8-1963 là hoãn tiếp cận trực tiếp tới Diệm cho tới khi tình hình rõ hơn.

Trong phần trả lời của Lodge, ông cũng cho thấy chấp thuận bản tin đề nghị đưa lên đài VOA để nói rằng quân đội VNCH không liên hệ trận tổng tấn công các chùa. Hilsman nói với giới truyền thông dựa vào bản thảo đã chấp thuận trước đó vào ngày 25-8-1963. Bản văn bày tỏ lập trường Hoa Kỳ chống mạnh mẽ việc tấn công chùa do Nhu thực hiện.

Khi tường thuật bản tin, giới truyền thông suy đoán rằng bản văn chống mạnh mẽ như thế có thể ám chỉ sẽ có biện pháp, nhưng hoãn viện trợ đang được suy tính. VOA được chỉ thị loan tin chỉ về nội dung bản tuyên bố của Mỹ như đã cung cấp trong bản thông cáo báo chí và không nói thêm gì.

Chỉ thị lại bị quên đi một cách nào đó; và vào sáng Thứ Hai 26-8-1963, nhiều giờ đồng hồ trước khi Lodge trình ủy nhiệm thư [đại sứ] lên Diệm, đài VOA loan bản tin đầy đủ từ thông tấn UPI trong đó nói thẳng thừng rằng “*Mỹ có thể giảm nhiều trợ giúp đối với VN trừ phi Tổng Thống Diệm dẹp bỏ các viên chức cảnh sát mật vụ trách nhiệm trận tổng tấn công nhà chùa.*”

Lodge thấy rõ là lúng túng, và đã gửi một điện văn bực dọc, hỏi rằng có phải ông thực sự là người chỉ huy các chiến thuật nhưng ông được cho quyền như thế. Rusk mới gửi điện văn riêng để xin lỗi Lodge, và VOA tức khắc loan tin bác bỏ ý định của Mỹ về cắt viện trợ, nhưng thiệt hại sơ khởi đã thấy xong rồi.

Phản ứng từ phía VN đối với trận tổng tấn công chùa đã rất xúc động. Tại Hoa Kỳ, cha và mẹ của bà Nhu – cha [bà Nhu]

là Đại sứ VN tại Mỹ, mẹ [bà Nhu] là quan sát viên thường trực tại Liên Hiệp Quốc (ND: thân phụ của bà Nhu là LS Trần Văn Chương, lúc đó là Đại sứ VN tại Mỹ và thân mẫu của bà Nhu là bà Thân Thị Nam Trân, quan sát viên thường trực tại Liên Hiệp Quốc) – **cùng từ chức, đưa ra những tuyên bố công khai lên án trận tổng tấn công các chùa.**

Tại Nam VN, Bộ Trưởng Ngoại Giao **Vũ Văn Mẫu** từ chức và cáo đầu y như một vị sư để phản đối [tấn công chùa].

Vào ngày 23-8-1963, **sinh viên các đại học Y và Dược** tổ chức những cuộc biểu tình đông đảo để ủng hộ Phật Giáo. Chính phủ phản ứng bằng cách duy nhất là bắt giam tập thể. Nhưng những cuộc biểu tình vẫn diễn ra liên tục, và khi đại học bị đóng cửa, những cuộc biểu tình được tham dự từ phía các học sinh trung học đệ nhị cấp và đệ nhất cấp.

Đó là những chứng cứ xúc động cho thấy **mức độ bất mãn chế độ, bởi vì hầu hết sinh viên học sinh này là từ các gia đình trung lưu, thành phần làm nên giới lãnh đạo quân đội và công chức.**

Sinh viên học sinh ở VN không có truyền thống hoạt động chính trị như ở các phần khác tại Châu Á, như ở Đại Hàn. Thêm nữa, một số vị lãnh đạo Phật Giáo đã thoát được các trận tấn công chùa, đã biến vào bí mật và rồi đi rải truyền đơn trên đường phố.

Vào ngày của trận tổng tấn công, hai vị sư đã vào tỵ nạn trong tòa nhà USOM kế bên Chùa Xá Lợi. Vào ngày kế tiếp, ba vị sư khác, trong đó có vị sư lãnh đạo trẻ **Thích Trí Quang**, vào tỵ nạn trong Tòa Đại Sứ Mỹ, nơi họ được tiếp đón nồng ấm bởi Lodge và ở lại nơi đó cho tới cuộc đảo chánh tháng 11-1963 thành công.

NGUYỄN VĂN

The Pentagon Papers

Gravel Edition

Volume 2

Chapter 4, "The Overthrow of Ngo Dinh Diem, May-
November, 1963," pp. 201-276.

Section 2, pp. 232-276

III. LODGE vs. DIEM: AUGUST 20-OCTOBER 2

A. THE PAGODA RAIDS AND REPERCUSSIONS

Shortly after midnight on August 21, six days after Nolting's frustrated departure, Nhu, shattering any remaining illusions about the GVN's conciliatory approach to the Buddhists, and betraying Diem's parting pledge to Nolting, staged a general assault on Buddhist pagodas. In Saigon, Hue, and other coastal cities, the regime's private shock troops—the U.S.-trained Special Forces—and the combat police invaded the pagodas and arrested hundreds of Buddhist monks, effectively destroying an American policy and marking the beginning of the end of the Diem regime.

On August 18, ten senior generals had met and decided that they would ask Diem for a declaration of martial law to permit them to return Buddhist monks from outside Saigon to their own provinces and pagodas, hopefully reducing tensions in the capital. Among those in attendance at the meeting were General Ton That Dinh, military governor of Saigon and commander of III Corps surrounding it, and General Huynh Van Cao, IV Corps commander, both of whom owed their positions to their loyalty to the regime. Either or both of them probably reported the outcome of this meeting to Diem and Nhu.

In any case, Nhu had decided to eliminate the Buddhist opposition, and to confront the U.S. with a fait accompli on Lodge's arrival; he assumed the U.S. would protestingly acquiesce, as it always had in the past. On the afternoon of the

20th, Nhu met with a small group of generals, including Don, Khiem, and Dinh who presented the martial law proposal to him. Nhu, his own plans for the raids now far advanced, told them to take their proposal to Diem. At a meeting later that evening, Diem acquiesced in the generals' plan and at midnight the decree was published under the signature of General Don, Chief of the Joint General Staff. Meanwhile, unbeknown to the generals, Nhu had already alerted Colonel Tung's Special Forces and the combat police. Once the facade of martial law was in place, so the army would be blamed for the raids, Nhu gave the word and the crackdown began. To further implicate the army, some of the combat police wore paratroop uniforms. Pagodas were ransacked in all the major South Vietnamese cities, and over 1400 Buddhists, primarily monks, were arrested. In the raid on Xa Loi pagoda in Saigon about thirty monks were wounded or injured, and several were subsequently listed as missing; exact casualties were never established. Diem had approved the martial law decree without consulting his cabinet, but it was never established whether he knew of and approved Nhu's plans for the pagoda raids. Significantly, he never subsequently sought to dissociate himself from Nhu or the raids.

While the martial law decree gave General Don command of all troops, in fact, General Dinh and Colonel Tung took their orders directly from the palace. Thus, when the raids came, General Don was at JGS unaware. In a long discussion on August 23 with a CAS officer, he suggested that the martial law decree was only phase one of a larger Generals' plot. They were thrown off balance, however, by the raids and by General Dinh's rapid assumption of local control of martial law in Saigon.

In planning the raids, Nhu had been extremely careful not to have word leak to the U.S. mission (although the Buddhists and the U.S. press corps had been tipped off by their own informants). On the morning after the attack, Richardson, the CIA chief and the senior American civilian in Saigon,

emphatically denied to Halberstam any foreknowledge of the plan. To further isolate the U.S. from an accurate assessment during the operation, Nhu had the telephone lines to the Embassy and the homes of all senior U.S. personnel cut shortly after the raids got under way. His efforts had the desired effect. It was several days before the U.S. mission in Saigon and officials in Washington could piece together what happened. In Washington, Harriman and Michael Forrestal, a member of McGeorge Bundy's staff at the White House, drafted a stiff public statement that was released by the State Department at 9:30 the following morning. It deplored the raids as "a direct violation by the Vietnamese Government of assurances that it was pursuing a policy of reconciliation with the Buddhists." But the first U.S. intelligence reports, based on information from Nhu, accepted army responsibility for the raids, and treated their coincidence with the martial law decree as, in effect, a military coup. In an August 21 memorandum for the Secretary of Defense, the Director of DIA, General Carroll, wrote, "Although the military moves are based on an alleged presidential proclamation, the military leaders have, in effect, assumed full control."

When the raids occurred, Lodge, Nolting, and Roger Hilsman, the Assistant Secretary of State for the Far East, had been conferring in Honolulu. Lodge was immediately instructed to proceed to Saigon. After a brief stop in Tokyo, Lodge touched down in Saigon at 9:30 p.m. on August 22, in an atmosphere charged with tension and official U.S. confusion. Awaiting him was a cable from Hilsman asking for a clarification of the situation. Had the military taken over and retained Diem as a figurehead; had Diem strengthened his own position by calling in the military; or were the Nhus really calling the shots? Within twenty-four hours, Lodge had sent a preliminary reply: there had been no coup, but there seemed also to be no diminution in the roles of the Nhus, although the power roles within the regime were unclear.

That same day, the first military feelers had been put out

from the Vietnamese generals to determine what the U.S. reaction would be to a military coup. General Don, the commander of the armed forces under the martial law decree, had a long, rambling conversation with a CAS officer. He first outlined the true role the army had played in the events of August 20-21 and then inquired why the U.S. had blamed the army for the raids on the pagodas:

General Don has heard personally that the military is being blamed by Vietnamese public for the attack on the pagodas. He said that the US Govt is at fault for this misconception because VOA announced that the military took action against the pagodas. Don queried why VOA did not admit that Colonel Tung's Special Forces and the Police carried out the action. Don believes this would help the military at this point. Don stated that the USA should now make its position known.

In a conversation the same day with Rufus Phillips of USOM, General Kim, deputy to General Don, bitterly attacked Nhu, charging him with responsibility for the raids, and deploring his dominant role in the government. He said that unless the popular impression that the army was responsible for the raids were corrected, the army would be handicapped in its fight against the VC. He stated that a firm U.S. stand for the removal of the Nhus would unify the army and permit it to act against them. These two direct and obviously reinforcing requests for U.S. support for military action aimed at Nhu's ouster marked the formal beginning of the U.S. involvement in the protracted plotting against the Diem regime. Two senior civilians in the government, Diem's chef de cabinet, Vo Van Hai, and Secretary of State, Nguyen Dinh Thuan, were simultaneously telling U.S. contacts that Nhu's elimination from the government was vital and that the U.S. should take a strong stand against him.

On August 24, Lodge cabled his appraisal of the situation to Washington, based on these conversations. "Nhu," he reported, "probably with full support of Diem, had a large hand

in planning of action against Buddhists, if he did not fully master-mind it. His influence has also been significantly increased." Nhu had simply taken advantage of the concern of certain generals, possibly not fully informing the regular army of the planned action. Nonetheless, none of the important Saigon area troop commanders (Don, Dinh, and Tung) were presently disaffected with the regime. Furthermore, absence of clear-cut military leadership and troop strength in Saigon for a move against the Nhus would make U.S. support of such an action a "shot in the dark."

For the State Department, the problem of clarifying the public record about the raids and affixing responsibility for them had become acute by August 24. The press reports emanating from Saigon had from the outset blamed Nhu for the raids, but VOA, with a large audience in Vietnam, continued to report the official U.S. position that the army was culpable. The accumulating evidence against Nhu and the likelihood of severe damage to army morale if VOA did not broadcast a clarification seemed to call for retractions.

The second issue for Washington was Nhu. The generals had asked, in effect, for a green light to move against him, but Lodge had cautioned against it. Hilsman reports that as he, Harriman, Forrestal, and Ball deliberated over the drafting of a reply on that Saturday morning, the statement of Thuan to Phillips that "under no circumstance should the United States acquiesce in what the Nhus had done," was given great weight. Admiral Felt telephoned Washington from CINCPAC to support a strong U.S. stand against the Nhus. The unanswered question, of course, was whether the Nhus could be removed without also sacrificing Diem, and if not, whether the resulting political instability would not have an even more detrimental effect on the war effort than maintaining Diem.

The August 24 cable of instructions to Lodge resulting from these deliberations outlined an important, and subsequently controversial, new policy approach for the U.S. in South Vietnam. Its opening paragraphs crisply set forth the new

American view:

It is now clear that whether military proposed martial law or whether Nhu tricked them into it, Nhu took advantage of its imposition to smash pagodas with police and Tung's Special Forces loyal to him, thus placing onus on military in eyes of world and Vietnamese people. Also clear that Nhu has maneuvered himself into commanding position.

US Government cannot tolerate situation in which power lies in Nhu's hands. Diem must be given chance to rid himself of Nhu and his coterie and replace them with best military and political personalities available.

If, in spite of all your efforts, Diem remains obdurate and refuses, then we must face the possibility that Diem himself cannot be preserved. [Doc. 126]

Lodge was instructed to tell the GVN the U.S. could not accept the actions against the Buddhists and that prompt dramatic steps to redress the situation must be taken. The key military leaders were to be privately informed that,

....US would find it impossible to continue support GVN militarily and economically unless above steps are taken immediately which we recognize requires removal of Nhus from the scene. We wish give Diem reasonable opportunity to remove Nhus, but if he remains obdurate, then we are prepared to accept the obvious implication that we can no longer support Diem. You may also tell appropriate military commanders we will give them direct support in any interim period of breakdown central government mechanism. [Doc. 126]

Finally, the message recognized the need to publicly exonerate the army from the raids and asked Lodge to approve a VOA broadcast to that effect. Lodge was requested, as well, to survey urgently for alternative leadership.

Clearance of the draft message was complicated by the coincident week-end absence from Washington of most of the top level members of the Administration. The President was in Hyannis Port; Rusk was in New York; and McNamara and McCone were away on vacation. Both the President and the

Secretary of State were reached, however, and approved the draft. Deputy Secretary of Defense Roswell Gilpatric approved for Defense, and General Taylor for the JCS. Schlesinger, in his account of the incident, suggests that the cable was hasty and ill-considered, and that the President immediately began to back away from it.

Lodge replied the following day endorsing the strong position but proposing to forego a futile approach to Diem and to state our position instead only to the generals, thus throwing all our weight behind a coup. The cable stated:

Believe that chances of Diem's meeting our demands are virtually nil. At the same time, by making them we give Nhu chance to forestall or block action by military. Risk, we believe, is not worth taking, with Nhu in control combat forces Saigon. Therefore, propose we go straight to Generals with our demands, without informing Diem. Would tell them we prepared have Diem without Nhus but it is in effect up to them whether to keep him. [Doc. 127]

Hilsman asserts that the cable also reflected Lodge's view that since our disapproval of GVN action was well known, it was not fitting for the U.S. to go to Diem, it was Diem who should come to us.

In a separate CAS cable the same day, Richardson, the CIA Chief of Station in Saigon, reported that at a meeting with Lodge and Harkins it had been agreed that Diem would not remove Nhu and that therefore, assuming State's cable of instructions on 24 August [Doc. 126] represented Washington's basic policy, the consensus was that contact should be immediately made with generals such as Minh and Khanh to assess the degree of unity and determination of senior officers. Minh was considered the best possible interim leader, with Vice President Tho as the most attractive candidate for President among the civilians. The cable concluded with the view that a junta would probably operate behind the scenes in the event of a successful coup, and that the U.S. should leave the specific tactics of a coup up to the generals. There is a hiatus in the

available cable traffic at this point, but Hilsman indicates that Washington decided on Sunday, August 25, to defer a direct approach to Diem until more was known about the situation.

In Lodge's reply, he had also apparently approved the proposed VOA broadcast to exonerate the army. Hilsman briefed the press on the basis of a previously approved draft statement on August 25. The statement expressed strong U.S. disapproval of the raids, which were attributed to Nhu. In reporting the story, the press speculated that such a strong statement probably indicated that measures such as aid suspension were being considered. VOA had been instructed to broadcast only the substances of the U.S. statement as provided in the press guidance and nothing more. The instructions somehow got mislaid; and on Monday morning, August 26, just several hours before Lodge was to present his credentials to Diem, VOA broadcast in full a UPI story which flatly asserted that "the US may sharply reduce its aid to Vietnam unless President Diem gets rid of secret police officials responsible for the attacks." Lodge was understandably upset, and sent a testy cable rhetorically inquiring whether he really was in charge of tactics as he had been given to understand. Rusk sent a personal cable of apology to Lodge, and VOA promptly broadcast a denial of U.S. intent to cut aid, but the initial damage had been done.

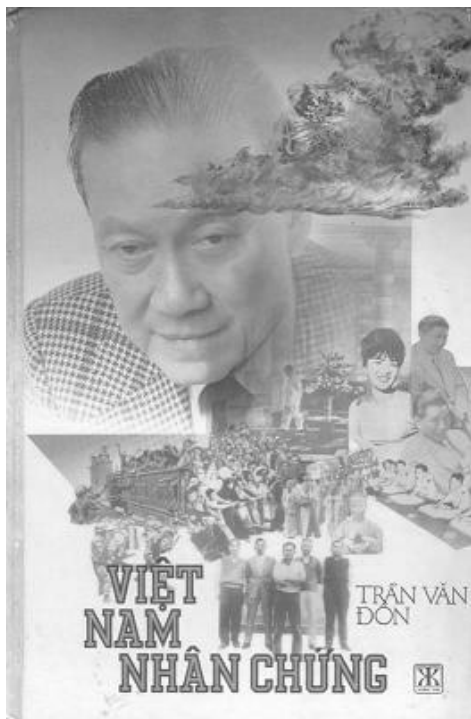
The Vietnamese reaction to the attack on the pagodas during this time had been dramatic. In the United States, Mme. Nhu's father and mother, respectively the Vietnamese Ambassador to the U.S. and the Vietnamese observer at the UN, had both resigned, making bitter public statements denouncing the raids. In South Vietnam, the Foreign Minister, Vo Van Mau, had resigned and shaved his head like a Buddhist monk in protest. On August 23, students at the faculties of medicine and pharmacy at the University of Saigon turned out to stage mass demonstrations on behalf of the Buddhists. The GVN reacted in the only way it seemed to know, with massive arrests. But the demonstrations continued, and when the university was closed,

the protest was taken up by high school and junior high school students. These were dramatic evidences indeed of the degree of disaffection with the regime, since most of these students were from the middle class families that formed the bureaucracy and the army leadership. Students in Vietnam had no substantial record of political activism as was the case with their counterparts in other parts of Asia, like Korea. Furthermore, some of the Buddhist leadership had survived the raids and gone underground and were soon passing out leaflets on the streets again. On the day of the raids, two monks had taken refuge in the USOM building next door to Xa Loi pagoda. The following day, three others, including the militant young leader Tich Tn Quang, took refuge in the U.S. Embassy, where they were warmly received by Lodge and remained until the successful November coup.

B. MIS-COUP

CUỘC TẤN CÔNG CÁC CHÙA ĐÊM 20-8-1963

Trích từ “Việt Nam Nhân Chứng”
của cựu Trung Tướng VNCH Trần Văn Đôn
(từ trang 168 đến 179)



Chiều ngày 20 tháng 8, ông Ngô Đình Nhu mời tôi, quyền Tổng Tham Mưu Trưởng, Thiếu Tướng Trần Thiện Khiêm, Tham Mưu Trưởng, Thiếu Tướng Tôn Thất Đính, Quân trấn Sài gòn, và Đại Tá Nguyễn Văn Y, Tổng giám đốc Công an Cảnh sát, đến dinh Độc Lập ra lệnh: “Tôi nay sẽ bắt các sư sãi cộng sản”.

Đêm 20 tháng 8, lợi dụng lệnh giới nghiêm, dinh Độc Lập ra lệnh riêng cho Đại Tá Lê Quang Tung, chỉ huy trưởng Lực Lượng đặc biệt cùng Cảnh Sát Đặc Biệt của Dương Văn Hiếu, Mật vụ và Cảnh sát chiến đấu của ông Trần Văn Tư, Giám đốc Cảnh sát Đô thành bao vây tấn công các chùa trong đô thành để bắt các Thượng tọa, Đại đức, Tăng ni và Phật tử.

Lực Lượng Đặc Biệt là một tổ chức của quân đội, được thành lập từ năm 1956 gồm gần 10 Đại Đội (mỗi đại đội 120 người), võ trang súng ống tối tân nhất, được huấn luyện kỹ như

Nhảy Dù, bơi lội, đột kích sau lưng địch... Một số ít chiến sĩ Lực Lượng Đặc Biệt này đã từng nhảy dù ra Bắc để hoạt động, vì vậy nên được chọn lựa rất kỹ, đòi hỏi nhiều tiêu chuẩn. Đại Tá Lê Quang Tung chỉ huy lực lượng này.

Nghe lệnh tấn công chùa như vậy, chúng tôi biết là việc này sẽ làm sụp đổ thêm cho chế độ nhưng không thể can gián được. Đêm đó, tôi và Trần Thiện Khiêm theo dõi tại bộ Tổng Tham Mưu trên máy riêng Motorola của Cảnh sát nên chúng tôi biết được cuộc tấn công này do Đại Tá Lê Quang Tung chỉ huy tổng quát.

Tôi và ông Khiêm lấy xe đến chùa Xá Lợi vào khoảng 1 giờ khuya. Đến nơi tôi thấy đèn còn bật sáng, cảnh sát còn đi qua lại. Bước vào chính điện, tôi giờ mũ, ông Khiêm cũng giờ theo. Lính cảnh sát thấy vậy cũng giờ mũ và đứng im. Tôi hỏi: - Quý Thầy đâu hết rồi?

Họ nói dẫn qua Phú Nhuận, còn Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết rất mệt, mai sáng phải cho vô bệnh viện quân sự Cộng Hòa. Chúng tôi trở ra đi thẳng đến dinh Gia Long. Lúc đó khoảng 3 giờ sáng. Gặp ông Nhu, ông ta bảo chúng tôi ra lệnh thiết quân luật. Lệnh này ban ra là có ý đổ trách nhiệm tấn công chùa cho quân đội, tôi hiểu ý của ông Nhu nhưng im lặng thi hành.

Lúc 5 giờ sáng, ông Diệm tập họp Nội Các chánh phủ để trình bày sự việc. Ngay trong phiên họp đó, Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu từ chức để phản đối sự đàn áp Phật giáo của anh em ông Diệm. Sự từ chức này của ông Mẫu làm thế giới xôn xao, Phật tử xúc động, dân chúng cảm phục một người đã thẳng thắn từ bỏ chức vụ để phản đối hành động bất công và tàn bạo.

Lúc đó ông Trần Văn Chương đang là Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Mỹ, bà Chương là Quan sát viên cho Việt Nam Cộng Hòa tại Liên Hiệp Quốc, nhận thấy anh em Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, con gái mình tiếp tay phát ngôn hỗn xược mà mình không thể can ngăn được nên cả hai ông bà đều từ chức.

Sự từ chức của ông Vũ Văn Mẫu và ông bà Trần Văn Chương là những ngọn đèn đầu đón cho anh em nhà họ Ngô.

Giới nghiêm là hạn chế sự lưu thông về đêm, còn Thiết quân luật là phải đem quân đội ra đường canh gác. Một thứ phù hợp với một tình trạng mà Thiết quân luật chỉ áp dụng khi thật sự có nguy hiểm cho nước nhà. Bởi vậy nghe lệnh Thiết quân luật, các tướng ngỡ ngác.

Trung Tướng Dương Văn Minh cho tôi ý kiến: Xin phép Tổng Thống triệu tập tất cả các tướng lãnh trong Đô thành mỗi ngày từ 9 đến 12 giờ để thảo luận và học tập ưu khuyết điểm của lệnh Thiết quân luật.

Chiều ngày 21 tháng 8, tôi đến gặp ông Ngô Đình Nhu, đề nghị thực hành ý kiến của ông Dương Văn Minh. Học tập tức là gián tiếp chấp nhận việc Thiết quân luật, tức là nhận lãnh trách nhiệm tấn công nhà chùa. Ông Nhu chấp thuận không nghi ngờ gì cả.

Ngày 21 tháng 8, đài VOA loan tin quân đội nghe theo lệnh Tổng Thống đi tấn công chùa. Tôi không biết làm sao cải chính tin đó với đài VOA nên tôi cho Đại Ủy Lê Văn Khẩn, sĩ quan tùy viên của tôi đi mời ông Conein, sĩ quan CIA quen tôi từ năm 1946 ở Hà Nội hiện đang ở góc đường Công Lý và Nguyễn Đình Chiểu đến bộ Tổng Tham Mưu gặp tôi đêm đó. Ông Conein sợ tôi gài bẫy nên mang theo súng tùy thân.

Chín giờ tối, ông Conein lại, chúng tôi cho biết quân đội không tham gia trong việc tấn công các chùa như đài VOA đã loan tin để ông Conein về trình lại đại sứ Mỹ. Ông Conein hỏi: “Các tướng lãnh Việt Nam có ý định đảo chánh không?” Tôi trả lời: “Chuyện này rất quan trọng sẽ nói chuyện sau”. Rồi ông Conein ra về.

Hôm sau đài VOA cải chính, nói rõ là quân đội Việt Nam không tấn công chùa. Ông Nhu nghe tin cải chính này rất tức giận, buộc mấy ông tướng phải họp lại, tuyên bố đứng sau lưng Tổng Thống và tôi phải ra nhật lệnh nói rằng quân đội có tham gia việc đó. Tôi phải tuân lời. Tuân lời ra nhật lệnh kêu gọi quân đội xiết chặt hàng ngũ sau lưng Ngô Tổng Thống thì được, nhưng nói làm sao cho anh em quân nhân và đồng bào hiền mình đang tìm cách hạ một chính quyền đang bị dân oán hận!

(...)

Tối ngày 21 tháng 8, hầu hết các chùa lớn ở các tỉnh đều bị cảnh sát, an ninh quân đội đến khám xét hoặc bắt các tu sĩ và cũng những người của hai cơ quan trên cùng chính quyền địa phương đến bắt một số Phật tử tham gia trong những cuộc biểu tình tuyệt thực, những Phật tử trung kiên thường có mặt tại chùa trong thời gian Phật giáo tranh đấu. Trong số bị bắt có rất nhiều Huynh trưởng và Đoàn sinh gia đình Phật tử, nhất là tại các tỉnh miền Trung, từ Bình Thuận đến Quảng Trị, tỉnh nào cũng có một số đông Huynh trưởng và Thanh thiếu niên gia đình Phật tử bị bắt đánh đập, giam cầm từ đêm 21 tháng 8. Hầu hết các trường Đại học và Trung học đều đóng cửa. Một phần do học sinh bãi khóa, một phần chính quyền sợ mở cửa sẽ tạo nơi tập trung cho sinh viên học sinh khởi xuất đi biểu tình phản đối chính quyền.

Mấy Thầy lãnh đạo Phật tử tranh đấu bị bắt, nhà chùa bị cảnh sát canh chừng, các Phật tử trung kiên dính líu vào vụ tranh đấu đa số đều bị bắt giam, vậy mà mấy ngày sau vẫn có một số đông Phật tử, dân chúng và sinh viên học sinh truyền miệng nhau, từng toán người vào chợ và đứng rải rác các ngã đường gần đó chờ đúng giờ ấn định tất cả kéo ra trước chợ Sài Gòn trưng biểu ngữ biểu tình phản đối chính quyền. Lần này cảnh sát nổi, cảnh sát chìm không phải chỉ giải tán biểu tình bằng hơi cay, bằng xịt nước hay bằng đám đá mà bằng gậy gộc và bằng súng, cho nên Quách Thị Trang là một thiếu nữ thuộc gia đình Phật tử miền Vĩnh Nghiêm (Bắc Việt di cư) đã bị bắn chết trước chợ Bến Thành. Một số Phật tử bị thương vì bị đánh đập.

Việc một nữ sinh bị bắn chết làm cho chúng tôi thấy hổ thẹn với quần chúng khi khoác áo quân nhân ra đường. Việc Phật tử bị giam cầm làm cho tôi có mặc cảm tội lỗi. Nói làm sao cho dân chúng hiểu được rằng chúng tôi không làm chuyện đàn áp đó, chúng tôi không chủ trương giết người biểu tình bất bạo động, chúng tôi không đồng ý bắt giam người như vậy? Nhưng chúng tôi cúi đầu nhận nhục chờ ngày không xa chúng tôi sẽ trả lời với mọi người bằng hành động.

Chưa bao giờ nhà lao chứa nhiều tù nhân như trong thời

gian đó. Nhiều anh em quân nhân rất khổ tâm khi phải ra đàn áp biểu tình. Trước ngày tấn công chùa vào 20 tháng 8, có những vụ biểu tình mà quân đội được lệnh của Tiểu Khu Trưởng tức là Tỉnh Trưởng ra lệnh chặn biểu tình đã đến gần đám biểu tình mà nói: “Chúng tôi được lệnh không cho đoàn biểu tình đi qua, tức là biểu chúng tôi phải chết tại nơi đây. Xin các anh chị hiểu giùm cho chúng tôi”.

Phật tử các tỉnh thừa nhận quân nhân ở các tỉnh dù được lệnh vẫn không nỡ thẳng tay đàn áp Phật tử biểu tình, chỉ có cảnh sát và cảnh sát dã chiến đàn áp mạnh vì phần đông các ông Phó ty cảnh sát hoặc Trưởng phòng Cảnh Sát Đặc Biệt, Trưởng phòng di động đều là cán bộ nòng cốt của đảng Cần Lao.

Vụ bắn Quách Thị Trang chết, bắt thêm sinh viên học sinh giam cầm không những khiến cho dân chúng trong nước căm hận mà Việt kiều và sinh viên Việt Nam ở ngoài nước cũng oán ghét gia đình nhà Ngô. Thế giới bất bình hành động đó của anh em Ngô Đình Diệm thêm nên bà Nhu quyết định lên đường đi “giải độc”.

Đầu tháng 10, bà Nhu có mặt tại Pháp. Ngoài việc tiếp xúc với chính giới ra, bà ấy ra lệnh tòa Đại sứ Việt Nam tại Ba Lê tổ chức một cuộc họp để giải độc vào chiều ngày 3 tháng 10 năm 1963.

Xe chở bà Nhu trên đường đi đến sứ quán, sinh viên và Việt kiều đã đón liệng cà chua, trứng và nước sơn để tỏ ý chống đối hiện thân của một chế độ độc tài. Lúc bà Nhu xuống xe, gần 200 sinh viên và Việt kiều đã đồng thanh đả đảo chính quyền Ngô Đình Diệm, hô hào đoàn kết tranh đấu đòi quyền tự do cho dân Việt. Trong số sinh viên chủ động có con trai tôi là Đức, đang học Đại học Y Khoa tại Ba Lê. Đức hướng dẫn sinh viên chống bà Nhu trong thời kỳ đó.

Vài ngày sau ông Diệm gặp tôi hỏi:

- Ông có đứa con đang học ở Ba Lê?

- Dạ.

- Học gì? Năm thứ mấy? v.v...

Ông Diệm chỉ hỏi chứ không nói lời phê bình nào, và tôi chỉ trả lời vắn tắt những câu hỏi của ông ta mà thôi.

Ngày 22 tháng 8, tôi đến thăm Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết. Với giọng nói mệt nhọc, ngài hỏi:

- Tại sao lại đánh chúng tôi?

Nghe hỏi tôi xót xa quá, nhưng không biết trả lời sao!

Vì thiết quân luật, chúng tôi ở trong trại không về nhà, nhiều anh em cũng như tôi nhận những cú điện thoại trách móc của vợ, không những chỉ các gia đình theo đạo Phật mà người phụ nữ thuộc các tôn giáo khác cũng có người trách chồng sao lại tham gia vào việc đàn áp Phật giáo... Đại Tá Trần Ngọc Huyền, một tín đồ Thiên Chúa giáo, người ủng hộ ông Diệm hết tình cũng chống vấn đề đàn áp Phật giáo đó của anh em ông Diệm.

Những gì chúng tôi nung nấu từ đầu năm 1960 đến nay đã đến lúc phải bộc phát. Những độc tài, bất công, đàn áp của chính quyền mà suốt mấy năm trời chúng tôi bất bình đến nay phải bùng nổ. Những chuẩn bị từ lâu nay đến lúc phải thi hành” (1.11.1963).

(Nguồn: Việt Nam Nhân Chứng, Trần Văn Đôn, nxb Xuân Thu, USA, 1989)

CIA: CUỘC NÓI CHUYỆN BÍ MẬT CỦA TƯỚNG TRẦN VĂN ĐÔN

Cư sĩ Nguyên Giác dịch



Foreign Relations of the United States, 1961–1963 Volume III, Vietnam, January–August 1963, Document 275

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Điện văn này do CIA từ Sài Gòn gửi về Hoa Kỳ, kể lời Tướng Trần Văn Đôn vài ngày sau trận tổng tấn công các chùa do ông Ngô Đình Nhu thực hiện.

Vài điểm ghi nhận từ lời của Tướng Đôn trong điện văn:

- Nhiều lính đào ngũ, tinh thần binh sĩ suy sụp vì bất mãn khi Phật Tử bị đàn áp;
- Ông Diệm nắm quyền xuyên qua ông Nhu;
- Ông Diệm xem Bà Nhu như người vợ trên mây;
- Ông Diệm đã thăng chức một trung sĩ trẻ, đẹp trai lên chức Trung Tá;
- Đôn nói ông sắp xếp giai đoạn đầu của kế hoạch đảo chánh ông Diệm;
- Đôn có vẻ muốn giữ ông Diệm ở ghế Tổng Thống, trong khi phải gạt bỏ ông bà Nhu và rất nhiều Bộ Trưởng ra ngoài quyền lực;
- Đôn không muốn Nguyễn Tôn Hoàn về nước thay thế ông

Diệm;

- Đôn kể tên một số tướng lãnh trong kế hoạch đảo chánh, nhưng không nhắc tên Tướng Tôn Thất Đính, lúc đó là Tổng Trấn Biệt Khu Sài Gòn/Gia Định. Đôn nhắc tới cuộc đảo chánh thất bại năm 1960 của các đại tá, và nói kế hoạch của các tướng sẽ rất là tuyệt hảo.

Toàn văn dịch bởi **Cư sĩ Nguyễn Giác**

BẢN DỊCH

275. Điện Văn từ Văn Phòng CIA tại Sài Gòn gửi về Sở Tình Báo Trung Ương CIA (1)

Sài Gòn, ngày 24-8-1963, lúc 6:45 giờ chiều

0265. 1. [*còn giữ bí mật chưa tới một dòng*] đã có buổi nói chuyện ba giờ đồng hồ với Tướng Trần Văn Đôn (2) vào đêm 23-8-1963 tại văn phòng Tướng Đôn ở Bộ Tổng Tham Muu. Sau đây là tóm lược cuộc nói chuyện.

2. Tướng Đôn được hỏi là ai đang nắm quyền, và đã trả lời rằng Tổng Thống Diệm nắm quyền xuyên qua Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Tất cả các tướng lãnh trước khi gặp ông Diệm đều phải qua sự cho phép của Nhu. [Tướng Đôn] giải thích điều này bằng cách nói rằng Diệm sử dụng Nhu như “lý thuyết gia” và cố vấn, nhưng không phải luôn luôn nghe lời khuyên của Nhu. Tổng Thống Diệm ghen tỵ với thẩm quyền và khả năng của Nhu.

Tướng Đôn cho một thí dụ. Vào lúc nửa đêm của ngày 22-8-1963, các Tướng Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính và Trần Thiện Khiêm tới gặp Nhu về các sinh viên, khuyến cáo rằng nên đóng cửa toàn bộ các trường ở Sài Gòn bằng cách thiết quân luật, bởi vì họ có tin rằng vào các ngày 23, 24 và 25 tháng 8-1963 sẽ có sinh viên biểu tình ở Sài Gòn. Nhu đồng ý với khuyến cáo của các tướng lãnh, nói với họ rằng họ phải xin phép Tổng Thống. Nhu và các tướng lãnh tới gặp ông Diệm và đề nghị đóng cửa các trường. Ông Diệm nói: “Không. Người trẻ

phải có phương tiện để bày tỏ chính họ.” Tướng Đôn lập lại rằng, Diệm là người ra quyết định cuối cùng.

3. Tướng Đôn giải thích về quan hệ với Phủ Tổng Thống. Nói rằng nên nhớ là trong nhiều năm, Tổng Thống Diệm là người chống lại chế độ thực dân. Trong thời gian đó, Diệm đã tự suy nghĩ rất nhiều. Khi nắm chính phủ năm 1954, Diệm thấy chuyện này khác hẳn và cần có những người chung quanh giúp suy nghĩ. Ông Diệm tìm sang người em là Nhu, một người suy nghĩ có lý thuyết, có triết lý. Với thời gian, Diệm cho phép Nhu làm hầu hết mọi chuyện suy nghĩ. Như thế không có nghĩa là Tổng Thống Diệm luôn luôn nghe lời cố vấn của Nhu. Diệm ưa thích Nhu viết các bản tuyên bố, các bài diễn văn cho Tổng Thống. Ông Diệm tự mình ưa thích gặp người dân, nói chuyện với người dân. Trong cách này, Nhu có quyền lực đặc biệt như là nhà lý thuyết cho Tổng Thống.

4. Mô tả về quan hệ với Bà Nhu trong Tổng Thống Phủ, Tướng Đôn nói rằng trong tâm tưởng ông Diệm, Bà Nhu có vị trí là “vợ” của ông Diệm. Tổng Thống Diệm chưa bao giờ kết hôn, và không quen với đàn bà ở chung quanh mình. Trong 9 năm qua, ông Diệm có Bà Nhu an ủi sau một ngày làm việc hoàn tất. Bà Nhu có sức quyến rũ, nói chuyện với ông Diệm, làm giảm căng thẳng cho ông Diệm, tranh cãi với ông Diệm, phê bình ông Diệm, và như một người vợ Việt Nam, bà không chế chuyện trong nhà.

Tổng Thống Diệm và Bà Nhu cư ngụ ở 2 căn tách biệt nhau. Không có quan hệ tình dục giữa ông Diệm và Bà Nhu. Theo ý kiến của Tướng Đôn, Tổng Thống Diệm chưa bao giờ có quan hệ tình dục nào.

Tướng Đôn so sánh tình hình đó y hệt như giữa Hitler và Eva Braun. Đôn cũng nói, Tổng Thống Diệm thích có đàn ông đẹp trai ở chung quanh. Đôn dẫn ra trường hợp một trung sĩ trẻ, đẹp trai, người làm vườn công cộng ở Đà Lạt. Tổng Thống Diệm đã hỏi rằng ai đã chăm sóc vườn đó, và khi được thông báo, ông Diệm đã gọi viên trung sĩ kia tới Dinh Tổng Thống và tức khắc thăng chức người này lên Trung Tá và giao nhiệm vụ quản trị nông nghiệp quân sự.

Ông Diệm có những đam mê cực đoan. Khi ông thích ai, ông thích họ mọi cách; khi ông ghét ai, ông ghét họ toàn diện. Không có ở chặng giữa. Bà Nhu đã sử dụng vị trí đặc quyền của bà với Tổng Thống để làm ông Diệm nói thuận, khi ông Diệm muốn nói chống; nhưng vì ông Diệm bị thuyết phục bởi sức quyến rũ của Bà Nhu.

Tướng Đôn nói, “Nhu tôi biết, Bà Nhu cực kỳ quyến rũ.” Đôn nói thực tế không thể loại bỏ ông bà Nhu vì vị trí đặc biệt mà họ đang nắm giữ; Ngô Đình Nhu là lý thuyết gia của Tổng Thống Diệm và Bà Nhu là người vợ trên mây của ông Diệm. (LND: chữ “platonic wife” có nghĩa là người vợ trên cõi lý tưởng, không phải cõi đời này.)

5. Quyết định về hành động của ngày 20-21/8/1963 đạt được bởi 10 tướng lãnh vào đêm 18-8-1963: Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Đỗ Cao Trí, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Khánh, [*còn giữ bí mật chưa tới một dòng*], Mai Hữu Xuân, Nguyễn Ngọc Lễ, Lê Văn Kim, và Dương Văn Minh. Theo lời Đôn, họ đạt quyết định này mà không do Nhu đưa ra khuyến cáo. Chỉ có lần Nhu nói chuyện về bất kỳ việc lập kế hoạch nào là trong buổi họp ngày 11 tháng 7-1963 với hiện diện của tất cả các tướng lãnh. Đôn không nói là ai đã triệu tập các tướng họp vào ngày 18-8-1963.

Việc lập kế hoạch này gồm cả việc ban lệnh thiết quân luật và do đó, bắt các nhà sư từ ngoài vào Sài Gòn để đưa họ về các ngôi chùa của họ ở các tỉnh. Kế hoạch này do các tướng lãnh trình lên ông Nhu vào ngày 20-8-1963. Nhu nói với họ là hãy thảo luận kế hoạch với Tổng Thống Diệm. Khi các tướng lãnh trình kế hoạch lên TT Diệm, ông Nhu không có mặt. Các tướng lãnh có mặt lúc đó là: Khiêm, Trí, Khánh, Đính, [*còn giữ bí mật chưa tới một dòng*], Kim và Đôn. Đôn hướng dẫn nhóm tướng lãnh này trình kế hoạch lên Tổng Thống Diệm.

6. Các tướng lãnh nói với ông Diệm rằng tình thần binh sĩ đang suy giảm, và thực sự họ sợ khi thấy rằng một đồn lính tới mức gần như đào ngũ cả. Các tướng nói rằng vợ các chiến binh và các sĩ quan cấp nhỏ đang hoang mang. Họ giải thích cho Tổng Thống Diệm về tình hình như quân đội thấy là trực diện

với Phật Tử. Đôn kể rằng Đôn đã nói với ông Diệm rằng câu chuyện ngày 8 tháng 5-1963 tại Huế có thể đã thương thuyết được rồi nhưng vì VC đã trà trộn vào Phật Tử tại Chùa Xá Lợi.

Đôn mô tả các kỹ thuật sử dụng trong các cuộc biểu tình ngày 11 tháng 8-1963, khi nhà sư Thích Tâm Châu đang nói chuyện trước đám đông ở Chùa Xá Lợi. Vị sư này hô trước đám đông những câu hỏi như “chúng ta sẽ diễn hành trên đường phố chứ?” Đám đông hô lớn lời đáp, “Xuống đường.”

Đột nhiên vị sư Thích Tâm Châu nói, “Không, chúng ta sẽ không diễn hành trên đường phố. Sự kiện rằng quý vị nói rằng chúng ta sẵn sàng diễn hành trên đường phố cũng là tương đương với việc diễn hành trên đường phố.”

Đôn cảm thấy rằng nhà sư nói tiếng Anh, sư Thích Đức Nghiệp, là rất nguy hiểm và các tướng lãnh sợ rằng nếu các lãnh đạo Phật Giáo quy tụ một đám đông lớn đủ, họ có thể ra lệnh diễn hành về hướng Dinh Gia Long và quân đội sẽ không chặn họ lại.

7. Đôn nói rằng Tổng Thống Diệm ra quyết định thiết quân luật sau khi các tướng khuyến cáo như thế. Diệm ra quyết định đưa các chiến binh vào giữ các điểm chiến lược ở Sài Gòn và Chợ Lớn, và chấp thuận giải pháp trả về nguyên quán các nhà sư vào Sài Gòn, về lại các chùa ở tỉnh. Tuy nhiên, Tổng Thống Diệm nói rằng đừng làm nhà sư nào bị thương tổn.

Đôn nói điều đó làm ông rất cảm động khi Tổng Thống yêu cầu đừng làm hại các Phật Tử. Diệm bổ nhiệm Tướng Đôn làm kế nhiệm tạm thời cho Tướng Lê Văn Ty. Diệm giao cho Đôn quyền chỉ huy tất cả các chiến binh ở Nam VN, thực hiện lệnh thiết quân luật, và áp dụng các biện pháp cần thiết.

Tướng Tôn Thất Đính được bổ nhiệm làm Tổng Trấn Biệt Khu Thủ Đô Sài Gòn/Chợ Lớn. Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Lê Quang Tung vẫn dưới quyền Tổng Thống Phủ. Đôn chỉ ra rằng Đính không chỉ huy lính của Tung, mặc dù Đính là Tổng Trấn Quân Khu Thủ Đô. Đính trong cương vị Tổng Trấn điều hợp với Đôn, nhưng Đôn không chỉ huy Đính. Đính có xin lệnh Bộ Tổng Tham Mưu về các chỉ dẫn, nhưng Đính không thực hiện tất cả các lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu.

Đính nhận lệnh trong cương vị Tổng Trấn từ Tổng Thống Phủ, y hệt như Đại Tá Tung [nhận lệnh từ Tổng Thống Phủ]. Đôn nói Đại Tá Tung là kẻ nguy hiểm, vì Tung không do quân đội kiểm soát và Tung thi hành lệnh duy nhất từ Tổng Thống Phủ.

Đôn cũng nói rằng các tướng lãnh rất ghét Tung. Tung chỉ đáp ứng lệnh của Diệm và Nhu. Tung điều hợp với Nhu, nhưng khi cần có quyết định, lệnh sẽ tới từ Tổng Thống. Tướng Đôn nói rằng các tướng lãnh khác ủng hộ Đôn, chỉ trừ một số tướng lãnh trẻ hơn. Các tướng lãnh trẻ ghen tỵ về việc Tướng Đôn nắm quyền tư lệnh của Tướng Ty.

Đôn không kể tên tướng trẻ nào ra. Đôn bị chỉ trích bởi các tướng lãnh trẻ này vì đã có hành động chống lại các Phật Tử. Đại đa số các tướng lãnh đều là Phật Tử. Thí dụ, Đôn nói, “Khi tôi muốn bảo Tướng Trần Tử Oai điều gì, Oai nói với tôi rằng ông ta là dân sự; ông ta có trách nhiệm dân sự.”

Khi được hỏi cụ thể là Tướng Nguyễn Khánh có ủng hộ Đôn hay không, Đôn trả lời rằng Khánh là 100% ủng hộ Đôn. Đôn cũng nói rằng Dương Văn Minh, Trần Văn Minh, các tướng Trí, Khiêm, Kim và “ngay cả Tướng Xuân” cũng ủng hộ Đôn. Khi được hỏi về Tướng Văn Thành Cao, Dân biểu, có trong kế hoạch không. Đôn nói rằng Văn Thành Cao ở ngoài hoàn toàn. Các tướng khác nhìn Văn Thành Cao như là dân sự.

8. Tướng Đôn nói ông không biết rằng Phật Tử sắp bị tấn công bởi cảnh sát và Lực lượng Đặc biệt (LLDB). Tướng Đính, trong cương vị Tổng Trấn, nhận lệnh từ Tổng Thống Phủ và được nói là các chiến binh của Đại Tá Tung sẽ được dùng hỗ trợ cho cảnh sát bởi vì LLDB có “phương tiện đặc biệt.”

Đôn ám chỉ, nhưng không nói cụ thể rằng lệnh ban ra từ ông Nhu. Dấu hiệu đầu tiên Tướng Đôn có về các chùa bị tấn công là khi Đôn nghe từ sóng truyền thanh bộ chỉ huy. Các Tướng Khiêm và Đôn có mặt ở Bộ Tổng Tham Muu (BTTM) khi nghe rằng các chùa đã bị tấn công. Tướng Đôn lập tức đi từ văn phòng BTTM tới Chùa Xá Lợi.

Giám đốc Cảnh sát Trần Văn Tư đang chỉ huy trận tấn công tại Chùa Xá Lợi, yểm trợ bởi LLDB của Đại tá Tung ở

vòng quanh khu vực. Cảnh sát là những người đầu tiên tiến vào chùa. Khi Đôn tới Chùa Xá Lợi, một trung úy cảnh sát đang chỉ huy một đơn vị trong Chùa Xá Lợi. Các vị sư đã bị bắt đưa đi, khi Đôn tới. Trong toàn bộ chiến dịch ở đây, tổng cộng 30 người bị thương, 5 người bị thương nguy kịch; những con số này bao gồm cả nhân viên công lực và Phật Tử. Không có vị sư nào bị giết ở Chùa Xá Lợi.

Vào lúc 4:30 giờ sáng ngày 21-8-1963, chiến dịch quân sự hoàn tất ; nhiều điểm chiến lược đã được đóng quân. Đôn nói rằng có 1,420 nhà sư bị bắt khắp Nam VN.

9. Tướng Đôn rất hãnh diện về sự kiện rằng các tướng lãnh đã có thể giữ bí mật [LND: âm mưu đảo chánh] trước khi khởi động chiến dịch. Đôn cũng hãnh diện về kỹ thuật áp dụng bởi các chiến binh và ông nói “mọi người luôn luôn nói về các đại tá, những người sẽ tổ chức đảo chánh. Họ không có khả năng đó. Chúng tôi đã chứng minh điểm này bằng kế hoạch của chúng tôi, và kỹ thuật của chúng tôi.”

Ông dẫn ra một thí dụ về cuộc đảo chánh ngày 11-11-1960, lúc đó soạn kế hoạch bởi các đại tá và thất bại. Tướng Đôn không bày tỏ phản ứng cá nhân về trận tấn công các chùa. Đôn nói rằng ông muốn thực hiện kế hoạch nguyên thủy để thanh lọc tất cả các nhà sư và trả họ về tỉnh nhà, chùa nhà.

Đôn cũng nói rằng Mỹ đang giữ sư Thích Trí Quang ở trụ sở USOM. Đôn thêm rằng sư Thích Trí Quang là một trong những người kích động chính, và chính phủ VNCH muốn bắt giam vị sư này. (Lời nhận xét từ người lấy tin: Đôn lộ vẻ tin rằng sư Trí Quang là một trong hai nhà sư đang tỵ nạn trong USOM. Một viên chức CAS, người biết rõ về Thầy Trí Quang, đã thấy cả 2 vị sư tại USOM vào ngày 24-8-1963 và xác nhận rằng 2 sư này không phải Thầy Trí Quang.) (LND: CAS là văn phòng tình báo CIA ở Sài Gòn.)

10. Tướng Đôn đã nghe trực tiếp từ công chúng Việt Nam rằng quân đội bị đổ tội tấn công các chùa. Ông nói rằng chính phủ Mỹ có lỗi về dư luận sai trật này, bởi vì Đài VOA loan báo rằng quân đội đã tấn công các chùa. Đôn chất vấn rằng tại sao VOA không nhìn nhận rằng LLDB của Đại tá Tung và Cảnh sát

đã tấn công.

Đôn tin rằng [nhìn nhận] như thế sẽ giúp quân đội lúc này. Đôn nói rằng Mỹ nên nêu rõ lập trường của Mỹ. Tướng Đôn không muốn ông Diệm bị thay thế, thí dụ như bởi một người lưu vong như Hoan (có lẽ, Đôn nói tới Nguyễn Tôn Hoàn), người hiện đang có mặt ở Hoa Kỳ. Đôn nói rằng trong quân đội hiện nay không có ai thay được ông Diệm. Đôn dẫn ra, như một thí dụ, chính ông, nói, “Tôi không đủ thông minh, cũng không có tham vọng. Tôi chỉ giữ vai trò mời các tướng lãnh chung sức với nhau.” (LND: Đôn bàn về hậu đạo chánh, ai nên thay ông Diệm.)

11. Đôn ám chỉ rằng ông có biết về những diễn tiến tương lai soạn ra. Đôn nói, “Đây là bước đầu tiên, và sự bí mật về cái sắp xảy ra thì không phải là cái của tôi để đưa ra.” Khi được hỏi thiết quân luật sẽ kéo dài bao lâu, Đôn nói sẽ tùy theo tình hình. Khi được hỏi cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội vào ngày 31-8-1963 có sẽ được tổ chức hay không, Đôn nói cuộc bầu cử sẽ có thể bị hoãn, nhưng sẽ nói lỏng thiết quân luật vào ngày 24-8 trong mức độ lệnh giới nghiêm được suy tính.

12. Tướng Đôn không nói gì về việc giữ ông Diệm trong ghế Tổng Thống hay thay ông bằng người khác tại Nam VN, ngoại trừ ông nói rằng ông không muốn một trong các chính khách lưu vong về nắm quyền, và rằng không nhân vật quân sự nào có thể làm tốt nhiệm vụ Tổng Thống. Viên chức CAS nhận ra cái ấn tượng, và chỉ là một ấn tượng thôi, rằng Tướng Đôn và nhóm của ông muốn giữ ông Diệm trong ghế Tổng Thống trong giai đoạn hiện nay của kế hoạch của họ.

13. Đôn cũng nói rằng ông nhận thức rằng ông sẽ có thể bị “hy sinh” do kết quả của việc thực hiện thiết quân luật, nhưng điều này không quá quan trọng, bởi vì có những lãnh đạo quân sự khác sẽ thay vị trí của ông (LND: để thực hiện đảo chánh). Đôn không kể tên ai. Đôn cho ấn tượng rằng Đôn không phải là người đứng sau mọi chuyện. Đôn là vị lãnh đạo bề ngoài thôi. Đôn chịu trách nhiệm giai đoạn đầu tiên. Có những người khác trong nhóm sẽ bước ra thực hiện các giai đoạn khác.

Những lời Đôn nói không ám chỉ gì về một người nào hay

một số người nào sẽ đứng ra thực hiện các giai đoạn khác. Đôn nhắc về sự kiện rằng VOA đang làm lớn bản tin về việc Đại sứ Trần Văn Chương từ chức. (LND: ông Chương là cha ruột của Bà Nhu, từ chức Đại sứ VN ở Hoa Kỳ để phản đối nhà Ngô đàn áp Phật Tử.) Đôn lập lại rằng các bản tin VOA làm tổn thương quân lực VNCH. Đôn nói đài này không tốt khi nói rằng quân lực VNCH đàn áp Phật Tử và rằng chính phủ Mỹ lên án việc này, và cùng lúc nói rằng Mỹ sẽ tiếp tục viện trợ. Đôn không giải thích về điều này để ám chỉ xem Mỹ nên làm gì.

14. Đôn không nhắc tới Phó Tổng Thống Thơ hay bất kỳ Bộ Trưởng nào.

15. Đôn nói rằng sau giai đoạn đầu tiên này, chuyện không thể đảo ngược để trở lại như trước đó. Khi được hỏi có phải ông nói về chính phủ, Đôn trả lời, “Vâng, tôi đang nói chuyện về chính phủ. Tổng Thống phải thay đổi một số Bộ trưởng.” Đôn không kể tên bất kỳ Bộ trưởng nào cụ thể.

Đôn nói các sự kiện đang kiểm soát tình hình. Đôn nói nếu ông phải chọn giữa Tổng Thống Diệm và Nhu, ông sẽ chọn TT Diệm. Đôn không nói gì về chuyện các sĩ quan khác có thể suy nghĩ về Nhu. Khi được hỏi nếu có chuyện xảy ra, và Tổng Thống Diệm không còn giữ quyền lực, Đôn có sẽ làm việc với Nhu, thì Đôn nói, “Nếu tôi phải lựa chọn giữa Tổng Thống Diệm và Nhu, người phải ra đi là Nhu.” Đôn không muốn Nhu.

16. Viên chức tường trình đã nhận ra ấn tượng từ Đôn rằng TT Diệm ngồi trên ngai hiện đang bị Nhu kiểm soát. Ấn tượng mãnh mẽ rằng Tướng Đôn không hoàn toàn biết mọi thứ chung quanh ông. Từ những lời nói của Tướng Đôn, có vẻ rằng có một thành phần trẻ trong các tướng lãnh đang làm Đôn rắc rối.

Đôn ám chỉ rằng ông muốn sự bảo đảm cách này hay cách khác từ phía chính phủ Mỹ. Ông có vẻ không biết phải làm gì kế tiếp. Đôn hoàn toàn bị kiểm soát bởi tình thế, và phản ứng, chứ không lên kế hoạch các việc làm kế tiếp. Như dường tự Đôn cảm thấy Đôn không đủ quyền lực để [hay là?] ảnh hưởng lên các tướng lãnh để lật đổ Tổng Thống Diệm. Tuy nhiên, Đôn không cho ấn tượng rằng Đôn muốn tự ý quyết định lật đổ

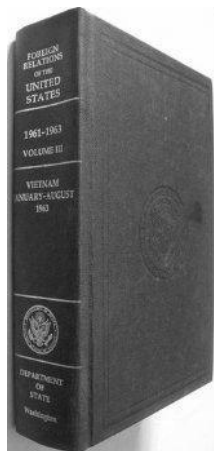
TT Diệm.

Đôn muốn hòa giải với các Phật Tử và nói rằng quân đội nên hồi phục lại các chùa và các pho tượng đã bị phá hủy ở một số ngôi chùa. Đôn không nói gì về giai đoạn thứ nhì của kế hoạch. Đôn không cho thấy bao lâu giai đoạn đầu sẽ kéo dài, nhưng có nói rằng nó sẽ kéo dài tới sau cuộc bầu cử Quốc Hội.

17. Ấn tượng của chúng tôi là có một ý nghĩa đáng cứu xét trong lời của Tướng Đôn rằng đây chỉ là giai đoạn đầu, và sự bí mật của các giai đoạn tương lai không phải là chuyện của ông để nói ra. Chúng tôi không thể nhận ra rằng có phải Đôn muốn nói rằng các giai đoạn tương lai bao gồm “sự bí mật” sẽ bị kiểm soát từ bên trong quân đội hay, thí dụ, bởi Nhu, hay bởi các nhân vật dân sự khác. Đôn không nói tên bất kỳ nhân vật dân sự nào. Đôn nói mục tiêu chính của quân đội là tác chiến chống Cộng. Đôn cũng nói rằng không hề có buổi họp ngày 10 tháng 8-1963 giữa các tướng với Ngô Đình Nhu.

18. Đã gửi thông tin về cuộc nói chuyện này tới Đại sứ Lodge và Tướng Harkins (Tư lệnh Quân viện Hoa kỳ tại VN).

GHI CHÚ:



(1) Nguồn: Library of Congress, Harriman Papers, Vietnam Policy. Bí mật. Cũng đã gửi tới Honolulu. Bản văn nguồn là phó bản do CIA gửi về Bộ Ngoại Giao cho Hilsman (Giám đốc Phòng Tình Báo và Nghiên Cứu) và Hughes (Phó Giám đốc Phòng Tình Báo và Nghiên Cứu); cũng gửi tới Bạch Ốc cho Bundy (Cố vấn An ninh Quốc gia) và tới JCS (Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Mỹ) cho Tướng Krulak (Phụ tá Đặc biệt về Chống Phiến Loạn). Theo một ghi chú về bản văn nguồn, điện văn này phổ biến theo phân loại TDCS. Bản phúc trình ghi mã số “TDCS DB-3/656,252, August 24,” đã in

trong hồ sơ giải mật *Declassified Documents, 1977, 93C.*

(2) Đôn hồi tưởng về cuộc nói chuyện này, trong tác

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ
phẩm của Trần Văn Đôn, tựa đề *Our Endless War*, pp. 90-91.

PHÓNG ẢNH ĐIỆN VĂN 275

275. Telegram From the Central Intelligence Agency Station in Saigon to the Agency¹

Saigon, August 24, 1963—6:45 p.m.

0265. 1. [less than 1 line not declassified] had almost three hour meeting with General Tran Van Don² evening 23 August in Don's office at General Staff. Following summarizes discussion.

2. Don was asked who was in control and replied President Diem is in control through Counselor Ngo Dinh Nhu. All the Generals check with Nhu prior to seeing Diem. Explained this by saying Diem uses Nhu as his "thinker" and advisor but does not at all times follow Nhu's advice. President is jealous of his authority and prerogatives. Don

¹ Source: Library of Congress, Harriman Papers, Vietnam Policy. Secret. Also sent to Honolulu. The source text is a copy sent by the CIA to the Department of State for Hilsman and Hughes; also sent to the White House for Bundy and to JCS for Krulak. According to a note on the source text, TDCS dissemination of this cable would follow. That report, TDCS DB-3/656.252, August 24, is published in *Declassified Documents*, 1977, 93C.

² For Don's recollections of the discussion, see Tran Van Don, *Our Endless War*, pp. 90-91.

gave an example. At midnight on 22 Aug, Generals Don, Ton That Dinh and Tran Thien Khiem went to see Nhu about the students, recommending that schools all be closed in Saigon by the martial law, because they had information that on 23, 24, and 25 Aug there would be student demonstrations in Saigon. Nhu concurred with Generals' recommendation, told them he had to check with the President. Nhu and Generals went to see Diem recommending closing of schools. Diem said "no. The young people must have means of expressing themselves." Don repeated that Diem is the man who makes final decisions.

3. Don went on to explain relationships in the Palace. Said it must be remembered that for years President has been agitator against colonialist regimes. During this time Diem did a lot of thinking himself. When he took over govt in 1954 he found it was different and he would have to have people around him who think. He turned to his brother Nhu who is a thinker, an individual who has theories, a philosophy. As time went on, Diem has allowed Nhu to do most of the thinking. This does not mean President will take all of Nhu's advice. Diem likes Nhu to write presidential proclamations, speeches. Diem prefers himself to meet the people and talk to people. In this way Nhu has special power as a thinker for the President.

4. In describing relationship of Madame Nhu in the Palace, Don said that in Diem's mind Madame Nhu has status of being Diem's "wife". President has never married and not used to having women around him. For past nine years Diem has Madame Nhu to comfort him after day's work is done. She is charming, talks to him, relieves his tension, argues with him, needles him and, like a Vietnamese wife, she is dominant in the household. President and Madame Nhu live two apartments apart. There are no sexual relations between Diem and Madame Nhu. In Don's opinion, President has never had sexual relations.

He likened the situation to that of Hitler and Eva Braun. Don also said, the President likes good looking men around him. Don cited the case of handsome young sergeant who planted a public garden in Dalat. President asked who had planted the garden and when informed, called the sergeant to the Palace and immediately promoted him to Lt. Colonel and put him in charge of military agriculture. Diem has intense passions. When he likes somebody, he likes them all the way; when he hates someone, he hates completely. There is no in-between. Madame Nhu uses her privileged position with President to make him say yes when he wants to say no, but he is won by her charm. Don said, "as I know, Madame Nhu can be extremely charming." Don said it would be practically impossible to get rid of the Nhus because of special positions they hold; Ngo Dinh Nhu being President's thinker and Madame Nhu his platonic wife.

5. The decision for the action of 20-21 August was reached by ten Generals during the evening of 18 Aug: Tran Van Don, Ton That Dinh, Do Cao Tri, Tran Thien Khiem, Nguyen Khanh, [less than 1 line not declassified], Mai Huu Xuan, Nguyen Ngoc Le, Le Van Kim, and Duong Van Minh. According to Don, they had not been encouraged to reach this decision by Nhu. Only time Nhu had talked about any planning was at meeting 11 July with all Generals present. Don did not say who brought Generals together 18 Aug.

This planning included martial law and eventual taking of bonzes who came from outside Saigon and returning them to their own provinces and pagodas. Plan was presented by Generals to Nhu on 20 Aug. Nhu told them to discuss plans with President. Nhu was not present when Generals presented their plan to Diem. Generals present were: Khiem, Tri, Khanh, Dinh, [less than 1 line not declassified], Kim and Don. Don headed the group that presented the plan to the President.

6. Generals told President that morale of troops was deteriorating, and in fact they feared that one military post was near state of desertion. Generals said that wives of soldiers and junior officers were getting upset. They explained to President the situation as the military saw it vis-à-vis the Buddhists. Don claims he told Diem that 8 May affair in Hue could have been settled but that the VC had penetrated Buddhists in Xa Loi Pagoda. Don described tactics used in demonstrations on 11 Aug when bonze Thich Tam Chau was haranguing the crowd at Xa Loi. Chau held crowd spellbound with questions like "are we going to march in streets"? Crowd would call back "yes". Suddenly Chau would say "no, we will not march in the streets. The fact that you have said we are going to march in streets is same as marching in the streets." Don felt that the bonze who spoke English, Thich Duc Nghiep, was very dangerous and the Generals feared that if the Buddhist leaders assembled a large enough crowd they could order a march toward Gia Long Palace and the army would not stop them.

7. Don said the President made decision to establish martial law after the Generals had recommended it. Diem made the decision to bring in troops to occupy strategic points of Saigon/Cholon and approved the recommendation to move bonzes visiting Saigon back to their provinces and their pagodas. President insisted however that none of the bonzes be hurt. Don said this touched him very much that the President should insist on their not harming the Buddhists. Diem appointed General Don as temporary successor to General Le Van Ty. Diem made Don responsible for all troops in SVN, the conduct of martial law, and implementation of necessary measures. General Ton That Dinh was appointed Military Governor of Saigon/Cholon. Colonel Le Quang Tung's troops of Special Forces High Command remain under the control of the Presidency. Don pointed out that Dinh did not command Tung's troops even though he is Military Governor of Sai-

gon/Cholon. Dinh as Military Governor coordinates with Don but Don does not command Dinh. Dinh does ask General Staff for guidance but he does not execute all General Staff orders. He receives his orders as Military Governor from the Presidency just as Colonel Tung does. Don said Col. Tung is dangerous because he is not subject to military control and executes orders only from Presidency. Don also said that the Generals hate Tung's guts. Tung is responsive to both Diem and Nhu. Tung coordinates with Nhu, but when decision is made, it comes from the President. General Don said that the other Generals support him (Don) except some of the younger Generals. These younger Generals are jealous of Don's having assumed General Ty's command. Don did not name any of these younger Generals. Don was criticized by these younger Generals for the action that was taken against the Buddhists. Majority of Vietnamese Generals are Buddhist. For example, Don said, "when I want to tell General Tran Tu Oai something, Oai tells me he is a civilian; he has civilian responsibility". When asked specifically if General Nguyen Khanh supported Don, Don replied that Khanh was 100 percent with him. Don said also that Duong Van Minh, Tran Van Minh, Generals Tri, Khiem, Kim and "even Xuan" were with him. When asked if General Van Thanh Cao, the delegate, was in on any of the planning, Don said Cao was left completely out. He is considered by the other Generals to be a civilian.

8. General Don said he was not aware that the Buddhists were going to be attacked by the Police and Vietnamese Special Forces. Dinh, as Military Governor, received his orders from the Presidency and was told Colonel Tung's troops would be used to reinforce Police because VNSF had "special means". Don intimated but did not state that the orders came from Nhu. First indication General Don had that pagodas were attacked was when he received call on his command radio. Generals Khiem and Don were at JGS when they heard that pagodas had been attacked. Don went immediately from his command post to Xa Loi. Police commissioner Tran Van Tu was in command at Xa Loi Pagoda backed up by Colonel Tung's Special Forces in the periphery of the area. The Police were the first to enter the pagoda. When Don arrived at Xa Loi, a police lieutenant was already in charge of a detail inside Xa Loi. The Xa Loi bonzes had already been taken away when Don arrived. In the whole operation a total of thirty people were wounded, five seriously. This figure includes GVN and Buddhist casualties. No bonzes were killed at Xa Loi. At 0430 hours on morning of 21 Aug the military operation had been completed as far as the occupation of the strategic points by the military were concerned. Don said that 1420 bonzes were under detention throughout SVN.

9. General Don was very proud of the fact that the Generals had been able to maintain secrecy prior to initiation of this operation. He was also proud of the technique employed by the troops and he said

“everybody always talks of colonels who will pull coups d’état. They are incapable. We have proven this by our planning and our technique”. He cited as an example the 11 November 1960 coup d’état which was planned by colonels and failed. Don did not express his personal reaction to the attack on the pagodas. Don did say that he wants to carry out his original plan to screen all the bonzes and return them to their provinces and to their pagodas. Don also said that the US is holding Thich Tri Quang in USOM. Don added that Tri Quang was one of the the main agitators and the GVN wants to take him in custody. (*Field comment*: Don apparently believes Tri Quang is one of the two bonzes taking refuge in USOM. A CAS officer who knows Tri Quang well saw both of the bonzes in USOM on 24 August and confirmed that neither is Tri Quang.)

10. General Don has heard personally that the military is being blamed by Vietnamese public for the attack on the pagodas. He said that the US Govt is at fault for this misconception because VOA announced that the military took action against the pagodas. Don queried why VOA did not admit that Colonel Tung’s Special Forces and the Police carried out the action. Don believes this would help the military at this point. Don stated that the USA should now make its position known. Don does not want Diem replaced, for example, by an exile like Hoan (possibly Nguyen Ton Hoan) who is presently in the US. He admitted that within the military there is no one who could replace Diem. He cited, as an example, himself, saying, “I’m not smart nor am I ambitious. I only took the job to keep the Generals together”.

11. Don implied he is aware of planned future developments. He said “This is the first step, and the secret of what is going to happen is not mine to give”. When asked how long he thought martial law would last, Don said it depended on what is going to happen. When asked if the National Assembly elections on 31 Aug would be held he said the elections will probably be delayed, but there will be a relaxation of martial law on 24 Aug as far as curfew is concerned.

12. Don did not say anything about keeping Diem in power or replacing him with someone inside SVN beyond his statement that he did not want one of the Vietnamese exile politicians to achieve power and that no military figure could do the job. CAS officer received the impression, and it was an impression only, that Don and his group wished to retain Diem in power for the present phase of their plan.

13. Don also said that he realizes he will probably be “sacrificed” as a result of the martial law action but this is not too important because there are other military leaders who will take his place. He did not name them. Don gave the impression that he is not the man behind the whole thing. He is the figurehead. He is responsible for the first phase. There are others in the group who will take over other phases. Nothing Don said implied who the man or men might be who

would take over other phases. Don mentioned the fact that VOA is playing up the resignation of Ambassador Chuong. He repeated that VOA broadcasts are hurting the military. He said it does no good to say that military action has been taken against the Buddhists and that the U.S. Govt deplors this action and at the same time say that the USA continues aid. He did not expand on this to indicate what action the USA should take.

14. Don made no mention of Vice President Tho or of any other Cabinet members.

15. Don said that after this first phase, things cannot revert back to what was before. When asked if he referred to the government, Don said, "yes, I'm talking about the government. The President has got to change some of his Ministers." Don did not name any specific ministers. He said events are controlling the situation. Don said if he had to choose between President Diem and Nhu, he would choose the President. He gave no indication of what other officers might be thinking about Nhu. When asked if something happens, and the President is no longer in power, would Don go with Nhu, Don said "if I have the choice between the President and Nhu, Nhu is going." He doesn't want Nhu.

16. Reporting officer received the impression from Don that although the President is still in the saddle what is going on now is being controlled by Nhu. The impression is strong that General Don is not completely aware of everything that is going on around him. From Don's statements it appears that there is a junior element among the Generals causing him trouble. Don indicated that he wants assurances one way or the other from the U.S. Govt. He appears not to know what to do next. He is completely controlled by events and reacts rather than plans next moves. It seems Don himself feels he does not have the power of [or?] enough influence over the Generals to overthrow the President. However Don did not give the impression that he wants by choice to overthrow the President. Don evidently wants to conciliate the Buddhists and said that the military should restore the pagodas and the holy statues that were destroyed in some of the pagodas. Don made no statements on the second phase of the plan. Don did not indicate how long the first phase would last but did indicate it would last beyond the scheduled National Assembly elections.

17. Our impression is that there is considerable significance in Don's statement that this is only the first phase and the secret of future phases is not his to tell. We cannot determine whether Don means that future phases containing the "secret" will be controlled from within the military or, for example, by Nhu, or by other civilian figures. Don

620 Foreign Relations, 1961-1963, Volume III

made no comment on any civilians by name. He said the Army's primary aim is to fight the Viet Cong. Don also said that there was no 10 August Generals' meeting with Ngo Dinh Nhu.

18. Have disseminated to Lodge and Harkins.

ĐIỆN VĂN 243 TỚI MẬT NGÀY 24/8/1963

của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ
Cư sĩ Nguyên Giác dịch



Bản nháp soạn ngày 24/8/1963, bởi:
Roger Hilsman (Giám đốc Phòng Tình báo và Nghiên cứu)
Chấp nhận điện văn và xếp loại hồ sơ mật bởi: Averell
Harriman
(Thứ Trưởng Ngoại Giao về Viễn Đông Sự Vụ)
Giải mật ngày 20/4/1998

LỜI NGƯỜI DỊCH: Hồ sơ này trong Tự Điển Bách Khoa Mở Wikipedia gọi bằng nhiều tên khác nhau – DEPTTEL 243, còn gọi là Telegram 243, hay August 24 Cable, hay ngắn gọn là Cable 243. Phần lớn nội dung của hồ sơ này cũng được ghi lại vào *The Pentagon Papers*.

Có vài điểm ghi nhận như sau:

- Điện văn 243 chỉ gửi tới cấp cao nhất, trong các nhà ngoại giao Mỹ tại VN chỉ gửi riêng tới Đại sứ Henry **Cabot Lodge**; còn trong giới quân sự Mỹ chỉ gửi riêng tới Đô Đốc **Harry Felt**, Tư Lệnh Quân Lực Mỹ Thái Bình Dương.
- Chính phủ Mỹ ủy quyền cho Đại sứ Lodge nói thẳng với ông Diệm, rằng Mỹ không đồng ý **việc ông Nhu chỉ huy cảnh sát**

và Lực Lượng Đặc Biệt tấn công các chùa.

- Ủy quyền cho Lodge đòi ông Diệm trả tự do tức khắc cho tăng ni, và xóa bỏ Dự Số 10 tức khắc. Nói thẳng, nếu không làm, Mỹ sẽ ngưng mọi viện trợ quân sự và kinh tế.
- Ủy quyền cho Lodge nói với các tướng lãnh Việt Nam rằng Mỹ sẽ **ủng hộ trong thời gian chuyển tiếp quyền lực để gỡ bỏ ông bà Nhu**, và nếu Diệm ngoan cố, sẽ thay thế Diệm luôn.
- Cho Đại sứ Lodge toàn quyền soạn kế hoạch, thực hiện.

Đính kèm nguyên văn bản PDF / .JPEG.

Bản dịch thực hiện bởi **Cư sĩ Nguyễn Giác**

BẮT ĐẦU DỊCH

HÀNH ĐỘNG: Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn - Xử Lý Tức Khắc

CHỈ ĐỌC THÔI -- ĐẠI SỨ LODGE
CÙNG GỬI: CINCPAC/POLAD

(Bộ Tư Lệnh Quân Lực Mỹ Thái Bình Dương / Nhóm Cố Vấn Chính Sách Ngoại Giao Hoa Kỳ)

RIÊNG TỐI ĐỒ ĐỐC FELT
CẤM PHÁT TÁN

Về việc: Điện văn 0265 từ cơ quan CIA tại Saigon báo cáo về quan điểm Tướng Trần Văn Đôn; Các điện văn Saigon 320, Saigon 316 và Saigon 329 (từ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn gửi về).

Bây giờ đã thấy rõ rằng cho dù là thiết quân luật do quân đội VNCH đề ra hay do Nhu gài bẫy họ để ra luật này, **Nhu đã lợi dụng việc áp đặt thiết quân luật để tấn công các ngôi chùa** với sức mạnh cảnh sát và Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Tung trung thành với Nhu, do vậy đã đặt gánh nặng trách nhiệm trên quân đội trong mắt nhìn từ thế giới và từ người dân Việt. Cũng thấy rõ rằng **Nhu đã tự dàn dựng để chính Nhu lên vị trí chỉ huy.**

Chính phủ Mỹ không thể dung túng tình hình trong đó quyền lực nằm trong tay Nhu. Diệm phải được cơ hội để tự gạt bỏ Nhu ra và các thủ hạ của Nhu, và **thay thế họ bằng các nhân sự chính trị và quân sự tốt nhất có thể có.**

Nếu, bất kể mọi nỗ lực của ông (Lodge), Diệm vẫn ngoan cố và từ chối, rồi chúng ta phải đối mặt với khả thể rằng chính **bản thân Diệm cũng không giữ lại được.**

Bây giờ chúng tôi tin rằng hành động khẩn cấp cần phải thực hiện để ngăn cản Nhu không củng cố thêm vị trí của Nhu. Do vậy, trừ phi trong khi tham khảo với Tướng Harkins (Tu Lệnh MACV) nhận ra những phản đối cực kỳ quan trọng, ông được ủy quyền tiến hành các việc sau:

(1) Thứ nhất, chúng ta phải tiếp tục áp lực ở mức độ thích nghi đối với chính phủ VNCH như sau:

(a) Chính phủ Hoa Kỳ **không thể chấp nhận hành vi đàn áp Phật Tử của Nhu** và tay chân dưới vỏ bọc thiết quân luật.

(b) Phải có hành động điều chỉnh tình hình tức khắc, bao gồm cả việc **gỡ bỏ Dụ số 10, trả tự do cho các vị sư, các ni cô, vân vân... đang bị giam.**

(2) Chúng ta phải cùng lúc, nói với các lãnh đạo quân sự VNCH rằng Hoa Kỳ thấy là không thể tiếp tục viện trợ chính phủ VN về mặt quân sự và kinh tế, trừ phi các bước trên thực hiện tức khắc, mà chúng ta công nhận đòi hỏi gỡ bỏ ông bà Nhu ra khỏi chính trường. Chúng ta **ước mong sẽ cho Diệm cơ hội hợp lý để gỡ bỏ ông bà Nhu**, nhưng nếu Diệm ngoan cố, rồi chúng ta sẵn sàng chấp nhận kết quả hiển nhiên rằng chúng ta không còn ủng hộ Diệm nữa. Ông [Lodge] cũng có thể nói với các cấp chỉ huy quân sự thích hợp của VNCH rằng chúng ta **sẽ ủng hộ họ trực tiếp trong bất kỳ thời khoảng chuyển tiếp** nào khi cơ chế chính phủ trung ương bị tan vỡ.

(3) Chúng ta công nhận sự cần thiết gỡ bỏ tai tiếng cho quân đội VNCH về các trận tấn công chùa, và quy lỗi trực tiếp vào Nhu. Ông [Lodge] được ủy quyền để tuyên bố như thế ngay tại Sài Gòn khi ông thấy cần để đạt mục tiêu đó. Chúng tôi nơi đây [ở thủ đô Washington DC] đã sẵn sàng nói cùng những lời

như thế, và sẽ yêu cầu Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) nói cùng những lời như thế trong điện văn được ghi số kế tiếp, bất cứ khi nào ông [Lodge] yêu cầu, hẳn là càng sớm càng tốt.

Cùng lúc với những điều trên, Đại sứ [Lodge] và các viên chức ngoại giao tại VN nên khẩn cấp khảo sát tất cả những cấp lãnh đạo thay thế có thể được, và soạn kế hoạch chi tiết để xem chúng ta làm sao có thể thay thế Diệm nếu điều này cần thiết.

Hãy giả sử rằng ông sẽ tham khảo với Tướng Harkins về bất kỳ việc phòng ngừa nào mà cần thiết để bảo vệ nhân viên Hoa Kỳ trong thời kỳ khủng hoảng.

Ông sẽ hiểu rằng chúng tôi không thể từ Washington cho lệnh chi tiết để ông tìm cách thực hiện chiến dịch này, nhưng ông cũng sẽ biết rằng chúng tôi sẽ ủng hộ ông tối đa về các hành động ông làm để đạt các mục tiêu của chúng ta.

Không cần nói rằng chúng ta giữ kín điện văn này tới mức chỉ những người cần thiết mới đọc, và ông sẽ cảnh giác tương tự để ngăn cản việc lộ chuyện quá sớm.

GP-2

BALL (Đóng dấu tên của Thứ Trưởng Ngoại Giao George Ball)

HẾT

Nguyên văn hồ sơ PDF →

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

SECURITY TELEGRAM Department of State
 INDICATE: COLLECTOR CHANGE TO

49
 15021

~~TOP SECRET~~

Classification

Origin ACTION: AmEmbassy SAIGON - OPERATIONAL IMMEDIATE
 Info 243 24 9 30 1963

EYES ONLY - AMBASSADOR LODGE
 FOR CINCPAC/POLAD EXCLUSIVE FOR ADMIRAL FELT
 NO FURTHER DISTRIBUTION

~~XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX~~

Re CAS Saigon 0265 reporting General Don's views; Saigon 320, and Saigon 316, and Saigon 329.

It is now clear that whether military proposed martial law or whether Nhu tricked them into it, Nhu took advantage of its imposition to smash pagodas with police and Tung's Special Forces loyal to him, thus placing onus on military in eyes of world and Vietnamese people. Also clear that Nhu has maneuvered himself into commanding position.

US Government cannot tolerate situation in which power lies in Nhu's hands. Diem must be given chance to rid himself of Nhu and his coterie and replace them with best military and political personalities available.

If, in spite of all of your efforts, Diem remains obdurate

Drafted by: FE:RHillsman;ml 8/24/63	Telegraphic transcription and classification approved by: M - W. Averell Harriman
Clearances: FE - Mr. Hilsman; WH - Mr. Forrestal; U - Mr. Ball	S/S-O - Mr. XXXXXXXXXX Getsinger

REPRODUCTION FROM THIS COPY IS PROHIBITED UNLESS "UNCLASSIFIED".

~~TOP SECRET~~

FORM 5-63 05-332

DECLASSIFIED

Classification

Authority: ~~EX~~ 477-1001-10464
 By: AW NARA Date: 4-20-98

COPY LBJ LIBRARY

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Page 2 of telegram to Amembassy SAIGON - OPERATIONAL IMMEDIATE

~~TOP SECRET~~
Classification

and refuses, then we must face the possibility that Diem himself cannot be preserved.

We now believe immediate action must be taken to prevent Nhu from consolidating his position further. Therefore, unless you in consultation with Harkins perceive overriding objections you are authorized to proceed along following lines:

(1) First, we must press on appropriate levels of GVN following line:

(a) USG cannot accept actions against Buddhists taken by Nhu and his collaborators under cover martial law.

(b) Prompt dramatic actions redress situation must be taken, including repeal of decree 10, release of arrested monks, nuns, etc.

(2) We must at same time also tell key military leaders that US would find it impossible to continue support GVN militarily and economically unless above steps are taken immediately which we recognize requires removal of the Nhu's from the scene. We wish give Diem reasonable opportunity to remove Nhu's, but if he remains obdurate, then we are prepared to accept the obvious implication that we can no longer support Diem. You may also tell appropriate military commanders we will give them direct support in any interim period of breakdown central government mechanism.

~~TOP SECRET~~
Classification

COPY LIBRARY

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Page 3 of telegram to Ambassador SAIGON - OPERATIONAL IMMEDIATE

~~TOP SECRET~~
Classification

(3) We recognize the necessity of removing taint on military for pagoda raids and placing blame squarely on Nhu. You are authorized to have such statements made in Saigon as you consider desirable to achieve this objective. We are prepared to have Voice of America make statement along lines contained in next numbered telegram whenever you give the word, preferably as soon as possible.

Concurrently with above, Ambassador and country team should urgently examine all possible alternative leadership and make detailed plans as to how we might bring about Diem's replacement if this should become necessary.

Assume you will consult with General Harkins re any precautions necessary protect American personnel during crisis period.

You will understand that we cannot from Washington give you detailed instructions as to how this operation should proceed, but you will also know we will back you to the hilt on actions you take to achieve our objectives.

Needless to say we have held knowledge of this telegram to minimum essential people and assume you will take similar precautions to prevent premature ~~leaks~~ ~~leaks~~ ~~leaks~~

GP-2.

END.

BALL

~~TOP SECRET~~
Classification

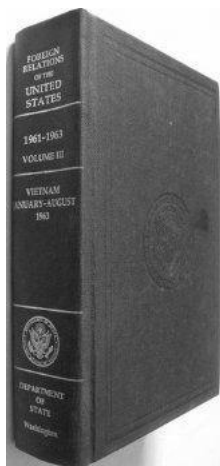
COPY LBJ LIBRARY

ĐIỆN VĂN 274: CHIẾN DỊCH TẤN CÔNG CHÙA, BẮT 1426 TĂNG NI CƯ SĨ



LỜI NGƯỜI DỊCH:

(Sau đây là bức Điện văn số 274 trong Hồ sơ đã giải mật “*Foreign Relations of the United States, 1961–1963*” (Hồ Sơ Đối Ngoại Của Hoa Kỳ, 1961-1963) gửi từ Đại Sứ Hoa Kỳ Henry Cabot Lodge về Bộ Ngoại Giao Mỹ. Điện văn gửi từ Sài Gòn ngày 24-8-1963, vài ngày sau trận tấn công hàng loạt các chùa ở Miền Nam VN. Đính kèm nơi đây là phóng ảnh các trang 613 và 614 của điện văn này.



Ghi nhận từ Điện văn 274:

- Ông Nhu đã biến sức mạnh Quân Đội và Mật Vụ làm thế lực riêng cho gia đình họ Ngô: triệt tiêu quyền lực Quân đội bằng cách tách riêng Lực Lượng Đặc Biệt và Cảnh sát

Dã chiến làm cánh tay để đàn áp Phật Tử.

- Các Tướng Lãnh Quân Đội không biết gì về chiến dịch tấn

công các chùa đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, trong đó lính ông Nhu bắt 1426 Tăng Ni Cư Sĩ, trong đó hầu hết là tu sĩ cấp lãnh đạo của Phật giáo.

- Ông Nhu đã gài vũ khí, chất nổ vào chùa để vu vạ.
- Dân chúng đổ tội cho Quân Đội, và sinh viên tự kêu gọi biểu tình.
- Quân Đội cảm thấy bị tê liệt và cơ nguy mất khả năng chống Cộng. Ông Nhu đã biến Quân đội, một lực lượng chống Cộng để bảo vệ miền Nam thành lực lượng riêng bảo vệ gia đình họ Ngô chống lại dân chúng.
- Quân Đội nghĩ tới giải pháp đẩy ông bà Nhu ra ngoài chính phủ, giữ ông Diệm làm Tổng Thống.

Bản dịch toàn văn thực hiện bởi Cư sĩ Nguyễn Giác)

Nhấn mạnh của người post tài liệu.

274. Điện Văn từ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại VN gửi về Bộ Ngoại Giao (1)

Sài Gòn, ngày 24 tháng 8 năm 1963, lúc 6 giờ chiều
320. CINCPAC for POLAD (Hồ sơ 320. Tư Lệnh Quân Lực Thái Bình Dương ghi chú tới Hội Đồng Cố Vấn Chính Sách Ngoại Giao). Sau đây là bản ghi nhớ cuộc nói chuyện giữa Rufus Phillips, Giám đốc USOM Rural Affairs (Ủy Ban Hoa Kỳ về Phát Triển Nông Thôn), và Tướng Lê Văn Kim vào ngày 23-8-1963:

Bắt đầu bản văn: Sau đây là lời Tướng Lê Văn Kim, người hiện giữ chức Phó Sở Quan Hệ Cộng Đồng của Tướng Trần Văn Đôn, tuy ên bố với tôi trong buổi nói chuyện với Tướng Kim hôm 23-8-1963. Tướng Kim là một bạn thân cũ của tôi, và yêu cầu cuộc nói chuyện này được giữ bí mật.

Tướng Kim khởi đầu cuộc nói chuyện bằng lời, một cách cay đắng, rằng **Quân Đội VNCH bây giờ hành động như búp bê trong tay Cố Vấn Ngô Đình Nhu**, người đã lừa gạt quân đội trong việc ban hành thiết quân luật. Quân Đội, gồm cả các Tướng Tôn Thất Đính và Đôn, không biết gì về các kế hoạch tấn công Chùa Xá Lợi và các chùa khác. **Chiến dịch đó thực**

hiện bởi Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Lê Quang Tung và cảnh sát dã chiến theo lệnh bí mật của ông Nhu. Nhu hiện nắm quyền kiểm soát, và Tướng Đông đang nhận lệnh trực tiếp từ ông ta.

Theo lời Kim, có 1426 người (Tăng Ni Cư Sĩ Phật Giáo) đã bị bắt. **Tất cả chất nổ và vũ khí tìm thấy trong các chùa là đã đưa gài vào.** Bây giờ dân chúng tin rằng Quân Đội đang giữ trách nhiệm đàn áp Phật Tử và đang chuyển dư luận sang chống đối Quân Đội. Nếu tình hình này không sửa chữa và nếu dân chúng không được biết sự thật, Quân Đội sẽ bị tê liệt một cách nghiêm trọng trong cuộc chiến chống Cộng.

Tướng Kim nói, các **sinh viên Đại Học Y Khoa và Đại Học Dược Khoa đã tổ chức biểu tình** vào sáng ngày 23-8-1963. Kim cảm thấy những cuộc biểu tình sẽ lan rộng, rằng sinh viên đang bên bờ bạo động. Nhật lệnh về kềm chế bạo động biểu tình đã trao cho các cấp chỉ huy Quân Đội VNCH vào sáng ngày 23, và ông hy vọng **bạo lực giữa Quân Đội và sinh viên** có thể tránh được. Tuy nhiên, Nhu đã ra lệnh cho Cao Xuân Vỹ (Tổng Giám Đốc Thanh Niên) phải tổ chức một cuộc biểu tình khổng lồ của Lực Lượng Thanh Niên Cộng Hòa với khoảng hơn 500,000 người vào ngày 25-8-1963. Kim tin rằng biểu tình lớn như thế, nếu có thể tổ chức, sẽ dẫn tới bạo động ở mức không hình dung nổi và, do vậy, phải được tránh né. Ông nói ông nghi ngờ rằng Nhu có chịu nghe bất kỳ lời khuyên trái ý nào về biểu tình hay không.

Tôi hỏi Tướng Kim rằng Quân Đội VNCH có đoàn kết hay không. Ông nói rằng Nhu đã cố ý chia rẽ quyền lãnh đạo giữa Đại Tá Tung, Tướng Đính và Tướng Đôn, và đang đối phó với từng người một cách riêng rẽ. Tướng Đôn (là anh/em vợ của ông) không nắm được nhiều hỗ trợ tự nhiên trong các sĩ quan nhưng hầu hết các Tướng lãnh và sĩ quan cao cấp khác, ông cảm thấy, có thể được mời gọi ủng hộ quanh Tướng Đôn. Câu hỏi chủ yếu là, lập trường của Mỹ thế nào? Nếu Mỹ có lập trường minh bạch chống lại ông bà Nhu, và hỗ trợ hành động Quân Đội đẩy ông bà Nhu ra khỏi chính phủ, Quân Đội (chỉ trừ Đại Tá Tung) sẽ đoàn kết để hậu thuẫn hành động đó và sẽ có

thể thực hiện được. Ông cảm thấy rằng **giữ ông Diệm trên ngôi Tổng Thống, mặc dù cá nhân ông không ưa ông Diệm, sẽ là giải pháp nên làm** với điều kiện rằng thế lực toàn gia tộc họ Ngô có thể bị xóa sổ thực tế, vĩnh viễn. Ông nói, khỏi bàn về trường hợp loại trừ ông bà Nhu, vì không những phải loại trừ ông bà Nhu mà còn phải cần dẹp bỏ cả tay chân của họ nữa.

Cuối cùng, Tướng Kim nói rằng ông và 7 tướng lãnh khác **đã bị buộc ký lời thề trung thành với Tổng Thống Diệm hôm 22-8-1963 là sẽ ủng hộ hành động của chính phủ chống lại các Phật Tử**. Ông nói, Hoa Kỳ đừng bị lừa gạt bởi bản văn đó, và rằng đại đa số Quân Đội và hầu hết các tướng lãnh (những vị đã ký trên bản văn đó) **không hề chấp nhận việc đàn áp Phật Tử**, nhưng các tướng đã phải ký bản văn lúc đó, vì nếu không sẽ bị lộ ra ý chống đối và rồi sẽ bị Cố Vấn Ngô Đình Nhu triệt hạ.

Lodge (ký tên Đại sứ Henry Cabot Lodge)

(1) Nguồn: Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Hồ Sơ Trung Ương, SOC 14-1 S VIET. Mật; Xử lý hồ sơ tức khắc; Phổ biến hạn chế. Gửi bản sao tới Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ Thái Bình Dương. Hilsman đã trích dẫn điện văn này trong cuốn *To Move a Nation*, các trang 484-485, như một phần trong một phương pháp của các tướng lãnh VNCH tiếp cận với các viên chức Mỹ.

PHÓNG ẢNH ĐIỆN VĂN 274 →

274. Telegram From the Embassy in Vietnam to the Department of State¹

Saigon, August 24, 1963—6 p.m.

320. CINCPAC for POLAD. Following is memorandum of conversation between Rufus Phillips, Director of USOM Rural Affairs, and General Le Van Kim held on August 23:

Begin Text: Following are statements made to me by General Le Van Kim, currently acting as Deputy for Public Relations to General Don, during course of a conversation with him on 23 August 1963. General Kim is an old personal friend and asked that this conversation be kept in closest personal confidence.

General Kim opened conversation by saying, bitterly, that Army is now acting as puppet of Counselor Nhu, who tricked it into establishing martial law. The Army, including Generals Dinh and Don knew nothing of plans to raid Xa Loi and other pagodas. This was carried out by Colonel Tung's Special Forces and combat police on Nhu's secret orders. Nhu is now in control and General Don is taking orders directly from him.

According to Kim, 1426 people (Buddhist monks and laymen) have been arrested. All of explosives and arms found in pagodas were planted. Now the population believes the Army was responsible for repression of Buddhists and is turning against Army. Unless this situation is corrected and people are told truth, Army will be seriously handicapped in its fight against Communists.

General Kim said students from Faculties of Medicine and Pharmacy had held demonstrations on morning of 23rd. Kim felt these demonstrations were bound to spread, that students were on verge of violence. Riot control briefings had just been given to ARVN unit leaders on morning of 23rd and he hoped violence between Army and students could be avoided. However, Nhu had ordered Cao Xuan Vy (Director General of Youth) to organize a massive demonstration of Republican Youth involving over 500,000 people for 25th of August. Kim believes that such a demonstration, if it could be organized, would produce a riot of unimaginable proportions and, therefore, must be avoided. He said he doubted that Nhu would listen to any contrary advice about demonstrations.

I asked Kim if the Army was united. He said that Nhu had deliberately split the command between Colonel Tung, General Dinh and General Don and was dealing with each separately. Don (who is

¹ Source: Department of State, Central Files, SOC 14-1 S VIET. Secret. Operational Immediate; Limit Distribution. Repeated to CINCPAC. Hilsman cites this telegram in *To Move a Nation*, p. 484-485, as part of an approach by Vietnamese Generals to American officials.

614 Foreign Relations, 1961–1963, Volume III

his brother-in-law) does not command much natural support among officer corps but most of other Generals and senior officers, he felt, could be rallied around him (Don). Key question was where did US stand. If US took clear stand against Nhus and in support of Army action to remove them from government, the Army (with exception of Colonel Tung) would unite in support of such an action and would be able to carry it out. He felt that retaining President, even though he personally did not like him, would be preferable providing all Ngo family influence could be permanently and effectively eradicated. It was not just a question of getting rid of Nhus, he said, but of also removing their followers from scene.

Finally, Kim said that he and seven other general officers had been obliged on 22 August to sign an oath of loyalty to President Diem which fully supported actions taken by government against Buddhists. He said US must not be fooled by this document, that vast majority of Army and most of Generals who signed document, did not approve of repression of Buddhists but had to sign at this time or expose themselves to individual elimination by Counselor Nhu.

Lodge

**BẢN PHÚC TRÌNH
CỦA PHÁI ĐOÀN ĐIỀU TRA LIÊN HIỆP QUỐC
VỀ ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO
TẠI NAM VIỆT NAM NĂM 1963**



United Nations

DOCUMENT A/5630

Report of the United Nations Fact-Finding Mission to South
Viet-Nam

[Original text: English, French and Spanish] [7 December 1963]

Bản Phúc Trình A/5630 (*Report of the United Nation Fact-Finding Mission to South Viet-Nam*) nguyên gốc bằng tiếng Anh, tường trình các lời khai của các nhân vật chính có liên quan trực tiếp đến biến cố Phật giáo năm 1963.

Bản văn cho biết Phái Đoàn LHQ bao gồm các nhà ngoại giao Afghanistan, Brazil, Ceylon, Costaria, Dahomey, Morocco, và Nepal. tới Sài Gòn lúc 12:30 am sáng 24-10-1963, phỏng vấn nhiều nhân chứng tại Sài Gòn cho đến sáng 30-10-1963 đi Huế, hôm sau trở lại Sài Gòn Họ phỏng vấn nhiều người liên hệ tới cáo buộc đàn áp Phật Giáo, nhưng không được phép phỏng vấn Thượng Tọa Thích Trí Quang và một số người khác bị chính phủ Ngô Đình Diệm cho là đối lập chính trị (political opposition).

Tới ngày 1-11-1963 xảy ra cuộc đảo chánh. Công việc của phái đoàn tới đây xem như chấm dứt. Nghĩa là, chỉ phỏng vấn các nhân chứng có 6 ngày (riêng 2 ngày cuối tuần là 26 và

27/10 phần lớn thời gian phái đoàn ở khách sạn đọc tài liệu). Phái đoàn rời Sài Gòn ngày 3-11-1963.

Hồ sơ được trình lên phiên họp khoáng đại Đại Hội Đồng LHQ lần thứ 1280 vào ngày Thứ Sáu 13 tháng 12-1963, nhưng LHQ **quyết định không bàn hồ sơ này**, vì ông Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ.

Đính kèm bài này có 2 hồ sơ dạng PDF và 1 hồ sơ dạng ảnh .jpg. Hồ sơ thứ nhất là bản báo cáo dài 93 trang mang số **A/5630**, hồ sơ thứ nhì là văn bản buổi họp của LHQ ngày 13-12-1963 dài 4 trang, trong đó có đề mục "Agenda Item 77", nói rằng Đại hội đồng (LHQ) thấy không cần thiết để tiếp tục xem xét (xếp hồ sơ)

Bản Phúc Trình gồm bốn chương, chương đầu nói về thứ tự thời gian hoạt động của phái đoàn chương kế tường trình về cáo buộc vi phạm nhân quyền (bởi chính quyền Ngô Đình Diệm) của 16 quốc gia thành viên LHQ, chương thứ 3 là lập trường của chính quyền Ngô Đình Diệm và chương thứ 4 là phân khảo sát nhân chứng và các thư từ phái đoàn tiếp nhận. Trong chương này có phần ý kiến của phái đoàn, kể những gì nhìn thấy bằng mắt khi tới các chùa và bệnh viện. Phần cuối bản phúc trình cho biết, "Tại phiên họp khoáng đại thứ 1280 thông qua ngày 13 Tháng Mười Hai 1963, Đại hội đồng quyết định không tiếp tục xem xét vụ việc này".

Trong Bản Phúc Trình LHQ, có bản dịch bản Thông Cáo Chung Ngày 16/6/1963 trên đó có chữ ký của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Tổng Thống Ngô Đình Diệm (xem trang 85), và có bản dịch Dự Số 10 do Quốc Trưởng Bảo Đại ký năm 1950 (xem trang 86).

Có một số chi tiết quan trọng trong bản Báo Cáo này: ở 3 tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định từ năm 1956 tới 1963 có 208,000 người bị ép vào Đạo Công Giáo.

Kết luận lẽ ra nằm trong cuộc thảo luận ngày Thứ Sáu 13-12-1963, qua thảo luận về "Agenda Item 77" nhưng LHQ bác bỏ, nói không cần thiết nữa, vì ông Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ.

NHẬN XÉT:

Theo LHQ, hồ sơ này là "**inconclusive**" vì chưa đưa ra LHQ thảo luận, và vì chỉ mới phỏng vấn một phần trong hai bên thôi. Nguyên văn câu đó "*It arrived in Saigon in late October and heard a number of witness. Unfortunately for the scholar, the affair ended inconclusively as a result of the successful coup against President Diem that took place while the mission was in Saigon*". [Phái đoàn đến Sài Gòn vào cuối tháng Mười và đã nghe một số nhân chứng. Không may cho các học giả, **công việc bị kết thúc dang dở** vì cuộc đảo chánh Tổng thống Diệm đã thành công khi phái đoàn đang ở Sài Gòn]. Câu này hàm ý cuộc điều tra không đi đến được một kết luận nào vì Tổng Thống Ngô Đình Diệm **bị lật đổ chứ không phải vì không có đàn áp Phật Giáo** (xem phóng ảnh trang 67 đính kèm, trích từ cuốn *United Nations high commissioner for human rights*", By Roger Stenson Clark, trang 67).

Nói tóm lại là bản phúc trình không hề có kết luận "Không có đàn áp tôn giáo" như những thế lực thù nghịch với Phật Giáo đã nói.

Có một điểm cần lưu ý là trong cuộc điều tra, phái đoàn đã không phỏng vấn ba nhân vật quan trọng trong biến cố Phật Giáo năm 1963, Thượng Tọa Thích Trí Quang, người lãnh đạo tinh thần của Phật giáo năm ấy, ông Cố Vấn Ngô Đình Cẩn và cựu Thiếu Tá Đặng Sĩ, Phó tỉnh trưởng nội an, người có mặt tại đài phát thanh Huế đêm 8/5/1963.

ĐÍNH KÈM:

• **Bản báo cáo dài 93 trang mang số A/5630** (Bản gốc bằng Anh ngữ)

• **Văn bản buổi họp của LHQ ngày 13-12-1963** (Bản gốc bằng Anh ngữ)

• **Phóng ảnh trang 67, trích từ cuốn United Nations high commissioner for human rights"**

"ĐỀ MỤC THẢO LUẬN SỐ 77" VÀ "TÀI LIỆU A/5630"

Report of the United Nations Fact-Finding Mission to

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

South Viet-Nam – 7-12-1963

Bản Phúc Trình nguyên gốc bằng tiếng Anh, dài 93 trang, gồm 4 chương và 16 Phụ lục. Tất cả được đăng lại trong Đề mục Thảo luận số 77 của Liên Hiệp Quốc:

- Chương I: Ghi chép theo trình tự các hoạt động của Phái đoàn (*Chronological Accounts of the Mission's Activities*).

- Chương II: Tố cáo trước Hội đồng Khoáng Đại (LHQ) về Vi phạm Nhân quyền tại Việt nam Cộng hòa (*Allegations of Violations of Human Rights in the Republic of Viet-Nam brought Before the General Assembly*).

- Chương III: Lập trường của Chính phủ (*Position of the Government*)

- Chương IV: Thẩm tra các Nhân chứng và Thông tin mà Phái đoàn nhận được (*Examination of Witness and Communications Received by the Mission*).

Toàn bộ Tài liệu A/5630

Document A/5630 được đăng lại trong Đề mục Thảo luận số 77 (Agenda Item 77)

infiltrate, if not to impose their own cadres who try to take over the leadership.
This results in ideological deviation, which in practice are reflected in the absence of political agitation and propaganda and in the organization of riots and coups d'état for the benefit of foreign interests. This is the tragedy of Buddhism in Viet-Nam; it will so should be the tragedy of Buddhism in the other countries of Asia.
We hope that, instead of allowing themselves to be influenced by an international company of the East or the West against the Republic of Viet-Nam, the fraternal African and Asian countries will benefit from the experience in our country and forestall the crises which they will possibly have to face.
Every Government is in duty bound to uphold public order and also to ensure that alien cadres both from the East and the West, with their specific ideologies and policies, do not mar the original purity of Buddhism and the other movements. In other words, the action

taken by the Government of the Republic of Viet-Nam in connection with the Buddhist question has no other objective than to free the Buddhist hierarchy from all outside pressure and to shield the development of Buddhism from any external influence that works against the interests of the Buddhist religion and against the higher interests of the State.
I am also happy to be able to inform you that a solution has already been found to the Buddhist question which bears witness to the merits of the policy pursued by the Viet-Nam Government. Free from the evil influence of foreign agitators and adventurers, the Buddhist hierarchy has resumed charge of the Buddhist community and of the pagoda throughout the territory of Viet-Nam.
I request you to be kind enough to communicate this message to the representatives of the African and Asian States Members of the United Nations.
(Signed) Ngo Dinh Diem
President of the Republic of Viet-Nam

Tâm Diệu/Ban Biên Tập
www.thuvienhoasen.org

DOCUMENT A/5630 Report of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam (Original text: English, French and Spanish) [7 December 1963]

Chapter	Paragraphs
I. CHRONOLOGICAL ACCOUNT OF THE MISSION'S ACTIVITIES	
A. Origin and establishment of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam	1-6
B. Preparation for the departure from New York and terms of reference	7-11
C. Arrival in Saigon	12-17
D. First meetings with the Government and exchange of views on the Mission's work	18-26
E. Meeting with the Secretary of State for Foreign Affairs on the work of the Mission	27-36
F. Programme of work	37-48
G. Conduct of the hearings and examination of witnesses	49-60
H. Further meeting with the Secretary of State for Foreign Affairs	61-67
I. The coup d'état d'armes with the Military Provisional Council	68-83
II. ALLEGATIONS OF VIOLATIONS OF HUMAN RIGHTS IN THE REPUBLIC OF VIET-NAM MISSED BY THE GENERAL ASSEMBLY	
A. Written statement submitted by the Governments of those Member States	64
B. Other allegations brought before the General Assembly	65
C. United Nations criteria for determining violations of human rights	66-71
III. POSITION OF THE GOVERNMENT	
A. Statement on the Buddhist problem in Viet-Nam by General Tran Thi Chu	72
B. Meeting with Mr. Ngo Dinh Diem, President of the Republic	73-79
C. Meeting with Mr. Ngo Dinh Nhu, Pallidant Adviser to the Presidency	80
D. Meeting with Mr. Nguyen Ngoc Tho, Vice-President of the Republic	81
E. Meeting with Mr. Bui Van Luang, Secretary of State for the Interior	82
F. Meeting with Mr. Nguyen Dinh Thuan, Secretary of State for the Presidency	83
G. Interview in Hanoi with the Government delegate, the Commanding Officer of the First Corps and other officials	84
H. Report of the Chairman of the Mission on his meeting with the Secretary of State	85
IV. EXAMINATION OF WITNESSES AND COMMUNICATIONS RECEIVED BY THE MISSION	
A. Examination of witnesses	86-148
B. Communications received by the Mission	149-171
C. General observations	172-311

(Phóng ảnh của điện văn này xin xem bản lớn hơn ở trang 115, bài “*Phúc Trình A/5630 của Phái Đoàn Điều Tra LHQ...*” của Tâm Diệu và Nguyễn Kha)

**PHÚC TRÌNH A/5630
CỦA PHÁI ĐOÀN ĐIỀU TRA LIÊN HIỆP QUỐC
VỀ ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO
TẠI NAM VIỆT NAM NĂM 1963
ĐÃ KẾT LUẬN NHƯ THẾ NÀO?**

Tâm Diệu và Nguyễn Kha



1- BỐI CẢNH

Sau cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức ngày 11-6-1963 làm rúng động lương tâm nhân loại, và sau cuộc tự tử bi hùng nhưng đầy thách đố của văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam vào đúng ngày Song Thất 7/7/1963, chính quyền Ngô Đình Diệm (mà quyền bính quốc gia lúc bấy giờ đã hoàn toàn thuộc về vợ chồng ông bà Cố vấn Ngô Đình Nhu-Trần Lệ Xuân) quyết định dẹp tan phong trào đòi hỏi bình đẳng tôn giáo của Phật giáo, dù ngoài mặt vẫn ru ngủ Phật giáo và dư luận thế giới với một Thông Cáo Chung do chính tay ông Diệm ký từ ngày 16-6-1963.

Đêm 20-8-1963, ông Nhu ra lệnh cho một đơn vị quân đội là Lực Lượng Đặc Biệt của Đại tá Lê Quang Tung và Cảnh sát Đã chiến tổng tấn công các chùa trên toàn quốc. Đặc biệt tại Sài Gòn, lực lượng võ trang này mà giáo sư Buttinger xem không khác gì nhóm xung kích của Nazi (*Nazi stormtrouper*) đã bắt

giam 1,426 Tăng Ni và Cư sĩ Phật giáo (xem *Điện văn số 274* của Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn gửi cho Bộ Ngoại giao Mỹ ngày 24-8). Toàn bộ thành phần lãnh đạo Phật giáo coi như bị tê liệt, **nhường lại cuộc đấu tranh** chống độc tài giáo trị và gia đình trị cho sinh viên thanh niên, trí thức, và các đảng phái quốc gia,

...

Tham khảo từ Wikipedia:

■ Ngày 21/8/1963, sinh viên **Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ** bãi khóa.

■ Ngày 22/8/1963, khoa trưởng **Y Khoa** Sài Gòn bác sĩ **Phạm Biều Tâm** từ chức rồi bị bắt. Ngày hôm sau, sinh viên Y khoa vận động sinh viên các trường khác liên kết thành lập Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa. Ủy ban này phát động sinh viên tất cả các trường đại học bãi khóa. Sau vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới **tất cả các cấp trung học toàn quốc**.

■ Cùng ngày 22/8/1963, giáo sư **Vũ Văn Mẫu** từ chức Bộ trưởng Ngoại Giao và cạo đầu như một nhà sư để phản đối chính sách kỳ thị Phật giáo của ông Diệm.

■ Cùng ngày 22 tháng 8 năm 1963, ông **Trần Văn Chương**, thân phụ của bà Nhu, từ chức đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Mỹ để phản đối chính sách ưu đãi đạo Thiên Chúa giáo La Mã của Tổng thống Ngô Đình Diệm.

■ Ngày 24/8/1963 trên **3.000 sinh viên và học sinh** tập hợp tại trường **Luật Khoa Sài Gòn** để chào đón Giáo sư Vũ Văn Mẫu. Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa được đổi tên thành Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Và Học Sinh ra tuyên ngôn ủng hộ những đòi hỏi chính đáng của Phật giáo.

■ Sau ngày 24/8/1963, các phân khoa đại học và trường trung học lớn tại Sài Gòn đều bị cảnh sát phong tỏa. Sinh viên và học sinh bãi khóa và vận động các giáo sư từ chức. Học sinh các trường trung học công lập **Gia Long, Trưng Vương** và **Võ Trường Toản** tổ chức meeting tại sân trường. Học sinh trường **Chu Văn An** xô xát với cảnh sát. Khoảng **2.000 học sinh trung học tại Sài Gòn bị bắt**. Số sinh viên và học sinh bị bắt quá nhiều đến không đủ chỗ giam trong các trại Cảnh Sát nên phải

tổng lên xe GMC chở về giam ở Trung Tâm Huấn luyện Quang Trung

■ Ngày 25/8/1963, 300 sinh viên học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành trong lúc chính quyền đang ban bố lệnh giới nghiêm. Cảnh sát bắn vào đoàn biểu tình giết chết nữ sinh **Quách Thị Trang**. Khoảng **200 người bị bắt giữ**. Xác Quách Thị Trang bị cảnh sát mang đi. Chiều hôm đó, chính quyền ra thông cáo các lực lượng an ninh được lệnh nổ súng vào bất cứ đám đông nào tụ họp nơi công cộng mà không xin phép trước.



Sinh viên Đại học Khoa học Sài Gòn biểu tình ủng hộ Phật giáo



Thanh niên sinh viên bị Cảnh sát bắt đem về Trung tâm Huấn luyện Quang Trung

Trong không khí căng thẳng do những biện pháp sắt máu đó của chính quyền Ngô Đình Diệm, và giữa một mùa hè Sài Gòn nóng bỏng với những tin đồn về đảo chánh và phản đảo chánh, về chính quyền ông Diệm thỏa hiệp với Hà Nội, về vai trò của tân Đại sứ Mỹ Cabot Lodge (kể từ 26/8), về khả năng

ông Nhu sẽ thay ông Diệm, ... mười ngày sau, ngày 4-9-1963, 14 nước bao gồm Afghanistan, Algeria, Cambodia, Ceylon, Guyana, India, Indonesia, Mông Cổ, Nigeria, Pakistan, Rwanda, Sierra Leone, Somalia, Trinidad và Tobago (sau đó, thêm hai nước Mali và Nepal) đưa vấn đề Phật giáo Việt Nam ra trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc (LHQ) với nội dung cáo buộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa vi phạm các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Một tháng sau, ngày 4/10/1963, Việt Nam Cộng hòa gửi thư lên Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc mời một phái đoàn sang Việt Nam điều tra về tình hình tôn giáo tại Việt Nam. Cuối tháng Mười, Liên Hiệp Quốc cử phái đoàn gồm 16 thành viên đại diện 7 quốc gia Afghanistan (trưởng phái đoàn), Brazil, Ceylon, Costa Rica, Dahomey, Morocco và Nepal sang Việt Nam điều tra tìm hiểu sự thật. Phái đoàn đến Phi trường Tân Sơn Nhất tối 24-10-1963, và bắt đầu từ hôm sau chỉ tiếp xúc các giới chức chính quyền và phỏng vấn các nhân chứng trong **6 ngày** (mà riêng 2 ngày cuối tuần là 26 và 27/10 thì phần lớn thời gian phái đoàn ở khách sạn đọc tài liệu). Cuộc điều tra kết thúc sớm hơn dự liệu khi chế độ Diệm bị lật đổ vào đúng ngày lễ Các Thánh (Toussaint, 1-11) của Công giáo, ngày mà tất cả cơ quan chính phủ được nghỉ lễ. Và phái đoàn rời Sài Gòn ngày 3-11-1963.

2- BỐN TÀI LIỆU CĂN BẢN

Có ba tài liệu chính thức của Liên Hiệp Quốc và một công trình nghiên cứu đại học liên quan đến cuộc điều tra về đàn áp Phật giáo tại Nam Việt Nam của LHQ:

- **Tài liệu A/5630** - Phúc trình của Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc tại Nam Việt Nam, hoàn tất ngày 7-12-1963. (*Document A/5630 - Report of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam*)

- **Đề mục Thảo luận số 77** (*Agenda Item 77*)

- **Biên bản Buổi họp Khoáng đại thứ 1280 của Đại Hội đồng LHQ**, Phiên họp thứ 18, ngày 13-12-1963 (*United Nations General Assembly, Eighteen Session, 1280th Plenary*)

Meeting – Official Records)

- Khảo luận in thành sách “**Một Cao Ủy Liên Hiệp Quốc về Nhân Quyền**” (*A United Nations High Commissioner For Human Rights*) của Giáo sư Roger Stenson Clark, do Martinus Nijhoff (Hòa Lan), xuất bản năm 1972.

2.1- “ĐỀ MỤC THẢO LUẬN SỐ 77” VÀ “TÀI LIỆU A/5630”

Report of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam – 7-12-1963

Bản Phúc Trình nguyên gốc bằng tiếng Anh, dài 93 trang, gồm 4 chương và 16 Phụ lục. Tất cả được đăng lại trong Đề mục Thảo luận số 77 của Liên Hiệp Quốc:

- Chương I: Ghi chép theo trình tự các hoạt động của Phái đoàn (*Chronological Accounts of the Mission's Activities*).

- Chương II: Tố cáo trước Hội đồng Khoáng Đại (LHQ) về Vi phạm Nhân quyền tại Việt nam Cộng hòa (*Allegations of Violations of Human Rights in the Republic of Viet-Nam brought Before the General Assembly*).

- Chương III: Lập trường của Chính phủ (*Position of the Government*)

- Chương IV: Thẩm tra các Nhân chứng và Thông tin mà Phái đoàn nhận được (*Examination of Witness and Communications Received by the Mission*).

Toàn bộ Tài liệu A/5630 (*Document A/5630*) được đăng lại trong Đề mục Thảo luận số 77 (*Agenda Item 77*)

Lập trường chính phủ do Tướng Trần Tử Oai trình bày. Phái đoàn còn gặp các ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Nguyễn Ngọc Thơ, Bùi Văn Lương, Nguyễn Đình Thuần, Vũ Văn Mẫu và một số viên chức tại Huế. Lẽ dĩ nhiên, chính phủ khẳng định cho rằng không có kỳ thị tôn giáo, không có ưu đãi Công giáo, không có ngược đãi Phật giáo.... điều mà thực tế 9 năm cầm quyền của ông Diệm đã phủ bác hết. Đến nỗi Linh mục Lê Quang Oánh đã phải nhân danh Khổ giáo sĩ Đồng Tâm lên án “*tội bất công*” (của ông Diệm) *đã giết hại đồng bào vô tội. Thật là tàn bạo, dã man, phản dân chủ, phản tự do, phản*

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

đạo đức, làm nhục cho quốc thể Việt Nam, trong lá thư gửi Hòa Thượng Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam ngày 12-5-1963 ngay sau biến cố ở Huế. Thậm chí khi ông Ngô Đình Thục qua Vatican ngày 7-9-1963, ông còn không được Giáo hoàng Paul 6 cho gặp mặt để “giải độc”.

Agenda item 77

3

infiltrate, if not to impose their own cadres who try to take over the leadership.

This results in ideological deviations, which in practice are reflected in techniques of political agitation and propaganda and in the organization of riots and *coups d'état* for the benefit of foreign interests. This is the tragedy of Buddhism in Viet-Nam; it will no doubt be the tragedy of Buddhism in the other countries of Asia.

We hope that, instead of allowing themselves to be poisoned by an international conspiracy of the East or the West against the Republic of Viet-Nam, the fraternal African and Asian countries will benefit from the experience in our country and forestall the crises which they will possibly have to face.

Every Government is in duty bound to uphold public order and also to ensure that alien cadres both from the East and the West, with their specific ideologies and policies, do not mar the original purity of Buddhism and the other movements. In other words, the action

taken by the Government of the Republic of Viet-Nam in connexion with the Buddhist question has no other objective than to free the Buddhist hierarchy from all outside pressure and to shield the development of Buddhism from any external influence that works against the interests of the Buddhist religion and against the higher interests of the State.

I am also happy to be able to inform you that a solution has already been found to the Buddhist question which bears witness to the merits of the policy pursued by the Viet-Namese Government. Freed from the evil influence of foreign agitators and adventurers, the Buddhist hierarchy has resumed charge of the Buddhist community and of the pagodas throughout the territory of Viet-Nam.

I request you to be kind enough to communicate this message to the representatives of the African and Asian States Members of the United Nations.

(Signed) Ngo Dinh DIEM
President of the Republic of Viet-Nam

DOCUMENT A/5630

Report of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam

[Original text: English, French and Spanish]
[7 December 1963]

CONTENTS

Chapter	Paragraphs
I. CHRONOLOGICAL ACCOUNT OF THE MISSION'S ACTIVITIES	1-63
A. Origin and establishment of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam	1-6
B. Preparation for the departure from New York and terms of reference	7-11
C. Arrival in Saigon	12-17
D. First meetings with the Government and exchange of views on the Mission's work	18-26
E. Meeting with the Secretary of State for Foreign Affairs on the work of the Mission	27-36
F. Programme of work	37-48
G. Conduct of the hearings and examination of petitions	49-50
H. Further meeting with the Secretary of State for Foreign Affairs	51-57
I. The coup d'état—Contact with the Military Revolutionary Council	58-63
II. ALLEGATIONS OF VIOLATIONS OF HUMAN RIGHTS IN THE REPUBLIC OF VIET-NAM BROUGHT BEFORE THE GENERAL ASSEMBLY	64-71
A. Written statement submitted by the Governments of sixteen Member States	64
B. Other allegations brought before the General Assembly	65
C. United Nations criteria for determining violations of human rights	66-71
III. POSITION OF THE GOVERNMENT	72-85
A. Statement on the Buddhist problem in Viet-Nam by General Tran Tu Oai	73
B. Meeting with Mr. Ngo Dinh Diem, President of the Republic	74-79
C. Meeting with Mr. Ngo Dinh Nhu, Political Adviser to the Presidency	80
D. Meeting with Mr. Nguyen Ngoc Tho, Vice-President of the Republic	81
E. Meeting with Mr. Bui Van Luang, Secretary of State for the Interior	82
F. Meeting with Mr. Nguyen Dinh Thuan, Secretary of State to the Presidency	83
G. Interview in Huế with the Government delegate, the Commanding Officer of the First Corps and other officials	84
H. Report of the Chairman of the Mission on his meeting with the Secretary of State for Foreign Affairs	85
IV. EXAMINATION OF WITNESSES AND COMMUNICATIONS RECEIVED BY THE MISSION	86-151
A. Examination of witnesses	86-148
B. Communications received by the Mission	149-171
C. General observations	172-191

Ngược lại, có một số chi tiết quan trọng trong bản Phúc trình này: Chi trong 3 tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định mà thôi, từ năm 1956 tới 1963 đã có **208,000 người bị ép vào Đạo Công Giáo**. Ngoài ra, còn có bản dịch bản Thông Cáo Chung ngày 16/6/193 trên đó có chữ ký của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và Tổng thống Ngô Đình Diệm (xem trang 85), và có bản dịch Dự Số 10 do Quốc Trưởng Bảo Đại ký năm 1950 (xem trang 86).

Phần cuối Phúc trình, tại Chương IV, trong mục Nhận xét Tổng quát (*General Observations*) có nêu ra 13 điều mà Phái đoàn ghi nhận (như các chùa, các cơ quan nhà nước, khách sạn, thái độ của nhân viên chính quyền, cuộc đảo chánh, ...) nhưng **tuyệt nhiên không có một Kết luận Chung quyết, dù sơ khởi, về tình hình đàn áp Phật giáo tại Nam Việt Nam**. Dĩ nhiên, đáng lẽ Phái đoàn còn phải ở lại lâu hơn (4 ngày làm việc) để điều tra, và kết luận đáng lẽ sẽ được thực hiện khi Phái đoàn trở về lại Nữ Ước, có thì giờ để khảo sát lại các tài liệu đã thu lượm, rồi thảo luận và kết luận để trình lên Đại Hội đồng LHQ trong một phiên họp khoáng đại. Rất tiếc điều này đã KHÔNG xảy ra vì cuộc chính biến của Quân đội đã lật đổ chế độ Diệm vào ngày 1-11-1963.

Thật vậy, ở **trang cuối cùng, trang 93 của Phúc Trình**, có tổng kết những hoạt động mà Đại Hội Đồng LHQ đã tiến hành (ACTION TAKEN BY THE GENERAL ASSEMBLY) như sau:

- Tại Phiên họp Khoáng đại thứ 1234 vào ngày 8-10-1963, LHQ quyết định thành lập Phái đoàn Điều tra đến Việt Nam. Thành viên sẽ do Chủ tịch Đại Hội đồng công cử.

- Tại Phiên họp Khoáng đại thứ 1239 vào ngày 11-10-1963, Chủ tịch Đại Hội đồng tuyên bố 7 thành viên của Phái đoàn.

- **Tại Phiên họp Khoáng đại thứ 1280 vào ngày 13-12-1963, Đại Hội đồng quyết định không tiếp tục cứu xét đề mục này nữa** (*At the 1280th plenary session, the General Assembly decided not to continue the consideration of this item*) Trang 93, trang cuối của Phúc trình, động thái cuối cùng của

Đại Hội Đồng là “Tại Phiên họp Khoáng đại thứ 1280 vào ngày 13-12-1963, Đại Hội Đồng quyết định không tiếp tục cứu xét đề mục này nữa” (*At the 1280th plenary session, the General Assembly decided not to continue the consideration of this item*)

"A few moments later the jeep drove off. I took the handkerchief off my eyes. I was in a rubber plantation. I shouted at the top of my voice:

"Hallo! Is anyone here?"

"A voice answered:

"Hallo! Here we are!"

"I ran towards the voice. How happy I was to see two students! Without saying a word, we hugged one another warmly.

"My two friends' shirts were torn and splashed with blood.

"How did you get like that?"

"They tore my shirt," explained one of my friends, "and drew lines on my chest with their dagger. Look."

"With that he unbuttoned his shirt. Drops of blood were still oozing from his chest.

"Where is the other student?" I asked them.

"We have no idea."

"Now I am just going to bandage my wounds and then we shall go and look for our comrade."

"Applying the first-aid I had learned from scouting, I tore up my pullover and looked for a few herbs to staunch the flow of blood.

"When the bandages were in place, we set off to find the fourth student, but in vain. There was no sign of him. The sun began to sink behind the rubber-trees.

"Perhaps our friend was taken away by the soldiers," said one of the others; "now we must get out of this plantation."

"We walked due west along a plantation track. An hour's walking brought us to highway No. 15. We were 50 km from the capital on the Saigon-Cap Saint-Jacques road. A short while later we met a bus and got aboard. When we reached the bus terminal at Saigon we had not a piastre to pay our fares, for the Intelligence Corps soldiers had taken all our money by force. In view of our plight, the bus-owner did not ask for our fares.

"When I reached home at 7 p.m., I know that a whole area of skin around my eyes was blue-black."

DOCUMENTS A/L.425 AND ADD.1*

Chile and Costa Rica: draft resolution

[Original text: Spanish]
[7 October 1963]

The General Assembly,

Bearing in mind the letter dated 4 October 1963 from the Head of the Special Mission of the Republic of Viet-Nam to the United Nations addressed to the President of the General Assembly, in which the Government of the Republic of Viet-Nam proposes that representatives of States Members of the United Nations should visit Viet-Nam for the purpose of studying the situation regarding relations between the Government and the Viet-Namee Buddhist community,

Considering that in present circumstances it would be useful for a commission composed of representatives of States Members of the United Nations to proceed to the Republic of Viet-Nam for the purpose of collecting as much information as possible on the facts and circumstances which prompted the item "The violation of human rights in South Viet-Nam",

Considering that it is desirable that the commission referred to in the preceding paragraph should carry

out its assignments and report to the General Assembly at the eighteenth session, so as to enable the Assembly to complete its consideration of the item before the close of the session,

1. *Instructs* the President of the General Assembly to appoint a Commission of representatives of Member States with a view to its proceeding forthwith to the Republic of Viet-Nam and collecting as much information as possible on the facts and circumstances to which the item "The violation of human rights in South Viet-Nam" refers;

2. *Requests* that the said Commission submit to the General Assembly, at the eighteenth session, a report on the results of its inquiries, so that the Assembly can complete its consideration of the aforementioned item before the close of the session;

3. *Urges* the Government of the Republic of Viet-Nam to afford the Commission every facility to enable it to carry out its terms of reference completely;

4. *Requests* the Secretary-General to give the Commission the necessary assistance to enable it to carry out its assignment.

* Document A/L.425/Add.1, dated 10 October 1963, forms operative paragraph 4 of the draft resolution.

ACTION TAKEN BY THE GENERAL ASSEMBLY

At its 1234th plenary meeting, on 8 October 1963, the General Assembly decided to establish a United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam, the members of which were to be appointed by the President of the Assembly.

At the 1239th plenary meeting, on 11 October 1963, the President of the General Assembly announced that the Mission would be composed of the following Member States: Afghanistan, Brazil, Ceylon, Costa Rica, Dahomey, Morocco and Nepal.

At its 1280th plenary meeting, on 13 December 1963, the General Assembly decided not to continue the consideration of this item.

2.2- BIÊN BẢN “BUỔI HỌP KHOÁNG ĐẠI THỨ 1280 CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG LHQ” *United Nations General Assembly, Eighteen Session, 1280th Plenary Meeting – Official Records – 13-12-1963*

Đây là Biên bản chính thức của Phiên họp thứ 18 (18th Session) thuộc Buổi họp Khoáng đại thứ 1280 (1280th Plenary Meeting) của Đại Hội đồng LHQ để thảo luận 5 Đề mục Thảo luận (Agenda Item). Buổi họp về **ĐỀ MỤC 77**, Vi phạm Nhân quyền tại Nam Việt-Nam (*Violations of human rights in South Viet-Nam*), do ông Carlos Sosa Rodriguez làm chủ tọa, đã đi đến kết luận như sau trong nghị quyết số 5:

“Vi những biến cố gần đây ở Nam Việt Nam, các vị đề nghị Đề mục Thảo luận số 77 đã thông báo cho tôi biết rằng lúc này, họ **không thấy hữu ích để thảo luận đề mục này nữa**. Với tình hình như thế, liệu tôi có thể cho rằng Đại Hội đồng cảm thấy là **không cần phải cứu xét Đề mục 77 nữa** hay không ? Đại Hội đồng đã (đồng ý) quyết định như thế.”

(In the light of recent events in South Viet-Nam, those who proposed Agenda Item 77 have informed me that they do not feel it would be useful to discuss the item of this time. Can I take it that, in the circumstances, the General Assembly feels it is not necessary to continue the consideration of item 77 ? It was so decided.)

Nghị quyết số 5 của **ĐỀ MỤC Thảo luận số 77** trong Biên bản Buổi họp Khoáng Đại LHQ ngày 13-12-1963: “Vi những biến cố gần đây ở Nam Việt Nam, các vị đề nghị Đề mục Thảo luận số 77 đã thông báo cho tôi biết rằng lúc này họ **không thấy hữu ích để thảo luận đề mục này nữa**. Với tình hình như thế, liệu tôi có thể cho rằng Đại Hội đồng cảm thấy là **không cần phải cứu xét Đề mục 77 nữa** hay không ? Đại Hội đồng đã (đồng ý) quyết định như thế.”

United Nations
**GENERAL
ASSEMBLY**
EIGHTEENTH SESSION



**1280th
PLENARY MEETING**

Friday, 13 December 1963,
at 10.30 a.m.

Official Records

NEW YORK

CONTENTS

	Page	
<i>Agenda item 77:</i> <i>The violation of human rights in South Viet-Nam (concluded).</i>	1	Morocco and Nepal, to visit South Viet-Nam and report to the General Assembly.
<i>Agenda item 28:</i> <i>International co-operation in the peaceful uses of outer space: report of the Committee on the Peaceful Uses of Outer Space</i> <i>Report of the First Committee</i>	1	3. At the 1239th plenary meeting, I notified the General Assembly of the creation and composition of the mission. Mr. Abdul Rahman Pazhwak of Afghanistan acted as Chairman of the mission and Mr. Mohammed Amor of Morocco acted as Rapporteur. The mission left for Viet-Nam on 21 October and arrived there three days later.
<i>Agenda item 29:</i> <i>The Korean question: report of the United Nations Commission for the Unification and Rehabilitation of Korea</i> <i>Report of the First Committee</i>	2	4. Its report has just been issued [A/5630]. In this connexion I must sincerely thank Mr. Pazhwak and Mr. Amor and all the members of the mission for the full and detailed report which they have submitted and which they adopted unanimously.
<i>Agenda item 84:</i> <i>Actions on the regional level with a view to improving good neighbourly relations among European States having different social and political systems</i>	3	5. In the light of recent events in Viet-Nam, those who proposed agenda item 77 have informed me that they do not feel it would be useful to discuss the item at this time. Can I take it that, in the circumstances, the General Assembly feels it is not necessary to continue the consideration of item 77?
<i>Agenda item 47:</i> <i>Measures designed to promote among youth the ideals of peace, mutual respect and understanding between peoples</i> <i>Report of the Third Committee</i>	3	It was so decided.

President: Mr. Carlos SOSA RODRIGUEZ
(Venezuela).

AGENDA ITEM 77

The violation of human rights in South Viet-Nam
(concluded)*

1. The PRESIDENT (translated from Spanish): As the Members of the General Assembly will recall, at the 1232nd plenary meeting held on 7 October 1963 I read out to the General Assembly the text of a letter dated 4 October in which the then Government of South Viet-Nam issued "an invitation to representatives of several Member States to visit Viet-Nam in the very near future in order that they may find out for themselves the true situation regarding the relations between the Government and the Viet-Nameese Buddhist community".
2. At the 1234th plenary meeting, held on 8 October, I consulted the General Assembly on this matter and, as no formal proposal was made, I took it that the Assembly wished me to take action on the basis of the letter of 4 October 1963. As there was no objection, I proceeded to organize a mission consisting of representatives of the following Member States: Afghanistan, Brazil, Ceylon, Costa Rica, Dahomey,

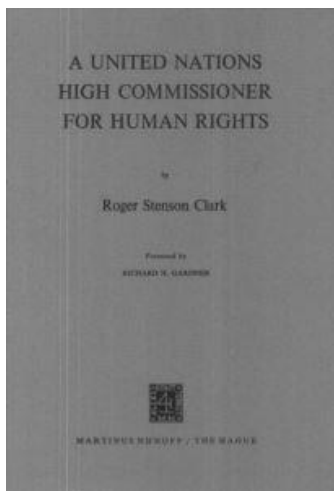
*Returned from the 1239th meeting.

AGENDA ITEM 28
International co-operation in the peaceful uses of outer space: report of the Committee on the Peaceful Uses of Outer Space.

REPORT OF THE FIRST COMMITTEE (A/5656)

6. Mr. VOLIO JIMENEZ (Costa Rica), Rapporteur of the First Committee (translated from Spanish): I have the honour to introduce the report of the First Committee on item 28 of our agenda [A/5656].
7. The debate in the First Committee on this important item was constructive and it is noteworthy that the two proposals submitted were adopted by acclamation. It is encouraging that after almost two years of consultations and debates the Committee was able to adopt by acclamation the declaration of legal principles governing the activities of States in the exploration and use of outer space. Although in the Committee some delegations expressed reservations about these principles, considering, *inter alia*, that they were not stated with sufficient clarity, that they did not cover some important aspects of the question and that they did not specifically prohibit the use of outer space for non-peaceful purposes, there was a general consensus of favour of the declaration, which was regarded as a significant and useful beginning.
8. The second proposal, which deals particularly with the future activities of the Committee on the Peaceful Uses of Outer Space and with the valuable and extensive work done in this field by the specialized agencies, was also adopted by acclamation. Consequently, the First Committee recommends the adoption of draft resolutions I and II contained in its report [A/5656, para. 9].

2.3- KHẢO LUẬN “MỘT CAO ỦY LIÊN HIỆP QUỐC VỀ NHÂN QUYỀN” A United Nations High Commissioner For Human Rights của Giáo sư Roger Stenson Clark, do Martinus Nijhoff (Hòa Lan) xuất bản năm 1972. Số ISBN 90 247 12971



Giáo sư Clark là người Tân Tây Lan, giảng sư về Luật học tại Đại học Victoria University of Wellington. Ông nhận được một học bổng nghiên cứu của Đại học Luật Columbia tại New York trong hai năm 1968 và 1969. Đây cũng là thời gian ông quan tâm đến một cơ chế bảo vệ Nhân quyền ở cấp độ Quốc tế (*International Protection of Human Rights*) khi làm nội trú tại cơ quan Human Rights Division thuộc Văn phòng Tổng Thư ký LHQ vào tháng 8 năm 1968.

Từ đó, ông thu thập tài liệu, nghiên cứu, thảo luận với nhiều bạn đồng nghiệp và hoàn thành tác phẩm *A United Nations High Commissioner For Human Rights*. Những ý kiến của ông trong khảo luận này đã đóng góp phần nào vào sự hình thành *Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights* (OHCHR) vào ngày 20-12-1993, hơn 20 năm sau.

Cuốn sách gồm 7 chương. Trong Chương III (*The Function of the Commissioner*), mục *Subparagraph (a): advice and assistance to UN organs*, **trang 67**, ông có nhắc đến Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam vào năm 1963. Ông kết luận về công việc của Phái đoàn:

“It arrived in Saigon in late October and heard a number of witness. Unfortunately for the scholar, the affair ended inconclusively as a result of the successful coup against President Diem that took place while the Mission was in Saigon”.

(Phái đoàn đến Sài Gòn vào cuối tháng Mười và đã nghe một số nhân chứng. Không may cho các học giả, công việc bị kết thúc **dang dở** vì cuộc đảo chánh Tổng thống Diệm đã thành công khi Phái đoàn đang ở Sài Gòn)

Từ *“inconclusive”* có nhiều nghĩa trong tiếng Việt. *“Dở*

dang” là một trong những nghĩa đó

[<http://en.glosbe.com/en/vi/inconclusive>] và phù hợp nhất với ngữ cảnh của câu văn trên. Khi dịch ngược lại từ tiếng Việt sang tiếng Anh, từ “*dở dang*” cũng lại cho ta từ “*inconclusive*” [http://vdict.com/dở%20dang_2_0_0.html]

Câu văn trên hàm ý cuộc điều tra **không đi đến được một kết luận nào** vì Tổng Thống Ngô Đình Diệm **bị lật đổ (chứ không phải vì không có đàn áp Phật Giáo)** như đã từng được xác nhận (từ 9 năm trước) trong Phúc trình **A/5630** và **Biên bản của Phiên họp 1280** của Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc.

Trang 67: “*It arrived in Saigon in late October and heard a number of witness. Unfortunately for the scholar, the affair ended inconclusively as a result of the successful coup against President Diem that took place while the Mission was in Saigon*”. (Phái đoàn đến Sài Gòn vào cuối tháng Mười và đã nghe một số nhân chứng. Không may cho các học giả, công việc bị kết thúc dang dở vì cuộc đảo chánh Tổng thống Diệm đã thành công khi Phái đoàn đang ở Sài Gòn)

are reasonably typical of cases involving a question of human rights where some sort of international role is possible but the exact nature of the machinery which would be acceptable and of its functions is doubtful. It is also questionable whether the second of the examples is one in which it would be feasible for the High Commissioner for Human Rights to operate.

The Vietnam Fact Finding Mission was a response to allegations made concerning the Diem regime's treatment of the Buddhists. In September 1963 sixteen members of the General Assembly requested the inclusion of an item on the question on the Agenda of the eighteenth session of that body. Soon after the item had been taken up, the President of the Assembly announced that he had received two letters from the Special Mission of the Republic of Vietnam to the United Nations.²⁵ One of these extended an invitation to “the representatives of several Member States to visit Vietnam in the near future so that they may see for themselves what the real situation is as regards the relations between Government and the Buddhist community of Vietnam.” The invitation was accepted and a mission was formed comprising representatives of Afghanistan, Brazil, Ceylon, Costa Rica,²⁶ Dahomey, Morocco and Nepal. It arrived in Saigon late in October and heard a number of witnesses. Unfortunately for the scholar, the affair ended inconclusively as a result of the successful coup against President Diem that took place while the Mission was in Saigon. However, the appointment of the Mission constituted a valuable precedent and its voluminous report contains much on the Mission's procedures that is of value to any future international fact-finder.²⁷ If the High Commissioner were requested by the General Assembly to carry out such a mission he would of course require the invitation, or at least the consent, of the State involved

Từ nhiều năm nay, đã có những kẻ không biết ngượng, dùng đoạn văn trong khảo luận này, cố tình dịch sai chữ “*inconclusively*” thành “*không kết quả*” hoặc viết lửng lơ “*không có kết luận, the affair ended inconclusively*” mà không thêm 2 câu: “*Unfortunately for the scholar*” và “*as a result of the successful coup against President Diem*” với hàm ý Phái đoàn không thấy có đàn áp Phật giáo, hầu lạc dẫn người đọc để chối tội cho chế độ Diệm.

Mới đây, trước mùa Phật đản 2013 kỷ niệm 50 năm Pháp nạn của Phật giáo Việt Nam, một ông cựu sĩ quan Cảnh sát hung hăng chống phá Phật giáo, chắc bị nhiệm độc hay chính ông uống độc được loại thông tin như thế, đã hỗn láo thách thức một Hòa Thượng đọc lại Phúc trình này, tưởng rằng sẽ rửa được cái tội đàn áp Phật giáo dùm cho ông Diệm, mà thật ra ông Cảnh sát chẳng biết được rằng Phúc trình A/5630 này của LHQ chẳng có kết luận nào như thế cả.

3- KẾT LUẬN

Nói tóm lại, đọc hết 93 trang của Phúc trình **A/5630**, lại được xác nhận bởi Kết luận của **Biên bản Buổi họp thứ 1280** của Đại Hội đồng LHQ, rồi sau đó được Giáo sư **Roger Stenson Clark** tham chiếu trong tác phẩm *A United Nations High Commissioner For Human Rights* của ông, ta có thể khẳng định rằng Phúc trình A/5630 **không hề kết luận** rằng chính phủ Diệm “không có đàn áp tôn giáo” như cái thể lực đã thù nghịch với Phật giáo từ thời Cổ đạo Alexandre de Rhodes gọi Phật Thích Ca bằng “*thằng*” trong Phép Giảng Tám Ngày, tìm cách xuyên tạc tài liệu để mạo hóa lịch sử từ mấy năm nay.

Tâm Diệu và Nguyễn Kha

4/7/2013

ĐÍNH KÈM:

- Bản báo cáo dài 93 trang mang số A/5630
- Văn bản buổi họp của LHQ ngày 13-12-1963
- Phóng ảnh trang 67, trích từ cuốn *United Nations high commissioner for human rights*”

PHẦN II

TÌNH HÌNH CHÍNH QUYỀN
NGÔ ĐÌNH DIỆM TRONG NĂM 1963

**LINH MỤC CỦA TT DIỆM
KỂ VỚI GS FISHEL:
NHIỀU NGÀN SĨ QUAN VNCH
CẢI ĐẠO ĐỂ TIẾN THÂN**

Nguyên Giác dịch



**Foreign Relations of the United States, 1961–1963
Volume II, Vietnam, 1962, Document 24**



Wesley R. Fishel (left) meets with Ngo Dinh Diem

Scanned from **Forging A Fateful Alliance: Michigan State University
and the Vietnam War** by John Ernst

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Bản Ghi Nhớ này từ kho hồ sơ đã giải mật của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, kể về cuộc nói chuyện trong tháng 1-1962 với Tiến Sĩ Wesley Fishel, trong nhóm chuyên gia của Đại Học Michigan State University, nói về tình hình chế độ ông Diệm ngày càng xa lìa dân tới mức nguy hiểm. Buổi nói chuyện tại nhà ông Mendenhall, Cố vấn Chính trị Tòa Đại Sứ Mỹ, và Bản ghi nhớ này viết lại bởi Menhanhall. Người thứ 3 có mặt là ông Corcoran, thuộc Bộ Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương.



GS Fisehl là bạn thân của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ông Diệm khi sống lưu vong ở Hoa Kỳ các năm đầu 1950s đã gặp và kết thân với GS Fishel, Phó giáo sư Khoa học Chính trị tại Michigan State University (MSU). Một thời gian sau, khi giữ chức Phó Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Công Quyền của MSU, GS Fishel mời ông Ngô Đình Diệm giữ chức tham vấn Đông Nam Á cho viện.

Nhờ kết thân với Fishel và trong chức vụ tham vấn ở Đại học MSU, ông Diệm tìm được nhiều hỗ trợ chính trị từ quan hệ Thiên Chúa Giáo Hoa Kỳ và giới công quyền để được đưa về làm Thủ Tướng Nam VN vào tháng 7-1954. Trả ơn, ông Diệm mời GS Fishel làm cố vấn, và GS Fishel trở thành người thân tín nhất của ông Diệm ngoài gia tộc.

Khi Sở Hợp Tác Quốc Tế Hoa Kỳ (U.S. International Cooperation Administration, USICA) viện trợ, ông Diệm yêu cầu phải có ‘viện trợ kỹ thuật’ từ MSU, và GS Fishel đã tổ chức một nhóm chuyên gia sang giúp VN ổn định kinh tế, sắp xếp hệ thống công quyền, và kể cả huấn luyện cảnh sát cận vệ và cảnh sát chống phiến loạn. Từ 1955 tới 1962, nhóm chuyên gia Đại học MSU cố vấn cho nhiều Bộ, Nha, Sở của VNCH.

Vài điểm về tình hình 1962 từ bản văn “24. Memorandum of Conversation” này:

- Trong các quân, cán, chính VNCH mà GS Fishel đã quen biết, cố vấn và huấn luyện nhiều năm trước, chỉ còn 3% là ủng hộ ông Diệm.

- Nhiều viên chức nói với GS Fishel họ sẵn sàng chiến đấu cho đất nước, nhưng không muốn chiến đấu cho nhà Ngô.
- Nhiều ngàn sĩ quan quân lực VNCH đã cải đạo, vào Thiên Chúa Giáo để tiến thân. Trong đó, chính Linh Mục Giải Tội của TT Diệm cũng kể lại với ‘nỗi buồn lớn’.
- GS Fishel nói, có 3 Bộ Trưởng cải đạo sang Thiên Chúa Giáo.

Bản Anh văn sẽ kèm theo dưới đây. Bản dịch Bản Ghi Nhớ thực hiện bởi Cư sĩ Nguyên Giác.)

BẢN DỊCH BẮT ĐẦU

24. Bản Ghi Nhớ về Cuộc Nói Chuyện (1)

Saigon, ngày 16 tháng 1-1962

ĐỀ TÀI: Tình hình tại Việt Nam

NGƯỜI THAM DỰ:

• Tiến sĩ Wesley Fishel, Giáo sư Đại học Michigan State University

• Thomas J. Corcoran, Phụ tá Cố vấn Chính trị, CINCPAC (Bộ Tư lệnh Quân lực Hoa kỳ Thái Bình Dương)

• Joseph A. Mendenhall, Cố vấn Chính trị

• Ông Corcoran và tôi (Mendenhall) có buổi nói chuyện với Tiến sĩ Fishel tại nhà tôi theo sau cuộc nói chuyện -- mà tôi đã ghi lại trong bản ghi nhớ (2) – trong đó tôi đã nói chuyện với TS Fishel vào ngày 5 tháng 1-1962. Các điểm chính trong cuộc nói chuyện được ghi như sau:

1. TS Fishel nói rằng, trong 2 tuần lễ ở đây, ông đã nói chuyện với khoảng 100 người Việt Nam, trong đó bây giờ chỉ còn ba người ủng hộ chính phủ ông Diệm, và 2 người trong nhóm ủng hộ này nói là họ ủng hộ dè dặt.

Ông nói rằng những cuộc nói chuyện này bao gồm những người ông đã nói chuyện trong chuyến đi dài 4 ngày vừa kết thúc ở vùng Kontum, Quảng Trị và khu vực Vĩ Tuyến 17, và khu vực Nha Trang. Ngay cả vùng ngoại ô Sài Gòn, ông cũng thường gặp thái độ, “Tôi sẵn sàng chiến đấu cho đất nước tôi, nhưng tại sao phải làm thế cho gia đình nhà Ngô.”

Ông nói ông đã quen 90% những người ông đã nói chuyện trong thời gian 5 năm ông sống tại Việt Nam từ 1954 tới 1958, và nhiều người lúc đó đã ủng hộ ông Diệm mạnh mẽ. Ông nói rằng những cuộc nói chuyện đó đã tái xác nhận ấn tượng mà ông đã bày tỏ trong cuộc nói chuyện trước đó của chúng tôi về tình hình suy sụp thê thảm về vị trí chính trị của ông Diệm kể từ lần viếng thăm trước, lúc đó là năm 1959. Fishel nói rằng ông rất buồn vì tình hình đó, tới nỗi ông gần như ước muốn phải chi ông đã không tới thăm Việt Nam.

2. Fishel đã hỏi là tôi có biết hay không về chuyện nhiều ngàn sĩ quan quân lực VNCH đã cải đạo để theo Thiên Chúa Giáo, bởi vì họ xem đây là cách để tiến thân dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Tôi trả lời ông rằng tôi không biết như thế, và ông nói ông nghe như thế là từ chính lời của Đức Cha Giải Tội (Father-Confessor) của ông Diệm; vị tu sĩ Thiên Chúa Giáo này đã ủng hộ ông Diệm ngay từ đầu, và đã nói với TS Fishel thông tin đó với một nỗi buồn lớn.

Fishel đã nói rằng ông đã có kinh nghiệm trực tiếp về điểm đó trong những chuyến đi mấy ngày qua ở vùng nông thôn, khi một Thiếu Tá mà ông đã quen trước đó kể với Fishel về việc ông cải đạo theo Thiên Chúa Giáo và đã bi hài nói rằng đây là cách để tiến thân trong chế độ Diệm. Fishel nói ông cũng đã biết rằng 3 ông Bộ Trưởng đã cải đạo theo Thiên Chúa Giáo, trong đó có ông Thuần (LND: Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần).

3. Fishel mô tả về bầu không khí chán nản, ưu trầm trong các nhân sự có liên hệ trong Tổng Thống Phủ, hầu hết trong đó ông đã quen biết từ nhiều năm. Ông nói có 2 người trong đó kể lại trong khi ứa nước mắt, khóc vì sự suy sụp của chính phủ ông Diệm. Ông nói họ kể với ông rằng họ tiếp tục tìm cách ngăn cản “họ” (nghĩa là gia đình nhà Ngô và thân tín) không chiếm giữ hết mọi thứ, và trong hy vọng rằng sẽ có biến đổi xảy ra tương lai.

4. Fishel nói rằng chuyến đi của ông tới vùng nông thôn đã cho ông thấy có vài yếu tố hy vọng căn bản về tình hình (điển hình như, tình hình huấn luyện xuất sắc và tinh thần cao của các Biệt Động Quân ở Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động

Quân ở Nha Trang, và lý tưởng nhiệt tình thấy rõ của nhiều chiến binh mà ông gặp trong chuyến đi).

Tuy nhiên, ông nói rằng cải cách kinh tế và quân sự mới thực hiện của chính phủ sẽ không đủ khai sinh ra bất kỳ thay đổi nền tảng nào đối với khuynh hướng bất mãn chính phủ. Điều cần thêm hiện nay là một cú chấn động tâm lý. Khi được hỏi điều gì ông nghĩ là cần thiết, Fishel cho biết ông quyết định xin giữ im lặng (hiển nhiên, bởi vì rất khó cho ông đưa ra các đề nghị bất lợi cho sức mạnh chính trị của ông Diệm, người mà ông xem là bạn thân từ quá lâu).

GHI CHÚ:

(¹) Nguồn: Trung tâm văn khố quốc gia Washington National Records Center, RG 84, Hồ sơ Tòa Đại sứ Sài Gòn: FRC 68 A 5159, 350-GVN. Hồ sơ Mật. Soạn bởi Mendenhall ngày 17-1-1962. Buổi gặp nhau ở nhà riêng của Mendenhall. Một phó bản khác lưu ở Bộ Ngoại Giao, trong kho hồ sơ “Vietnam Working Group Files: Lot 66 D 193, 14, GVN, 1962, Political Situation, General.” Bản Ghi Nhớ này gửi tới Tòa Đại sứ Mỹ, Bộ Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ Thái Bình Dương, và trình Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.

(²) Không tìm lại được.

Các Hồ sơ mật đã dịch lưu ở đây:
<http://tinyurl.com/HoSoMat>

Bản Văn Đính Kèm. →

24. Memorandum of a Conversation, Mendenhall's Residence, Saigon, January 16, 1962¹**SUBJECT**

Situation in Viet-Nam

PARTICIPANTS

Dr. Wesley Fishel, Professor, Michigan State University
Mr. Thomas J. Corcoran, Deputy Political Advisor, CINCPAC
Joseph A. Mendenhall, Counselor for Political Affairs

Mr. Corcoran and I had a conversation with Dr. Fishel at my house following up the conversation (already reported by memorandum²) which I had with Fishel on January 5. The main points emerging from this conversation were as follows:

1. Dr. Fishel said that he had now talked, during his two weeks here, with about 100 Vietnamese, of whom only three were supporters of the Diem Government, and two of those supported it with reservations. He said that these conversations included persons he had talked to on a 4-day trip he has just concluded to the Kontum area, Quang Tri and the 17th Parallel, and the Nha Trang area. Even outside of Saigon he said he often encountered the attitude, "I am willing to fight for my country, but why do it for the Ngo family." He said he knew 90% of the persons talked to from his 5-year stay in Viet-Nam from 1954 to 1958, and many of them were at that time strong supporters of Diem. He said that these conversations have reaffirmed the impression he expressed during our previous talk about the grave deterioration of the political position of Diem since his last visit in 1959. Fishel said he was so depressed by this that he almost wished that he had not come to visit Viet-Nam.

2. Fishel asked whether I was aware that thousands of officers in the armed forces had been converted to Catholicism because they consider this the way to get ahead under the Diem Government. I told him I had not been aware of this, and he said he received this information from Diem's own Father-Confessor, who was one of the original supporters of Diem and told Fishel this in great sorrow. Fishel said that he had direct experience bearing on this point during his travels the past few days in the countryside when a major he had known previously told Fishel about his conversion to Catholicism and cynically

¹ Source: Washington National Records Center, RG 84, Saigon Embassy Files: FRC 68 A 5159, 350-GVN. Confidential. Drafted by Mendenhall on January 17. Another copy is in Department of State, Vietnam Working Group Files: Lot 66 D 193, 14, GVN, 1962, Political Situation, General. Distributed throughout the Embassy, to CINCPAC, and to the Department of State.

² Not found.

46 Foreign Relations, 1961–1963, Volume II

indicated that this was the way to get ahead under this Government. Fishel said he had also learned that three Cabinet ministers have taken up Catholicism, including Thuan.

3. Fishel described the discouraging, depressing atmosphere among the personnel of the Presidency, most of whom he has known closely for years. He said two of them even described with tears in their eyes the deterioration in the administration of the Government. He said they indicated to him that they are continuing to hold on to prevent "them" (meaning the Ngo family and close adherents) from taking over everything, and in the hope that some kind of change will occur.

4. Fishel said that his trip through the countryside had shown him that there are some basically hopeful factors in the situation (for example, the excellent training and morale of the Rangers he saw at the Ranger Training Center in Nha Trang, and the obvious dedication of many of the military personnel whom he encountered on this trip). He stated, however, that the military and economic reforms recently undertaken by the Government will not alone produce any fundamental change in the trend against the Government. What is needed in addition is a psychological shock. When asked just what he thought was necessary he decided to remain discreetly silent (obviously because it comes very hard for him to put forth suggestions adverse to the political fortunes of Diem to whom he has been close for so long).

**BẢN ĐÁNH GIÁ
TÌNH BÁO QUỐC GIA ĐẶC BIỆT**

(Special National Intelligence Estimate)

Số Thứ Tự: SNIE 53-2-63

TÌNH HÌNH TẠI NAM VIỆT NAM

(The Situation in South Vietnam)



Đệ trình bởi

GIÁM ĐỐC TÌNH BÁO TRUNG ƯƠNG

Đồng thuận đệ trình bởi

HỘI ĐỒNG TÌNH BÁO HOA KỲ

Ngày ghi ở bìa hồ sơ:

Ngày 10 tháng 7, năm 1963

Chấp thuận giải mật:

Tháng 1 năm 2005

Bản thứ 354

Tên hồ sơ: DOC_0001166414.pdf

Các cơ quan tình báo sau đây đã tham dự vào việc soạn thảo bản đánh giá này:

- Sở Tình Báo Trung Ương (CIA) và các sở tình báo của các Bộ Ngoại Giao, Quốc Phòng,
- Lục Quân, Hải Quân, Không Quân, và Sở An Ninh Quốc Gia (NSA).

Đồng thuận bởi:

- Giám Đốc Nghiên Cứu và Tình Báo, Bộ Ngoại Giao
- Giám Đốc, Sở Tình Báo Quốc Phòng (DIA)
- Phụ Tá Chánh Sở Tình Báo, Bộ Lục Quân
- Phụ Tá Chánh Sở Tình Báo Hải Quân, Bộ Hải Quân
- Phụ Tá Chánh Sở Tình Báo, Không Lực Hoa Kỳ
- Giám Đốc Sở An Ninh Quốc Gia

Không có ý kiến của:

- Đại Diện Ủy Hội Năng Lượng Hạt Nhân của USIB, và
- Phụ Tá Giám Đốc Sở Điều Tra Liên Bang (FBI) vì vấn đề ngoài lĩnh vực hoạt động.

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Hồ sơ mật này có tầm mức quan trọng đặc biệt vì do tất cả các sở tình báo Hoa Kỳ có phạm vi hải ngoại cùng soạn, hay duyệt, và đúc kết, trình lên ngày 10 tháng 7-1963, một tháng sau ngày Hòa Thượng Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân.

Điểm ghi nhận từ hồ sơ này:

(1) Dân bất mãn chế độ ông Diệm từ lâu và rộng khắp (xem các đoạn A, đoạn 2, 4, 14);

(2) Chế độ ông Diệm đã thiên vị cho Thiên Chúa Giáo La Mã, chèn ép các tôn giáo khác (xem đoạn 2, 4, 14); Xem thêm chi tiết về đàn áp Phật Giáo ở link <http://tinyurl.com/thuvienhoasen-NhatTu-TQD>, về đàn áp Đạo Cao Đài ở link <http://tinyurl.com/HoangNamGiao-CaoDai>, về đàn áp Phật Giáo Hòa Hảo ở link <http://tinyurl.com/HoangNamGiao-PGHH>;

(3) Phật Giáo không phải là một thế lực đối lập, cũng không có ý muốn kết hợp thành một khối đối lập rộng rãi, và sẽ hài lòng nếu chính phủ ông Diệm thực hiện các cam kết (xem đoạn 3, 6, 9, 14);

(4) Phật Giáo VN đã được nhiều chính phủ quốc tế ủng hộ công khai, lên tiếng trước Liên Hiệp Quốc phản đối chế độ ông Diệm (xem đoạn 8);

(5) Ông Diệm tráo trở. Trong quá khứ, ông Diệm đã từng

hứa và rồi lật ngược (xem đoạn 9);

(6) Ông Nhu cứng rắn, đòi ông Diệm dẹp bỏ các cam kết với Phật Giáo (xem đoạn 12, 13, 16);

(7) Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục là một thể lực chính trị (xem đoạn 3, 13);

(8) Sự kiện ngày 8/5/1963, Phật Tử tụ tập ở Đài Phát Thanh Huế bị xe bọc sắt và lính nổ súng làm nhiều người chết, có vài trẻ em. Chính quyền đổ lỗi có Việt Cộng khủng bố. Hồ sơ mật này của tinh báo Mỹ nói, có chứng cứ do lính của chính phủ ông Diệm thăm sát (xem đoạn 3).

Cần ghi nhận bối cảnh hồ sơ này:

- Ngày 30/5/1963, cảnh sát và mật vụ vây chùa Xá Lợi tại Sài Gòn, và các chùa Từ Đàm, Báo Quốc, Linh Quang tại Huế.

- Ngày 31/5/1963 sinh viên tất cả các phân khoa Viện Đại Học Huế họp hội nghị tại chùa Từ Đàm, kiến nghị Tổng thống và Chính phủ giải quyết năm nguyện vọng của Phật giáo, thực thi chính sách tự do, dân chủ và bình đẳng, chấm dứt dùng thủ đoạn với tín đồ Phật giáo.

- Ngày 1/6/1963, tại Huế, một cuộc biểu tình và tuyệt thực lớn được tổ chức. Tại Sài Gòn và các tỉnh nhiều cuộc biểu tình, tuyệt thực. Tại Chùa Ấn Quang và Chùa Xá Lợi, 800 người tuyệt thực.

- Ngày 3/6/1963, tại Huế, cảnh sát và quân đội có vũ trang chặn đường không cho đoàn biểu tình đến chùa. Quân chúng ngồi xuống đường, chấp tay hướng về chùa Từ Đàm cầu nguyện thì bị cảnh sát dùng lựu đạn cay và quân khuyến giải tán. Thiền sư Trí Thủ tới, kêu gọi dân ngưng biểu tình. Khi đoàn người về tới Bến Ngự thì bị đơn vị cảnh sát khác tấn công bằng lựu đạn cay và lựu đạn khói.

- Ngày 4/6/1963 cảnh sát phong tỏa các chùa Từ Đàm, Báo Quốc và Linh Quang. Quân chúng kéo lên chùa nhưng bị ngăn lại. Đám đông áp dụng chiến thuật ngồi xuống đường cầu nguyện. Cảnh sát dùng lựu đạn cay và quân khuyến tấn công, làm 142 người bị thương, trong đó 49 người bị thương nặng. Các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Giác Minh, Từ Quang, Báo Quốc,

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Từ Đàm và Linh Quang hoàn toàn bị cô lập và bị cắt điện nước. Chính quyền đưa tài liệu Mật Trận Giải Phóng Miền Nam vào các chùa rồi lục soát để vu cáo các thiền sư và Phật tử theo Cộng Sản. Tại các tỉnh, các chùa trụ sở của giáo hội Phật Giáo Việt Nam và Giáo Hội Tăng Già đều bị phong tỏa. Ông Diệm lập Ủy ban Liên bộ để nghiên cứu nguyên vọng của Phật giáo, do phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ đứng đầu. Ủy Ban này họp với Ủy Ban Liên Phái của PG. Đối thoại không kết quả, trong khi chính quyền vẫn xiết chặt, Ủy Ban Liên Phái ra lệnh tiếp tục đấu tranh.

- Ngày 27/5/1963, hoà thượng Thích Quảng Đức 67 tuổi, trụ trì chùa Quan Âm (Gia Định) viết một lá thư cho Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc tình nguyện tự thiêu.

- Ngày 11/6/1963, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng, đúng 10 giờ sáng, hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu trong tư thế kiết già trước sự chứng kiến của hàng trăm quần chúng và Phật tử. Chiều 11/6/1963, chính quyền phong tỏa chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, nơi để di thể của thiền sư Quảng Đức.

- Ngày 4/6/1963 đến 2 giờ sáng ngày 16/6/1963, Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ họp, đưa ra Thông Cáo Chung với sự chấp thuận của Chủ tịch Tổng Hội Phật giáo Việt Nam Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và Tổng thống Ngô Đình Diệm. Bản văn quy định về treo cờ tôn giáo, sẽ tách các tôn giáo ra khỏi dự số 10 để chờ đạo luật về tôn giáo sẽ do Quốc hội thông qua cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964, hứa thả các Phật Tử bị bắt những ngày qua, hứa gỡ luật khắt khe về xây chùa đối với Phật giáo, hứa trừng phạt các viên chức có lỗi trong sự kiện Phật đản ngày 8/5/1963...

- Ngày 18/6/1963, Văn phòng Tổng thống gửi mật điện số 1432/VP/TT cho các những người có trách nhiệm ra lệnh tạm thời nhượng bộ phong trào Phật giáo, chuẩn bị dư luận để phản công đồng thời thanh trừng những nhân viên nhà nước ủng hộ Phật giáo. Một bản sao của mật điện lọt vào tay của Ủy Ban Liên Phái.

- Ngày 26/6/1963, ĐLHT Thích Tịnh Khiết gửi thư cho Tổng thống Ngô Đình Diệm tố cáo các hành động kể trên là âm

muu chống Phật giáo, tố cáo chính quyền tiếp tục đàn áp Phật giáo, tố cáo Ngô Đình Nhu có ý định tổ chức cuộc biểu tình của Thanh Niên Cộng Hòa để yêu cầu chính phủ duyệt lại bản Thông cáo chung.

- Ngày 7/7/1963, chính quyền đem những người tham gia đảo chính ngày 11/11/1960 ra xét xử trong đó có nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Trong ngày 7/7, nhà văn Nhất Linh đã tự sát bằng rượu pha độc dược.

- Ngày 9/7/1963, bộ Nội Vụ ban hành nghị định 358-BNV/KS ấn định thể thức treo cờ Phật giáo cho Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Tuy nhiên phía Phật giáo lại kết luận chính phủ đang gây chia rẽ giữa Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và các phái Phật giáo khác.

- Ngày 10/7/1963, Bản Đánh Giá Tình Báo Quốc Gia Đặc Biệt SNIE 53-2-63 do tất cả các sở tình báo có phạm vi hoạt động hải ngoại đúc kết.

Hồ sơ mật này được dịch toàn văn dưới đây bởi *Cư sĩ Nguyễn Giác.*)

TÌNH HÌNH TẠI NAM VIỆT NAM

GHI CHÚ VỀ PHẠM VI

Bản văn “*Các Viễn Ảnh tại Việt Nam*” (tức là Bản Đánh Giá Tình Báo Quốc Gia, National Intelligence Estimate, mã số NIE 53-63) đề ngày 17 tháng 4-1963 ghi quan ngại đặc biệt đối với tiến trình của nỗ lực chống nổi dậy, và với các yếu tố quân sự và chính trị hầu như là sẽ ảnh hưởng nỗ lực đó. Mục tiêu chính yếu của bản văn SNIE (Bản Đánh Giá Tình Báo Quốc Gia Đặc Biệt) hôm nay là khảo sát về những can dự của các diễn biến mới đây tại Nam Việt Nam đối với sự ổn định đất nước, đối với khả năng sinh tồn của chế độ Ngô Đình Diệm, và đối với quan hệ đối với Hoa Kỳ.

KẾT LUẬN

1. Khủng hoảng Phật Giáo tại Nam Việt Nam đã nêu bật và

làm căng thẳng thêm sự bất mãn đã có từ lâu và rộng khắp với chế độ ông Diệm và kiểu hoạt động của chính phủ này. Nếu – như dường nhiều phần sẽ xảy ra – ông Diệm không thực hiện một cách chân thực và đúng đắn các cam kết ông đã nói với những người Phật Tử, sự hỗn loạn sẽ có thể bùng lên lần nữa, và xác suất của một cuộc đảo chánh hay ám sát nhắm vào ông Diệm sẽ nhiều phần có thể xảy ra. (Xem các đoạn 4, 14)

2. Sự không thoài mái ẩn tàng của chế độ Diệm về mức độ Hoa Kỳ tham dự ở Nam Việt Nam đã căng hơn bởi vấn đề Phật Giáo và quan điểm cứng rắn của Mỹ. Thái độ này sẽ hầu như không đổi và nhiều phần sẽ có thêm áp lực để giảm sự hiện diện Hoa Kỳ tại VN. (Xem các đoạn 10-12).
3. Cho tới giờ, vấn đề Phật Giáo vẫn chưa bị lợi dụng một cách hiệu quả bởi người Cộng Sản, cũng như chưa có ảnh hưởng khả lượng nào đối nỗ lực chống nổi dậy. Chúng tôi không nghĩ rằng ông Diệm có vẻ gì sẽ bị lật đổ bởi một cú đảo chánh của Cộng Sản. Chúng tôi cũng không nghĩ rằng người Cộng Sản sẽ nhất thiết hưởng lợi nếu ông Diệm bị lật đổ bởi một vài thành phần đối lập không-Cộng-Sản. Một chế độ nối tiếp (sau Diệm) không Cộng Sản có thể lúc đầu sẽ chống Cộng kém hiệu quả, nhưng với hỗ trợ từ Hoa Kỳ, sẽ có thể trở thành một khối lãnh đạo chính quyền và nỗ lực chiến tranh một cách hiệu quả, hợp lý. (Xem các đoạn 7, 15-17).

THẢO LUẬN

I. GIỚI THIỆU

1. Hai vấn đề chính yếu mà chính phủ Nam Việt Nam đối mặt từ khi hiện diện năm 1954 là: (a) để hình thành các cơ chế và sự trung thành cần thiết để Việt Nam sống còn như một quốc gia độc lập, và (b) để chống lại hiểm họa từ nỗ lực xâm lăng và lật đổ từ chính quyền Hà Nội – nguyên đã khởi động từ năm 1960 bởi một cuộc chiến du kích đang lan rộng. Trong nỗ lực đối phó với các vấn đề này, VNCH đã bị ngăn trở bởi sự thiếu

tự tin và vì thiếu năng lực để tạo ra sự cảm thông và ủng hộ từ phần lớn người Việt -- kể cả nhiều thành phần trí thức và nông dân. Trong các tuần gần đây, những khuyết điểm và căng thẳng này tại khung chính trị Nam VN càng lộ rõ hơn và dày đặc hơn.

II. VẤN ĐỀ PHẬT GIÁO

2. Tổng Thống Diệm, gia đình ông, và phần lớn quan chức chế độ là giáo dân Công Giáo La Mã, trong một dân số có 70% tới 80% là Phật Tử. Chế độ đã lộ hẳn sự ưu đãi Thiên Chúa Giáo trong việc tuyển dụng nhân sự và đã thiên vị cho Giáo Hội Thiên Chúa Giáo. Nhưng không có hạn chế pháp lý đối với tự do tôn giáo, và cho tới gần đây, hầu hết Phật Tử có vẻ như thụ động trong việc ứng phó đối với vị trí định chế đặc quyền của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo. Tuy nhiên, đã có nhiều sự kỳ thị hành chánh nhắm vào Phật Tử, mặc dù đó có thể là từ sự vô tâm hay từ nhiệt tâm đặt sai chỗ của các viên chức cấp thấp như là từ chính sách GVN có ý thức. Tình hình đó hiển nhiên đã tạo ra một luồng cảm xúc bất mãn, chúng có thể thấy rõ là ở mức độ lan rộng và dày đặc từ các vụ bùng phát mới đây.

3. Trong tháng 4-1963, GVN ra lệnh cho các viên chức tỉnh thực hiện nghị định có từ lâu nhưng phần lớn bị bỏ lơ, trong đó nói về việc treo cờ tôn giáo nơi công cộng. Như đã xảy ra, lệnh này đưa ra vừa trước ngày Phật Đản (ngày 8 tháng 5-1963), một lễ lớn của Phật Giáo, và vừa mới sau khi các lá cờ của Đức Giáo Hoàng (Thiên Chúa Giáo La Mã) đã được treo tràn ngập trong một loạt các lễ hội được chính phủ GVN khuyến khích để mừng 25 năm ngày ông Ngô Đình Thục, anh của ông Diệm, nhậm chức Tổng Giám Mục Huế. Một cuộc biểu tình phản kháng xảy ra ở Huế vào ngày 8 tháng 5-1963, và bị một đơn vị Dân Vệ nổ súng giải tán. Trong cuộc xô xát kế tiếp, nhiều người bị giết, trong đó có vài trẻ em. Chính phủ Diệm đổ tội các cái chết là do khủng bố Việt Cộng bất kể chứng cứ cho thấy ngược lại, và việc hành xử kiêu căng kế tiếp về chuyện này và về hậu quả của nó đã bùng lên thành khủng hoảng toàn quốc. Những người Phật Tử, cho tới lúc đó vẫn chưa có tổ chức và chưa biểu lộ phản kháng, đã bày tỏ sức mạnh và sự kết hợp lớn

-- đủ để đưa ra một nhóm các thỏa hiệp từ Tổng Thống Diệm hôm 16 tháng 6-1963. Thêm nữa, sự kiện các lãnh đạo Phật Giáo đã có thể thách thức chính phủ công khai mà không dẫn tới sự trả thù nghiêm trọng đã cho họ niềm tự tin lớn.

4. Vào giây phút này, phong trào Phật Giáo vẫn còn được kiểm soát hiệu quả bởi các vị sư ôn hòa, những người từ chối nhận hỗ trợ từ, hay sự hợp tác mật ngoài với bất kỳ đối lập chính trị nào của ông Diệm, dù Cộng Sản hay không Cộng Sản, và có vẻ như đang tìm cách bảo đảm rằng người Phật Tử giữ đúng các cam kết của họ [trong thỏa hiệp với ông Diệm]. Giới lãnh đạo Phật Giáo này đã cho chính phủ ông Diệm một thời kỳ ân huệ (mà kết thúc vào cuối tháng 6-1963) trong đó để cho thấy rằng Phật Tử có thiện chí thực hiện cam kết, mà nếu không thì biểu tình sẽ tiếp tục. Cho tới giờ đã không có biểu tình thêm, nhưng giới lãnh đạo Phật Giáo thấy rõ là đang yên nghỉ.

5. Bất kể Phật Tử tự kèm chế đối với việc khai thác khía cạnh chính trị của vấn đề, đã thấy rõ có những quá đà chính trị. Vấn đề này đã làm lan rộng sự phẫn nộ và có thể trở thành một tiêu điểm để gây rộng khắp bất mãn với chế độ ông Diệm. Nó cung cấp một chủ đề mà hầu hết những thành phần đối lập không-Cộng-Sản (ngay cả một số giáo dân Thiên Chúa Giáo La Mã) có thể thấy điểm chung để đồng ý. Có chứng cứ thấy rõ rằng tự vấn đề này, và ngay cả hơn nữa, việc gia đình ông Diệm xử trí tới giờ đã có sự ổn định tại hầu như ở các cấp quân đội và công chức của chính phủ, trong khi giới quân dân cấp trung và cấp thấp hầu hết là Phật Tử. Trong vài trường hợp, công chức như đường đã bày tỏ làm lơ hay kinh lại các chỉ thị của chính phủ ông Diệm, còn các quan chức cũng có lúc tránh né công việc ban lệnh chính phủ xuống cho cấp dưới của họ, và thông tin về các hành động sắp tới của chính phủ lại hiển nhiên là bị lộ để cho các nhà sư biết trước. Trong bất kỳ trường hợp nào, các diễn biến mới đây đang làm cho nhiều quan chức chính phủ phải tái xét lại quan hệ của họ với, và mức độ của sự trung thành của họ với chế độ ông Diệm; đã có chứng cứ rộng khắp về sự bất mãn nghiêm trọng và về âm mưu đảo chánh trong giới chỉ huy quân sự và công chức.

6. Vấn đề Phật Giáo có vẻ như đã được ủng hộ lớn lao từ nhiều nhóm đối lập không-Cộng-Sản trong và ngoài lãnh thổ Nam VN. Cũng có vẻ như đã có một cảm giác tăng dần trong số những người từng ủng hộ chế độ rằng vị trí của ông Diệm có thể đã bị tổn thương một cách nguy hiểm và một cách vĩnh viễn. Nhưng cho tới giờ, chúng tôi không có chứng cứ nào về những nhóm đối lập đa dạng có thể kết hợp thành các liên minh mới hay hiệu quả với nhau.

7. Vấn đề Phật Giáo sẽ có vẻ như một cú trúng số hiển nhiên cho người Cộng Sản, nhưng tới giờ vẫn không có chứng cứ nào rằng họ đã có thể lợi dụng một cách hiệu quả. Họ có thể đã trà trộn vào các chức sắc Phật Giáo ở một mức độ, nhưng không đưa ra được bất kỳ ảnh hưởng khả nhận nào, bất kể chính phủ ông Diệm đang ám chỉ như thế. Cho tới giờ, khủng hoảng Phật Giáo không có vẻ như đã có bất kỳ ảnh hưởng khả lượng nào đối với nỗ lực chống nổi dậy đang tiến hành, mặc dù tinh thần và hiệu năng của các lực lượng quân dân VNCH có vẻ sẽ bị thiệt hại nếu vấn đề kéo dài.

8. Khủng hoảng Phật Giáo cũng đã làm tổn thương VNCH về mặt quốc tế, với ảnh hưởng quan trọng có thể có đối với thành công tương lai của chính sách Mỹ đối với Đông Nam Á. Phản đối đang lan rộng tại các quốc gia có Phật Tử chiếm đa số, với ám chỉ rằng hành động của Mỹ có thể giúp giải quyết khủng hoảng. Cam Bốt và Tích Lan đã lên tiếng trước Liên Hiệp Quốc, và có thể nhiều nước nữa sẽ làm như thế. Tại các nước khác, kể cả tại Hoa Kỳ, khủng hoảng đã cho một kích động mới đối với việc chỉ trích chính sách Mỹ với lý do rằng Mỹ đang ủng hộ một chế độ đàn áp và mất lòng dân.

9. Hướng tương lai của vấn đề Phật Giáo sẽ phần lớn được quyết định bởi hành động của chính phủ VNCH trong thời gian gần. Nhiều phần là các vấn đề mới nêu lên gần đây có thể được giải quyết nếu chính phủ thực hiện phần cam kết trong thương lượng đã có. Tuy nhiên, những thành phần có ý thức tinh vi về chính trị của xã hội Nam VN, bao gồm cả những người Phật Tử, đều biết về những hành vi quá khứ của ông Diệm là thường dùng việc thương thuyết để kéo dài thời gian,

và thường đưa ra lời hứa để làm dịu sự khủng hoảng tức thì. Nguy hiểm thực sự trong tình hình hiện nay là ông Diệm có thể mong muốn sử dụng kỹ thuật như thế, kỹ thuật mà trước kia đã giúp ông ta tốt đẹp nhưng lại có thể là tai họa nếu lần này lại làm như thế nữa. Nếu những cuộc biểu tình tiếp diễn, người ta sẽ có thể đoán là sẽ xuất hiện một giới lãnh đạo Phật Giáo có tính chính trị hơn và kém ôn hòa hơn. Trật tự công cộng sẽ bị đe dọa. Đặc biệt, chúng ta không thể biết chắc là những đơn vị quân đội hay cảnh sát nào sẽ phản ứng nếu bị ra lệnh bắn vào những cuộc biểu tình dẫn đầu bởi các vị sư Phật Giáo.

III. ẢNH HƯỞNG CÁC DIỄN BIẾN MỚI ĐÂY VỀ QUAN HỆ MỸ-VNCH

10. Chính phủ Sài Gòn luôn luôn bày tỏ vài quan ngại về ảnh hưởng các quan hệ Hoa Kỳ trong vấn đề Nam VN, và dần dần đã cảm thấy phải hạn chế sự hiện diện và hoạt động của Mỹ tại Nam VN. Thái độ này khởi lên vì, một phần từ một quan ngại về tính chính đáng, có thể gọi là quá nhạy cảm, đối với, về bề ngoài cũng như sự kiện thực tế, về nền chủ quyền mới đạt được của VN. Tuy nhiên, ở một mức độ được suy xét, nó khởi lên từ việc chính phủ ông Diệm nghi ngờ về ý đồ của Mỹ đối với chính phủ này, và từ niềm tin của chính phủ ông Diệm rằng hiện diện của Mỹ nhiều hơn sẽ tạo thế lực cho các nhóm chính trị, và các nhóm này có thể đe dọa ưu thế chính trị của ông Diệm.

11. Vấn đề Phật Giáo bùng khởi vào một trong những thời điểm nhạy cảm của chế độ ông Diệm, và căng thẳng đã bị thúc đẩy thêm, bởi các sự kiện tiếp theo. Việc xử lý hội ban đầu của chính phủ Diệm về vấn đề [Phật Giáo] đã làm cho Mỹ khựng lại vì xấu hổ nghiêm trọng và mối quan ngại, mà, rồi thì, đã dẫn tới một loạt kháng thư khẩn cấp mạnh mẽ từ phía Mỹ (LND: hồ sơ dùng chữ “forceful US démarches” trong đó có chữ Pháp “démarches” để chỉ một thủ tục khẩn cấp của Bộ Ngoại Giao Mỹ, là bản văn phản đối gửi một chính phủ nước khác và yêu cầu trả lời. Xem Wikipedia <http://en.wikipedia.org/wiki/D%C3%A9marche>). Gia đình ông

Diệm đã cay đắng bất mãn những hành động này của Hoa Kỳ, và có thể cảm thấy rằng những cuộc biểu tình của Phật Giáo đã ít nhất, một cách gián tiếp vì có hiện diện của người Mỹ. Trong hoàn cảnh đó, nhiều phần sẽ có tăng thêm áp lực để giảm hiện diện của người Mỹ.

12. Một vai trò chính trong chuyện này sẽ là em của ông Diệm, ông Ngô Đình Nhu. Nhu luôn luôn là phụ tá chính trị chính yếu của ông Diệm, nhưng trong các năm kể từ 1954 đã có mức tăng dần quyền lực cá nhân và thẩm quyền của ông Nhu -- một sự tăng quyền, một phần vì hoàn cảnh, và chủ yếu là do ông Nhu nỗ lực nắm thêm quyền lực. Ông Nhu có tham vọng chính trị riêng, và hầu như chắc chắn tự xem ông là người nối ngôi ông anh. Vì nhiều lý do, ông Nhu từ lâu trong chỗ riêng tư đã nhìn Mỹ với một chút ngờ vực và khó chịu. Những chỉ trích từ phía Mỹ đối với chính phủ VNCH đặc biệt làm ông Nhu nổi giận, vì Nhu biết rằng ông và vợ ông thường xuyên là mục tiêu chính. Trên hết, Nhu hầu như chắc chắn ngờ vực rằng không rõ sự ủng hộ của Mỹ giành cho Diệm rồi có sẽ chuyển sang ủng hộ Nhu hay không.

13. Trong những cuộc thương thuyết với Phật Giáo, ông Nhu thúc giục ông Diệm giữ quan điểm cứng rắn và, bằng chính lời tuyên bố của Nhu là, không ủng hộ chút nào đối với các nhượng bộ đã đạt với Phật Giáo. Dựa vào những việc đã qua, chúng tôi nghĩ là sẽ không có vẻ gì là Nhu sẽ giúp thực hiện các cam kết; ảnh hưởng của ông Nhu đối với ông Diệm dự kiến sẽ trên chiều hướng trì hoãn và cù nhầy đối với những cam kết, một khuynh hướng mà chính ông Diệm cũng đã bác bỏ. Chuyện này nhiều phần sẽ không chỉ ông bà Nhu và ông Diệm, nhưng cũng sẽ có [can thiệp của] ông anh là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục và ông em là Ngô Đình Cẩn, lãnh chúa chính trị của các tỉnh Miền Trung, một cách hiển nhiên là tiếp tục ngờ vực tính chính đáng của các khiếu kiện từ Phật Tử, và đánh giá thấp mức độ căng thẳng của khủng hoảng.

IV. VIỄN ẢNH

14. Nếu chính phủ Diệm tiến hành thực hiện một cách

hiệu quả các cam kết ngày 16-6-1963, phần nhiều các bất mãn từ vấn đề Phật Giáo có thể êm dịu lại. Tuy nhiên, ngay cả nếu quan hệ giữa chính phủ ông Diệm và Phật Tử lắng xuống, những bất đồng tổng quát đối với chế độ ông Diệm (mà cuộc khủng hoảng này làm bùng lên và đưa ra phía trước) phần nhiều cũng sẽ tồn tại. Thêm nữa, nếu (và điều này có thể là) chế độ cố ý trì hoãn, vụng về và kém thành thực trong việc ứng phó vấn đề Phật Giáo, sẽ có thể bùng trở lại những cuộc biểu tình, và Nam VN sẽ có thể vẫn ở trong trạng thái căng thẳng chính trị nội địa. Trong những hoàn cảnh đó, xác suất sẽ cao hơn bao giờ hết để xảy ra một vụ đảo chánh hay ám sát nhắm vào ông Diệm mà không do Cộng Sản chủ mưu. Chúng ta không thể loại trừ khả thể của một cú đảo chánh do Cộng Sản mưu toan, nhưng một âm mưu của Cộng Sản sẽ ước đoán được là khó thành công, khi nào mà đa số những người đối lập và chỉ trích chính phủ ông Diệm vẫn (như bây giờ hiện nay) cảnh giác đối với hiểm họa Cộng Sản.

15. Xác suất xảy ra sẽ lớn hơn đối với một cú đảo chánh không do Cộng Sản gây ra – và về sự thành công của nó -- trong trường hợp lại có sự kiện kinh nhau trở lại giữa chính phủ Diệm và Phật Giáo và dẫn tới những cuộc biểu tình rộng lớn ở Sài Gòn. Những xô xát kéo dài và các hỗn loạn tổng quát sẽ, nhiều hay ít, hẳn là sẽ xảy ra – khi lực lượng an ninh không biết sẽ nên ủng hộ phía nào. Trong hoàn cảnh như thế, một nhóm nhỏ, đặc biệt là một nhóm có những kế hoạch ứng phó trước cho trường hợp đó, có thể sẽ có khả năng lật đổ chính phủ. Ngược lại, một thỏa hiệp kéo dài giữa chính phủ ông Diệm và Phật Tử sẽ giúp giảm cơ nguy đảo chánh.

16. Bất kỳ mưu toan nào muốn lật đổ ông Diệm sẽ hầu như chắc chắn cũng phải lật đổ ông Nhu, nhưng nếu ông Diệm đi mà ông Nhu còn, thì chúng tôi tin phần chắc rằng ông Nhu sẽ tìm cách lên nắm quyền – trong một bước đầu tiên, có thể sẽ là vận dụng qua guồng máy hiến định. Chúng tôi không tin là nỗ lực [ứng cử] của ông Nhu sẽ thành công, bất kể nền tảng chính trị cá nhân mà ông Nhu đã vun trồng xuyên qua Thanh Niên Cộng Hòa (mà ông là Tổng Thủ Lãnh), chương trình áp chiến

lược (do Ủy Ban Liên Bộ thực hiện, mà ông Nhu là Chủ Tịch Ủy Ban này), và trong quân đội. Ông Nhu và vợ ông đã trở thành những biểu tượng sống của tất cả những gì bị căm ghét trong chế độ hiện nay, vì sức mạnh chính trị riêng của ông Nhu sẽ kéo dài hơn ông Diệm. Sẽ có thể có một cuộc tranh đấu với bạo lực không nhỏ, nhưng đủ để quân đội phần chắc là sẽ ra trị an, hoặc là sẽ ủng hộ người nối ngôi hiến định để đưa Phó Tổng Thống Thơ lên [thay ông Diệm], hoặc là sẽ ủng hộ một lãnh tụ dân sự không Cộng Sản khác, hoặc là ủng hộ một chính phủ quân phiệt.

17. Một chế độ nối tiếp không Cộng Sản có thể không hiệu quả hơn chế độ ông Diệm trong việc chiến đấu chống lại Việt Cộng; thực sự, ít nhất, lúc đầu nó có thể kém hiệu quả, và nỗ lực chống nổi dậy có thể sẽ tạm thời rối loạn. Tuy nhiên, có một khối lớn nhân sự dày kinh nghiệm và được huấn luyện, nhưng chưa được vận dụng hết, không chỉ trong quân đội và lực lượng công chức của chính phủ hiện nay, nhưng cũng đang có nhiều ở ngoài chính phủ này, tới một mức độ nào đó. Những phần tử này, khi được ủng hộ tiếp tục từ Hoa Kỳ, có thể tạo ra một sự lãnh đạo hiệu quả một cách hợp lý đối với chính phủ và nỗ lực chiến tranh.

Đính kèm:

Hồ sơ mật bản số 354, dạng PDF. →

APPROVED FOR RELEASE
DATE: JAN 2005

[REDACTED] 1980

~~SECRET~~

1963

SNIE 53-2-63
10 July 1963

(b) (3)

SPECIAL
NATIONAL INTELLIGENCE ESTIMATE
NUMBER 53-2-63

The Situation in South Vietnam

Submitted by the
DIRECTOR OF CENTRAL INTELLIGENCE
Concurred in by the
UNITED STATES INTELLIGENCE BOARD
As indicated overleaf
10 JULY 1963

~~SECRET~~

[REDACTED]
Nº 354

~~SECRET~~

The following intelligence organizations participated in the preparation of this estimate:

The Central Intelligence Agency and the intelligence organizations of the Departments of State, Defense, the Army, the Navy, the Air Force, and NSA.

Concurring:

Director of Intelligence and Research, Department of State
Director, Defense Intelligence Agency
Assistant Chief of Staff for Intelligence, Department of the Army
Assistant Chief of Naval Operations (Intelligence), Department of the Navy
Assistant Chief of Staff, Intelligence, USAF
Director of the National Security Agency

Abstaining:

The Atomic Energy Commission Representative to the USIB, and the Assistant Director, Federal Bureau of Investigation, the subject being outside of their jurisdiction.

~~WARNING~~

~~This material contains information affecting the National Defense of the United States within the meaning of the espionage laws, Title 18, USC, Secs. 793 and 794, the transmission or revelation of which in any manner to an unauthorized person is prohibited.~~

~~GROUP 1
Excluded from automatic
downgrading and
declassification~~

~~SECRET~~

~~SECRET~~

THE SITUATION IN SOUTH VIETNAM

SCOPE NOTE

NIE 53-63, "Prospects in South Vietnam," dated 17 April 1963 was particularly concerned with the progress of the counterinsurgency effort, and with the military and political factors most likely to affect that effort. The primary purpose of the present SNIE is to examine the implications of recent developments in South Vietnam for the stability of the country, the viability of the Diem regime, and its relationship with the US.

CONCLUSIONS

A. The Buddhist crisis in South Vietnam has highlighted and intensified a widespread and longstanding dissatisfaction with the Diem regime and its style of government. If—as is likely—Diem fails to carry out truly and promptly the commitments he has made to the Buddhists, disorders will probably flare again and the chances of a coup or assassination attempts against him will become better than even. (*Paras. 4, 14*)

B. The Diem regime's underlying uneasiness about the extent of the US involvement in South Vietnam has been sharpened by the Buddhist affair and the firm line taken by the US. This attitude will almost certainly persist and further pressure to reduce the US presence in the country is likely. (*Paras. 10-12*).

C. Thus far, the Buddhist issue has not been effectively exploited by the Communists, nor does it appear to have had any appreciable effect on the counterinsurgency effort. We do not think Diem is likely to be overthrown by a Communist coup. Nor do we think the Communists would necessarily profit if he were overthrown by some combination of his non-Communist opponents. A non-Communist successor regime might be initially less effective against the Viet Cong, but, given continued support from the US, could provide reasonably effective leadership for the government and the war effort. (*Paras. 7, 15-17*)

~~SECRET~~

1

~~SECRET~~

DISCUSSION

I. INTRODUCTION

1. The two chief problems which have faced the Government of South Vietnam (GVN) since its birth in 1954 have been: (a) to forge the institutions and loyalties necessary to Vietnam's survival as an independent nation, and (b) to counter the menace of Hanoi's subversive and aggressive designs—pursued since 1960 by a campaign of widespread guerrilla warfare. In attempting to cope with these problems, the GVN has been hampered by its lack of confidence in and its inability to engage the understanding and support of a considerable portion of the Vietnamese people—including large segments of the educated classes and the peasantry. In recent weeks these inadequacies and tensions in the South Vietnamese body politic have been further revealed and intensified.

II. THE BUDDHIST AFFAIR

2. President Diem, his family, and a large proportion of the top leaders of the regime are Roman Catholics, in a population that is 70 to 80 percent Buddhist. The regime has clearly accorded preferential treatment to Catholics in its employment practices and has favored the Catholic Church. But there have been no legal restrictions on religious freedom and, until recently, most Buddhists appeared passive in their response to the privileged institutional position occupied by the Catholic Church. There have, however, been various administrative discriminations against the Buddhists, though these may have resulted as much from thoughtlessness or misplaced zeal on the part of minor officials as from conscious GVN policy. These have obviously created an undercurrent of resentment, as is evidenced by the extent and intensity of the recent outbreaks.

3. In April 1963, the GVN ordered its provincial officials to enforce a longstanding but generally ignored edict regulating the public display of religious flags. As it happened, this order was issued just prior to Buddha's birthday (8 May), a major Buddhist festival, and just after Papal flags had been prominently flown during a series of officially encouraged celebrations commemorating the 25th anniversary of the ordination of Ngo dinh Thuc, Diem's brother, the Archbishop of Hue. A protest demonstration developed in Hue on 8 May, which was dispersed by fire from a Civil Guard unit. In the ensuing melee several persons were killed, including some children. The GVN has blamed the deaths on Viet Cong terrorists despite evidence to the contrary, and its subsequent stiff-necked handling of this incident and its aftermath has sparked a national crisis. The Buddhists, hith-

~~SECRET~~

~~SECRET~~

erto disorganized and nonprotesting, have shown considerable cohesion and force—enough to elicit a set of “compromise” agreements from President Diem on 16 June. Moreover, the fact that the Buddhist leaders have been able to challenge the government openly without evoking serious government retaliation has presumably given them considerable confidence.

4. For the moment, the Buddhist movement remains under the effective control of moderate bonzes who have refused to accept support from or countenance cooperation with any of Diem’s political opponents, Communist or non-Communist, and appear to be trying to insure that the Buddhists live up to their part of the bargain. This leadership gave the GVN a period of grace (which expired about the end of June) in which to show that it was moving in good faith to carry out its undertakings, failing which protests would resume. So far there have been no further demonstrations, but the Buddhist leadership is clearly restive.

5. Despite Buddhist restraint in the political exploitation of the affair, it has obvious political overtones. It has apparently aroused widespread popular indignation and could well become a focal point of general disaffection with the Diem government. It provides an issue on which most of Diem’s non-Communist opponents (even including some Catholics) can find common ground of agreement. There is considerable evidence that the issue itself and, even more, the Diem family’s handling of it to date has occasioned restiveness at virtually all levels of the GVN’s military and civil establishments, both of whose lower and middle echelons are largely staffed by Buddhists. In some cases, civil servants seem to have ignored or tempered GVN instructions, superiors have on occasion evaded their assigned task of propounding the official GVN line to their subordinates, and information on impending government actions has obviously leaked to Buddhist leaders. In any case, recent developments are causing many GVN officials to re-examine their relations with and the limits of their loyalty to the Diem regime; there is accumulating evidence of serious disaffection and coup plotting in high military and civilian circles.

6. The Buddhist affair appears to have given considerable heart to the various non-Communist political opposition splinter groups in and out of South Vietnam. There also appears to be a growing feeling among former supporters of the regime that Diem’s position may have been permanently and dangerously impaired. Thus far, however, we have no evidence that the diverse opposition groups have been able to form new or effective alliances with one another.

7. The Buddhist issue would appear to be an obvious windfall for the Communists, but so far there is no evidence that they have been

~~SECRET~~

~~SECRET~~

able to exploit it effectively. They may have penetrated the Buddhist clergy to some extent, but are not presently exerting any discernible influence, despite the suggestions to the contrary in GVN pronouncements. To date the Buddhist crisis does not appear to have had any appreciable effect on the continuing counterinsurgency effort, though the morale and efficiency of the GVN's military and civil forces are likely to be impaired if the issue is prolonged.

8. The Buddhist crisis has also hurt the GVN internationally, with potentially important effects upon the future success of US policy towards southeast Asia. Protests are growing in other predominantly Buddhist countries, with the implication that US action could help resolve the crisis. Cambodia and Ceylon have made representations to the UN and more may be forthcoming. In other countries, including the US, the crisis has given new stimulus to criticism of US policy on the grounds that the US is supporting an oppressive and unrepresentative regime.

9. The future course of the Buddhist affair will be largely determined by the GVN's actions in the near term. It is likely that the issues recently raised can be resolved if the GVN executes its portion of the negotiated bargain. However, politically sophisticated segments of South Vietnamese society, Buddhists included, are mindful of Diem's past practice of often using negotiations as a stall for time and of making promises in order to weather an immediate crisis. The real danger in the present situation is that Diem may be tempted to employ such tactics which have served him well in the past but could prove disastrous if essayed this time. If demonstrations should be resumed, they would probably assume an increasingly political cast, and less moderate Buddhist leadership would be likely to come to the fore. Public order would be threatened. In particular, we cannot be sure how various army or police units would react if ordered to fire on demonstrations headed by Buddhist bonzes.

III. THE EFFECT OF RECENT DEVELOPMENTS ON US-GVN RELATIONS

10. The GVN has always shown some concern over the implications of US involvement in South Vietnamese affairs and from time to time has felt moved to restrict US activities and presence in South Vietnam. This attitude springs partly from legitimate, if hypersensitive, concern for the appearance as well as the fact of Vietnam's recently acquired sovereignty. To a considerable degree, however, it springs from the Diem government's suspicion of US intentions toward it, and from its belief that the extensive US presence is setting in motion political forces which could eventually threaten Diem's political primacy.

11. The Buddhist affairs erupted at one of these periods of GVN sensitivity, and the strain has been aggravated by subsequent events. The

~~SECRET~~

~~SECRET~~

GVN's initial handling of the issue gave the US ground for serious embarrassment and concern which, in turn, produced a succession of forceful US *démarches*. The Diem family has bitterly resented these US actions and may well feel that the Buddhist protests were at least indirectly due to the US presence. Under the circumstances, further pressure to reduce that presence is likely.

12. A key role in this regard will be played by Diem's brother, Ngo dinh Nhu. He has always been Diem's chief political lieutenant, but the years since 1954 have witnessed a steady accretion of Nhu's personal power and authority—an accretion due partly to circumstance and primarily to deliberate effort on Nhu's part. Nhu has political ambitions of his own and almost certainly envisages himself as his brother's successor. For a variety of reasons, Nhu has long privately viewed the US with some hostility and suspicion. American criticism of the GVN has especially irritated Nhu, for he is aware that he and his wife are often its primary targets. Above all, Nhu almost certainly doubts whether the support which the US has given to his brother would be transferred to him.

13. In the negotiations with the Buddhists, Nhu urged his brother to take a firm line and is, by his own statement, wholly out of sympathy with the concessions made. On the basis of past performance, we think it unlikely that he will help to implement the settlement; his influence on Diem will be rather in the direction of delaying and hedging on commitments, a tendency to which Diem himself is already disposed. This will be the more likely since not only the Nhus and Diem, but also his brothers Archbishop Thuc and Ngo dinh Can, the political boss of the central provinces, obviously continue to doubt the legitimacy of Buddhist complaints and to underestimate the intensity of the crisis.

IV. THE OUTLOOK

14. If the Diem government moves effectively to fulfill its 16 June commitments, much of the resentment aroused by the Buddhist controversy could be allayed. However, even if relations between the GVN and the Buddhists are smoothed over, the general discontent with the Diem regime which the crisis has exacerbated and brought to the fore is likely to persist. Further, if—as is probable—the regime is dilatory, inept, and insincere in handling Buddhist matters, there will probably be renewed demonstrations, and South Vietnam will probably remain in a state of domestic political tension. Under these circumstances, the chances of a non-Communist assassination or coup attempt against Diem will be better than even. We cannot exclude the possibility of an attempted Communist coup, but a Communist attempt will have appreciably less likelihood of success so long as the majority of the government's opponents and critics remain—as they are now—alert to the Communist peril.

~~SECRET~~

~~SECRET~~

15. The chances of a non-Communist coup—and of its success—would become greater in the event renewed GVN/Buddhist confrontation should lead to large-scale demonstrations in Saigon. More or less prolonged riot and general disorder would probably result—with the security forces confused over which side to support. Under such circumstances, a small group, particularly one with prior contingency plans for such an eventuality, might prove able to topple the government. Conversely, a continued or resumed truce between the GVN and the Buddhists would serve to reduce the likelihood of such an overthrow.

16. Any attempt to remove Diem will almost certainly be directed against Nhu as well, but should Nhu survive Diem, we are virtually certain that he would attempt to gain power—in the first instance probably by manipulating the constitutional machinery. We do not believe that Nhu's bid would succeed, despite the personal political base he has sought to build through the Republican Youth (of which he is the overt, uniformed head), the strategic hamlet program (whose directing Inter-ministerial Committee he chairs), and in the army. He and his wife have become too much the living symbols of all that is disliked in the present regime for Nhu's personal political power to long outlive his brother. There might be a struggle with no little violence, but enough of the army would almost certainly move to take charge of the situation, either rallying behind the constitutional successor to install Vice President Tho or backing another non-Communist civil leader or a military junta.

17. A non-Communist successor regime might prove no more effective than Diem in fighting the Viet Cong; indeed at least initially it might well prove considerably less effective, and the counterinsurgency effort would probably be temporarily disrupted. However, there is a reasonably large pool of under-utilized but experienced and trained manpower not only within the military and civilian sectors of the present government but also, to some extent, outside. These elements, given continued support from the US, could provide reasonably effective leadership for the government and the war effort.

NĂM 1962 MỸ ĐÃ THẤY MẬT VIỆT NAM

Một Lý Do Chính Là Vì Nhà Ngô Làm Hổng Áp Chiến Lược

Foreign Relations of the United States, 1961–1963

Volume II, Vietnam, 1962, Document 268

Cư Sĩ Nguyễn Giác dịch



(LỜI NGƯỜI DỊCH: Bản Ghi Nhớ này, từ các hồ sơ đã giải mật, do Joseph A. Mendenhall viết. Ông là cố vấn chính phủ Kennedy về chính sách Mỹ ở Việt Nam và Lào. Bản Ghi nhớ số 268 cho thấy tình hình VNCH bị đát từ năm 1962, đặc biệt chính sách áp chiến lược bị hỏng vì nhà Ngô.

Bản Ghi nhớ này được viết vào giữa tháng 8 năm 1962, **sau** Tuyên Ngôn “Caravelle” lên án chế độ (26-4-1960), **sau** vụ Binh biến của binh chủng Nhảy Dù (11-11-1960) và **sau** Cuộc oanh kích Dinh Độc Lập để mưu sát toàn gia họ Ngô (27-2-1962), nên tác giả cũng đã khuyến nghị (*recommendation*) giải pháp loại bỏ (*get rid of*) ông Diệm và vợ chồng ông Nhu. Đặc biệt, lúc đó, **chưa xảy ra** biên cố đàn áp Phật giáo ở Huế (8-5-1963) dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị toàn diện tại miền Nam.

Ghi nhận từ Bản Ghi Nhớ các điểm sau:

- Năm 1959, quân đội Việt Nam Cộng Hòa kiểm soát toàn bộ

Miền Nam Việt Nam, trừ Đồi Tháp Mười. Năm 1962, **chỉ còn kiểm soát các thành thị, vì quân Việt Cộng đã kiểm soát phần lớn nông thôn.**

- Tại nơi hẻo lánh, chỉ duy một mô hình an ninh thành công là Giáo xứ của Linh Mục Nguyễn Lạc Hóa, được ông Diệm phong cấp Thiếu Tá, biến thành **Biệt Khu Hải Yến, cho lập quân đội riêng.**

- Mỹ thấy viễn ảnh tất yếu sẽ mất Việt Nam về tay Việt Cộng, vì gia đình ông Ngô Đình Diệm **đa nghi, kém hiệu quả, mất lòng dân.**

- Chính sách Ấp Chiến Lược bị **làm sai từ căn bản:** chạy theo thống kê, không lo cải thiện mức sống của dân, bầu cử gian lận, cưỡng ép dân lao động vô ích...

- Mendenhall đề nghị đảo chánh ông Diệm là cách duy nhất; **nếu không, trước sau gì Mỹ cũng thua, và Việt Nam sẽ bị nhuộm đỏ.**

Phó bản Bản Ghi Nhớ 268 sẽ đính kèm dưới bản dịch này. Bản Việt dịch do *Cư sĩ Nguyễn Giác.*)

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH



268. Bản Ghi Nhớ Từ Cựu Cố Vấn Chính Trị Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam (Joseph A. Mendenhall) Trình Lên Phụ Tá Thứ Trưởng Ngoại Giao Đặc Trách Viễn Đông Vụ Edward E. Rice. (1)

Washington, Ngày 16 Tháng 8 Năm 1962

ĐỀ TÀI: Việt Nam – Đánh giá và Khuyến nghị

Tôi viết bản ghi nhớ này theo lời yêu cầu của ngài để ghi lại những gì tôi nhìn thấy về vấn đề VN. Nơi đây chỉ nói những điểm căn bản thôi, và không có ý nhìn về những khía cạnh khác có tính quan trọng tương đối.

1. Tình Hình

Thời kỳ 1959-1962. Việt Cộng đã tăng quân số trong lực lượng vũ trang thường trực tại Nam VN từ khoảng 2.000 trong cuối năm 1959 tới khoảng 20.000

bộ đội bây giờ. Con số sau này tương đối không đổi trong năm 1962, nhưng theo giải thích của VNCH là VC thương vong nặng nề mỗi tháng thì VC hiển nhiên tiếp tục có **khả năng thay quân** để bù đắp các thiệt hại lớn. Xâm nhập từ Bắc VN không bị xem là nhỏ, như một nguồn của sức mạnh này, nhưng đa số quân VC đã được tuyển mộ từ địa phương và tiếp tục như thế.

Vào cuối năm 1959, quân VNCH đã kiểm soát hiệu quả hầu hết vùng Nam VN (ngoại trừ các căn cứ CS cũ, như trong Đồng Tháp Mười). Lúc đó, người ta có thể du lịch, ít nhất là ban ngày, gần như ở mọi nơi tại Nam VN mà không cần an ninh hộ tống; và ở Miền Trung VN, an ninh gần như tuyệt hảo. [Nhưng] Bây giờ, VC đã kiểm soát hiệu quả đa số khu vực nông thôn ngoại trừ khi quân VNCH tiến vào với số lượng lớn, và đa số phần còn lại ở miền quê là lác lư dao động giữa hai bên. VNCH kiểm soát thực sự phần lớn là ở các thành thị.

Khuyh Hướng Hiệ Nạy. Trong khi sự suy sụp nhanh chóng hồi tháng 9 và tháng 10-1961, đặc biệt về tinh thần chống Cộng, được chận lại nhờ sự tăng viện quân sự của Mỹ và sự cải tiến khả năng quân sự VNCH, khuyh hướng **an ninh hiện nay vẫn tiếp tục suy sụp dần.**

Tại các tỉnh đồng bằng Miền Trung VN, an ninh suy sụp tệ hại trong năm 1962. Mặt khác, các tỉnh cao nguyên Miền Trung VN tình hình đỡ hơn vào cuối năm 1961, nhưng như thế có thể vì, một phần, do VC chuyển tập trung từ các nơi này xuống vùng đồng bằng, nơi tìm lương thực và tuyển bộ đội từ sắc tộc Kinh dễ dàng.

Tại Miền Nam VN (các tỉnh phía nam và giáp phía bắc Sài Gòn) tình hình quân sự bề ngoài là ngang ngửa, nhưng thực sự vẫn **bất lợi cho chúng ta khi các trận do VC khởi ra**



tiếp tục ở mức độ cao và dân chúng không được quân VNCH bảo vệ hiệu quả. Các khu vực hẻo lánh (như vùng của Cha Hóa ở Cà Mau, mồm phía nam của VN) đã cải thiện, nhưng đó là trường hợp ngoại lệ, không phải quy lệ.

[LND: Nhân vật “Cha Hóa” trong báo cáo này là Linh Mục Augustinô Nguyễn Lạc Hóa, sinh năm 1908 ở Quảng Ninh, cai quản một số giáo xứ ở Miền Bắc VN. Năm 1954, LM Hóa cùng một số tàn quân Trung Hoa Quốc Dân Đảng di tản sang Cam Bốt, lập chiến khu; năm 1957, bị Vua Sihanouk trục xuất, LM Hóa đưa dân trong giáo xứ về Cà Mau, được ông Diệm giúp lập Biệt Khu Hải Yến, cho lập quân đội riêng, dao động khoảng 1.200-1.800 quân. Ông Diệm phong LM Hóa là Thiệu Tá Tư Lệnh Biệt Khu Hải Yến. Quân Biệt Khu Hải Yến bị VC đánh bại năm 1966; sau đó, LM Hóa về Sài Gòn làm mục vụ. LM Hóa về Đài Loan năm 1972, và từ trần năm 1989.



Father Nguyen Lac Hoa, with an American Air Force officer, holding a



Cha Hóa đang tuần tiễu trong Biệt Khu Hải Yên - [Với sự trợ giúp của quân đội Mỹ]

Viễn Ảnh. Khuynh hướng tương lại có vẻ như sẽ **tiếp tục suy sụp** dần dần, với có lẽ thỉnh thoảng là một trận đánh lớn do VC tung ra có mục đích tuyên truyền. Không có viễn ảnh gần nào cho thấy VC sẽ chuyển quân du kích sang quân quy ước chiến, nhưng họ có thể cảm thấy điều đó không cần thiết cho việc chiếm gọn Miền Nam VN.

Thay vào đó, họ có thể quyết định sẽ dựa vào sự mệt mỏi chiến tranh tại Nam VN và/hoặc tại Hoa Kỳ. Nếu chiến tranh kéo dài với suy sụp dần dần và không có hy vọng chiến thắng, nguy hiểm là sẽ dẫn tới cảm thức chính trị trong giới trí thức Nam VN từ lập trường chống Cộng mạnh mẽ sang đòi hỏi trung lập như cách duy nhất để ngừng cuộc chiến. Từ quan điểm Hoa Kỳ, tôi (Mendenhall) thấy như thế sẽ là tai họa, vì trung lập hóa riêng Nam VN sẽ mau chóng dẫn tới việc Bắc VN nhuộm đỏ cả nước VN.

2. Tại Sao Chúng Ta Thua?

Yếu Tố Căn Bản. Tổng Thống Diệm và những nhược điểm

của ông ta tiêu biểu cho lý do nền tảng của khuynh hướng chống lại chúng ta trong cuộc chiến này. Trong hoàn cảnh hiện nay, phẩm chất xuất sắc của ông về sự thông minh và can đảm đã bị đẽ bẽp bởi 2 nhược điểm lớn: a) **kém hiệu quả về mặt tổ chức trong chính phủ** gây ra từ việc ông có tính bất quyết, từ chối trao quyền cho nhân viên thực hiện, thiếu chuỗi quyền lực (hàng dọc), không chịu nhận lỗi, không tin người khác; và b) ông **không có khả năng huy động quần chúng hỗ trợ**, vì yếu kém trong vai trò một chính trị gia.

Để chiến thắng Cộng sản, chính phủ Nam VN phải hoặc là có hiệu quả hoặc là được quần chúng ủng hộ, nhưng chính phủ của Tổng Thống Diệm không có được điểm nào như thế.

Ai cũng biết rằng cần phải có ủng hộ từ dân, chúng ta mới thắng nổi cuộc chiến. Bởi vì chính phủ Nam VN hiện nay **không được dân ủng hộ**, nên không có đủ tin tình báo từ dân chúng để đánh bại VC, và quân địch vẫn tiếp tục duy trì được sức mạnh xuyên qua tuyến mộ bộ đội từ dân.

Để phá vỡ vòng tròn khắc nghiệt này, VNCH phải tìm được ủng hộ từ dân làng bằng cách cho họ sự bảo vệ thích nghi và giúp họ cải thiện mức sống. Chương trình áp chiến lược này lập ra để làm như thế, nhưng chính phủ ông Diệm không tổ chức hiệu quả và phương pháp chính trị yếu kém chỉ đã cho một chút hứa hẹn rằng chương trình sẽ thực hiện hiệu quả bởi chính phủ của ông.

Bất kể Hoa Kỳ thường xuyên hối thúc nhiều tháng qua, đã **không có ưu tiên thực sự nào cho việc thiết lập các áp chiến lược** được đưa ra, và việc **phân phối thiếu hệ thống các nguồn tài nguyên** quân sự và dân sự nhằm hỗ trợ chương trình. Thay vào đó, các quan chức đang thúc đẩy mọi nơi cùng một lúc, nhằm **hoàn tất số liệu cần thiết để làm hài lòng áp lực từ Sài Gòn**, bất kể là về hầu hết các phương diện quan trọng, nhiều ngôi làng này – có lẽ nên nói là hàng loạt ngôi làng này – không thích nghi để đạt mục tiêu của họ và **dân chúng thường bị cưỡng ép lao động vô ích**.

Phương pháp chính trị áp dụng theo chỉ thị của ông Nhu tại các áp chiến lược (lập các tổ chức quần chúng và dựa vào ‘tự

lực', tức là, lao động cưỡng ép) nhiều phần thường là **mất lòng dân**, hơn là được lòng dân, và việc bầu cử các quan chức áp chiến lược bằng phiếu bầu bí mật trong bầu không khí ở VN chỉ là **trò gian lận** thôi.

Thành tố xã hội và kinh tế của chương trình – quan yếu để được ủng hộ tích cực từ dân -- tới giờ vẫn hầu như không được chính phủ ông Diệm chú trọng, chỉ trừ trong vài áp chiến lược kiểu mẫu, và trong hai vùng mà chúng ta đã tạo thành và bình định, nơi chúng ta hợp tác cận kề với người Việt.

Tất cả những lý do đó là cơ nguy nghiêm trọng đang **làm hỏng chương trình áp chiến lược**, dưới mắt của mọi người.

Không có cơ may nào thay đổi phương pháp chính trị của ông Diệm và Nhu, hay phương pháp tổ chức và quản trị công quyền của họ. **Ông Diệm đã quá già, và dính cứng vào kiểu quan triều phong kiến**. Cả ông và Nhu đều tin rằng họ hiểu Việt Nam nhiều hơn bất kỳ ai khác, và do vậy chỉ thỉnh thoảng mới nghe lời khuyên. Cả hai người đều **không tin cậy bất kỳ ai ngoài gia đình của họ** tới nỗi họ hoàn toàn không muốn thay đổi phương pháp quản trị chính phủ bằng cách “chia để trị.”

3. Kết luận và Khuyến nghị

Kết Luận: Rằng chúng ta **không thể thắng cuộc chiến này với các phương pháp Diệm-Nhu**, và chúng ta lại không thể thay đổi các phương pháp này, bất kể bao nhiêu áp lực chúng ta thúc đẩy họ.

Khuyến Nghị: Loại trừ ông Diệm, cả ông bà Nhu và phần còn lại trong gia đình nhà Ngô.

Giải pháp khác:

1. *Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ và Tướng Dương Văn Minh* như một liên minh, với ông Thơ thắng cử hợp hiến vào ngôi Tổng Thống và Tướng Minh, vị Tướng được dân chúng ưa chuộng nhất, chỉ huy quân lực. Giải pháp này nên chọn nhất. Ông Thơ có phẩm chất của một chính khách và sự linh động của ông sẽ đánh bại các nhược điểm của ông. Cũng quan trọng tương đương, là tuy chính phủ của Thơ và Minh có thể sẽ không hiệu quả như chính phủ ông Diệm, họ sẽ cho phép cố vấn Mỹ

hoạt động sát cận với quân và dân VNCH, và như thế sẽ cho chúng ta cơ hội (mà phần lớn cơ hội này đã bị Diệm và Nhu bác bỏ) để tăng hiệu quả hoạt động của VNCH.

2. *Tướng Lê Văn Kim và Tướng Dương Văn Minh.* Nếu Phó Tổng Thống Thơ từ chối hợp tác trong việc lật đổ ông Diệm (và không ai có thể nói là ông Thơ sẽ quyết định thế nào về việc đó, trừ phi ông ta nói ra), rồi thì sự kết hợp Tướng Kim (viên tướng thông minh nhất trong các viên tướng VNCH) và Tướng Minh sẽ là giải pháp thứ nhì. Hiện nay, Tướng Kim làm phụ tá cho Tướng Minh ở Bộ Tổng Tham Mưu, và Tướng Minh có thể đồng ý cho Tướng Kim nắm chính phủ và Tướng Minh nắm quân đội.
3. *Trần Quốc Bửu.* Chủ tịch Tổng Liên Đoàn Công Nhân Thiên Chúa Giáo (LND: Mendenhall ghi nhầm, đoàn thể của ông Bửu không có tính tôn giáo dù có người cho rằng hai chữ “Lao Công” hàm ý “Lao động Công giáo”, tên đúng phải là Tổng liên đoàn Lao công Việt Nam). Chỉ huy tổ chức quan trọng duy nhất tại VN nằm ngoài kiểm soát của chính phủ, ông Bửu có phẩm chất của một chính khách tài năng, biết cách vận dụng quần chúng. Sát cánh với ông Nhu trong việc tổ chức Đảng Cần Lao thời kỳ đầu, ông Bửu không còn thân cận với nhà Ngô nữa, nhưng cũng chưa dứt lia hoàn toàn. Chúng ta không rõ quan hệ của ông Bửu với quân đội VNCH, nhưng không ai biết điều gì cho tới khi thăm dò xem ý ông có sẵn sàng lãnh đạo một cuộc đảo chánh hay không.

Các rủi ro đối chiếu: Các rủi ro trong việc chuyển từ Diệm sang một giải pháp thay thế sẽ là lớn, vì quân Cộng sản có thể mạnh hơn trong lúc rối loạn (đặc biệt nếu khủng hoảng kéo dài). Nhưng điều này có thể ngăn cản, ít nhất là một phần, bằng cách để quân Mỹ can thiệp tạm thời trong khi khủng hoảng để không cho VC chiếm các thị trấn.

Cũng có rủi ro đảo chánh thất bại, với ảnh hưởng xấu trong quan hệ tương lai của chúng ta với Diệm. Nhưng ông Diệm không có chỗ nào để dựa, chỉ trừ tìm Mỹ để hỗ trợ.

Và rủi ro tràn ngập cần thấy là: phần chắc là sẽ mất VN vào tay Cộng sản nếu chúng ta gắn bó với ông Diệm.

4. Cách Nào Để Thực Hiện Đảo Chánh (2)

(Tôi chưa bao giờ thực hiện một cú đảo chánh, và cũng không phải chuyên gia lĩnh vực này. Tôi khuyến nghị một cách có thể làm như thế -- cách tốt nhất theo tôi thấy -- nhưng có thể có cách khác tốt hơn.)

Nên giấu bàn tay của Mỹ tới mức tối đa có thể, trong cuộc đảo chánh đó. Chúng ta muốn tránh bất kỳ cái nhìn công chúng nào rằng tân chính phủ là búp-bê của chúng ta. Tuy nhiên, không nên để nỗi sợ bị lộ ngăn cản sự liên hệ ẩn tàng của chúng ta. Chúng ta sẽ luôn luôn bị tố cáo bởi một số liên hệ (y hệt như chúng ta đã bị quy chụp về nỗ lực đảo chánh tháng 11-1960 và vụ dội bom Dinh Tổng Thống tháng 2-1962) (3). Quy luật có tính nguyên tắc là, sẽ không thú nhận công khai về sự liên hệ.

Các viên chức Hoa Kỳ thích nghi sẽ lặng lẽ tiết lộ với vài viên chức VN đã chọn cẩn trọng (như ông Thơ và Tướng Minh) về khả thể của cuộc đảo chánh, và nếu cần sẽ bày tỏ lòng sẵn sàng hỗ trợ cuộc đảo chánh vào lúc thích hợp. Với khuyến khích như thế, một số viên chức VN đó sẽ mời một số người Việt khác tham dự. Liên lạc của Mỹ sẽ rất hạn chế để giấu vai trò của chúng ta. Chúng ta sẽ cố vấn sau hậu trường về việc tổ chức, và sẽ để người Việt thực hiện toàn bộ.

Mục tiêu sẽ là bắt giữ toàn bộ anh em nhà Ngô và bà Nhu, và để họ tức khắc ra khỏi VN nếu họ không bị bắt giữ. Tiến trình bắt giữ sẽ có thể dễ dàng hơn, khi Diệm và Nhu rời Dinh trong khi đi lại trong VN. Việc thực hiện sẽ tốt hơn, khi anh em ông Ngô Đình Thục (Tổng Giám Mục) và Ngô Đình Luyện (Đại sứ VN tại Anh) đang ở ngoài VN, bởi vì họ sẽ đơn giản bị từ chối nhập cảnh về lại VN. Nguyễn Đình Thuần (Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống) và Trần Kim Tuyền (Chỉ huy Mật Vụ) sẽ bị bắt giữ để khỏi chống lại đảo chánh, nhưng có thể được thả ra sau khi đảo chánh hoàn tất bởi vì không chắc họ sẽ nguy hiểm thực cho chính phủ mới hay không.

Bởi vì quân đội là quyền lực thực sự duy nhất tại VN, nên

sẽ cần sắp xếp trước để hỗ trợ đảo chánh càng nhiều đơn vị chính yếu càng tốt. Cần dè dặt khi tìm quá rộng rãi sự hỗ trợ [từ nhiều đơn vị như thế], nhưng vì các kế hoạch bắt giữ gia đình họ Ngô có thể bị hỏng từ đầu, việc dè dặt nên quân bình với nhu cầu sử dụng quân lực rộng lớn và để đạt mục tiêu là không cho gia đình nhà Ngô cơ hội kêu gọi các đơn vị quân đội chính yếu về giải cứu.

Hoa Kỳ nên sẵn sàng đưa quân tác chiến vào Nam VN để ngăn cản việc VC chiếm các thành phố trong khi khủng hoảng. Nếu cần thực hiện bước này, Hoa Kỳ nên công khai loan báo sự trung lập, không thiên lệch về ai trong các lực lượng chống Cộng ở VN. Chúng ta không nên bị ngăn cản khỏi bước này chỉ vì không có yêu cầu từ phía chính phủ VN.

Thời điểm đảo chánh cực kỳ quan trọng. Cuộc đảo chánh nên thực hiện khi có khuynh hướng hiển lộ công khai kinh chống chính phủ ông Diệm trong cuộc chiến chống Cộng, bởi vì có thêm nhiều người Việt về mặt tâm lý đã sẵn sàng để ủng hộ đảo chánh trong hoàn cảnh này. Cũng không nên kéo dài thời gian giữa việc lập kế hoạch đảo chánh rộng rãi với việc thực hiện đảo chánh, vì cơ nguy bị lộ. Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là Mỹ có thể không làm việc bí mật với một số người Việt trong việc soạn kế hoạch đảo chánh một thời gian trước khi liên lạc rộng rãi và việc thực hiện.

Thân nhân của các viên chức Mỹ nên di tản ra khỏi VN trước khi thực hiện kế hoạch đảo chánh. Nếu không, chúng ta có thể thấy họ bị bắt làm con tin bởi chính phủ Diệm, và họ sẽ không do dự khi dùng con tin để áp lực chúng ta.

GHI CHÚ:

(1) Nguồn: Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Hồ sơ Trung ương, 751K.00/8-1662. Mật. Được soạn và trình lên bởi Mendenhall.

(2) Kế bên tiêu đề mục này có ghi thêm “(Nghe như một việc rất phức tạp và khó giữ bí mật. ER).” (LND: Chữ viết tắt ER là tên ông Edward Rice)

(3) Về vụ thả bom tháng 2 vào Dinh Tổng Thống, nên xem các Hồ sơ 87-97; về hồ sơ đảo chánh tháng 11-1960, nên

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ
xem ở kho dữ kiện Foreign Relations, 1958-1960, vol. I, pp.
631 ff.

HẾT BẢN DỊCH

ĐÍNH KÈM →

596 Foreign Relations, 1961-1963, Volume II

268. Memorandum From the Former Political Counselor of Embassy in Vietnam (Mendenhall) to the Deputy Assistant Secretary of State for Far Eastern Affairs (Rice)¹

Washington, August 16, 1962.

SUBJECT

Viet-Nam—Assessment and Recommendations

I have prepared this memorandum in accordance with your request that I set down my views on the Viet-Nam problem. It is confined to fundamentals, and makes no attempt to deal with other aspects of relative importance.

1. *Situation*

1959-1962. The Viet Cong have increased their armed regulars in South Viet-Nam from roughly 2,000 in late 1959 to about 20,000 today. The latter figure has remained fairly stationary during 1962, but in view of GVN claims of heavy Viet Cong casualties each month the Viet Cong obviously continue to be readily able to replace large losses. Infiltration from North Viet-Nam is not to be belittled as a source of this strength, but the majority of VC forces have been locally recruited and continue to be so.

In late 1959 the GVN had effective control over almost all of South Viet-Nam (except for old Communist base areas like the Plaine des Joncs). One could travel, at least by day, almost anywhere in Viet-Nam without escort, and in Central Viet-Nam security was virtually absolute. Today the Viet Cong effectively control large areas of the countryside except when GVN security forces enter in adequate numbers, and much of the rest of the countryside oscillates between the two sides. Real government control is largely confined to the cities and towns.

Current Trend. While the rapid deterioration of September-October, 1961, especially in anti-Communist morale, was stopped by increased U.S. military aid and improvements in GVN military capabilities, the present overall security trend continues gradually against us. In the Central Viet-Nam lowlands provinces security has seriously deteriorated during 1962. The Central Viet-Nam highlands provinces are, on the other hand, in better shape than at the end

¹ Source: Department of State, Central Files, 751K.00/8-1662. Secret. Drafted and initialed by Mendenhall.

of 1961, but this seems attributable, in part at any rate, to Viet Cong shift in focus from that area to the lowlands where ethnic Vietnamese recruits and food are available.

In southern Viet-Nam (the provinces south and immediately to the north of Saigon) the military situation is superficially a stand-off, but it is actually somewhat in our disfavor as Communist-initiated incidents continue at a high level and the populace is thus not getting effective government protection. Isolated areas (like Father Hoa's area at the southern tip of Viet-Nam) have improved, but they represent the exception rather than the rule.

Prospect. The future trend is likely to continue to be gradual deterioration, with perhaps an occasional dramatic large-scale Communist incident carried out for psychological purposes. There is no immediate prospect of Communist conversion of their guerrillas into conventional forces, but they may feel this will not be necessary for their take-over of South Viet-Nam. They may instead decide to depend upon war fatigue in South Viet-Nam and/or the U.S.

If the war drags on with gradual deterioration and no hope of victory, the danger will arise of a switch in political sentiment among the South Vietnamese educated class from strong anti-Communism to neutralism as the only way to stop the war. From the U.S. standpoint I believe this would be disastrous as neutralization of South Viet-Nam alone would shortly lead to Communist take-over from North Viet-Nam.

2. Why Are We Losing?

Fundamental Factor. President Diem and his weaknesses represent the basic underlying reason for the trend against us in the war. Under present circumstances his excellent qualities of intelligence and courage are outweighed by two great weaknesses: a) the organizational inefficiency of his government resulting from his failure to take decisions, refusal to delegate, lack of chain-of-command, refusal to permit errors and distrust; and b) his inability to rally the masses to his support because of his defects as a politician. To win against the Communists, the Government of Viet-Nam should be either *efficient* or *popular*, but the Diem Government is neither.

There is common agreement on the essentiality of support of the population if our side is to win the war. Since the GVN does not now have this support, it cannot get adequate intelligence from the people to rout the enemy, and the enemy continues to be able to maintain its strength through recruitment from the population.

To break this vicious circle, the government must win the support of the villagers by providing adequate *protection* and helping them *improve their lot*. This the strategic hamlet program is designed in

598 Foreign Relations, 1961–1963, Volume II

theory to do, but the Diem Government's organizational inefficiency and poor political approach give little promise that the program will be effectively implemented by that government.

Despite frequent U.S. prodding over many months no real priorities for the establishment of strategic hamlets have been set up, and no systematic allocation of limited civilian and military resources has been made in support of the program. Instead prominent officials are pushing forth everywhere at once to complete the number which will satisfy the pressures from Saigon, even though in almost all essential respects many—probably the bulk—of these hamlets will be inadequate to achieve their purposes and the people will often have been forced to labor in vain.

The political approach used under Nhu's tutelage in the strategic hamlets (establishment of mass organizations and reliance on "self-help", i.e., forced labor) is more likely to alienate than win the people, and the election of hamlet officials by secret ballot is likely in Vietnam's atmosphere to be a sham. The economic and social component of the program—vital to gaining *active* support of the people—has received virtually no GVN emphasis to date except in a few model hamlets and the two clear-and-hold areas where we have been operating closely with the Vietnamese. For all these reasons there is a serious risk of compromising the strategic hamlet program in the eyes of the people.

There is no chance of changing Diem and Nhu's political ways or methods of organization and governing. Diem is too old and set in his mandarinal ways. Both he and Nhu are convinced they know Vietnam better than anyone else, and thus infrequently accept advice. Both likewise so basically distrust almost everyone outside the family that they are completely disinclined to change their "divide and rule" method of governing.

3. Conclusion and Recommendations

Conclusion: That we cannot win the war with the Diem-Nhu methods, and we cannot change those methods no matter how much pressure we put on them.

Recommendation: Get rid of Diem, Mr. and Mrs. Nhu and the rest of the Ngo family.

Alternatives:

a. *Vice President Tho and General "Big" Minh* as a duumvirate, with Tho succeeding constitutionally to the Presidency and Minh, the most popular general, in charge of the armed forces. This would be the preferred alternative. Tho's qualities as a politician and flexibility outweigh his weaknesses. Equally important, while a government by him and Minh might per se not be much more efficient than the Diem

Government, they would permit U.S. advisors to operate closely on the civilian as well as the military side, and thus give us the chance largely refused by Diem and Nhu of infusing efficiency into the GVN's operations.

b. *General Le Van Kim and General "Big" Minh.* If Vice President Tho refuses to cooperate in the overthrow of Diem (and no one can say whether he would until he is sounded), then a combination of Kim (the most intelligent of all the generals) and Minh would be the second alternative. At present Kim is Minh's deputy in the Field Command, and it would probably be acceptable to Minh for Kim to run the Government and Minh the armed forces.

c. *Tran Quoc Buu,* President of the Vietnamese Confederation of Christian Workers. Head of the *only* important organization in Viet-Nam not under government control, Buu has the qualities of a good politician, and knows how to influence the people. An early close colleague of Nhu's in organizing the Can Lao Party, he is no longer close to the Ngo family, but has not broken completely with it. What Buu's relations with the military would be are not known, nor could one be sure without sounding him of his willingness to head a coup effort.

Comparative Risks: The risk involved in switching from Diem to an alternative would be substantial because of possible Communist military gains in the attendant confusion (especially if the crisis were prolonged). *But* this can be counteracted, at least in part, by temporary U.S. military intervention during the crisis to prevent Communist seizure of towns.

There is also the risk of failure of a coup, with its adverse effects on our future relations with Diem. *But* Diem has no place else to turn except to the U.S. for support.

And the overriding risk is the likelihood of the loss of Viet-Nam to the Communists if we stick with Diem.

4. *How the Coup Might Be Carried Out*²

(I have never carried out a coup, and am no expert in this field. I am suggesting a possible means of doing it—the best that has occurred to me—but there may be better ways.)

It would be desirable to keep the U.S. hand in the coup concealed to the maximum extent feasible. We would want to avoid any public connotation that the new government was our puppet. However fear of exposure should not deter our discreet involvement. We shall always be accused by some of involvement (just as we were with respect to the November, 1960, coup attempt and the February, 1962, palace

² Next to this heading is written: "(Sounds like a very complicated job & hard to keep secret beforehand. ER)."

bombing).³ The cardinal rule would be *not* to admit involvement publicly.

The appropriate U.S. officials would quietly sound out a few carefully selected Vietnamese (such as Tho and Minh) about a coup possibility, and would if indicated make known its readiness to support a coup at the proper time. With this encouragement these few Vietnamese would contact other Vietnamese about participation. U.S. contacts would be kept very limited to restrict knowledge of our role. We would advise behind the scenes on organization, and let the Vietnamese do all of the implementing.

The aim would be immediate seizure of all of the Ngo brothers and Mme. Nhu and their immediate removal from Viet-Nam if they survived the process of seizure. The physical process of seizure would probably be easier when Diem and the Nhuses are out of the palace traveling around the country. It would preferably be carried out when brothers Thuc (the Archbishop) and Luyen (Ambassador to the U.K.) are out of the country since they would be taken care of simply by preventing re-entry. Thuan (Secretary of State for the Presidency) and Tuyen (head of the secret police) would be detained to prevent counter-plotting, but could probably be released after the coup was over since it is doubtful they would pose any real danger to a new regime.

Since the armed forces represent the only real power force in Viet-Nam, it would be necessary to line up in advance in support of the coup as many of their key elements as feasible. Discretion would dictate caution in too wide an approach, but since plans for seizure of the Ngo family could miscarry at first, discretion should be balanced against the possible need to use the armed forces extensively and the desirability of denying the Ngo family the possibility of rallying a significant segment of the armed forces.

The U.S. should be prepared to introduce combat military forces into South Viet-Nam to prevent Communist seizure of provincial towns during the crisis. If necessary to execute this step, the U.S. should publicly announce its neutrality between the contending anti-Communist forces in Viet-Nam. We should not be deterred from the step by the absence of a request from the GVN.

Timing of a coup would be extremely important. Preferably the coup should be carried out when there is publicly clear trend against the GVN in the war with the Communists since many more Vietnamese would be psychologically prepared to support a coup under these circumstances. It would be preferable also to keep the

³ Regarding the February bombing of the palace, see Documents 87-97; for documentation on the November 1960 coup attempt, see *Foreign Relations, 1958-1960*, vol. 1, pp. 631 ff.

Crop Destruction Program 601

interval between widespread planning and execution short because of the danger of leaks. This does not mean, however, that the U.S. might not discreetly work with selected Vietnamese on the development of coup plans well in advance of widespread contacts and execution.

American dependents should have been evacuated from Viet-Nam in advance of execution of the coup plans. Otherwise we might well find them hostages in the hands of the Diem Government which would not hesitate to use them to pressure us.

NGÔ ĐÌNH NHU MUỐN THAY THẾ ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM LÀM TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA VÀO NĂM 1963

Nguyễn Kha dịch

Đánh giá của CIA (theo Bản Ghi nhớ FRUS-1963.256)



Tháng 8 năm 1963, một số biến động chìm và nổi đã đẩy cuộc khủng hoảng chính trị tại miền Nam Việt Nam vào một khúc quanh mới trầm trọng và phức tạp hơn.

“Nổi” là chiến dịch *Nước Lũ* của ông Ngô Đình Nhu nhằm tiêu diệt toàn bộ cấp lãnh đạo của phong trào đấu tranh của Phật giáo đồ. Trong đêm 20 rạng ngày 21/8, ông Nhu ra lệnh cho Lực lượng Đặc biệt (của Đại tá Lê Quang Tung) và Cảnh sát Chiến đấu **mặc quân phục binh chủng Nhảy Dù** (của Giám đốc Cảnh sát Đô thành Trần Văn Tư) ồ ạt và hung bạo tổng tấn công các chùa tại Sài Gòn. Kết quả là chính quyền bắt giam hơn 1,400 tăng Ni và Phật tử.[Xem FRUS 1961-1963, Vietnam, Điện văn 274, trang 613 và 614], và quân đội bị đài VOA cũng như dân chúng miền Nam hiểu lầm nên lên án hành động hung bạo này. Sau đêm đó, cuộc đấu tranh của Phật giáo tại Sài Gòn hầu như bị tê liệt, **nhường đấu trường cho quần chúng mà tiên phong là lực lượng thanh niên sinh viên học sinh và giới**

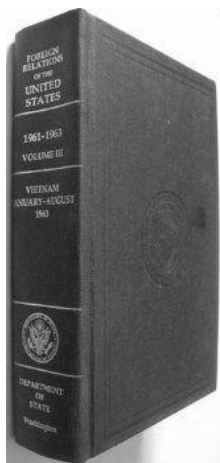
trí thức thủ đô.

“Chìm” là một mặt ông Nhu **tiến hành các động thái thỏa hiệp với Hà Nội** qua trung gian Đại diện Ba Lan Mieczylaw Maneli trong Ủy hội Quốc tế Kiểm Soát Đình Chiến ICC; mặt khác, trước cả đêm kinh hoàng “Nước Lử”, ông Nhu đã lên kế hoạch thực hiện một cuộc **phản đảo chánh giả, đặt tên là Bravo 2**, dùng Lực lượng Đặc biệt và vài đơn vị trung thành để chống lại cuộc đảo chánh thật (cũng đang trong quá trình hình thành và được ông Nhu ký hiệu là *Bravo 1*) của các Tướng lãnh để cuối cùng sẽ **vừa vô hiệu hóa các Tướng lãnh vừa đưa ông Nhu lên thay thế ông Diệm làm Tổng thống**. Đó là cách chuyển giao quyền lực bất chấp Hiến Pháp của chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa theo “*kiểu Ngô Đình Nhu*” ! Như vậy, trong năm 1963, ông Diệm chỉ là một Tổng thống bù nhìn sắp mất chức, và người thực sự “cai trị” Đệ Nhất Cộng Hòa chính là ông em “cố vấn” Ngô Đình Nhu đang “*bị vấn đề tâm thần*” vậy.

Lẽ dĩ nhiên là các Tướng lãnh và giới chính trị Sài Gòn đã phong phanh biết được âm mưu “cướp ngôi” này. Cũng lẽ dĩ nhiên là các cơ quan tình báo nước ngoài của Pháp, Đài Loan, Vatican, ... đều có ít nhiều thông tin. Nhưng nhiều dữ kiện và thông tin xác thực nhất là của Mỹ. Và kế hoạch này của ông Nhu nghiêm trọng đến nỗi cơ quan CIA tại Sài Gòn phải theo dõi và liên tục thẩm định để báo cáo về Washington.

Dưới đây là phần Việt dịch của *Bản Ghi nhớ* đề ngày 16 tháng 8 năm 1963 mà *Phó Giám đốc Kế hoạch CIA (Richard Helms)* gửi cho *Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Viễn đông Sự vụ (Roger Hilsman)* để lượng giá về tình hình tại Nam Việt Nam, trong đó có đính kèm hai Bản Phụ Đính (Attachment), phân tích khả năng ông Nhu có thể lên thay thế ông Diệm, và từ đó mô tả **bộ máy quyền lực hỗn loạn** của ba anh em nhà Ngô.

Bản Ghi nhớ này được lưu lại trong Hồ sơ Lưu trữ FRUS của Bộ Ngoại giao Mỹ



[*Foreign Relations of the United States, 1961–1963, Volume III, Vietnam, 1963, Document 256*], từ trang 569 đến 571.

Bản Ghi Nhớ 256 (Memorandum) có hai Phụ Đính (attachments):

- 1- “**Phụ đính 1**” viết về các điều luật và quy tắc của Hiến Pháp khi xảy ra các trường hợp thay thế chức vụ Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, do đó sẽ không được dịch nguyên văn vì chỉ dùng để làm nền tham chiếu cho “**Phụ đính 2**”, vốn là phần phân tích và lượng giá của CIA tại Sài Gòn, sẽ được dịch toàn bộ.
- 2- Để đọc 5 Cước chú (footnotes) trong văn bản, xin xem nguyên văn Anh ngữ trong phóng ảnh Bản Ghi Nhớ ở cuối bài dịch.

PHẦN DỊCH BẮT ĐẦU:

256 Bản Ghi nhớ do Phó Giám đốc Kế hoạch CIA (Helms) gửi cho Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Viễn đông Sự vụ (Hilsman) ¹

Washington, ngày 16 tháng 8 năm 1963

ĐỀ MỤC: Kính chuyển Những Đánh giá về Tình hình tại Nam Việt Nam.

Đính kèm là những đánh giá do CIA Sài Gòn soạn thảo về tình hình bất ổn định của Chính phủ Việt Nam, và khả năng có một cuộc đảo chánh do cuộc khủng hoảng Phật giáo vẫn tiếp diễn. Những thảo luận trong buổi họp ngày 14 tháng 8 ² dựa trên cơ sở của những phúc trình này.

Thừa lệnh Phó Giám đốc (Kế hoạch)

W.E.Colby.

Phụ đính 1 ³ [Bàn về các điều 32, 33, 34 và 41, 42 của Hiến Pháp VNCH - không dịch]

Phụ đính 2 ⁴

ĐỀ MỤC: Khả năng Ngô Đình Nhu kế vị Tổng thống Ngô Đình Diệm

1- Những tình huống khi Tổng thống Ngô Đình Diệm rời khỏi chính trường sẽ là những tiền đề cực kỳ quan trọng cho chuyện Ngô Đình Nhu kế vị làm Tổng thống Nam Việt Nam. Những khả năng đó gồm:

- a- Từ chức
- b- Chết tự nhiên hay chết vì tai nạn
- c- Bị ám sát
- d- Bị đảo chánh. Có thể bị giết nhưng không hẳn sẽ xảy ra như thế.

2- Nhu, dĩ nhiên, là một thành viên của Quốc Hội, đơn vị nhà là tỉnh Khánh Hòa. Với sự loại trừ Diệm, Nhu có thể không vi phạm Hiến Pháp bằng cách dẫn điều 34 để từ đó nắm quyền Tổng thống không quá hai tháng, nếu từ đầu ông ta thuyết phục được Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ và Chủ tịch Quốc Hội Trương Vĩnh Lễ từ nhiệm chức vụ hiện tại và xếp đặt để ông ta lên thay thế Chủ tịch Trương Vĩnh Lễ. Sau đó, Nhu sẽ có thêm hai tháng để chuẩn bị và chiến thắng một cuộc bầu cử toàn quốc để đưa ông ta lên chức vụ Tổng thống một cách hợp pháp.

Trong kịch bản này, Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ là một yếu tố không lường được. Dù chưa bao giờ được xem như là một người đặc biệt có thể giá, ông ta có lẽ không phải là một người tầm thường (*cipher*) như Chủ tịch Trương Vĩnh Lễ và ông ta chưa bao giờ có dịp để chứng tỏ khí phách (*mettle*) của mình. Trong một cuộc khủng hoảng của Chính phủ VN, Thơ có thể lấy sáng kiến tạo ra đủ lực hỗ trợ để ngăn chặn tham vọng của Nhu, ngay cả nếu ông ta (Thơ) cuối cùng không đủ sức để duy trì chức Tổng thống [theo hiến định] đủ lâu để hết nhiệm kỳ theo quy định của Hiến Pháp.

Dù rất khó thẩm định xem Nhu có thành công trong ván cờ thí (*gambit*) này hay không, trên lý thuyết, Nhu có thể thành công và tiến hành nước cờ của mình theo đúng luật pháp, ít nhất là theo tinh thần của luật pháp, với điều kiện Diệm từ chức chứ không phải bị đảo chánh. Rõ ràng là Nhu, người thứ nhì sau Diệm, hiện nay là quyền lực chính trị mạnh nhất tại Việt Nam.

3- Hậu quả của khả năng thứ tư, nghĩa là Diệm bị lật đổ bằng bạo lực, thì cơ hội để Nhu lên kế vị sẽ rất thấp dù ông ta

dùng phương cách cách hợp hiến hay vi hiến. Mặc dầu có thể thừa nhận rằng Nhu có khả năng ở chức vụ lãnh đạo, trên phương diện kinh nghiệm, kỹ năng tổ chức, và là động lực đảng sau chương trình Ấp Chiến lược, v.v... ông ta lại có quá nhiều người chống đối trong giới trí thức và giới có học trong quân chúng, kể cả giới quân nhân. Điều không thể tranh cãi là cục nợ (*liability*) lớn nhất của ông Nhu chính là bà Nhu, mà các thành phần quân chúng nói trên cũng đã biểu lộ một thái độ thù nghịch cá nhân gay gắt vì họ cho rằng bà ta đòi bại (*vicious*), nhiều sự (*meddlesome*), loạn óc (*neurotic*), hay có khi tệ hơn nữa.

Dù sự chống đối vợ chồng Nhu căn cứ trên thuần túy logic hay trên cảm tính bùng bột thì điều này cũng không quan trọng vì cái chính là sự chống đối đó hiện hữu, có thật. Sẽ rất khó, nếu không muốn nói là bất khả, để Nhu nắm được quyền bính, dù bằng cách nào, nếu anh ông ta bị đảo chánh lật đổ. Vợ chồng ông Nhu thoát chết là may mắn lắm rồi, vì thật ra đã có ít nhất là một âm mưu muốn ám sát hai vợ chồng ông ta với ông Diệm được giữ lại để chủ trì một chính phủ Việt Nam được tái định hướng.

4- Trong một buổi nói chuyện với một quan sát viên Mỹ vào ngày 25 tháng 6 vừa qua (TDCSDB-3/655,297 và CSDB-3/655,373),⁵ Nhu dần dần tự du mình vào một tình trạng tâm thần với xúc động cao độ (*highly emotional state of mind*). Một trong những tình trạng đó là **Nhu đã biểu lộ sự chống đối mãnh liệt ông Diệm và chính phủ của ông ta**, (*he expressed strong opposition to Diem and his government*) đến nỗi ta sẽ thiếu khôn ngoan nếu loại trừ hoàn toàn khả năng Nhu sẽ dư sức thử tiến hành một cuộc đảo chánh chống lại Diệm (*Nhu would be capable of attempting a coup d'etat against Diem*).

Đây không phải là lần đầu tiên Nhu biểu lộ một cách hung bạo như thế. Trong một buổi nói chuyện hai tháng trước đó mà Đặng Đức Khôi làm thông dịch cho Nhu nói chuyện với hai biên tập viên của báo *Time/Life*, Nhu trắng trợn nói rằng **chế độ hiện tại** (mà không bắt buộc với Diệm trong chế độ đó) **phải bị tiêu hủy** (*the present regime must be destroyed*). Nhu lập đi lập

lại lời nói đó nhiều lần và để nhấn mạnh, ông ta còn thốt ra câu nói bằng tiếng La-tinh “*Carthago delenda est*” [LND: Lời hiệu triệu “*Nước Carthage phải bị tiêu diệt*” của Cộng hòa La Mã trong trận chiến tranh Punic vào thế kỷ thứ nhì]. Đã nhiều lần trong quá khứ, Nhu xác định rõ những nhận xét của mình bằng cách nói rằng ông ta xem **chế độ Diệm chỉ như một giai đoạn chuyển tiếp** và chỉ như một đứa bé của nhu cầu lịch sử (*Diem regime as a transitional stage and the child of historical necessity*), nhưng cho cả hai biên tập viên của Time/Life cũng như cho quan sát viên Mỹ hôm 25 tháng 6, Nhu đã không trình bày quan điểm trung gian [chuyên tiếp] đó là gì.

Một cách tổng quát, cơ may Nhu kế vị Tổng thống sẽ giảm thiểu khi cường độ bạo lực thay thế Diệm gia tăng, nhưng Nhu vẫn còn một khả năng lên làm Tổng thống ngay cả trong một tình huống bạo loạn, kể cả khi có thể Diệm bị ám sát, đó là tình huống chính Nhu tổ chức và kiểm soát cuộc bạo loạn này.

5- Điểm then chốt của mọi kế hoạch nhằm ngăn cản Nhu lên làm Tổng thống chính là Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, và kế hoạch hay nhất là tạo ra một ủy ban hành động được cả nước ủng hộ, nằm ngoài chính quyền hiện hữu, mà nhiệm vụ là trong trường hợp Diệm ra đi thì yểm trợ Nguyễn Ngọc Thơ lên làm Tổng thống và duy trì quyền lực đó cho ông ta theo đúng quy định của Hiến Pháp.

6- Chúng tôi bị quan về khả năng cải tiến hình ảnh đối nội cũng như đối ngoại cho Nhu bằng bất kỳ phương tiện nào mà chúng tôi có thể hình dung ra. Ông ta đã là đối tượng của vô số lời bình phẩm bất lợi tại Việt Nam cũng như ở nước ngoài, và chuyện bà Nhu như một cục nợ thì cũng rất quan trọng như đã nhắc đến trên đây. Còn đối với Quân lực Việt Nam Cộng Hòa (ARVN), thì chỉ có Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh Quân Đoàn 4, là vị tướng duy nhất nổi tiếng ủng hộ Nhu rõ ràng – nhưng ngay cả điều này cũng phải định giá lại vì đó là một điểm cần tranh luận, không biết liệu binh sĩ của hai Sư đoàn mà Cao chỉ huy có trung thành với Cao không.

Do đó, thật khó để nâng tầm vóc của Nhu lên được trước mắt Quân lực VNCH cũng như trước mắt của quần chúng Việt

Nam và của thế giới. Như các cấp chỉ huy của Quân đội VNCH đều rõ, ông Diệm luôn luôn tự mình kiểm soát việc bổ nhiệm các chỉ huy cao cấp trong quân đội, và vì vậy mà trong mục này, họ không có lý do thôi thúc gì để trung thành sâu đậm với Nhu cả.

7- Quan hệ giữa Nhu và Ngô Đình Cẩn gồm một số điều phức tạp. Từ nhiều năm, hai anh em đã khác nhau trên nhiều vấn đề, và đã khai sinh ra nhiều tổ chức chính trị nội bộ để thường tranh chấp nhau trên những chuyện như bổ nhiệm người vào các vị trí trung cấp và cấp thấp, hoặc những đặc quyền kinh tế béo bở. Bà Nhu lại cũng là một yếu tố vì bà ta và ông Cẩn vốn ghét nhau. Thêm nữa, Cẩn thường biểu lộ sự chê bai về óc phán đoán và tính thực tiễn của khả năng lãnh đạo của Nhu. Tuy nhiên, trong một cuộc khủng hoảng mà Nhu nhấm làm Tổng thống, thì sau khi và chỉ sau khi Diệm biến mất, thì chỉ lúc đó, có lẽ Nhu có thể trông cậy vào sự yểm trợ của Cẩn, và Nhu sẽ hăm hở nỗ lực nhờ cậy Cẩn.

Phần lớn quyền lực của Cẩn ở miền Trung là đến từ Sài Gòn, và để duy trì quyền lực này trong một khoảng thời gian lâu dài, Cẩn đã cần một sự yểm trợ liên tục. Cẩn sẽ lý luận rằng với Nhu làm Tổng thống ở Sài Gòn, Cẩn sẽ có nhiều cơ may nhận được yểm trợ hơn là với một tập đoàn lãnh đạo khác. Ảnh hưởng của Cẩn trong một cuộc khủng hoảng thật ra độc lập với Sài Gòn vì chính quyền dân sự và quân sự tại các tỉnh [miền Trung], vốn được Cẩn ban cho và lưu giữ, nên họ đương nhiên đứng về phía Cẩn rồi (*identification with him*). Cẩn nắm giữ thủ hạ không phải vì họ trung thành với Cẩn mà vì họ ý thức được rằng không có Cẩn, họ sẽ rất có thể bị mất chức (*without him, they could very likely lose their own positions*).

Trong khi suy đoán về quan hệ của Cẩn đối với Nhu, và ứng xử của Cẩn nếu Nhu tiến chiếm quyền lực, kinh nghiệm quá khứ cho thấy trong một cuộc khủng hoảng, không thể luôn luôn trông cậy Cẩn sẽ đóng một vai trò thuần lý (*cannot always be counted upon to play a rational role*), ngay cả khi có dính líu đến quyền lợi thiết thân của Cẩn. Tuy là một chính trị gia khôn ngoan, Cẩn đã nhiều lần tỏ ra có xu hướng hoảng hốt trong

trường hợp khẩn cấp, hay chỉ đơn giản tránh đối diện với tình huống mà Cử cho là sẽ gặp những vấn đề khó khăn.

8- Tóm lại, cơ may để Nhu lên làm Tổng thống được ước định như sau:

- a- Trong tình huống không phải một cuộc đảo chánh chống lại Diệm, cơ may để Nhu lên làm Tổng thống từ đầu là khá thuận lợi (fair)
- b- Trong một cuộc đảo chánh chống lại Diệm, chuyện Nhu lên làm Tổng thống hầu như không thể được (impossible). Không những thế, Nhu và vợ rất có thể trở thành nạn nhân của cuộc đảo chánh.
- c- Nếu chính Nhu tự mình chiếm lấy chức Tổng thống, cơ may cũng có vị thế và duy trì quyền lực trong một thời gian dài là kém (poor).

Nguyễn Kha
(Người dịch)

Phóng ảnh chụp lại từ FRUS
[Foreign Relations of the United States, 1961–1963,
Volume III, Vietnam, 1963, Document 256],
từ trang 569 đến 574

→

well-conducted actions on the part of the VC. In contacts with VC forces the GVN forces continued to show improvement in offensive capability.

256. Memorandum From the Deputy Director for Plans, Central Intelligence Agency (Helms), to the Assistant Secretary of State for Far Eastern Affairs (Hilsman)¹

Washington, August 16, 1963.

SUBJECT:

Transmittal of Estimates on Situation in South Vietnam

Attached hereto are estimates prepared by CIA in Saigon with regard to Government of Vietnam instability, and the likelihood of a coup d'état, brought on by the continuing Buddhist crisis. Discussions held at our 14 August meeting² were based upon these reports.

For the Deputy Director (Plans):

W. E. Colby

Attachment 1³

SUBJECT:

Provisions of the Constitution which Deal with the Succession to the Presidency

1. The President and the Vice President of South Vietnam are elected for five year terms. After initial election they are eligible for re-election for two more terms and can therefore serve a total of 15 years. Consequently, if Diem remains in office, he can run for re-election in 1966 for the third and final time, unless the Constitution is amended in the interim. See Article 32.

2. Article 33 notes that apart from death in office, the President may, after a medical examination, be declared incapacitated because of serious illness by a four-fifths majority of the total number of delegates in the National Assembly. Also, he may tender his resignation to the National Assembly, and Article 33 puts no limitations upon his re-

¹ Source: Department of State, Vietnam Working Group Files, Lot 67 D-54, POC 26, Coup Rumors, Secret. Copies of the covering memorandum and the attachments were sent to the National Personnel.

² No record of these discussions has been found.

³ Secret.

sions for resigning. Article 33 also provides for the President's deposition by the Special Court of Justice, which consists of the President of the High Court of Appeals and 15 deputies elected by each house of the National Assembly, or 30 in all.

3. The Constitution provides for the simultaneous election of the President and Vice President. In the event of departure of the former from office for any reason, it is further provided that the Vice President shall assume the title and office of President, with full rights and duties, for the balance of the five year term. If both the President and the Vice President fail to complete their term, however, an interim caretaker arrangement is prescribed as indicated below.

4. Article 34 provides that in a circumstance in which there is no President and no Vice President, the President of the National Assembly shall temporarily exercise the function of the President of the Republic in order to expedite current affairs and to organize the election of a new President and a new Vice President within a maximum period of two months.

5. Articles 41 and 42 conceivably could have some bearing on this subject. Article 41 provides that for reasons of emergency the President may, between two sessions of the National Assembly, sign orders in council (meaning, presumably, that he can govern by decree). Article 42 provides that in case of emergency, war, internal disturbances or financial or economic crisis, the National Assembly may vote a law conferring on the President the power to sign orders in council for a definite time and within definite limitations, with a view to enforcing the policy defined by the National Assembly in the law by which it delegates power to the President. Article 42 says nothing one way or the other about whether the National Assembly could pass such a law in favor of a former President of the National Assembly who might be temporarily exercising the function of President of the Republic as prescribed under Article 34. In other words, the Constitution does not provide a mechanism under which a caretaker head of state may govern by decree although neither is forbidden.

Attachment 2*

SUBJECT

The Feasibility of Ngo Dinh Nhu Succeeding President Ngo Dinh Diem

1. The circumstances of President Ngo Dinh Diem's departure from the scene will be an extremely important prelude to Ngo Dinh Nhu's succession as President of South Vietnam. The possibilities include:

- a. Resignation
- b. Death by natural or accidental means
- c. Death by assassination
- d. Overthrow by coup d'état, possibly, but not necessarily involving death.

2. Nhu is, of course, a member of the National Assembly, Khanh Hoa Province being his home constituency. Given the elimination of Diem, it therefore follows that Nhu could, without violating the constitution, aspire under Article 34 to exercise the powers of the President for a period not exceeding two months, if he could first persuade both Vice President Nguyen Ngoc Tho and Truong Vinh Le, President of the National Assembly, to resign their present offices, and then contrive his own election by the Assembly as successor to Le. Nhu would then have two further months during which to arrange and win a general election which would legally install him in the office of President. Vice President Tho, in this connection, represents an inponderable. Although he has never been considered a particularly strong man, he is probably not a cipher like Le and has never had an opportunity to show his mettle. It is possible that in a Government of Vietnam (GVN) crisis Tho might, on his own initiative, generate enough support to thwart Nhu's ambitions, even if he might not ultimately succeed in maintaining himself in the Presidency long enough to finish out the constitutional term. Although it is extremely difficult to assess the likelihood that Nhu could successfully carry off this gambit, it is technically possible and could be done within the letter of the law, if not its spirit, provided Diem had left office under circumstances not involving a coup d'état as such. It is clear that Nhu, second only to Diem, is at this time the strongest political power in Vietnam.

3. In the aftermath of the fourth possibility, namely violent overthrow of Diem, Nhu's chances of succession would be poor, whether he tried to do so by either constitutional or unconstitutional means. While perhaps conceding Nhu's competence to hold high office, in terms of experience, organizational capability, and as the driving force

*Secret.

behind the strategic hamlet program, etc., there exists considerable opposition to him among the educated and articulate elements of the population, including the military. Unquestionably, his greatest liability is Madame Nhu, towards whom these same elements express an intense and indeed very personal hostility on the ground that she is vicious, middlebrow, neurotic, or worse. Whether this opposition to Nhu and his wife is based on cold logic or on supercharged emotions is immaterial; it is important because it exists. It would be difficult, if not almost impossible, for Nhu to install himself in office, by any method whatever, after the removal of his brother by a coup d'état. Nhu and his wife would be fortunate to escape with their lives, and in fact there have been reports of at least one plot in which the Nhus would be murdered, but Diem retained in power to preside over a reoriented GVN.

4. In a conversation with an American observer on 25 June (TDCSDB-3/655,297 and CSDB-3/655,373),¹ Nhu gradually worked himself into a highly emotional state of mind. Among other things he expressed strong opposition to Diem and his government, to such an extent that it would be unwise to exclude totally the possibility that Nhu would be capable of attempting a coup d'état against Diem. This is not the first time Nhu has expressed himself so violently. In a conversation about two months ago, in which Dang Duc Khol interrupted for Nhu and two *Time/Life* staffers, Nhu flatly said that the present regime (though not necessarily Diem himself) must be destroyed. He repeated this statement several times and lent emphasis to it by resorting to the Latin "Carthago delenda est". On many occasions in the past he has then qualified such remarks by saying that he views the Diem regime as a transitional stage and the child of historical necessity, but neither to the *Time/Life* nor to the American observer on 25 June did he express such an intermediate point of view. In general, Nhu's chances for succession to the Presidency tend to diminish as the extent of violence attending Diem's removal increases, but there does remain a possibility that Nhu could attain the Presidency even in a violent situation, perhaps even including assassination of Diem, provided such situation had been organized by Nhu and was controlled by him.

5. The key to any plan to prevent Nhu's accession to the Presidency will be Vice President Tho, and the best plan would be to form a nationally supported action committee, outside the present government, whose task would be, in the event of Diem's departure, to assist Tho to attain the Presidency and then to maintain himself in power as prescribed by the Constitution.

¹Neither found.

6. We are pessimistic about the possibility of improving Nhu's domestic or international image by any means which we can envision. He has been the subject of adverse comment both in Vietnam and abroad, and the importance of Madame Nhu as a liability has been mentioned above. So far as the Army of the Republic of Vietnam (ARVN) is concerned, it can probably be said that Brigadier General Huynh Van Cao, Commander IV Corps, is the only general officer who has a reputation of having unequivocally supported Nhu thus far—even this statement must be qualified, however, by noting that it is a moot point whether the troops of the two divisions in Cao's command would remain loyal to him. It thus follows that it would be as difficult to raise Nhu's stature in the ARVN eyes as in the case of the Vietnamese and foreign public at large. As the ARVN commanders are certainly fully aware, Diem has always exercised close personal control over the assignment of his top military leaders, and the military leaders have no compelling reason for being deeply loyal to Nhu on this score.

7. The relationship between Nhu and Ngo Dinh Can involves a number of complexities. The two brothers have differed on many issues over the years and have constructed internal political organizations which frequently compete with one another on such matters as appointment to lower and medium level jobs and access to lucrative economic franchises. Madame Nhu is again a factor, in that she and Can detest each other. Additionally, Can has often expressed a low opinion of Nhu's judgment and practical ability as a leader. Nevertheless, in a crisis involving Nhu's efforts to attain the Presidency, after—and only after—Diem's disappearance from the scene, Nhu could probably count upon Can's assistance and would make strenuous efforts to obtain it. A large measure of Can's power in Central Vietnam is derived from support from Saigon, and to retain that power over a long period, he must have continued support. Can would reason that with Nhu in office in Saigon, he would stand a better chance of continued support than he would from any other leadership. Can's influence during a crisis period would be in a measure independent of Saigon, in that it is based upon a sense of identification with him on the part of provincial authorities, both civil and military, who obtained and hold their own positions with, at the very least, his concurrence. Can's hold over his subordinates is not so much a matter of their loyalty to him as a realization on their part that without him they could very likely lose their own positions. In speculating upon Can's relations with Nhu, and his likely course of action if the latter makes a bid for power, past experience suggests that Can, in a crisis, cannot always be counted upon to play a rational role, even in terms of his own best interests. Though a shrewd politician, he nevertheless has

574 Foreign Relations, 1961–1963, Volume III

several times shown a tendency to panic in emergencies, or simply to withdraw in the face of situations which he regards as presenting difficult problems.

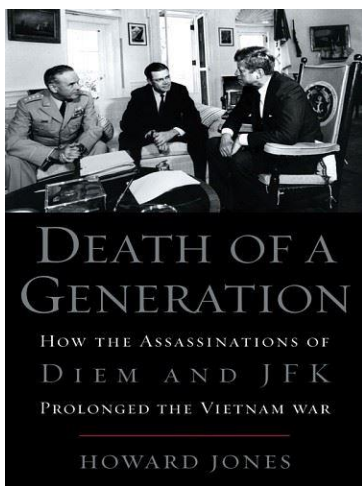
8. In conclusion, Nhu's chances of achieving the Presidency are assessed as follows:

- a. In a situation other than a coup d'état directed against Diem, Nhu's chances of finally taking over the Presidency are fair.
- b. In a coup d'état against Diem, it would be almost impossible for Nhu to become President. In fact, he and his wife could very well be victims of the coup.
- c. If Nhu should initially take over the Presidency, his chances of solidifying his position and maintaining himself in power over an extended period are poor.

NGÔ ĐÌNH NHU THƯƠNG THUYẾT VỚI HÀ NỘI

Dịch theo sách
**Death of a Generation:
How the Assassinations of
Diem and JFK Prolonged the Vietnam War**

Tác giả: GS Howard Jones
Nhà xuất bản Oxford University Press, 2003
Dịch Việt: *Cư sĩ Nguyễn Giác*



(LỜI NGƯỜI DỊCH: Bài này sẽ tập trung dịch về những cuộc móc nối, thương thuyết mật giữa Hà Nội và ông Ngô Đình Nhu, qua sự trung gian giữa Đại sứ Ba Lan, Khâm sứ Vatican, Đại sứ Pháp và Chủ tịch Ủy hội ICC. Phần được dịch sẽ là các trang 310-314, 344-345, 362-364, và 406.

Tác phẩm này được viết rất mực công phu trong 15 năm, bởi Howard Jones, Giáo sư Đại học University of Alabama, khác tất cả những sách trước đó, vì sử dụng rất nhiều nguồn, trong đó có những cuộc điều trần chưa được in trên sách, báo nào.

Bản thảo được Jones đưa cho 3 vị giáo sư bạn – David Beito, Ron Robel, Tony Freyer, Forrest McDonald -- cùng trong đại học này, đọc, kiểm soát và góp ý.

Jones cũng đưa cho nhiều giáo sư và học giả khác -- James K. Galbraith, ở University of Texas; Paul Hendrickson, ở

báo Washington Post và là tác giả một tác phẩm về Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara; Ken Hughes, ở University of Virginia; Don Rakestraw, ở Georgia Southern University; Pete Maslowski, University of Nebraska -- đọc bản thảo và góp ý.

Đặc biệt, Jones đã phỏng vấn nhiều người liên hệ tới thời kỳ 1963 tại Việt Nam, trong đó có Daniel Ellsberg, John Kenneth Galbraith, Roger Hilsman, Jack Langguth, Robert McNamara, Walt Rostow, và Dean Rusk.

Jones cũng được giúp tài liệu từ hàng chục học giả khác tại các Thư Viện Tổng Thống John F. Kennedy Library, Gerald R. Ford Library, Lyndon B. Johnson Library, Trung Tâm Văn Khố Quốc Gia. Trong đó có những cuộc điều trần chưa từng phổ biến.

Có thể kể, một điển hình cho sự nghiên cứu công phu của tác phẩm này như chú thích số 47 của trang 314, trong đó dẫn tới 7 nguồn khác nhau. Những chú thích khác đã dẫn 4 nguồn, hay 5 nguồn là bình thường. Tất cả các chú thích nơi đây đều sẽ không dịch ra Việt ngữ, để người nghiên cứu có thể dựa vào chú thích sẽ dễ dàng tìm ra tài liệu gốc Anh ngữ.

Có thể ghi nhận một số diễn biến nơi đây:

- Ngày 25-8-1963, Tướng Nguyễn Khánh nói với một viên chức Mỹ rằng ông Ngô Đình Nhu đang liên lạc với Hà Nội, và bày tỏ quan ngại, nói rằng các tướng sẽ chống tới cùng các giải pháp thương lượng Nam-Bắc và trung lập hóa Miền Nam, vì các tướng sợ sẽ bị trả thù.
- Chính phủ Kennedy xem việc Nhu tìm hiệp ước với Hà Nội là phản bội lòng tin của Mỹ.
- Đại sứ Nolting nói là có biết các đại diện Việt Cộng tới thẳng Dinh Tổng Thống, vào họp và đi ra bình an.
- Có nhiều tin trong mùa hè 1963 rằng Nhu liên lạc với Hà Nội qua trung gian Khâm sứ Vatican, Đại diện Ba Lan ở ICC (Maneli), Đại sứ Pháp, Đại sứ Ấn, Đại sứ Ý.
- Pháp muốn trung lập hóa Nam VN.
- Đầu năm 1963, Nhu đã gặp một đại diện Việt Cộng ở Huế.
- Đại diện Ba Lan ở ICC là Maneli, tháng 8-1963 báo cáo về chính phủ Ba Lan rằng trong khi anh em Diệm-Nhu đàn áp

Phật Giáo dữ dội, Hà Nội và Việt Cộng qua những cuộc thương thuyết đã hy vọng sẽ hỗ trợ Diệm-Nhu để yêu cầu người Mỹ rút khỏi VN.

- Nhu nói trong một buổi họp 15 tướng lãnh rằng Nhu đang thương thuyết với Hà Nội, và không sợ chuyện Mỹ cắt viện trợ, vì cuộc chiến sẽ ngưng.
- Nhu viết bài trên báo Times of Vietnam ấn bản đầu tháng 9-1963 nói rằng Mỹ đang âm mưu đảo chánh anh em Diệm-Nhu.
- Nhu hút nha phiến, và mang bệnh ảo tưởng về “sự vĩ đại của Nhu.” Ngôn ngữ Nhu nói trong một buổi gặp Maneli có dấu hiệu Nhu bệnh tâm thần.
- Trong tháng 9-1963, Nhu cũng khoe với Alsop, một nhà bình luận Hoa Kỳ, rằng Nhu đang nói chuyện với Hà Nội.
- Tình báo Mỹ nhận ra trong tháng 10-1963, tại Sài Gòn có 10 âm mưu đảo chánh, muốn lật đổ anh em nhà Ngô, nhưng chỉ nhóm các tướng lãnh là có kế hoạch khả thi.
- Đại sứ Lodge nói rằng Mỹ không có cách nào ngăn cuộc đảo chánh được, vì các tướng lãnh tự thấy sẽ bị trả thù, mất hết đường sống khi Nhu bắt tay Hà Nội.
- Tướng Tôn Thất Đính nói rằng Nhu đã họp với Tướng VC Văn Tiên Dũng qua Ủy hội ICC.
- Xem chú thích 38: Giới ngoại giao tại Sài Gòn chuyển cho nhau một tấm hình và nghi là có dan díu tình cảm bất chính giữa Maneli và Bà Nhu, nhưng Maneli bác bỏ.

Kèm bản Việt ngữ là các bản Anh ngữ chụp lại từ bản chính để người quan tâm có thể đối chiếu, đọc bản gốc Anh văn. Toàn văn dịch bởi Cựu sĩ Nguyễn Giác.)

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH

Trang 310:

Gần như tất cả các nguồn tin đều nhận định ông Nhu là nan đề chính, và Đại sứ Lodge vẫn dè dặt, cảnh giác Bạch Ốc vào ngày 24-8-1963 rằng chưa tới lúc để đứng về phía các tướng lãnh VNCH. Lodge không đồng ý với CIA, cơ quan tình báo này gọi ông Nhu là “nhân vật nắm quyền, có lẽ với ung

thuận của Tổng Thống Diệm.”

Dựa vào những cuộc nói chuyện riêng rẽ với Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần, Chánh Văn Phòng Phủ Tổng Thống Võ Văn Hải, Tướng Trần Văn Đôn và Tướng Lê Văn Kim, Đại sứ Lodge khẳng định rằng ông Nhu (“nếu ông này không hoàn toàn vẽ ra kế hoạch mọi thứ”) có lẽ đã có ủng hộ từ ông Diệm trong việc soạn kế hoạch tổng tấn công các chùa (đêm 20-8 rạng ngày 21-8-1963). Nhiều phần có lẽ rằng quân đội VNCH không tham dự tấn công chùa, và phía gây tội là cảnh sát và Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Lê Quang Tung.

Đại sứ Lodge nhấn mạnh rằng điều quan trọng nhất là, cả 3 sĩ quan chỉ huy quân sự quyền lực nhất tại Sài Gòn -- Tướng Trần Văn Đôn, Tướng Tôn Thất Đính, và Đại Tá Lê Quang Tung -- vẫn giữ lòng trung thành với hoặc ông Diệm hoặc ông Nhu. Bất kỳ nỗ lực nào từ phía Mỹ muốn vận dụng các tướng sẽ là “phát đạn trong bóng đêm.” (35)

Vào thời điểm quan trọng này, Tướng Nguyễn Khánh thông báo cho John Richardson (Trưởng Phòng CIA tại Sài Gòn) vào ngày Chủ Nhật 25-8-1963 về một diễn biến bất thường: Nhu đang xem xét một hiệp ước với Hà Nội để sẽ kết thúc chiến tranh. Bên cạnh việc làm mất mặt các tướng lãnh trong trận tổng tấn công các chùa, có phải Nhu cũng muốn tìm một thương lượng giữa Bắc VN và Nam VN để buộc người Mỹ ra khỏi VN?

Chính phủ Kennedy chỉ trích hành vi phản bội lòng tin này, mặc dù một năm trước đó Mỹ đã lặng lẽ đưa Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ về Chính Trị Vụ William Averell Harriman thăm dò về một khả năng tương tự với các đại diện nhà nước Hà Nội tại Geneva. Nhiều năm sau, Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ Viễn Đông Vụ Roger Hilsman nói rằng Bạch Ốc đã xem các cuộc nói chuyện như thế như là nỗ lực của chế độ Diệm muốn làm áp lực Hoa Kỳ.

Nhưng các lời khẳng định của Tướng Khánh thu hút sự chú ý tức khắc tại Bộ Ngoại Giao Mỹ, nơi xem Tướng Khánh là “một trong các tướng lãnh xuất sắc, vừa can đảm, vừa phức tạp.”

Điều quan trọng nhất là, các tướng lãnh VNCH tin vào

chuyện đó. Tướng Khánh nói với một viên chức CIA tại Sài Gòn rằng họ lo sợ cho sinh mạng của họ, và “sẽ tắt yếu nổi dậy” nếu Nhu tìm một hiệp ước với hoặc Hà Nội, hoặc với Cộng Sản Trung Quốc để trung lập hóa Nam VN. Các tướng lãnh nghĩ rằng, sau đó, Nhu sẽ chĩa mũi dùi sang họ. Họ “sẽ kháng cự dữ dội nếu các chính khách hiện nắm quyền lực lại đi sai lối.” Bởi vì giờ khác biệt (ở Mỹ và VN), bức điện văn kể về buổi họp của Tướng Khánh với Richardson (Trưởng Phòng CIA tại Sài Gòn) tới Washington vào Thứ Bảy 24-8-1963, lúc 9:30 giờ sáng. (36)

Chuyện Tướng Khánh nói không gây ngạc nhiên nhiều ở Washington. Cựu Đại sứ Mỹ tại VN Frederick Nolting trước đó đã tường trình về nhiều cuộc liên lạc ngõ sau do Nhu thực hiện với người CS mà ông Diệm “đều biết cả.”

Tuy nhiên, Phó Đại Sứ Mỹ William Trueheart bác bỏ thông tin rằng Nhu đang bí mật thương thuyết với Bắc Việt và bác bỏ bản tin [Nhu] muốn Hoa Kỳ rút khỏi VN. “Tôi thực sự nghĩ đó phần nhiều là tin nhảm.”

Nhưng rồi, nhiều năm sau, Nolting hỏi tướng lại rằng “Các lãnh tụ Việt Cộng tới thẳng văn phòng của Nhu trong Dinh Tổng Thống... với thỏa thuận rằng họ sẽ không bị bắt trong khi họ ở đó.”

Nolting nói, “Tôi đã biết chuyện đó. Và tôi biết chắc rằng họ đã nói, ‘Đừng để người Mỹ vào sâu ở đây.’ Và [biết] Nhu đã nói, ‘Đừng để người Tàu dính vào mấy chuyện này.’”

Trang 311:

Nolting ghi nhận rằng chính phủ Mỹ chỉ trích hành động của anh em Diệm-Nhu như là phản bội. “Tôi đã rơi vào cảnh khó khăn khi tìm cách nói, ‘Chờ một chút. Có thể chuyện này không phải là phản bội. Hãy cho họ [Diệm-Nhu] một cơ hội. Họ không quá ngu ngốc thế, và họ không đang phản bội chúng ta.” Nhu đang tìm cách thuyết phục Việt Cộng hãy ‘bán đứng, về mặt hiệu quả, cho chính phủ [VNCH].”

Bạch Ốc đã quyết định không can thiệp, để mọi chuyện diễn tiến khi nào mà chế độ Diệm chưa bán đứng Miền Nam cho CS. Nolting thì không biết chắc là ai đã trả lời các điện văn

của ông, nhưng chữ ký của Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ Dean Rusk ghi tên tất cả các điện văn phức tạp đó. (37)

Lời kể của Nolting phù hợp với nhiều tin nghe được trong mùa hè 1963, rằng Đại diện Ba Lan của Ủy Hội Kiểm Soát Quốc Tế ICC, Mieczylaw Maneli, đóng vai trung gian hòa bình giữa Nhu và Hà Nội.

Maneli, người từng sống sót qua trại tập trung Auschwitz trong Thế Chiến 2, làm giáo sư luật ở đại học University of Warsaw và là đảng viên Cộng Sản, sau đó xác nhận rằng ông đã hai lần họp với ông Nhu. Lần đầu là ngày 25-8-1963, trong một buổi tiếp tân ở Sài Gòn có tham dự của nhiều đại diện ngoại giao, và lần thứ nhì là gặp bí mật tại Dinh Gia Long vào ngày 2-9-1963.

Đại sứ Pháp tại Sài Gòn, Roger Lalouette, đã thu xếp buổi họp đầu tiên với sự hỗ trợ từ Đại sứ Ấn Độ và là Chủ tịch ICC Ramchundur Goburdhun, Đại sứ Ý Giovanni Orlandi, và Khâm sứ Vatican là Đức Ông Salvatore d'Asta.

Theo lời Maneli, Lalouette đã tìm cách phát triển một cuộc trao đổi văn hóa và kinh tế giữa những người Việt thù nghịch nhau để sẽ đặt nền tảng cho sự thống nhất VN và do vậy sẽ “đưa chế độ Diệm về lại thân Pháp và tách khỏi phía người Mỹ vô tình.”

Kết thúc cuộc chiến VN sẽ cho VN trung lập hóa theo đường hướng của Tổng Thống Pháp Charles de Gaulle, người có ý định kết hợp Việt Nam với hai nước trung lập Lào và Cam Bốt để biến vùng này một lần nữa trở thành “viên ngọc trong hào quang vĩ đại của nước Pháp.”

Thời điểm của buổi họp đầu tiên giữa Nhu và Maneli trùng hợp với lời báo động nêu lên từ Tướng Khánh và cho tính xác thực về nỗi lo sợ của Tướng này. (38)

Khi Maneli lần đầu đưa ra kế hoạch hòa bình này cho Hà Nội xem vào mùa xuân 1963, Thủ Tướng Bắc VN Phạm Văn Đồng lập lại lời khẳng định trước đó của ông Hồ Chí Minh rằng Bắc VN đã sẵn sàng thương thuyết vào bất kỳ lúc nào. Ngoại Trưởng Xuân Thủy đã có một danh sách các hàng hóa trong đó có cả than và các vật liệu kỹ nghệ khác, mà chính phủ Bắc VN

sẽ trao đổi với Nam VN đổi lấy gạo và nhiều lương thực khác.

Cả 2 lãnh tụ Bắc VN này đều công khai chỉ trích chế độ Diệm nhưng nói vẫn sẵn sàng thương thuyết. Họ Hồ trước đó cũng đã nói với Goburdhun rằng Diệm là “một người yêu nước kiêu của ông ấy” và rằng giao thương là có thể. Ông Hồ nói, “Khi ông gặp ông Diệm, hãy bắt tay ông Diệm giùm tôi với.” (39)

Vào tháng 7-1963, Maneli thăm Hà Nội lần nữa, sau đó nói rằng quan tâm muốn thương thuyết của ông Hồ đã tác động quyết định của NLF (Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam) để không leo thang hành động trong khi chính phủ ông Diệm căng thẳng với Phật Giáo.

Trang 312:

Thực sự, Bắc VN đã cho thấy rằng ông Diệm có thể trở thành một nguyên thủ có thể chấp nhận được của chính phủ Sài Gòn. Lalouette đã nghĩ rằng Diệm sẽ sống sót nếu Diệm chấp nhận thương thuyết chính trị. “Ông ta [Diệm] lẽ ra phải thay đổi hệ thống (LND: ngưng đàn áp PG) nếu ông ta vẫn giữ quyền lực, nhưng ông ta đã có chính phủ và nhà nước, và ông ta có nhân sự tốt.”

Mùa hè đó, Hồ công khai kêu gọi ngưng bắn rằng, lần này, như đường [kêu gọi] chân thực vì quan tâm của Bắc VN về việc Mỹ mở rộng tham dự quân sự. Maneli cũng thấy hy vọng cho việc Diệm vẫn nắm quyền được – ít nhất là một thời gian nữa. “Nếu chính phủ Hà Nội không nỗ lực tấn công nhằm lật đổ Diệm và Nhu từ Sài Gòn, điều này chắc chắn vì Hà Nội muốn Diệm-Nhu nắm quyền thêm một thời gian nữa -- đủ lâu để đạt một thỏa ước với họ sau lưng người Mỹ.”

Nhận được thông tin từ Hà Nội, Nhu có lẽ đã nói chuyện với ông Hồ “xuyên qua các đặc sứ trực tiếp từ Hà Nội, với giúp đỡ từ người Pháp.” Maneli đã chính xác. Vài năm sau đó, theo báo Hòa Bình có tòa soạn ở Sài Gòn, ông Nhu đã gặp các đại diện Việt Cộng tại Huế, thành phố quê nhà của ông, vào đầu năm 1963.

Nhu lúc đó nói chuyện với người anh/em của một đại sứ

Bắc Việt, và thương thuyết đã khởi sự vào tháng 7-1963, như Maneli nghĩ ngờ. Và, đúng như sự suy nghĩ của Lalouette, những cuộc thương thuyết bí mật này giúp giải thích tại sao Việt Cộng không lợi dụng thời cơ trong khi ông Diệm căng thẳng với Mỹ để tung ra một trận tấn công lớn vào cuối tháng 8-1963. (40)

Khi Maneli hỏi Phạm Văn Đồng (Thủ Tướng Bắc Việt) và Xuân Thủy (Bộ Trưởng Ngoại Giao Bắc Việt) rằng điều gì ông nên nói nếu ông Nhu mời thương thuyết, họ đã trả lời: “Bất cứ những gì ngài biết về lập trường chúng tôi về hợp tác và trao đổi kinh tế và văn hóa, về hòa bình và thống nhất đất nước. Một điều chắc chắn rằng: người Mỹ phải ra đi. Trên căn bản chính trị này, chúng ta có thể thương thuyết về mọi thứ.”

Maneli đã hỏi Phạm Văn Đồng (với ông Hồ Chí Minh lúc đó đứng trong phòng, “lặng lẽ, như dường bị cưỡng ép”) rằng Hà Nội sẽ có hay không cứu xét “một hình thức liên bang với Diệm-Nhu hay một thứ gì trong bản chất về một chính phủ liên hiệp.”

Thủ Tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố: “Mọi thứ đều có thể thương thuyết được dựa vào nền tảng độc lập và chủ quyền cho VN. Hiệp ước Geneva cung cấp nền tảng pháp lý và chính trị cho điều này: không lập doanh trại hay để lính nước ngoài trên lãnh thổ VN. Chúng tôi có thể đạt tới một hiệp ước với bất kỳ người VN nào.”

Maneli cảnh báo rằng các cường quốc Tây phương sẽ chống một chính phủ liên hiệp và [sẽ] đòi an toàn cho anh em Diệm-Nhu. Phạm Văn Đồng lập lại: “Mọi thứ đều có thể là đề tài thương thuyết. Chúng tôi có ước muốn chân thực chấm dứt tranh chấp, để thiết lập hòa bình và thống nhất trên căn bản thực tế hoàn toàn. Chúng tôi là những người thực tế.” (41)

Maneli kết thúc trong bản phúc trình gửi cấp chỉ huy của ông tại Warsaw ngày 10-7-1963 rằng cả 2 chính phủ VN muốn đạt thỏa ước theo kiểu riêng của họ. Họ muốn làm như thế mà “không có tham dự của các Siêu Cường Quốc, không có Moscow, không có Washington, và chắc chắn là không có Bắc Kinh; cả 2 chính phủ ước muốn có những cuộc nói chuyện tối

mật và phải giữ một mặt ngoài chính thức nào đó.” Hà Nội đã đón nhận sáng kiến này, mà lần đầu tiên không xin sự cho phép của Bắc Kinh.

Trang 313:

Nếu Diệm và Nhu muốn sống còn, Maneli liên tục báo cáo về chính phủ của ông [Ba Lan] trong đầu tháng 8-1963 rằng, họ hoặc phải rời khỏi Việt Nam hoặc đàn áp Phật Tử. Hà Nội và Việt Cộng đã chọn lập trường “chờ cho một cuộc ‘nội chiến’ mới và trong cơ hội đầu tiên này, CS sẽ hỗ trợ Diệm để chống lại người Mỹ.”

Cả Phạm Văn Đồng và Hồ Chí Minh đã nêu lập trường rõ ràng: “Mục tiêu và việc làm tối quan trọng của chúng tôi là dẹp bỏ người Mỹ. Và rồi chúng ta sẽ thấy.” Maneli không ngờ vực rằng “một hiểu biết tối mật” đã có giữa “Diệm-Nhu và Hà Nội” -- rằng “khi nào Diệm-Nhu còn tham dự chống lại phía người Mỹ và đồng minh [của Mỹ], Hà Nội sẽ để cho Diệm-Nhu sống.” (42)

Maneli nhận định, việc bổ nhiệm Lodge làm tân Đại sứ Mỹ đã khởi động ra các sự kiện dẫn tới việc ông lần đầu gặp ông Nhu hôm 25-8-1963. Thực sự, hành động của Bạch Ốc “đã khởi sự kết thúc chế độ ông Diệm” và buộc họ tấn công những người Phật Tử “thân Mỹ” trước khi Lodge tới VN. Anh em Diệm-Nhu đã tung ra trận tổng tấn công nhà chùa, theo Maneli lý luận, là để “tự cứu họ khỏi bị đảo chánh do Mỹ thúc đẩy,” nhưng hành vi tấn công chùa hóa ra lại làm mất uy tín chế độ trước người dân Việt và thế giới.

Bây giờ, trong tâm thức tuyệt vọng, Nhu sắp xếp để tân Ngoại Trưởng Trương Công Cừ mời Maneli vào dự bữa tiệc chỉ mới 4 ngày sau trận tổng tấn công các chùa, trong đó có Đại sứ Lodge trong danh sách khách mời của các viên chức ngoại giao. Đó là một quyết định chuyển hướng. Sự hiện diện của Maneli ghi dấu lần đầu một nhà ngoại giao Cộng Sản tham dự một buổi họp mặt cấp cao như thế ở Sài Gòn. Nơi đó, trong một cử chỉ dàn dựng sẵn, Lalouette (Đại sứ Pháp), Orlandi (Đại sứ Ý), d’Asta (Khâm sứ Vatican), và Goburdhun (Chủ tịch ICC)

đã mang Maneli và Nhu hội ngộ. (43)

Nhu nói với Maneli trong khi nhóm nhà ngoại giao này quan sát hai người, “Tôi đã nghe nhiều về ngài từ các bạn chung của chúng ta. Trong dân tộc Việt có sự nhạy cảm về chủ quyền và sự bất tín không chỉ đối với người Trung Quốc nhưng còn đối với tất cả những người chiếm đóng và thực dân, tất cả.” (44)

Maneli và, tất nhiên là, cả những người khác đang trong cuộc nói chuyện, nghĩ trong đầu rằng có phải Nhu bao gồm cả người Mỹ [trong câu nói đó]?

Nhu khẳng định, “Bây giờ chúng ta muốn hòa bình, và chỉ muốn hòa bình thôi... Tôi tin rằng Ủy Hội Quốc Tế có thể và nên đóng một vai quan trọng trong việc tái lập hòa bình tại Việt Nam.”

Maneli cẩn trọng bảo đảm với Nhu rằng tất cả những thành viên Ủy Hội đã nghĩ rằng Ủy Hội “có thể giữ vai trò xây dựng nếu cả hai phía mong muốn.”

Nhu nhấn mạnh, “Chính phủ Việt Nam ước muốn hành động theo tinh thần của Hiệp Định Geneva.”

Maneli trả lời rằng, đó là cách duy nhất để đạt hòa bình và thống nhất. (45)

Lodge đã gặp Maneli trong bữa tiệc, nhưng bị lôi đi trong phần giữa của một cuộc đối thoại, tình hình này cho thấy đánh giá ban đầu của Maneli về tính kiêu hãnh của Đại sứ Lodge. Nếu Lodge ở lại thêm một chút, thay vì về sớm, Lodge có thể đã nhận ra cuộc thảo luận của Maneli với Nhu.

Trang 314:

Kết hợp với những gì Bạch Ốc đã biết về liên lạc của Nhu với Việt Cộng và với Bắc Việt, những trao đổi công khai giữa Maneli và Nhu có thể đã khuyến khích chính phủ Mỹ xem xét về các tác động chính trị. Có phải buổi gặp gỡ này củng cố cho nỗi nghi ngờ đã lan rộng rằng Maneli đã trở thành trung gian giữa hai miền Việt Nam? Ảnh hưởng nào đã có từ các cuộc liên lạc Nam-Bắc đối với quan điểm các tướng lãnh VNCH về một cuộc đảo chánh? (46)

III

Nỗ lực của Đại sứ Lodge để trì hoãn bất kỳ hành động nào đã không có ảnh hưởng: Điện văn ngày 24-8-1963 của ông đã tới Washington vào lúc 2:05 giờ chiều Thứ Bảy, khi đó, như định mệnh đã sắp xếp, chỉ có vài cố vấn làm việc và họ là những người công khai chỉ trích chế độ ông Diệm. Forrestal (Phụ tá Cố vấn An ninh), Hilsman (Thứ Trưởng Ngoại Giao Viễn Đông Vụ), và Harriman (Thứ Trưởng Ngoại Giao Chính Trị Vụ) đọc bản điện văn của Lodge một cách quan ngại, ghi nhận rằng điện văn đã xác minh nỗi nghi ngờ của họ về những thủ đoạn bắt lương của Nhu trong cuộc tổng tấn công các chùa.

Có phải tin này củng cố cho bản điện văn sáng hôm đó từ Sài Gòn có ghi lời Tướng Khánh cáo buộc rằng Nhu đang bí mật thương thuyết với Hà Nội? Có lẽ ngay cả phóng viên Halberstam đã chính xác trong ấn bản ngày hôm đó của tờ New York Times, khi ông tường trình rằng nhiều quan sát viên tại Sài Gòn đã gọi cuộc tổng tấn công nhà chùa là ‘cú đánh của Nhu.’

Không kiểm chứng trước với Phụ tá Cố Vấn An Ninh Quốc gia McGoerge Bundy, Forrestal kèm một lá thư “chỉ để đọc thôi” vào một điện văn gửi Tổng Thống vào lúc 4:50 giờ chiều, thông báo về thư của Lodge và kèm một đề nghị đáp ứng với Sài Gòn, mà ba cố vấn – Forrestal, Harriman và Hilsman – đã soạn thảo với sự chấp thuận của Ball (Thứ Trưởng Ngoại Giao) và Đô Đốc Felt (Tu Lệnh Quân Lực Mỹ ở Thái Bình Dương) và muốn gửi ngay đêm hôm đó.

Lodge khuyến cáo là “hãy chờ xem” cho tới khi ông có thể quyết định xem quân đội VNCH có hành động nào chống Nhu hay không.

Harriman, Hilsman, và Forrestal thì muốn hành động tức khắc vì tình hình tại Sài Gòn có thể không “linh hoạt lâu nữa.” Hilsman gọi bức điện văn của Lodge là “có lẽ phán đoán thuyết phục nhất trước giờ” cho thấy các tướng lãnh VNCH không hài lòng với việc ông bà Nhu hung bạo với Phật Tử.

Nếu Nhu còn nắm quyền, “chế độ sẽ tiếp tục đi theo

chính sách tự sát mà không chỉ kéo Việt Nam xuống chỗ xấu hổ và thảm họa nhưng cũng kéo cả Mỹ như thế.” Harriman và Hilsman muốn rằng Mỹ phải “hành động trước khi tình hình tại Sài Gòn đóng băng.” (47)

Sự thật đã trở thành không thể chối bỏ: Nhu là người trách nhiệm cuộc tổng tấn công các chùa. Điện văn 243, soạn bởi Harriman, Hilsman, và Forrestal (với giúp đỡ từ Mendenhall), kêu gọi Lodge phải công khai tố cáo Nhu về vụ tấn công chùa, trong khi Washington và đài VOA cùng làm như thế khi nào Đại sứ Lodge cho thấy thời điểm thích nghi lên tiếng.

Nhu đã sắp xếp để công chúng có ấn tượng rằng quân đội VNCH trách nhiệm trận tắm máu đó và như thế tự đưa Nhu vào vị trí lãnh đạo... (Sẽ nhảy tới trang 344 để nói tiếp phần Nhu liên lạc với Hà Nội).

Trang 344:

Ngoại Trưởng Rusk đồng ý với khuyến cáo của Đại sứ Lodge để tiếp tục áp lực ông Diệm phải tiến hành thay đổi chính phủ. Vẫn còn giữ lý luận giá trị rằng thấy cần cho một cuộc đảo chánh không có nghĩa là đồng lõa, Ngoại Trưởng khẳng định rằng Bạch Ốc sẽ hỗ trợ cho một nỗ lực đảo chánh của người Việt, nhưng Bạch Ốc “không nên và sẽ không khởi dậy và điều hành một cuộc đảo chánh.”

Trong một cố gắng giải thích cũng dao động như thế để phân biệt giữa động cơ Hoa Kỳ và hành động Hoa Kỳ, Rusk tuyên bố rằng Diệm phải hiểu rằng Mỹ tìm kiếm “để cải thiện chính phủ [của Diệm] chứ không phải lật đổ.”

Hạ Viện Mỹ mới đây đã cắt chương trình viện trợ, “phần lớn vì thất vọng trong toàn bộ các nỗ lực tại Việt Nam.” Nếu không có thay đổi chính phủ, Mỹ có thể sẽ ngưng tất cả viện trợ.

Diệm phải chứng minh cho Quốc Hội Mỹ và cho dư luận thấy rằng “chúng tôi không yêu cầu người Mỹ tới để bị hy sinh nhằm hỗ trợ cho khát vọng của Bà Nhu muốn nướng thịt các vị sư.”

Các biện pháp cứng rắn bây giờ có cơ hội tốt, vì đã thấy

ông Diệm “có thể cũng đã biết sợ trong những ngày gần đây.” (55)

Tính bất khả tiên đoán của tình hình Việt Nam tiếp tục làm rối trí Bạch Ốc khi, vào ngày 1 tháng 9-1963, Đại sứ Lodge có buổi họp lâu 2 giờ với Nhu, trong đó cho thấy chuyện ngạc nhiên là Nhu đồng ý từ chức ra khỏi chính phủ như một dấu hiệu của sự thành công trong cuộc chiến. Trước mặt Đại sứ Ý và Khâm sứ Vatican, Nhu tuyên bố rằng ông không còn được cần tới nữa và sẽ về hưu ở Đà Lạt sau khi chính phủ Sài Gòn gỡ thiết quân luật.

Những vị khách lắng nghe kinh ngạc trong khi Nhu khẳng định một cách bi hài rằng Nhu ưa thích chờ đợi cho tới khi “các điệp viên Mỹ nào đó” những người vẫn còn đang âm trợ một cuộc đảo chánh chống lại gia đình ông đã rời khỏi Việt Nam. “Mọi người đều biết họ là ai.”

Bà Nhu sẽ rời Việt Nam ngày 17-9-1963 để dự Hội Nghị Liên Quốc Hội (Interparliamentary Union) tại Nam Tư, sau đó sẽ đi tới Ý Đại Lợi và có thể tới Mỹ, nơi bà có một lời mời để nói chuyện trước Câu Lạc Bộ Báo Chí Hải Ngoại (Overseas Press Club) tại New York.

Khâm sứ Vatican sẽ sắp xếp để Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục ra khỏi Việt Nam.

Tuy nhiên, Nhu từ chối rời Việt Nam vì các liên lạc của Nhu với các cán bộ Việt Cộng, những thành phần đã xuống tinh thần vì sự tiếp trợ không đủ từ Bắc Việt và đã sẵn sàng rời bỏ cuộc chiến vũ trang. (56)

Đại sứ Lodge chắc chắn đã nhận ra rằng Nhu không thật thà về chuyện rút khỏi chính phủ và rằng Nhu đã giấu các động cơ. Có chứng cứ nào về thành công của quân lực VNCH? Những liên lạc nào Nhu đã thực hiện với Việt Cộng? Còn về những tin đồn về Nhu nói chuyện với Hà Nội? CIA đã gọi đó là “bí mật hiển lộ” trong giới ngoại giao ở Sài Gòn rằng Nhu đã liên lạc với Hà Nội và rằng người Pháp đang tìm kiếm hòa giải giữa Nam và Bắc VN.

Trang 345:

Nhu mới đây đã nói với 15 tướng lãnh tại bộ tổng tham mưu Quân lực VNCH là đừng lo ngại về chuyện người Mỹ hăm dọa cắt viện trợ; Nhu “đã liên lạc với các anh em Miền Bắc và có thể có dịp nghỉ ngơi bằng cách yêu cầu Bắc Việt chỉ thị cho các du kích Miền Nam tạm ngưng hoạt động trong khi thương thuyết cho một thương lượng lâu dài.” Nhu đã tố cáo rằng CIA muốn Nhu “bước sang một bên,” và [CIA] đang làm việc với các “phần tử bí mật” trong chính phủ Mỹ để lật đổ chế độ Diệm. Chỉ có Đại sứ Lodge đưa tới hy vọng, theo Nhu khẳng định trong một lời tuyên bố và lời này hiển lộ ảo vọng của Nhu. “Chúng ta có thể vận dụng sai sử Lodge – Lodge sẽ đồng ý hoàn toàn với những suy nghĩ và những hành động của chúng ta.” (57)

Thái độ sai lầm của Nhu cứ tiếp diễn mãi khi Maneli gặp Nhu hôm 2-9-1963 (mà điều này nhiều năm sau mới được biết) trong khi đang có sự phẫn nộ về một bài viết nơi trang nhất của tờ *Times of Vietnam* trong đó cho thấy rạn vỡ giữa chế độ Diệm và Hoa Kỳ. Dòng tựa đề nêu rõ, “CIA tài trợ một âm mưu đảo chánh.”

Bài này do Nhu viết, bản gốc của bài đã kể ra tên nhiều viên chức CIA đứng sau âm mưu, trong đó có Trưởng phòng CIA tại Sài Gòn là Richardson. Có một vài người sau đó kể lại rằng, Bà Nhu đã xóa tên ông Nhu trên bài viết đó.

Maneli tới Dinh, vào ngồi với Nhu ở một chiếc bàn nhỏ trong một căn phòng rải rác đồ đạc để lẫn lộn “trông như một khối rác.” Nhu nhanh chóng khởi sự độc thoại trong đó có những ngôn ngữ và ý tưởng Mác-xít, điều này làm cho Maneli sững sờ. (58)

“Tôi đang thực hiện một cuộc chiến để kết thúc chiến tranh vĩnh viễn tại Việt Nam; Tôi đang thực sự tác chiến chống chủ nghĩa Cộng Sản để kết thúc chủ nghĩa tư bản vật chất. Tôi đang tạm thời xiết lại tự do để sẽ cho nó trong một hình thức vô hạn. Tôi đang củng cố kỹ luật để khai tử những trói buộc ngoại tại. Tôi đang tập trung hóa đất nước để sẽ dân chủ hóa và sẽ phân tán quyền lực nói... Các áp chiến lược là định chế căn bản

của nền dân chủ trực tiếp. Khi người dân phát triển và thịnh vượng, họ sẽ trở thành hạt nhân chính của một tổ chức quốc gia, và rồi chính bản thân nhà nước – như Karl Marx đã nói – sẽ biến mất.” (59)

Nhu nhìn thấy cái nhìn kinh ngạc của Maneli, và lập lại tuyên bố đó. “Đúng vậy. Tôi đồng ý với kết luận cuối cùng của Marx: nhà nước phải biến mất – đó là một điều kiện cho chiến thắng cuối cùng của dân chủ. Ý nghĩa của đời tôi là làm việc để cho tôi có thể trở thành không cần thiết. Tôi không chống lại những cuộc thương thuyết và hợp tác với Miền Bắc... Nơi đây, Ủy hội Quốc tế -- và bản thân ngài—có thể đóng một vai trò tích cực.” (60)

Maneli lập lại lời bảo đảm trước đó của ông đối với Nhu rằng Ủy hội Kiểm soát Quốc tế ICC sẽ làm mọi việc có thể để kết thúc chiến tranh, ghi nhận rằng Sài Gòn đang râm ran những tin đồn về những cuộc thương thuyết bí mật. Maneli tin rằng Diệm và Nhu đã nghĩ rằng nếu họ tách lia người Mỹ, họ có thể trong vị trí để sắp xếp cuộc thương lượng với Hà Nội. Do đó họ sử dụng nỗi sợ lan rộng này “để gây kinh hoàng và để bắt chẹt các đồng minh chống Cộng của họ.” (61)

Sau đó trong ngày, Maneli nói chuyện với Lalouette, được Lalouette nhấn mạnh lần nữa rằng cách duy nhất để có hòa bình tại VN là xuyên qua chế độ Diệm. Maneli chưa bao giờ chấp nhận lời khẳng định như thế. (Nhảy tới trang 362)

Trang 362, từ giữa trang:

Các nguồn tin tình báo củng cố niềm tin của Đại sứ Lodge rằng đã tới lúc phải hành động quyết liệt, đặc biệt bởi vì các bản tin liên tiếp cho thấy Nhu đang thương thuyết với Hà Nội, “có hay không có sự xúi dục của người Pháp.”

Do Gaulle mới trước đó đã lập lại lời khẳng định rằng chỉ có trung lập hóa Nam Việt Nam mới có thể ngăn cản làn sóng Cộng Sản xâm chiếm. Ông nói thê cũng có lợi ích riêng: phương cách đó sẽ trao một cơ hội để tái lập vị trí của Pháp trong khu vực. Thực sự, tham vọng của de Gaulle vượt xa hơn Việt Nam. Ông đã thu hút sự ủng hộ rộng rãi từ dân Pháp vì đã

thiết lập Pháp Quốc như cường quốc trung gian chính trong việc làm giảm căng thẳng Chiến Tranh Lạnh.

Một chính phủ trung lập tại VN sẽ làm tăng ảnh hưởng de Gaulle như một lãnh tụ thế giới, và kết hợp với việc de Gaulle ủng hộ cho Trung Quốc vào Liên Hiệp Quốc, sẽ làm khựng lại những bước lớn đối với chính sách Mỹ tại Châu Á và Châu Âu.

De Gaulle biết rằng chỉ cần có những cuộc thương thuyết giữa Nhu và Hà Nội là sẽ hợp thức hóa được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (NLF) và sẽ tăng áp lực cho một hội nghị quốc tế về Việt Nam mà người Pháp có thể đóng vai chủ tọa. Liên Xô sẽ hỗ trợ, Trung Quốc cũng sẽ hỗ trợ nếu các nước tham dự kêu gọi Hoa Kỳ rời bỏ Nam Việt Nam.

Đại sứ Lodge nhận định rằng cơ hội duy nhất của Nhu để sống còn nằm trong việc sắp xếp với Bắc Việt để buộc Mỹ ra đi.

Trang 363 – 364:

Cả McCone (Giám Đốc CIA) và Harriman (Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ về Chính Trị Vụ) đều biết lời cảnh báo của Robert Thompson (Chuyên gia về chống du kích, đã xóa sổ cuộc chiến của Cộng Sản Mã Lai, và là Trưởng Phái Đoàn Cố Vấn Anh Quốc để giúp Hoa Kỳ ở VN) rằng “lá bài độc mà Nhu có là việc Mỹ rút quân. Để có lá bài đưa ra như thế,” Thompson nhận định, “Bắc Việt sẽ trả gần như với mọi giá.” (33)

CIA cũng nhận thấy rằng nhiều phần là chế độ Diệm, Hà Nội và người Pháp đang thúc giục để dẫn tới hòa giải hai miền Nam-Bắc. Phải thú nhận rằng, sự thống nhất Việt Nam không phải là giải pháp thay thế khả thi trong tình hình có những căn thù cay đắng hiện nay. Nhưng một cuộc ngưng bắn có thể củng cố đòi hỏi của Hà Nội rằng Mỹ phải rút hoàn toàn khỏi Việt Nam, sau đó là sự thiết lập một chính phủ liên hiệp ở Miền Nam VN trong đó đón nhận tất cả các nhóm chính trị, kể cả Việt Cộng.

Người Pháp đã đứng hành động như vai trò liên lạc của Hà Nội với Tây Phương. Mặc dù Nhu sẽ đối diện sự chống đối gay gắt từ các tướng lãnh VNCH đối với bất kỳ thỏa hiệp nào với Miền Bắc, Nhu có thể nghĩ chuyện này khả thi nhờ ủng hộ

từ người Pháp.

Nhà bình luận Joseph Alsop trong bài viết ngày 18-9-1963 trên tờ Washington Post đã làm cho Bạch Ốc thêm quan ngại. Và viết tựa đề “Very Ugly Stuff” (Chuyện Cực Kỳ Xấu Xa), Alsop cáo buộc rằng, lần đầu tiên Nhu thú nhận đã liên lạc với Hà Nội. (34)

Nếu như thế, hành vi của Nhu hứa hẹn hậu quả nghiêm trọng đối với chính sách Mỹ. Nhu nhận định rằng thương lượng Nam-Bắc là rủi ro, nhưng đáng chấp nhận nếu có rủi ro. Làm sao Nhu có thể biết chắc rằng Nhu (và ông anh) sẽ sống sót với sắp xếp mới chứ?

CIA nhận định rằng thống nhất tức khắc là không có vẻ gì được, vì Hà Nội trước đó đã công khai tuyên ngôn ý định sáp nhập Nam VN. Nhưng Bắc VN tất phải kiên nhẫn, và sẽ muốn làm dịu cuộc chiến trước khi Hoa Kỳ tăng sự tham dự.

Sài Gòn có lẽ sẽ có thể chấp nhận ngưng bắn và một vài hình thức của sự trung lập từ sự tự bảo tồn. Nhu đã nói rõ lập trường rồi. Cả công khai và cả nơi riêng tư, Nhu tố cáo Mỹ đã đưa Nam VN vào vị trí thuộc địa. Tuy nhiên, ở một mặt khác, việc Nhu nói rằng có sự ủng hộ của Mỹ đã làm suy yếu những người đối lập với chế độ Diệm tại Nam VN trong khi làm tăng uy tín Nhu.

Bệnh hoang tưởng quyền lực của Nhu đã lộ hẳn ra trong lời khoe khoang rằng duy có Nhu có thể cứu Nam VN. Tôi là “xương sống duy nhất” của cuộc chiến chống Cộng, Nhu khoe với Alsop. “Ngay cả nếu người Mỹ quý vị có rút đi, tôi sẽ vẫn thắng cuộc chiến với cương vị lãnh tụ của phong trào du kích vĩ đại của tôi.”

Cả Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuận và Chánh Văn Phòng Võ Văn Hải (thư ký riêng của Diệm) đều nói rằng Nhu đã hút nha phiến trong hai năm qua, như thế giải thích cho bệnh hoang tưởng về tính vĩ đại của Nhu. (35)

Con lốc những sự kiện đã làm cho mùa thu năm 1963 trở thành thời kỳ nghiêm trọng tại VN. Chế độ Diệm đã gỡ thiết quân luật vào ngày 16-9-1963, nhưng chính sách đàn áp Phật Tử vẫn không ngừng. Trong một bản tin phát thanh cùng ngày,

NLF lên án chế độ Diệm vì đã đàn áp Phật Tử và “tập đoàn Mỹ hiếu chiến” đang tiến “vào một đường hầm không lối ra.” Rằng tất cả những đồng bào Nam VN hãy nổi dậy chống “bọn xâm lược Mỹ và các con chó săn của chúng – gia đình Ngô Đình Diệm.”

Cả những nguồn tin tình báo Mỹ và the Country Team in South Vietnam (cụm từ này có nghĩa: các viên chức Tòa Đại Sứ Mỹ) kết luận rằng những người chống Nhu có mặt ở mọi cấp trong chính phủ, cũng như trong quân đội VNCH và trong giới trí thức thành thị. MACV nhận định rằng các sĩ quan cao cấp nhất của quân lực VNCH bác bỏ vai trò lãnh đạo của Nhu “trong bất kỳ điều kiện nào.”

Nếu những nhận định này là chính xác, hễ Nhu càn hành động, là càn bảo đảm sẽ rơi khỏi quyền lực.

Trang 406:

Đại sứ Lodge đã chính xác khi khẳng định rằng không người Mỹ nào có thể ngăn cản các tướng VNCH để chặn cuộc đảo chánh.

Những lực mạnh mẽ đã thúc giục họ hành động, đáng ghi nhận nhất là việc chính phủ Kennedy đã cắt giảm viện trợ một phần, sự ủng hộ thấy rõ của Lodge, và hậu quả thảm tử chắc chắn xảy ra cho họ nếu có bất kỳ thương lượng nào đạt được giữa Nhu và Hà Nội.

Tướng Tôn Thất Đính về sau giải thích về cuộc đảo chánh trong nhiều cách, trực tiếp nhất là việc Nhu mới liên lạc với Tướng Việt Cộng Văn Tiến Dũng xuyên qua đại diện Ba Lan trong Ủy Hội Kiểm Soát Quốc Tế ICC.

Nhu có vẻ như gần thu xếp xong việc kết thúc cuộc chiến, sẽ giữ gìn được chế độ Diệm, và sẽ tới cao điểm là các bản án tử hình cho những người âm mưu đảo chánh. Giây phút cốt tủy đã tới khi các tướng lãnh chống đối nhận ra nỗi nguy hiểm chết chóc lớn hơn trong việc trì hoãn đảo chánh thay vì tiến hành luôn. (70)

Vào cuối tháng 10-1963, một cuộc đảo chánh lần nữa thấy như dường tất yếu. Đại sứ Lodge báo cáo rằng có ít nhất 10 nhóm nói về chuyện đảo chánh, nhưng nhóm chính yếu, dĩ

nhiên, là các tướng lãnh cao cấp của quân lực VNCH.

Lần này khác một trời một vực với kinh nghiệm hồi tháng 8-1963. Chính phủ Kennedy đã ra dấu hiệu ủng hộ, Tướng Dương Văn Minh và các bạn tướng lãnh của ông có một kế hoạch, và việc Nhu thương thuyết với Hà Nội đã xóa bỏ mọi do dự của họ.

Bạch Ốc nêu chính sách hồi tháng 8-1963 là sẽ ủng hộ các tướng nếu họ thành công và sẽ không bao giờ biết tới nếu họ thất bại. Nhưng tình hình quốc nội và quốc ngoại VN đã suy sụp tệ hại trong 2 tháng qua, tới nỗi một cuộc đảo chánh trở thành một lối khả thi duy nhất cho chính phủ Kennedy để gỡ rối cho quân Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Chỉ có sự thay đổi chính phủ Nam VN, mà Hoa Kỳ có thể tuyên bố có sự tiến bộ cần và đủ trong nỗ lực viện trợ để [rút bớt quân Mỹ và] trở về mức chỉ duy trì cố vấn Mỹ cấp thấp và mức độ viện trợ tương đương hồi đầu năm 1961.

Một lực lượng đặc nhiệm Hoa Kỳ, cả Hải quân và Không quân, đã tiến vào khơi sát bờ biển Nam VN để sẵn sàng di tản người Mỹ. Đại sứ Lodge được lệnh từ chối bất kỳ lời nài nỉ xin giúp nào từ bất kỳ phe nào trong cuộc đảo chánh. Nhu có vẻ như sẵn sàng thương thuyết để đạt thương lượng với Hà Nội. Đối với các tướng lãnh VNCH, bây giờ hoặc sẽ không bao giờ... (71)

HẾT BẢN DỊCH

NOTES

Chú thích cho các trang 310-314:

35. Lodge to Rusk, Aug. 24, 1963, *FRUS*, 3: *Vietnam January–August 1963*, 620–21; President's Intelligence Checklist (sent to Hyannis Port, Mass.), Aug. 24, 1963, *ibid.*, ed. note, 626; Current Intelligence Memorandum, CIA, Aug. 26, 1963, *ibid.*, ed. note, 626.

36. Acting sec. of state to Lodge, Aug. 25, 1963, *FRUS*, 3: *Vietnam January–August 1963*, 635; CIA station in Saigon to

CIA in Washington, Aug. 25, 1963, *ibid.*, 633–34; author’s interview with Hilsman, Sept. 17, 2001; Hammer, *Death in November*, 177; Winters, *Year of the Hare*, 61.

37. Nolting Oral History Interview, 80–81 (May 6, 1970), JFKL; Trueheart Oral History Interview, 1: 53–54, LBJL; Nolting Oral History Interview, 115–16, May 7, 1970, by Joseph E. O’Connor, for JFKL Oral History Program.

38. Mieczyslaw Maneli, *War of the Vanquished* (New York: Harper and Row, 1971), 115, 117–18, 121, 125. A photograph had circulated among the diplomatic corps that suggested an immoral liaison between Maneli and Madame Nhu. Maneli denied both charges, although wittily remarking that “a love affair with as interesting and unusual a woman as Madame Nhu... could only adorn a man’s biography.” *Ibid.*, 112–13. See also Langguth, *Our Vietnam*, 232, and Logevall, *Choosing War*, 6–12. Later exiled from Poland, Maneli came to the United States and taught political science at Queens College in New York. Hammer also emphasizes France’s wish to reestablish its control over Vietnam. See *Death in November*, 222. Dinh told the press that the Diem government “had entered negotiations with the Communists... by contacting the Polish representative on the ICC.” *Policy of the Military Revolutionary Council and the Provisional Government of the Republic of Vietnam* (Saigon: Ministry of Information, 1963), 32. Wason Pamphlet, Department of State Vietnam 373+. Echols Collection: Selections on the Vietnam War.

39. Maneli, *War of the Vanquished*, 121–22; Ho quoted in Hammer, *Death in November*, 221–22.

40. Maneli, *War of the Vanquished*, 127; Hammer, *Death in November*, 223; Lalouette quoted in *ibid.*

41. Maneli, *War of the Vanquished*, 127–28; Hammer, *Death in November*, 223–24; Winters, *Year of the Hare*, 43–44; Duiker, *Ho Chi Minh*, 534. Ho Chi Minh expressed the same peace terms in an interview with Wilfred Burchett that appeared in Moscow’s *New Times* on May 29, 1963. See *FRUS*, 4: *Vietnam August–December 1963*, 85 n. 3.

42. Maneli, *War of the Vanquished*, 128–29, 131, 134.
43. *Ibid.*, 135–37; Hammer, *Death in November*, 220–21.
44. Nhu's first quote in Hammer, *Death in November*, 221; Nhu's second quote in Maneli, *War of the Vanquished*, 138.
45. Remainder of conversation in Maneli, *War of the Vanquished*, 138–39.
47. David Halberstam, "U.S. Problem in Saigon," *New York Times*, Aug. 24, 1963, p. 2; Forrestal to JFK, Aug. 24, 1963, encl.: Ball to Lodge, Aug. 24, 1963, *FRUS*, 3: *Vietnam January–August 1963*, 625; Forrestal to JFK, Aug. 24, 1963, *ibid.*, 627; Hilsman, *To Move a Nation*, 485, 485 n. 1; Newman, *JFK and Vietnam*, 346–51; Kaiser, *American Tragedy*, 231–34.

Chú thích cho trang 344-345:

55. Forrestal to JFK, Aug. 25, 1963, encl.: Lodge to Rusk and Hilsman, CAS (Controlled Action Source or CIA) station 292, Aug. 24, 1963, NSF, Countries— Vietnam, box 198A, JFKL; Ball to Lodge, Aug. 25, 1963, *ibid.*; Hilsman, "McNamara's War," 157.
56. William Colby, *Lost Victory: A Firsthand Account of America's Sixteen-Year Involvement in Vietnam* (Chicago: Contemporary Books, 1989), 138; Taylor, *Swords and Plowshares*, 292–94; Rust, *Kennedy in Vietnam*, 119; Hilsman, *To Move a Nation*, 487–88; memo for record by Krulak, Aug. 24, 1963, *FRUS*, 3: *Vietnam January–August 1963*, 630–31; Gilpatric Oral History Interview, 1: 5–6, LBJL; Hilsman, "McNamara's War," 157; Halberstam, *Best and the Brightest*, 263–64.
57. First JFK quote in Reeves, *President Kennedy*, 567; second JFK quote in Rust, *Kennedy in Vietnam*, 119.
58. Ball's interview of 1988 quoted in Winters, *Year of the Hare*, 57; Rust, *Kennedy in Vietnam*, 119–20; Ball, *Past Has Another Pattern*, 370, 372; Hilsman Oral History Interview, 31, 34–35, JFKL; Colby, *Lost Victory*, 138.
59. Hilsman Oral History Interview, 35, JFKL; Hilsman, "McNamara's War," 158; Schlesinger, *Thousand Days*, 825;

Schlesinger, *Robert Kennedy and His Times*, 745–46.

60. Memo for record of meeting at White House, Aug. 26, 1963, *FRUS*, 3: *Vietnam January–August 1963*, 638–39, 639 n. 5; Hilsman memo of meeting, Aug. 26, 1963, Vietnam: White House Meetings, Hilsman Papers, box 4, JFKL. Those present included Rusk, McNamara, Taylor, Ball, Harriman, Gilpatric, CIA Deputy Director General Marshall Carter, Helms of the CIA, Hilsman, William Bundy, Forrestal, and Krulak.

61. Taylor quoted in Rust, *Kennedy in Vietnam*, 114; Memo for record of meeting at White House, Aug. 26, 1963, *FRUS*, 3: *Vietnam January–August 1963*, 639; Hilsman memo of meeting, *ibid.*, 639 n. 7; Joint Chiefs of Staff to Felt, Aug. 27, 1963, *ibid.*, 639 n. 7; Hilsman Oral History Interview, 34, JFKL.

Chú thích cho trang 362-364:

33. Research memo from Hughes to Rusk, Sept. 11, 1963, NSF, Countries—Vietnam, boxes 200–201, JFKL; memo to Bundy from Robert Neumann, Sept. 15, 1963, *ibid.*; Lodge to Rusk, Sept. 13, 1963, *FRUS*, 4: *Vietnam August–December 1963*, 203; memo of telephone conversation between Harriman and McCone, Sept. 13, 1963, *ibid.*, 204; Saigon embassy to Rusk, Sept. 12, 1963, *ibid.*, 204 n. 4.

34. Memo from Chester Cooper, chair of CIA's Working Group on Vietnam, to McCone, Sept. 19, 1963, NSF, Countries—Vietnam, boxes 200–201, JFKL; memo for McCone, Sept. 26, 1963, *FRUS*, 4: *Vietnam August–December 1963*, 295–96.

35. CIA memo from Ray Cline, deputy director of intelligence, for Bundy, Sept. 26, 1963, NSF, Countries—Vietnam, boxes 200–201, JFKL; Hughes to Rusk, Sept. 15, 1963, *ibid.*; Nhu quoted in “Victory in Defeat?” *Newsweek*, Sept. 30, 1963, p. 38.

Chú thích cho trang 406:

70. Lodge to Rusk, no. 973, Nov. 8, 1963, NSF,

Countries—Vietnam, boxes 202–3, JFKL; McGeorge Bundy to Lodge, Oct. 30, 1963, *FRUS*, 4: *Vietnam August–December 1963*, 500–501; Dinh’s claim to secret negotiations between Nhu and Hanoi in Seth S. King, “Hanoi Problems Said to Increase,” *New York Times*, Nov. 10, 1963, p. 4.

71. Gravel, ed., *Pentagon Papers*, 2: 260, 264; Bundy to Lodge, CAS 79109, Oct. 30, 1963, *ibid.*, 783; Bundy to Lodge, Oct. 30, 1963, *FRUS*, 4: *Vietnam August–December 1963*, 502.

ĐIỆN VĂN 68 NGÀY 6-9-1963: NHU LẬP DANH SÁCH ÁM SÁT VIÊN CHỨC MỸ



(LỜI NGƯỜI DỊCH: Điện văn 68 do tình báo Mỹ từ Sài Gòn gửi về Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ, đề ngày 6 tháng 9-1963 — tức là gần 3 tháng sau ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân, và 2 tuần sau ngày ba mẹ bà Nhu là ông bà Trần Văn Chương từ chức Đại sứ VN tại Mỹ và từ chức Quan sát viên VNCH ở LHQ — kết hợp 2 bản phúc trình tình báo, cho thấy tình hình như sau:

- Ông bà Nhu công khai bày tỏ lòng căm thù Mỹ qua lời nói và bài viết;
- Khiêm, em bà Nhu, được giao chỉ huy một đơn vị cảnh sát đặc biệt cho bà Nhu;
- Nhu lập danh sách để dự tính sẽ ám sát các viên chức Mỹ;
- Một bài viết trên báo quốc doanh VNCH tố cáo Mỹ/CIA âm mưu đảo chánh, và bà Nhu tự nhận là đã viết hầu hết các phần trong bài đó;
- Bà Nhu nhiều lần công khai chê ông Diệm yếu đuối, dựa vào bà để chống Cộng.

Như thế, qua điện văn 68, chúng ta có thể thấy:

- chức cố vấn của ông Nhu, chức Dân biểu của bà Nhu đã có quyền chỉ huy cả quân đội, cảnh sát, tự lập đơn vị mật vụ riêng, bất kể Hiến pháp và Quốc hội;

- công khai xem Mỹ là kẻ thù, sử dụng biện pháp côn đồ là lập danh sách ám sát, cho dù chỉ là hù dọa cũng đã vi phạm công pháp quốc tế về quyền đặc miễn ngoại giao, và là tội chủ mưu sát nhân. Khi đã ngang ngược với Mỹ như thế, có thể hiểu là nhà Ngô ám sát các nhà đổi lập VN là chuyện nhỏ - như đã ám sát các chức sắc Phật Giáo Hòa Hảo, xem <http://tinyurl.com/HoangNamGiao-PGHH>; hay ám sát chức sắc Cao Đài, xem <http://tinyurl.com/HoangNamGiao-CaoDai>;
- với hành vi của bà Nhu kiểu đối xử với người lớn trong nhà như chửi cha, mắng mẹ, chê anh... như thế, thì người dân bình thường bị đối xử ra sao?

Đính kèm dưới đây là bản gốc bằng Anh ngữ. Dịch toàn văn bởi Cư sĩ Nguyên Giác.)

BẢN DỊCH

68. Bản Ghi Nhớ từ Giám Đốc Phòng Tình Báo và Nghiên Cứu (Thomas Hughes) Trình Lên Ngoại Trưởng Hoa Kỳ (1)

Washington, ngày 6 tháng 9-1963

ĐỀ TÀI: Mưu tính của ông bà Ngô Đình Nhu

Hai bản phúc trình tình báo nhận được hôm nay (2) cho thấy thái độ căm ghét và coi thường mà ông Ngô Đình Nhu, vợ ông và các thuộc hạ thân tín của gia đình họ Ngô bày tỏ đối với Hoa Kỳ khởi phát từ các diễn biến mới đây ở Nam Việt Nam.

1. Bản phúc trình đầu tiên (TDCS DB-3/656,446) liên hệ tới một cuộc phỏng vấn người em của bà Nhu, ông Trần Văn Khiêm, vào ngày 31-8-1963 thực hiện bởi Denis Warner, một phóng viên người Úc khá tin. Warner thông báo cho một viên chức Mỹ rằng Khiêm đưa cho xem một danh sách các nhân viên Hoa Kỳ trong Tòa Đại Sứ Mỹ, USIS (Sở Thông Tin Hoa Kỳ), USOM (Sở Công Tác Hoa Kỳ), và MACV (Trung Tâm Viện Trợ Quân Sự Tại VN) mà ông ta đang lên kế hoạch ám sát. Warner nói rằng, việc ám sát người Mỹ sẽ dẫn tới việc Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ ngay trong vòng vài giờ, và Khiêm

trả lời rằng đang có 20,000 chiến binh VN đóng ở Sài Gòn để đối phó chuyện đó. Tuy nhiên, Khiêm lộ về ấn tượng khi Warner trả lời tiếp rằng một sư đoàn lính TQLC Mỹ sẽ nhanh chóng quét sạch bất kỳ lực lượng chống đối nào.

Chúng tôi không nghĩ rằng chính phủ VN lúc này muốn làm những chuyện như thế đối với các viên chức Hoa Kỳ. Tuy nhiên, chúng tôi có thể dự kiến rằng chiến dịch chống Mỹ hiện nay như đã thấy trên báo chí quốc doanh và trong các bản tuyên bố chính thức sẽ vẫn tiếp diễn; những cuộc tụ họp hay biểu tình chống Mỹ cũng có thể tiếp tục. Khiêm là em của bà Nhu, và cha của y là ông Trần Văn Chương, cựu Đại sứ Mỹ tại Hoa Kỳ, đã chỉ trích y là bất tài, tham nhũng và hèn nhát. Lần gần nhất chúng tôi nghe về Khiêm là ngày 11 tháng 8-1963, khi Thuần (Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống) thông báo với Đại sứ Nolting rằng bà Nhu trước đó đã tổ chức một biệt đội cảnh sát riêng của bà, chỉ huy bởi Khiêm. Thuần tuyên bố rằng bản thân Nhu có thể cũng liên hệ vụ sắp xếp biệt đội đó. Nolting sau đó nêu điểm này ra với ông Diệm, và ông Diệm bác bỏ chuyện đó. Bản phúc trình trên cho thấy rằng Khiêm có thể thực sự có một số trách nhiệm “an ninh đặc biệt” và rằng, hoặc Diệm nói dối, hoặc không được thông báo diễn tiến đó.

2. Bản phúc trình thứ nhì (TDCS DB-3/656,445) liên hệ tới bài viết ngày 2 tháng 9-1963 trên báo *Times of Vietnam* (3) trong đó cáo buộc Mỹ, và đặc biệt là Sở Tình Báo Trung Ương CIA, âm mưu kích động một cuộc đảo chánh. Vào ngày 5 tháng 9-1963, Đệ Nhất Thư Ký của Tòa Đại Sứ Đức Quốc -- được chuyển thông tin từ một phóng viên báo *Der Spiegel* người trước đó đã phỏng vấn bà Nhu -- nói với một viên chức Mỹ rằng bà Nhu nhìn nhận bà đã viết hầu hết, nếu không phải toàn bộ, bài báo đó. Có tin là bà cũng đã tuyên bố rằng hầu hết các rắc rối của Nam VN là do từ cách tường thuật tin tức sai lạc của báo chí Mỹ và từ sự can thiệp của người Mỹ. Bà cũng cáo buộc rằng Đại Sứ Lodge đang lên kế hoạch gỡ bỏ bà hay ám sát bà. Bà thêm rằng Diệm quá yếu đuối và lệ thuộc vào bà để có hỗ trợ và sức mạnh nhằm thực hiện cuộc chiến chống Cộng và các kẻ thù khác.

Chúng tôi nghi ngờ rằng bài viết trên tờ *Times of Vietnam* (Việt Nam Thời Báo) được viết, hay ít nhất là được gợi ý, bởi ông bà Nhu. Dĩ nhiên, bà Nhu biết rằng chúng ta muốn bà ra đi, và bà có lẽ cảm thấy rằng bà sẽ là mục tiêu chính trong bất kỳ nỗ lực đảo chánh nào nhắm vào chế độ. Lời tuyên bố của bà về ông Diệm gợi nhớ những lời tuyên bố công khai tương tự bà đã nói khoảng một tháng trước, và là lời đụng chạm ông Diệm ở điểm rất mực nhạy cảm.

NOTES:

¹ Nguồn: Library of Congress, Harriman Papers, Vietnam-Policy. Mật; Hạn chế phổ biến; Không phổ biến cho người ngoại quốc/không phổ biến ra ngoài Hoa Kỳ/Chỉ dùng để khảo sát. Điện văn soạn bởi Allen S. Whiting, Giám Đốc Sở Nghiên Cứu và Phân Tích về Viễn Đông, và Leo G. Sarris của Sở này.

² Cả hai đều đề ngày 5 tháng 9, cả hai đều chưa được in. (Kennedy Library, National Security Files, Vietnam Country Series, CIA Cables)

³ Vào ngày 2 tháng 9, tờ *Times of Vietnam* in một bài ở trang nhất dưới tựa đề “CIA Financing Planned Coup D'Etat” (CIA Tài Trợ Một Âm Mưu Đảo Chánh) trong đó có nội dung chính nói rằng CIA kết hợp với Việt Cộng chi nhiều triệu đôla để tìm cách lật đổ chính phủ Diệm vào ngày 28-8-1963. Xem Mecklin, *Mission in Torment*, các trang 201-203, về vai trò của báo *Times of Vietnam* và quyền Chủ Bút là Ann Gregory trong chính trị VN.

NGUYỄN VĂN: →

122 Foreign Relations, 1961-1963, Volume IV

68. **Memorandum From the Director of the Bureau of Intelligence and Research (Hughes) to the Secretary of State¹**

Washington, September 6, 1963.

SUBJECT

State of Mind of the Nhus

Two intelligence reports received today² reflect the heightened contempt which Ngo Dinh Nhu, his wife, and other close confidants of the Ngo family hold for the United States as a result of recent developments in South Vietnam.

1. The first report (TDCS DB-3/656,446) relates to an interview of Madame Nhu's brother, Tran Van Khiem, on August 31 by Denis Warner, a reliable Australian correspondent. Warner informed an American official that Khiem showed him a list of United States Embassy, USIS, USOM, and MACV personnel he was planning to assassinate. Warner indicated that the assassination of Americans would result in the landing of United States Marines within hours to which Khiem replied that there are 20,000 Vietnamese troops in Saigon to meet this eventuality. However, Khiem seemed impressed with Warner's counter that a division of Marines would quickly wipe out any opposing forces.

We do not think that the Vietnamese Government would at this time sanction such acts against American officials. However, we can expect that the current anti-American campaign as reflected in the government-controlled press and in official statements will continue; anti-American rallies or demonstrations are also possible. Khiem is the brother of Madame Nhu, and his own father, the former Vietnamese Ambassador to Washington, Tran Van Chuong, has denounced him as incompetent, corrupted, and cowardly. The last we have heard of Khiem was on August 11 when Secretary of State for the Presidency Thuan informed Ambassador Nolting that Madame Nhu had organized her own secret police squad headed by Khiem. Thuan stated that Nhu himself was possibly also involved. Nolting subsequently raised this point with Diem—the latter denied it flatly. The above report

¹ Source: Library of Congress, Harriman Papers, Vietnam—Policy. Secret; Limit Distribution; No Foreign Dissem/No Dissem Abroad/Background Use Only. Drafted by Allen S. Whiting, Director of the Office of Research and Analysis for the Far East, and Leo G. Sarris of that office.

² Both dated September 5, neither printed. (Kennedy Library, National Security Files, Vietnam Country Series, CIA Cables)

Reassessment in Washington; Inaction in Saigon 123

would indicate that Khiem may actually have some "special security" responsibilities and that Diem was either lying or had been kept ignorant of the development.

2. The second report (TDCS DB-3/656,445) relates to the September 2 article in *Times of Vietnam*³ which charged the United States, and specifically the Central Intelligence Agency, with an attempt to inspire a coup. On September 5, the First Secretary of the German Embassy, passing on information given to him by a *Der Spiegel* correspondent who had interviewed Madame Nhu, told an American official that Madame Nhu admitted she had written most, if not all, of the article. She is reported to have also stated that most of South Vietnam's troubles resulted from false reporting by the American press and from American interference. She even charged that Ambassador Lodge was planning to have her removed or murdered. She added that Diem was too weak and was dependent upon her for support and strength to carry out the struggle against the Viet Cong and other enemies.

We have suspected that the *Times of Vietnam* article was written, or at least inspired, by the Nhuses. Of course, Madame Nhu is aware that we want her to leave, and she probably feels she would be a main target in any coup attempt against the regime. Her statement on Diem recalls a similar public statement of hers about a month ago and one which touched Diem on a very sensitive point.

³ On September 2 the *Times of Vietnam* published a front-page story under a headline entitled "CIA Financing Planned Coup D'État," which had as its central premise that the CIA in conjunction with the Viet Cong spent millions of dollars to try to overthrow the Diem government on August 28. See Mecklin, *Mission in Torment*, pp. 201-203, regarding the role of the *Times of Vietnam* and its acting editor, Ann Gregory, in Vietnamese politics.

**MỸ: LÍNH VÀ DÂN VIỆT NAM PHẢN NỘ,
ÁP CHIẾN LƯỢC TRÌ TRỆ, VNCH SẼ SỤP VÌ NHU**
Cư sĩ Nguyễn Giác dịch



**Foreign Relations of the United States, 1961–1963
Volume IV, Vietnam, August–December 1963, Document
110**

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Hồ sơ tối mật này được cơ quan tình báo Mỹ trình lên Ngoại Trưởng Hoa Kỳ vào ngày 15-9-1963, hơn 3 tuần sau ngày ông Ngô Đình Nhu chỉ huy trận tổng tấn công các chùa, cho thấy tình hình sau:

- Tổng Thống **Ngô Đình Diệm trở thành búp bê của Nhu;**
- Nhu đã bêu xấu, đẩy các nhân sự tài năng và trung thành xa khỏi ông Diệm;
- Nhu chỉ huy Mật Vụ và Lực Lượng Đặc Biệt, giải hệ thống mật báo khắp nơi;
- Nhu dựng **chứng cứ ngụy tạo, chụp mũ Phật Tử là Cộng sản;**
- Nhu căm thù Mỹ, tố Mỹ cấu kết với thực dân, phong kiến để biến VN thành vệ tinh;
- Nhu nói **phải chống Mỹ, bắt tay với Hà Nội, làm quân đội Nam VN mất tinh thần;**
- Chương trình áp chiến lược trì trệ suốt 3 tháng liền;

- Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy Dù VNCH, và Chánh văn phòng của ông Diệm nói **Nhu phải đi**;
- Nhu hút thuốc phiện nhiều năm, và đã **hoang tưởng tâm thần**;
- Lòng dân VN căm thù Nhu, và CS sẽ **chiến thắng nếu còn Nhu lãnh đạo Nam VN**.

Cuối bản dịch sẽ đính kèm bản scan. Bản dịch thực hiện bởi Cư sĩ Nguyễn Giác.)

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH

110. Bản ghi nhớ từ Giám Đốc Sở Tình Báo và Nghiên Cứu (Thomas Hughes) trình lên Ngoại Trưởng (1)

Washington, ngày 15 tháng 9 năm 1963

ĐỀ TÀI Vấn đề ông Nhu

Ngô Đình Nhu đã đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện cuộc chiến chống lại Việt Cộng. Ông là lực năng động phía sau chương trình áp chiến lược. Ông đã ảnh hưởng lớn tới việc phối trí các khái niệm quân sự VN từ chiến tranh quy ước tới phản du kích chiến. Ông đã lập ra các đoàn thể để kích động thanh niên và các giới khác với ý thức chính trị.

Tuy nhiên, kể từ ngày 8 tháng 5-1963 (LND: Khi Phật Tử bị chính quyền Huế nổ súng và ném lựu đạn, làm chết 9 người trong đó có một số thiếu niên, xem: <http://tinyurl.com/HoSoMat>), Nhu đã trở thành một yếu tố chủ chốt làm **bi thảm cuộc tranh chấp Phật Giáo trở và là nguyên nhân của cuộc khủng hoảng công quyền tiềm ẩn cơ nguy bùng nổ**. Vì các lý do nêu sau đây, Nhu là trở ngại lớn cho bất kỳ giải pháp chân thực nào đối với khủng hoảng này.

Nhu kiểm soát ông Diệm

Nhu nắm ông Diệm với ảnh hưởng tràn ngập, bắt

khả thay đổi. Nhu đã bêu xấu, vô hiệu hóa, hay gỡ bỏ nhiều cố vấn tài giỏi và trung thành với Diệm. *Nguyễn Đình Thuần*, Bộ Trưởng Tổng Thống Phủ, nói Nhu là người duy nhất ông Diệm tin tưởng. *Võ Văn Hải*, Chánh văn phòng của Diệm và là thẩm quyền khả tín nhất trong giới làm việc ở Phủ Tổng Thống, đồng ý với Thuần rằng Nhu nói thay cho Diệm trong các buổi họp, viết thư trả lời báo chí thay cho Diệm, và **biến Diệm trở thành tiếng vọng cho quan điểm riêng của Nhu.**

Do vậy, Diệm tin lời Nhu kết tội rằng vấn đề Phật giáo căn bản là do Việt Cộng gây ra. Điều này **làm mất uy tín của Diệm trong mắt những người ủng hộ trung thành của Diệm.** *Vũ Văn Mẫu*, cựu Bộ Trưởng Ngoại Giao VNCH, và Tướng *Lê Văn Kim*, quyền Phó Tham Muu Trưởng quân lực VNCH, nói rằng Nhu bây giờ là sức mạnh khổng lồ ở Nam VN. Bản đánh giá tình hình do Tòa Đại Sứ Mỹ thực hiện kết luận rằng trong các cấp lãnh đạo chính phủ cũng như lãnh đạo ở cấp tỉnh và huyện, cùng nhận ra rằng **quyền lực thực sự trong tay Nhu, chứ không phải ở Diệm.** Thêm nữa, bản đánh giá chỉ ra ngày càng thêm nhiều người thấy rằng Diệm không sẵn lòng cho Nhu về vườn, với một vài nhóm ngờ vực rằng Diệm có thể không cai trị lâu thêm chút nào nếu không có Nhu.

Quyền Lực Riêng của Nhu: Mật Vụ và Lực Lượng Đặc Biệt

Nhu cũng có nguồn quyền lực riêng. Nhu chỉ huy mật vụ và Cần Lao, một đoàn thể kiểm soát chính trị nửa bí mật nửa công khai. Hệ thống mật báo viên tràn ngập trong công quyền, quân đội và các tổ chức ngoài chính phủ quan trọng. **Hệ thống do thám của Nhu gây ra nỗi sợ và căm thù xuyên khắp các nhóm này.** Sức mạnh của Nhu trong việc bêu xấu uy tín đối thủ đã dẫn tới việc đẩy ra các nhân sự tận tâm và tài năng.

Nhu kiểm soát Lực Lượng Đặc Biệt của quân đội, mà đơn vị này, cùng với đạo binh mật vụ, đã hành động theo lệnh Nhu trong các trận tấn công các chùa, bắt giữ các nhà sư, các sinh viên, và những người đối lập, và trong việc ngụy tạo ra “chứng cứ” để “chứng tỏ” có một âm mưu Cộng sản phía sau các nhóm bị Nhu chống phá. Chính các hành động như thế đã

làm cay đắng thêm những căng thẳng đương hữu tới mức cận kề nổi loạn.

Nhu căm thù Hoa Kỳ

Nhu đã thực hiện một chiến dịch cay độc chống Mỹ, cả công khai và bí mật. Nhu đã **tố cáo Mỹ âm mưu với “bọn thực dân” và “bọn phong kiến” để biến Nam VN làm một vệ tinh [cho Mỹ].** Nhu đã phóng ra các bản tin **rằng một số viên chức Hoa Kỳ cụ thể đã nằm trong danh sách sẽ bị Nhu ám sát.** Nhu đã thường xuyên nói rằng hiện diện Hoa Kỳ phải giảm bớt vì như thế đe dọa nền độc lập của Nam VN. Nhu đã liên tục nói dối với Đại sứ Mỹ và Trưởng phòng CIA tại Sài Gòn về vai trò của Nhu trong các diễn biến từ sau ngày 8 tháng 5-1963.

Tình hình đó đã làm thiệt hại vị trí của chúng ta tại Nam VN. *Đại tá Lạc*, người trách nhiệm thực hiện chương trình ấp chiến lược, nhận định rằng tiến trình này đã chậm lại trong ba tháng qua vì thái độ chống Mỹ của “một số phần tử” tại Sài Gòn. Cùng lúc đó, **Nhu lại khoe khoang rằng Nhu nắm giữ các ủng hộ căn bản từ Hoa Kỳ -- để vừa làm khựng lại các đối thủ của Nhu và làm tăng uy tín của Nhu bằng cách bêu xấu các viên chức cao cấp.**

Quan hệ của Nhu với Bắc VN.

Nhu nói trong chỗ riêng tư rằng nếu Mỹ cắt viện trợ, Nhu sẽ tìm giúp đỡ từ nơi khác. Nếu điều đó lại hỏng, **Nhu khẳng định là Nhu sẽ thương thuyết một thỏa hiệp với Hà Nội.** Nhu đã thuyết phục cả các nhà quan sát ngoại quốc và người Việt rằng viễn ảnh đó nhiều phần sẽ xảy ra. Các bản phúc trình nói rằng Nhu đã liên lạc với Hà Nội là rất khả tín và lan rộng tới mức thực tế **đã làm suy giảm tinh thần quân đội và giới công chức,** bất kể sự chính xác hiện nay [của các bản phúc trình].

Nhu có khả năng để tin rằng Nhu có thể lèo lái tình hình để làm lợi cho Nhu, dù là qua việc chiến đấu chống Cộng hay thương thuyết với Cộng sản. Trạng thái tâm thần hoang tưởng của Nhu đã hiển lộ trong lời **Nhu khoe khoang là chỉ có Nhu mới có thể cứu Việt Nam.** Cả *Nguyễn Đình Thuận* và *Võ Văn Hải* xác nhận rằng **Nhu hút thuốc phiện trong hai năm qua,**

cho thấy giải thích một phần về trạng thái tự tin quá độ và hoang tưởng quyền lực của Nhu.

Người dân Việt muốn Nhu về vườn

Theo lời Tướng Paul Harkins (Tư Lệnh MACV), cả về những cảm xúc và thực trạng tại Nam VN đã **phân cực mạnh mẽ và đều chống lại ông bà Nhu**. Tướng Harkins tin rằng Nam VN sẽ “tồn tại và thịnh vượng” nếu ông bà Nhu ra đi và ông Diệm vẫn giữ chức Tổng Thống. Chúng tôi (Sở Tình Báo và Nghiên Cứu -- Director of the Bureau of Intelligence and Research) đồng ý hoàn toàn với quan điểm của Tướng Harkins về ông bà Nhu.

Tướng Victor Krulak (Phụ Tá Đặc Biệt về Chống Nổi Dậy, Bộ Tổng Tham Mưu Hoa Kỳ) báo cáo rằng việc Nhu ra đi **sẽ được hoan hô bởi các sĩ quan quân đội**. Tướng Krulak được Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn Nhảy Dù VN nói về sự căm ghét giận dữ với Nhu. *Đại tá Lạc* nói rằng Nhu sẽ không đứng nổi 24 giờ nếu Mỹ nói rõ rằng Mỹ không chấp nhận tình hình này. *Trần Quốc Bửu*, chỉ huy tổ chức Công Đoàn lớn nhất ở VN, nói rằng **các đoàn viên của ông tin rằng Nhu phải ra đi**. Bửu sợ rằng nếu Nhu chiến thắng được từ cuộc khủng hoảng hiện nay, những sai lầm tai hại tất xảy ra, cho phép Cộng quân chiếm được toàn bộ VN. Võ Văn Hải tin rằng **Diệm không có thể tìm lại được niềm tin của dân chúng khi nào Nhu còn trong chính phủ**.

Chúng tôi đồng ý với bản đánh giá tình hình của Tòa Đại Sứ rằng (1) **Nhu bị căm ghét, bị căm thù, bị sợ hãi, và bị bất tín** ở mọi cấp trong công quyền, trong quân đội và trong giới trí thức thành thị, và (2) cảm xúc **chống Nhu đã lan rộng, đã kéo dài bấy giờ đang dày đặc thêm** và cô đọng để trở thành những lời quy lỗi cho các biện pháp đàn áp của chế độ. Chúng tôi cũng đồng ý với bản lượng định MACV rằng nhiều sĩ quan cao cấp như dường được thuyết phục rằng Nhu có thể thương lượng với Hà Nội và “*đại đa số trong quân đội không thể chấp nhận Nhu vào cấp lãnh đạo Nam VN trong bất kỳ điều kiện nào.*”

GHI CHÚ:

(¹) Nguồn: Thư Viện Kennedy Library, Hồ sơ An ninh Quốc gia, Vietnam Country Series, Kế hoạch Hành động. Tối Mật; Chỉ Đọc Thôi. Cũng đã đưa vào Hồ Sơ Giải Mật, 1982, 593 A.

HẾT BẢN DỊCH

Đính kèm nguyên văn Bản Ghi Nhớ 110, gồm bốn trang 212, 213, 214 và 215

110. Memorandum From the Director of the Bureau of Intelligence and Research (Hughes) to the Secretary of State¹

Washington, September 15, 1963.

SUBJECT

The Problem of Nhu

Ngo Dinh Nhu has played a key role in prosecuting the war against the Viet Cong. He has been the dynamic force behind the strategic hamlet program. He has significantly influenced the re-orientation of Vietnamese military concepts from conventional to counter guerrilla warfare. He has developed mass organizations to infuse the youth and others with political consciousness.

Since May 8, however, Nhu has become the primary factor exacerbating the Buddhist controversy and is the cause of a potentially explosive governmental crisis. For the reasons listed below, he is the major obstacle to any genuine resolution of this crisis.

¹ Source: Kennedy Library, National Security Files, Vietnam Country Series, Action Plan. Top Secret; Eyes Only. Also published in *Declassified Documents*, 1982, 593 A.

His Hold on Diem

Nhu exercises an overriding, immutable influence over Diem. He has discredited, neutralized, or caused the removal of many competent and loyal advisors to Diem. Nguyen Dinh Thuan, Secretary of State for the Presidency, claims Nhu is the only person whom Diem trusts. Vo Van Hai, chief of Diem's private cabinet and the most reliable authority on the inner workings of the Presidency, agrees with Thuan that Nhu speaks for Diem at meetings, writes Diem's responses to press queries, and has reduced Diem to echoing his own views.

As a result Diem believes Nhu's charge that the Buddhist problem is basically Viet Cong created. This has degraded Diem in the eyes of his loyal supporters. Vu Van Mau, former Foreign Minister, and General Le Van Kim, deputy acting chief of the armed forces, claim Nhu is now the dominant power in South Vietnam. Our Country Team assessment concludes that at top echelons of government as well as among provincial and district officials, the consensus is that actual power rests with Nhu rather than Diem. Moreover the assessment points to the spreading conviction that Diem is unwilling to dismiss Nhu, with some groups doubting Diem is even able to rule any longer without him.

Nhu's Independent Power: Secret Police and Special Forces

Nhu also has independent sources of power. He directs the secret police and the Can Lao, the semicovert political control organization. This apparatus of informants permeates bureaucratic, military, and key non-governmental groups. Nhu's surveillance system generates fear and hatred throughout these groups. His power to discredit opponents has led to the removal of competent and dedicated personnel.

Nhu controls the army's Special Forces which, together with the secret police, act as his agents in raids on pagodas, arrests of monks, students, and oppositionists, and the manufacture of "evidence" to "prove" the Communist conspiracy behind these disaffected groups. It is such actions which have exacerbated existing tensions to the point of near revolt.

His Hatred of the United States

Nhu has conducted a virulent public and private anti-American campaign. He has accused the United States of plotting with "colonialists" and "feudalists" to turn South Vietnam into a satellite. He has spread reports that specific United States officials are marked for assassination. He has frequently claimed that the American presence must be reduced because it threatens South Vietnam's independence. He has repeatedly lied to our Ambassador and the CAS station chief concerning his role in developments since May 8.

214 Foreign Relations, 1961-1963, Volume IV

This has impaired our position in South Vietnam. Colonel Lac, responsible for implementing the strategic hamlet program, claims that progress has slowed in the last three months because of the anti-American attitude of "certain elements" in Saigon. At the same time, Nhu's boast that he commands the basic support of the United States both inhibits his opponents and expands his prestige by humiliating high officials.

His Relations With North Vietnam

Nhu has claimed privately that should United States aid be cut he would seek help elsewhere. Should that fail, Nhu asserts he would negotiate a settlement with Hanoi. Nhu has convinced both Vietnamese and foreign observers that such a prospect is likely. Reports that Nhu is already in contact with Hanoi are so credible and widespread as eventually to undermine morale in the army and bureaucracy, regardless of their current accuracy.

Nhu is capable of believing he could manipulate the situation to his advantage, whether through fighting or negotiating with the communists. His megalomania is manifest in his claim that only he can save Vietnam. Both Nguyen Dinh Thuan and Vo Van Hai testify to Nhu's opium smoking during the past two years, providing at least partial explanation for his excess of self-confidence and fantasies of power.

The Vietnamese Want Nhu Out

According to General Harkins, both sentiment and reality in South Vietnam have polarized strongly and properly against the Nhus. He believes that the country would "survive and flourish" with them gone and Diem still President. We concur fully in General Harkins' view of the Nhus.

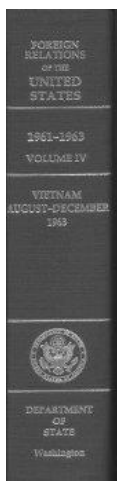
General Krulak reports that Nhu's departure would be hailed by military officers. He was told by the Vietnamese Airborne Brigade Commander of strong dissatisfaction with Nhu. Colonel Lac indicated that Nhu would not last 24 hours if the United States made clear it would not tolerate this situation. Tran Quoc Buu, head of the largest labor organization in Vietnam, claims that his followers believe that Nhu must go. He fears that should Nhu emerge victorious from the present crisis, worse blunders will ensue, permitting an eventual Communist takeover. Vo Van Hai believes that Diem cannot regain the confidence of his people so long as Nhu remains.

We agree with the Country Team assessment that (1) Nhu is disliked, hated, feared, or distrusted at all levels in the bureaucracy, the military establishment and urban elite circles, and (2) longstanding and widespread anti-Nhu feelings have now intensified and crystal-

lized into blame for the regime's repressive measures. We also agree with the MACV assessment that many top level military officers seem convinced that he could deal with Hanoi and the "great bulk of the military cannot accept Nhu as leader of South Vietnam under any conditions".

**ĐIỆN VĂN 118:
THÂN PHỤ & THÂN MẪU BÀ NHU
KÊU GỌI LẬT ĐỔ NHÀ NGÔ**

Foreign Relations of the United States,
1961–1963 Volume IV, Vietnam, August–December 1963,
Document 118



(LỜI NGƯỜI DỊCH: Bản Ghi Nhớ này, từ các hồ sơ đã giải mật, viết bởi Paul M. Kattenburg, Phó Giám Đốc Đông Nam Á Sự Vụ tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Cuộc nói chuyện này diễn ra 3 tuần sau khi LS Trần Văn Chương (thân phụ của bà Nhu) từ chức Đại sứ VN tại Hoa Kỳ và bà Trần Văn Chương (thân mẫu của bà Nhu) từ chức Quan sát viên VNCH tại LHQ.

Ghi nhận từ lời bà Chương nói với Kattenburg các điểm sau:

- Toàn dân Việt Nam đều căm ghét chế độ ông Diệm;
- Bà Chương đã tổ chức biểu tình chống nhà Ngô trước Tòa Bạch Ốc;
- Bà Chương kêu gọi cộng đồng Việt khi thấy bà Nhu là lầy xe tông liên, nếu không thì cũng nên ném trứng và cà chua;
- Bà Chương gọi bà Nhu là “đồ quỷ vật” (monster), gọi ông Nhu là “hung nô” (un barbare) và gọi ông Diệm là kẻ bất tài (incompetent);

- Ông Chương và nhiều nhà hoạt động đang bàn tính về một chính phủ lưu vong để lật đổ nhà Ngô.

Bản điện văn 118 kèm với bản dịch này. Bản Việt dịch thực hiện bởi Cư sĩ Nguyên Giác.)

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH

118. Bản Ghi Nhớ về Cuộc Nói Chuyện giữa Giám Đốc Nhóm Vietnam Working Group (Paul Kattenburg) và Bà Trần Văn Chương (1)

Hoa Thịnh Đón, ngày 16-9-1963, lúc 8 giờ tối

Bà Chương (ND: thân mẫu của bà Nhu) gọi tôi nhiều lần trong ngày, và bảo tôi tới thăm ngôi nhà mới của bà để bàn một “vấn đề rất quan trọng” đối với bà. Khi tôi tới đó lúc 8 giờ tối, tôi thấy một mình bà thôi. Tôi không thấy ông Đại sứ Trần Văn Chương, dù ông đã gọi tôi hồi sáng về một vấn đề liên hệ.

Chính phủ Bí mật

Bà Chương nói với tôi bằng giọng ảm mật rằng “nhiều người Việt từ tất cả các phía” đã yêu cầu chồng bà hãy lãnh đạo một chính phủ đoàn kết quốc gia. Khi tôi hỏi cụ thể tên người, bà nhắc tới tên ông Nguyễn Tôn Hoàn (Đại Việt, Paris), Phạm Huy Cơ (lưu vong, Paris), và sau đó có Bùi Văn Thịnh (cựu Bộ Trưởng Nội Vụ và Đại sứ VN tại Nhật Bản).

Bà nói rằng chồng bà không bao giờ muốn dính vào “chính trị lưu vong” nhưng bây giờ áp lực vào vợ chồng bà quá lớn từ quá nhiều người Việt để phải âm điều gì mà bà đang xem xét ý kiến đó và muốn có lời khuyên của tôi “như một người bạn.”

Tôi nói dĩ nhiên rằng tôi không có lời nào để cô vấn, ngay cả với tư cách cá nhân để đưa ra, nhưng tôi nghĩ chúng tôi muốn được thông báo về các diễn biến này. Tôi nói rằng tôi giả sử như bất kỳ “chính phủ nào” được dựng nên cũng cần duy trì bí mật.

Bà hỏi rằng Mỹ có sẽ ủng hộ một chính phủ như thế không. Tôi không trả lời thẳng, chỉ nói rằng tôi nghĩ một chính

phủ ra mặt sẽ có được bất kỳ sự công nhận nào trong khi chính phủ Ông Diệm vẫn nắm quyền ở Sài Gòn. Bà nói bà đang nói về một chính phủ bí mật và sự hỗ trợ bí mật. Tôi không trả lời bà gì hết, mà chỉ nói rằng mong muốn được bà thông báo các diễn tiến.

Bà Nhu

Rồi Bà Chương nói rằng trước đó bà đã tuyên bố với cộng đồng người Việt ở New York và Washington (những người thường xuyên tới gặp bà để xin hướng dẫn và tư vấn) rằng khi “vợ ông Nhu” tới, họ nên “lái xe cán lên bà Nhu” (nguyên văn: run her over with a car), và rằng nếu họ không có thể làm như thế, họ nên ném trứng và cà chua vào bà Nhu bất cứ khi nào bà Nhu xuất hiện ở công chúng.

Bà Chương trước đó đã tổ chức một cuộc biểu tình trước Tòa Bạch Ốc với nhiều người Việt tham dự mới đây, và bà có khả năng tổ chức biểu tình chống “đồ quỷ vật đó” (nguyên văn: monster).

(Đại sứ Trần Văn Chương trước đó đã gọi tôi hôm nay để nhấn mạnh rằng Bà Nhu không có lý do gì để được các viên chức cao cấp Hoa Kỳ tiếp đón, đặc biệt là Tổng Thống Mỹ. Nếu bà Nhu biết bây giờ rằng bà sẽ không được tiếp đón, bà Nhu sẽ không có vẻ gì muốn tới. Lý do bà Nhu tới chỉ là nói chuyện với các viên chức cấp cao; còn báo chí và TV chỉ là thứ yếu.)

Thêm một điểm nữa được tiết lộ, tuy có vẻ như gián tiếp, bởi bà Chương: Hoa Kỳ đang mất bạn nhanh chóng ở Việt Nam và đang phản ứng quá chậm để đối phó tình hình ở VN. Chỉ có một giải pháp duy nhất: loại bỏ cả Diệm và Nhu. Mỹ có trách nhiệm phải làm như thế vì chế độ ông Diệm chỉ tồn tại duy nhất nhờ Mỹ hỗ trợ. Tất cả người dân Việt đều ghét chế độ ông Diệm. Nhu là “một thằng hung nô” (nguyên văn bà Chương nói tiếng Pháp: un barbare) và Diệm là một kẻ bất tài (incompetent). Thì Mỹ chờ cái gì nữa?

Tôi tìm lời kèm chế bà khéo léo trong khi giữ được sự tin cậy của bà.

NOTE:

¹ Nguồn: Bộ Ngoại Giao Mỹ, Hồ Sơ Trung Ương, POL

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

1 S VIET. Bí Mật. Viết bởi Kattenburg vào ngày 17-9-1963. Trên một phó bản của bản ghi nhớ này gửi lên Tòa Bạch Ốc, Michael Forrestal (thành viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia) viết: “Đời sống gia đình tại VN”, và viết kế bên lời bà Chương đe dọa lái xe cán lên con gái của bà: “Tình mẹ.” (Kennedy Library, National Security Files, Vietnam Country Series, Memos and Miscellaneous, Part II)

HẾT BẢN DỊCH

NGUYỄN VĂN: →

118. Memorandum of a Conversation Between the Director of the Vietnam Working Group (Kattenburg) and Madame Tran Van Chuong, Washington, September 16, 1963, 8 p.m.¹

page 237, 238

Foreign Relations of the United States, 1961-1963 Volume IV, Vietnam, August-December 1963, Document 118

Madame Chuong called me several times during the day and asked me to come to her new house to discuss a "vital matter" with her. When I got there at 8:00 p.m., I saw her alone. Ambassador Chuong was nowhere in sight, although he called me this morning on a related matter.

Clandestine Government

Madame Chuong told me in conspiratorial tones that "many Vietnamese of all parties" had asked her husband to head up a government of national unity. When I asked for specific names, she mentioned Nguyen Ton Hoan (Dai Viet, Paris), Pham Huy Co (exile,

¹ Source: Department of State, Central Files, POL 1 S VIET. Secret. Drafted by Kattenburg on September 17. On a copy of this memorandum sent to the White House, Forrestal wrote: "Family life in Vietnam", and next to Madame Chuong's threat to run over her daughter: "Mother love." (Kennedy Library, National Security Files, Vietnam Country Series, Memos and Miscellaneous, Part II)

238 Foreign Relations, 1961-1963, Volume IV

Paris), and later also Bui Van Tinh (former Minister of Interior and Ambassador to Japan). She said that her husband had never wanted to get mixed up in "exile politics" but now the pressure on the Chuongs was so great from so many Vietnamese to do something that she was considering the idea and wanted my advice "as a friend".

I said of course I had no advice, not even personal, to offer, but I thought we would like to be kept informed of the progress of this development. I said I assumed whatever "government" was created would remain clandestine. She asked whether the U.S. would support such a government. I did not respond to this but said I thought a surfaced government could hardly obtain any form of recognition while the Diem Government remained in power in Saigon. She said she was speaking of a clandestine government and clandestine support. I left her further queries unanswered other than to indicate again desire to be kept informed.

Madame Nhu

Madame Chuong then said that she had told the Vietnamese community in New York and Washington (who constantly came to her for guidance and advice) that when the "wife of Nhu" came they should "run her over with a car" (*sic*), and that if they could not do that they should throw eggs and tomatoes at her every time she appeared in public. She, Madame Chuong, had organized the White House picket demonstration of Vietnamese recently and she was quite capable of organizing against this "monster".

(Ambassador Chuong called me first thing today to stress that Madame Nhu should under no circumstances be received by high level U.S. officials, in particular the President. If she knew now that she would not be received, she would be much less likely to come. Her reason in coming is primarily to talk to top officials; the press and TV are only a secondary concern.)

One more point conveyed, though somewhat indirectly, by Madame Chuong: the U.S. is rapidly losing friends in Viet-Nam and is moving awfully slowly in coping with the situation. There is only one solution; get rid of both Diem and Nhu. The U.S. is responsible for doing it because it is only through U.S. support that the government holds together. All Vietnamese cordially hate it. Nhu is "un barbare" and Diem is an incompetent. What is the U.S. waiting for?

I tried to handle her as tactfully as possible while retaining her confidence.

**BỘ TRƯỞNG MCNAMARA VIẾT TỪ SÀI GÒN:
DIỆM-NHU ĐÀN ÁP TOÀN DÂN**
Cư sĩ Nguyễn Giác dịch



**Foreign Relations of the United States, 1961–1963
Volume IV, Vietnam, August–December 1963,
Document 150**

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Hồ sơ này là cuộc phỏng vấn ngày 26-9-1963 tại Sài Gòn, do Giáo sư Bromley Smith trả lời Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ McNamara lúc đó đang thăm VN. Hồ sơ Bộ Ngoại Giao Mỹ ghi rằng GS Smith là ‘Executive Secretary of the National Security Council’ -- Thư ký điều hành Hội Đồng An Ninh Quốc Gia -- thực ra, là một nhà văn Hoa Kỳ đã ủng hộ ông Diệm nhiều năm, cho tới khi thất vọng vì các chính sách anh em ông Diệm-Nhu truy bức Phật Giáo và các thành phần dân chúng.

Ghi nhận từ hồ sơ này:

- Không hề có chuyện xô xát giữa Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo.
- Cả giáo dân Thiên Chúa Giáo và Phật Tử đều bất mãn chế độ ông Diệm.
- Chế độ không duy trì bằng lý tưởng tự do, mà chỉ bằng ban phát ân huệ và bắt bớ -- nhà tù ở Nam VN đã chật.
- Đại học không dám mở cửa lại, vì tiên đoán sinh viên sẽ xuống đường -- cả Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa cũng sẽ

biểu tình.

● Việt Cộng chưa lợi dụng được thời kỳ bất ổn chính trị này, vì lãnh đạo chính trị của họ yếu kém.

Bản dịch thực hiện bởi *Cư sĩ Nguyễn Giác.*)

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH

150. Phúc trình do Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara viết (1)

Sài Gòn, ngày 26 tháng 9 năm 1963

Bộ Trưởng McNamara phỏng vấn Giáo sư Smith (2)
ngày 26-9-1963

Smith, một giáo sư tại một đại học Hoa Kỳ hàng đầu, nói tiếng Việt lưu loát, là một học giả về Đông Phương Học, có liên hệ rộng với nhiều lãnh đạo cả Bắc VN và Nam VN, và trong việc làm hàng ngày được đọc nhiều bản chép xuống các buổi phát thanh từ Bắc VN và **thư cá nhân và các hồ sơ khác được bí mật đưa ra khỏi Bắc VN.**

GS Smith vừa hoàn tất một chuyến thăm Nam VN, trước đó đã từng thăm nơi này trong năm 1960 và 1953. Trong chuyến đi 1963 này, GS Smith không đi nhiều ra ngoài Sài Gòn. Trong một buổi phỏng vấn dài với Bộ Trưởng McNamara, GS Smith nói:

1. Khi tới Nam VN, ông ta tin là Hoa Kỳ có thể làm việc chung với Diệm được và sẽ nguy hiểm nếu thay đổi gì. Sau nhiều tuần lễ ở đây, ông ta **đã phải đổi ý.**

2. Diệm đã già kinh khủng so với năm 1960. Diệm đầu óc chậm rì.

3. Nhu là người có lưng bị dựa sát tường; Nhu đã gây nỗi sợ bị bắt trong cả những người ngoài giới chính trị thuộc mọi thành phần ở Sài Gòn; Nhu đang tới mức hốt hoảng và đã tới giai đoạn tuyệt vọng.

4. Diệm sẽ không tồn tại quá 24 giờ nếu không có Nhu, người phụ trách các món hối lộ (LND: nguyên văn “Nhu who handles the bribes and...” có thể hiểu rằng Nhu ban phát ân huệ vật chất để chế độ tồn tại, chứ không còn nêu lên chính nghĩa

thế giới tự do nữa.) và vận dụng những người ủng hộ cần thiết để tồn tại. Nhu sẽ không thọ nổi quá 24 giờ nếu không có chiếc áo choàng uy tín của Diệm. Hai anh em biết là họ cần nhau.

5. **Không có cách nào để tự do hóa chế độ này.** Diệm không có khả năng thay đổi. Do vậy chúng ta (Hoa Kỳ) phải chọn lựa, hoặc là chiến thắng cùng chế độ này, hoặc là hỗ trợ để thay đổi chế độ.

6. Trong nhiều năm, công chúng đã chỉ trích chế độ nhưng chỉ làm như thế sau bàn tay của họ. **Bây giờ thì chỉ trích công khai rồi**, từ dân chúng trên đường phố, và từ cả các chiến binh và cảnh sát.

7. Cách chế độ đối xử với Phật Tử đã đặc biệt làm nghẽn họng mọi giai cấp người Việt. Họ kinh hoàng vì chuyện dùng quân đội tấn công nơi thờ phượng. Việc đó đánh sâu hơn bất cứ gì mà chế độ đã làm và **hành động đó gây bất mãn từ cả giáo dân Thiên Chúa Giáo và Phật Tử**. Không có chuyện xô xát giữa Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo. **Trong quá khứ không hề có tổ chức chính thức Phật Giáo nào**; đột nhiên dân chúng được tổ chức với các bản tin phát ra, vân vân. Trước giờ có sự chống đối ầm ầm đối với chế độ và rồi hiển lộ ra trong giới Phật Tử sau sự kiện Huế. Đó hiển nhiên là một chuyển động chính trị, không phải tôn giáo.

8. Điểm đầu tiên để nghiên cứu cần trọng là: Chúng ta có thể chiến thắng với chế độ này không? GS Smith tin là **không thể chiến thắng nổi**. Rồi thì, chúng ta đối diện với câu hỏi là phải thay đổi chế độ. Bất kỳ chuyển động nào ra khỏi chế độ này đều cực kỳ rủi ro. Vì sinh viên, cũng như Phật Tử đều không lật đổ nổi chế độ này. **Chỉ có đảo chánh quân sự hay một cú ám sát mới hiệu quả**, và một trong hai chuyện này nhiều phần thấy sắp xảy ra. Trong trường hợp như thế, chúng ta (Hoa Kỳ) có 50% cơ hội sẽ thấy sáng sủa hơn.

9. Chính sách giữ im lặng của Đại sứ đã được chấp thuận từ mọi nơi, chỉ trừ từ Phủ Tổng Thống Nam VN.

10. Tướng Thompson nói tuần trước rằng chương trình áp chiến lược cho thấy sẽ thành công. Đài phát thanh từ Bắc VN đã chỉ trích nặng nề nhất là chương trình áp chiến lược.

11. Xuyên qua các nguồn tin độc lập, GS Smith xác nhận rằng Nhu đã nói với nhà báo Joseph Alsop những gì mà Alsop viết bài nói rằng Nhu đã nói (3) và rằng **Bắc VN đã tìm tới Nhu xuyên qua người Pháp**, như Nhu đã nói.

12. Một đại tá quân đội [Hoa Kỳ], một bạn chung của cả Nhu và GS Smith, mấy hôm trước báo cáo rằng **Nhu hỏi thăm dò rằng Quân đội sẽ phản ứng thế nào đối với những cuộc thương thuyết với Bắc VN**. Đại tá này nói với Nhu rằng ông ta sẽ không sống tới 24 giờ sau khi khởi sự thương thuyết như thế.

13. Nếu Cộng sản kiểm soát toàn bộ Nam VN, sẽ không còn lãnh tụ chính trị nào trên toàn vùng Châu Á đặt niềm tin vào thế giới Tây Phương nữa. Thực sự, mất niềm tin sẽ không chỉ ở trong các lãnh đạo Châu Á.

14. Chính phủ Mỹ không thể làm bất cứ gì khác hơn là, hoặc công khai ủng hộ Diệm hoặc giữ im lặng. **Nếu chúng ta giữ chính sách im lặng, một cuộc đảo chánh có lẽ sẽ xảy ra trong vòng 4 tuần lễ**. Đây cũng là canh bạc xem ai sẽ nắm quyền sau chính phủ quân sự tạm thời.

15. Các giáo sư tại Viện Đại Học Sài Gòn nói rằng **hoàn cảnh bây giờ y hệt như địa ngục**; nếu Đại học mở cửa lại, các sinh viên lại sẽ xuống đường và sẽ có tham dự của Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa (“Dean of the Literary School”).

16. Nhu đang bắt giam thêm nhiều người, và căng thẳng ngày càng tăng. Và khi căng thẳng tăng thêm, tinh thần binh sĩ bị ảnh hưởng. Việc gỡ bỏ giới nghiêm và thiết quân luật đã đi kèm với hiện tượng nửa đêm vào nhà bắt người. **Các nhà tù chưa bao giờ chật như hiện nay**.

17. Cuộc đảo chánh do Mỹ hỗ trợ sẽ làm hỏng mục tiêu của chính nó. Chúng ta sẽ có thể gặp một chính phủ mang tiếng là búp-bê của Mỹ.

18. Việt Cộng chưa lợi dụng được thời kỳ bất ổn chính trị này, vì lãnh đạo chính trị của họ yếu kém và vì Bắc VN trong khi đang gặp nạn đói trầm trọng lại ước muốn thương thuyết với Nam VN.

19. Sẽ là mơ màng nếu tin rằng “dân chủ” sẽ hiệu quả

trong hoàn cảnh hiện nay ở Nam VN. Nhiều biện pháp đàn áp của chế độ Diệm sẽ tiếp tục bởi chế độ kế tiếp. Nhưng dân chúng sẽ chấp nhận như thế một thời gian, nếu chính phủ giải thích tại sao áp dụng như thế và khi nào sẽ có thể gỡ bỏ biện pháp mạnh. Nhiều người ở Nam VN hiện nay nói về **sự lựa chọn giữa việc đàn áp bất tận của Diệm hay là việc đàn áp bất tận của người Cộng sản.**

20. Nhiều người tại Nam VN thấy khó hiểu về thái độ của Mỹ. Chính phủ [Mỹ] không nói chung một tiếng nói. Nếu chính phủ Mỹ, sau khi tôi [Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara] về nước, không nói gì về việc ủng hộ chế độ Diệm, một cuộc bùng nổ sẽ xảy ra trong vòng 2 hay 3, hay 4 tuần lễ nữa.

Ký tên: **Robert S. McNamara** (4)

GHI CHÚ:

(1) Nguồn: Trung tâm Văn khố Quốc gia Washington National Record Center, RG 330, Hồ sơ về McNamara: FRC 71-A-3470, Hồ sơ và Ghi chú lưu trữ 9/25/63—Chuyến đi tới Nam VN. Bí mật.

(2) Theo lời William P. Bundy, người đi kèm Bộ Trưởng McNamara tới Nam VN, Giáo sư Smith là tên giả. Bundy kể rằng “Smith,” người lúc đó đang ở Sài Gòn, “là một sinh viên dài hạn và là nhà văn viết về Việt Nam người trước đó ủng hộ mạnh mẽ ông Diệm cho tới thời kỳ đó.” Bundy nghĩ rằng ý kiến của Smith có “sức nặng đặc biệt” vì trước đó Smith ủng hộ Diệm. Bundy nhớ rằng ông có ấn tượng lúc đó rằng lời khai của Smith có “sức nặng lớn đối với McNamara.” (Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Phòng Sử Gia, Các cuộc phỏng vấn về VN, William R Bundy, June 26, 1984)

(3) Xem ghi chú footnote 2, Document 151.

(4) Được in từ một phó bản có chữ ký đánh máy.

HẾT BẢN DỊCH

Hình chụp 3 trang 293, 294 và 295
trong FRUS, 1961-1963, Volume IV, Vietnam, Tài liệu số 150.

150. Report by the Secretary of Defense (McNamara)¹*Saigon, September 26, 1963.*REPORT OF McNAMARA 26 SEPTEMBER 63 INTERVIEW WITH
PROFESSOR SMITH²

Smith, a professor at a leading American University, speaks Vietnamese fluently, is an oriental scholar, possesses wide contact among the leaders of both North and South Vietnam, and in the course of his daily work has access to transcripts of NVN radio broadcasts and to personal letters and other documents smuggled out of NVN. He is just completing a visit to SVN, having last visited the country in 1960 and 1953. During this trip he did not travel extensively outside of Saigon. In a long interview with McNamara he stated:

1. He brought with him to SVN a belief that we could probably manage to get along with Diem and it would be dangerous to make a change. After several weeks here, he has changed his mind.
2. Diem has aged terribly since 1960. He is slow mentally.
3. Nhu is a person with his back to the wall; he has spread the fear of arrest in non-political figures throughout all segments of Saigon; he is in a panic and has reached a stage of desperation.
4. Diem would not last 24 hours without Nhu who handles the bribes and manipulates the power base necessary for his survival. Nhu would not last 24 hours without the cloak of Diem's prestige. Each knows his need for the other.
5. It is impossible to liberalize the regime. Diem is incapable of changing. Therefore we must choose between winning with the regime as it is or supporting a change to another.
6. For years the public has been criticizing the regime but has done so behind their hands. Now the criticism is open, by people in the streets, and participated in by soldiers and policemen.
7. The treatment of the Buddhists has particularly stuck in the gullets of all class of Vietnamese. They are shocked by the use of troops on sacred ground. It has struck deeper than anything else the

¹ Source: Washington National Record Center, RG 330, McNamara Files: RFC 71-A-3470, Back-up Documents and Notes, 9/25/63—Trip to SVN. Secret.

² According to William P. Bundy, who accompanied McNamara to Vietnam, Professor Smith is a pseudonym. Bundy recalls that "Smith," who was also in Saigon at the time, "was a long-standing student and writer on Vietnam who had been a totally strong supporter of Diem up to that point." Bundy thinks that "Smith's" opinions carried "special weight" because of his previous support for Diem. He remembers that it was his impression at the time that "Smith's" testimony had "considerable weight with McNamara." (Department of State, Office of the Historian, Vietnam Interviews, William P. Bundy, June 26, 1984)

regime has done and the action disgusts Catholics and Buddhists alike. There is no Buddhist-Catholic clash. There has been no formal Buddhist organization in the past; suddenly people have been organized with press handouts, etc. There was latent opposition to the regime throughout the country which crystalized around the Buddhists after the Hue incident. It is clearly a political and not a religious movement.

8. The first point to study carefully is: Can we win with this regime. He believes we cannot. Then we must face the question of what is going to replace it. Any movement away from the regime is extremely risky. Neither the students nor the Buddhists can overthrow the government. Only a military coup or an assassination will be effective and one or the other is likely to occur soon. In such circumstances we have a 50% chance of getting something better.

9. The Ambassador's policy of silence has won approval everywhere except in the palace.

10. Thompson said last week the strategic hamlet program has proven it will work. The NVN broadcasts have attacked nothing as much as the hamlet program.

11. Through independent sources he has confirmed that Nhu told Alsop what Alsop reported Nhu said³ and that the NVN have approached Nhu through the French as Nhu reported.

12. A colonel in the Army, a mutual friend of Nhu and the professor, reports that a few days ago Nhu inquired how the Army would react to negotiations with the NVN. The colonel told Nhu that he would not live 24 hours after the start of such negotiations.

13. If the Communists take over control of SVN, not another political leader in all of Asia will place any confidence in the world of the West. Indeed, the loss of confidence will not be limited to Asian leaders.

14. The American government cannot do anything other than to either publicly support Diem or keep our mouths shut. If we follow the latter policy, a coup will probably take place within four weeks. It will be a gamble as to who will take over power after an interim military government.

15. Professors at the University in Saigon report life has been hell; if the University is reopened the students will be out on the streets and the Dean of the Literary School will be with them.

16. Nhu is putting more and more people into jail and tension is continuing to rise. As tension rises it will eventually affect the morale of the troops. The elimination of the curfew and martial law have been accompanied by increasing arrests in the middle of the night. The jails have never been as full.

³ See footnote 2, *infra*.

17. Coup plotting by the US would defeat its own end. We would end up with a government tarred with the reputation of an American puppet.

18. The VC have not taken advantage of the period of political instability because their political leadership is poor and NVN facing a disastrous food shortage wishes an accommodation with SVN.

19. It is soft-headed to believe that "democracy" will work under today's conditions in SVN. Many of the Diem regime's repressive measures would be continued by a successor regime. But the people will tolerate them for a time if the government will explain why they are imposed and when they may be lifted. Many in SVN today talk of a choice between perpetual repression under Diem or perpetual repression under Communists.

20. Many in SVN have been puzzled by the US attitude. The government has not spoken with one voice. If the US government, following my return, says nothing to support the Diem regime, an explosion will occur within 2, 3, or 4 weeks.

Robert S. McNamara⁴

⁴ Printed from a copy that bears this typed signature.

“VUA LÊ” NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ “CHÚA TRỊNH” NGÔ ĐÌNH NHU

Nguyễn Kha

Trong điện văn mã số “POL 15S VIET” đánh đi từ Sài Gòn, gửi cho Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ lúc 7 giờ tối ngày 7/10/1963, Đại sứ Cabot Lodge đã chuyển về Washington một số thông tin để tìm cách giải thích thái độ chống Mỹ của ông Nhu. Trong một phần của điện văn đó, Đại sứ Lodge đã trích dẫn hai phát biểu của ông Nhu trả lời nhà báo Gambino trong cuộc phỏng vấn của Tuần báo *L'Espresso* tại Ý vào ngày 3/10/1963 (Bản dịch Anh ngữ của bài phỏng vấn này được kèm chung với Memo ngày 24/10 của chuyên gia Đông Nam Á Paul Kattenburg gửi cho ông Michael Forrestal, phụ tá của Cố vấn An ninh Quốc gia McGeorge Bundy). Nguyên văn tiếng Anh hai phát biểu đó là:

1. *“If the Americans were to interrupt their help, it may not be a bad thing after all”* (“**Nếu người Mỹ ngưng hỗ trợ, thì đó chưa hẳn là một điều xấu đâu**”)

2. *He said that if his father-in-law, former Ambassador Chuong, were to “come to Saigon, I will have his head cut off. I will hang him in the center of a square and to let him dangle there. My wife will make the knot on the rope because she is proud of being a Vietnamese and she is a good patriot”* (**Ông Nhu nói rằng nếu vị Bố vợ của ông ta, cựu Đại sứ [Trần Văn] Chương, mà “về Sài Gòn, tôi sẽ cho cắt đầu ông ta. Tôi sẽ treo cổ ông ta giữa một quảng trường và để cho xác ông ta treo lủng lẳng ở đó. [Chính] Vợ tôi sẽ buộc nút giây thòng lọng vì vợ tôi hạnh diện là một người Việt Nam và vì vợ tôi là một người yêu nước tốt lành**”)

the revolutionary transformation of society which is the prerequisite of victory. Then come these words: "If the Americans were to interrupt their help, it may not be a bad thing after all." He said that if his father-in-law, former Ambassador Chuong, were to "come to Saigon, I will have his head cut off. I will hang him in the center of a square and let him dangle there. My wife will make the knot on the rope because she is proud of being a Vietnamese and she is a good patriot."

Điện văn này được lưu trữ tại 2 trang 385 và 386 của Tập FRUS (Foreign Relations of the United States) của Bộ Ngoại Giao Mỹ, 1961-1963, Tập IV, dưới đề mục 186, tiểu mục 652.2.b.

Đạo phủ chính trị

Phát biểu thứ nhất là để ông Nhu gián tiếp nhấn nhẹ với người Mỹ và các "người anh em" về triển vọng một thế cờ mới nếu Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam. Hà Nội và Washington mà nghe câu đánh giá hoang tưởng này của một kẻ mang bệnh cuồng vĩ chắc sẽ điên đầu ... Chính ông Mieczylaw Maneli, vị đại diện Ba Lan từng làm trung gian cho Hà Nội và ông Nhu liên lạc với nhau, sau này khi hỏi tường lại, cũng đã phải phê phán rằng: "*Cấp lãnh đạo của chế độ Diệm-Nhu đã bị bệnh cận thị nặng nề mà tôi có thể so sánh với căn bệnh của giới lãnh đạo Cộng sản kiểu Xít-ta-lin*" [The leaders of the Diem-Nhu regime suffered from definite myopia which I might compare with the myopia of the Stalinist-type Communist leaders (Mieczylaw Maneli, *War of The Vanquished*, Harper & Row, New York 1972, trang 150)].

Và phát biểu thứ nhì là để ông trút nỗi căm thù của vợ chồng ông lên hành động của ông bố vợ / bố ruột Trần Văn Chương dám từ chức Đại sứ tại Mỹ (22-8-1963) để "*phản đối chính sách nhiều người cho là ưu đãi đạo Thiên Chúa giáo La Mã của Tổng thống Ngô Đình Diệm*" (theo New York Times) và sau đó đã vận động chính giới Mỹ để loại trừ cặp vợ chồng Ngô Đình Nhu-Trần Lệ Xuân ra khỏi chính trường hầu giúp ông Diệm vượt qua cuộc khủng hoảng tại miền Nam Việt Nam.

Ngoài ra, ông Nhu đã chứng tỏ rất tâm đầu ý hiệp với vợ mình khi đơn phương nói dùm cho bà Nhu rằng đến Bó ruột mà bà sẽ còn giúp chồng buộc nút giây treo cổ, và lấy hành động đó để “*hãnh diện là một người Việt Nam*”, thì chuyện bà thích thú vỗ tay và sẵn sàng “*cung cấp thêm xăng*” để nhìn các nhà sư bị “*nuông sống*” chẳng có gì là lạ cả. Vì đúng là “nồi nào thì úp vung đó”! Chỉ lạ là cái niềm “hãnh diện” bệnh hoạn vô đạo đức và phi nhân tính đó không biết ông bà Nhu đã tìm được ở đâu trong “người Việt Nam”? Hay là trong dân tộc Việt Nam, vào thời điểm đó tại miền Nam, đã có rồi một thiểu số bị “thối hồn” để trở thành bệnh hoạn như thế?

Đúng là phong cách và ngôn ngữ của một tên đao phủ hiếu sát trên pháp trường chính trị, **giết người không gờm tay!** Với (người thân nhưng nay đã trở thành) đối lập chính trị mà ông Nhu còn công khai đòi “*cắt đầu, treo cổ*” như thế thì “*dân chủ*” ở đâu, “*tự do*” ở đâu trong cái gọi là nền *Đệ Nhất Cộng hòa “Nhân vị Duy linh”*? Cho nên ta không ngạc nhiên khi từ ngôi cao Cố vấn Chính trị trong dinh Tổng thống đầy quyền bính, kẻ “*đao phủ chính trị*” đó đã hoặc chủ mưu, hoặc ra lệnh, hoặc cho phép, hoặc đồng ý điều động một bầy thủ hạ mật vụ Cần Lao ác ôn như Lê Quang Tung, Dương Văn Hiếu, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn Hay, Khuu Văn Hai, Trần Bửu Liêm, xem mạng người như cỏ rác, xây những nhà tù biệt giam vô luật pháp như P42, thiết lập danh sách người Mỹ sẽ bị ám sát để hù dọa nạn nhân, ra lệnh cho Đại úy Phi công Huỳnh Minh Đường thả bom đánh chìm chiến hạm HQ 401 đang chở tù nhân quân sự và chính trị trên đường ra Côn Đảo, gài bẫy thành viên Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc chơi gái điếm để chụp hình làm chantage, và xuống tay thủ tiêu (dao đâm, súng bắn, nhét vào bao bố thả trôi sông, ...) không biết bao nhiêu người yêu nước như Vũ Tam Anh, Tạ Chí Diệp, Hồ Hán Sơn, Ung Bảo Toàn, Trương Tử An, Nguyễn Tấn Quê ...

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Nhật báo El Paso Herald Post tại Tiểu bang Texas, số ra ngày thứ Bảy, 5 tháng 10 năm 1963, trang 6, tựa đề "Sixth Viet Nam Buddhist Burns" có một đoạn đăng tin về Đại úy Phi công Huỳnh Minh Đường như sau:

"... Dissatisfaction with the regime of President Ngo Dinh Diem also appeared to be spreading to the armed forces. Vietnamese pilot Capt Huynh Minh Duong landed at Pochentong Airport at Phnom Penh, Cambodia, today and asked for political asylum to protest Diem's policies. Duong was the third Vietnamese pilot to ask for asylum recently."

"... [Tình trạng] bất mãn với chế độ của Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng hình như đã lan tràn đến quân lực. Đại úy Phi công Việt Nam Huỳnh Minh Đường đã hạ cánh xuống Phi trường Pochentong tại Phnom Pênh ở Cam Bốt hôm nay và xin tị nạn chính trị để phản đối các chính sách của ông Diệm. Ông Đường là vị phi công Việt Nam thứ ba xin tị nạn gần đây"

[Nguồn: <http://newspaperarchive.com/el-paso-herald-post/1963-10-05/page-6>]



Nhật báo El Paso Herald Post (El Paso, Texas) ra ngày 5 tháng 10 năm 1963, tra ng 6, đăng tin Đại úy Phi công Việt Nam Huỳnh Minh Đường hạ cánh xuống phi trường Pochentong tại Phnom Penh xin tị nạn chính trị. (Nguồn: <http://newspaperarchive.com/el-paso-herald-post/1963-10-05/page-6>)

Cần lưu ý rằng cuộc phỏng vấn với báo *L'Espresso* này được diễn ra vào đầu tháng 10 năm 1963, khi miền Nam không còn phần khởi và an ninh như từ năm 1955 đến 1959 nữa.

Ba năm khủng hoảng

■ Thật vậy, từ đầu năm 1960, ngày 26-1, lực lượng vũ trang của địch đã chiếm đồn Trảng Sập và gây tổn thất nặng nề cho Sư đoàn 21. Tết Canh Tí năm đó, bia báo *Tự Do* số Xuân

in hình biếm họa vẽ 5 con chuột gặm nhắm trái dưa hấu miền Nam để "thú vật hóa" và chế diễu 5 anh em nhà Ngô, khiến Dinh Độc Lập điên lên, cho mật vụ đập phá tòa soạn và tịch thu những số báo còn lại. Rồi ngày 26-4, một tập hợp 18 vị nhân sĩ trí thức thuộc Khối *Tự Do Tiến Bộ* (còn gọi là nhóm Caravelle), tiêu biểu cho thành phần chính trị ưu tú của miền Nam, ra tuyên ngôn tố cáo chính quyền độc tài bất lực và đòi cải tổ chính sách. Hệ quả của tuyên ngôn này là 4 bộ trưởng thân tín từ chức ra đi (Lâm Lễ Trinh - Nội Vụ, Trần Trung Dung - Quốc Phòng, Trần Chánh Thành - Thông Tin, và Nguyễn Văn Sĩ - Tư Pháp). Hai tuần sau, ngày 11-11, lực lượng Nhảy Dù (Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông, Hoàng Cơ Thụy, Phan Quang Đán) tấn công và bao vây Dinh Độc lập đòi thay đổi lãnh đạo. Vào cuối năm, ngày 20-12-1960, Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam ra đời tại Tây Ninh, thách thức tính chính danh của chính phủ Ngô Đình Diệm trên vũ đài chính trị trong và ngoài nước.

■ Năm 1961 là năm tẻ nhạt về mặt chính trị nhưng lại cực kỳ tệ hại về tình hình an ninh tại nhiều tỉnh. Ngày 28-4, toàn dân đi bầu Tổng thống nhiệm kỳ II với kết quả mà ai cũng biết trước: Liên danh Ngô Đình Diệm-Nguyễn Ngọc Thơ thắng 88% số phiếu cử tri (hai liên danh kia chiếm 7% và 4%). Khoảng giữa năm, ngày 2-7, Hội nghị “*Đại Đoàn Kết Toàn Dân Chống Cộng*” do ông Nhu thiết kế và chủ trì nhằm tóm thâu và khống chế các sinh hoạt chính trị tại Sài Gòn. Nhưng Hội Nghị đã bị tan vỡ ngay từ đầu vì ý đồ của ông Nhu bị phát hiện nên các đảng phái thì đứng ngoài và giới sinh hoạt chính trị thì không hợp tác.

Trong khi đó, Việt Cộng tấn công và làm chủ nhiều quận huyện, thậm chí còn chiếm đóng trung tâm tỉnh lỵ Kiến Hòa (1-4). Đặc công Việt Cộng đặt bom và ném lựu đạn ngay tại Sài Gòn, xua 2,500 dân biểu tình phá rối cuộc bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ II (9-4) tại thủ đô. Địch khống chế Công trường Đa Nhim nhiều ngày, bắt và hạ sát Quận trưởng Đơn Dương. Ngày 28-6, đánh bại quân đội tại Tô Hạp (Khánh Hòa); và ngày 16-7, Tiểu đoàn 502 của địch đánh bại một Tiểu đoàn Dù tại

Kiến Phong. Ngày 18-9, Việt Cộng đột phá tỉnh lỵ Phước Thành, hạ sát Thiếu tá Tỉnh trưởng Nguyễn Minh Mẫn, và ngày 1-10, bắt cóc rồi hạ sát Đại tá Nguyễn Thụy Nam, Trưởng Phái đoàn Việt Nam liên lạc Ủy Ban Kiểm Soát Đình chiến...

Trước tình hình nguy ngập này, ngày 10-10, ông Diệm ký Sắc lệnh 209-TTP ban bố “*tình trạng khẩn cấp trên toàn lãnh thổ*”, yêu cầu Quốc Hội dành cho Tổng thống quyền được ban những sắc luật đặc biệt về an ninh, và ngày 7-12, ông Diệm gửi thư cầu cứu với Tổng thống Kennedy.

■ Năm 1962 mở màn vào sáng 27-2 với một trái bom từ chiếc khu trục A-1H Skyrider của Trung úy Nguyễn Văn Cử thả xuống cánh trái Dinh Độc Lập, nơi có phòng ốc sinh sống và làm việc của gia đình ông Nhu. Vụ này do một số thành viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Quốc tổ chức. Phi công của chiếc khu trục thứ nhì là Trung úy Phạm Phú Quốc bị bắt, và bị phát hiện thuộc dòng dõi danh gia của cụ Phạm Phú Thứ ở Quảng Nam (nơi ông anh trưởng Ngô Đình Khôi từng là một Tổng Đốc tham nhũng), lại càng làm cho anh em nhà Ngô ... đau nhói. Đã thế, tình hình chiến sự thê thảm đến nỗi ngày 31-3, ông Diệm đã phải gửi thông điệp chính thức cho nguyên thủ của 92 quốc gia trên thế giới yêu cầu yểm trợ Việt Nam Cộng Hòa chống lại xâm lăng của Cộng sản từ miền Bắc. Tình hình kinh tế cũng chẳng sáng sủa gì: Bernard Nalty (trong *Rival Ideologies in Divided Nations*) cho biết “*Kinh tế Việt Nam đều phụ thuộc vào Kinh viện và Quân viện của Mỹ*”, và điều tra của Robert Scigliano (trong *Vietnam, A Country At War*) xác nhận “*Việt Cộng đã chiếm được 80% nông thôn của Việt Nam Cộng Hòa*”.

Gần cuối năm, Bác sĩ Phạm Huy Cơ, một chính khách tên tuổi, công khai đả kích chính sách độc tài gia đình trị, đã cùng một số chính trị gia thành lập *Hội đồng Cách Mạng Quốc gia* rồi thuyết phục Hoa Kỳ ngưng ủng hộ ông Diệm. Ông lập luận rằng nền độc tài gia đình trị của chế độ Diệm chỉ làm lợi cho Cộng Sản Hà Nội và Mặt trận Giải phóng. Dĩ nhiên, ông đã bị bắt giam ngay.

Vua Lê Chúa Trịnh

Tình hình trầm trọng, dồn dập và phức tạp trong ba năm 1960, 1961 và 1962 này đã càng ngày càng bộc lộ những khuyết điểm về khả năng lãnh đạo của ông quan Thượng thư Ngô Đình Diệm nhưng cũng đồng thời làm dấy lên những tham vọng của ông siêu cố vấn Ngô Đình Nhu. Thật vậy, ngay từ khi ông Diệm lên làm Tổng thống một nước Cộng hòa hiện đại cho đến đầu thập niên 60', tâm chất và kỹ năng của ông Diệm như một ông quan đầu tỉnh triều Nguyễn hình như vẫn không khá hơn được chút nào. Chính vị Đông Lý Văn Phòng gần gũi của ông Diệm mô tả rằng “*Trí não ông Diệm không quen lý hội sự gì trừu tượng và tổng quát. Ông chỉ ưa việc cụ thể mà ông hình dung được rõ mới chịu là cần, ông xét định về từng trường hợp và từng công tác dễ hơn là về toàn diện vấn đề. Ông có thể chỉ làm được một tổng thanh tra tản mạn, sục sạo như viên kỹ sư Bigorne thời Pháp thuộc: Giá ông làm tổng thanh tra như Bigorne không chừng làm được việc hơn một Tổng thống ...*” (Đoàn Thêm, *Những Ngày Chưa Quên*, nxb Đại Nam, Sài Gòn 1969, trang 200). Cho nên choáng ngợp trước nhiều biến động phức tạp và dồn dập của 3 năm qua, *Vua Lê* nhu nhược và bất tài đang từ từ phải chia sẻ quyền lực và nương dựa nhiều hơn vào một *Chúa Trịnh* càng lúc càng tham quyền. Các sử gia nghiên cứu về giai đoạn 3 năm đầu của thập niên 60', xin chú ý đến hiện tượng chuyển quyền lý thú này để đánh giá cho đúng hai ông Nhu Diệm tội ai nặng tội ai nhẹ. Tại vì ông Nhu mới chính là kiến trúc sư và cũng là nhà thầu cố gắng chống đỡ nhưng cuối cùng lại phá nát ngôi nhà Đệ Nhất Cộng Hòa đã toi tả trong khoảng thời gian đầy giông bão này.

Qua đến năm 1963, thì tình trạng “*Vua Lê Chúa Trịnh*” càng rõ nét song song với những biến cố sôi động trong năm này:

Ngày 2-1 đầu năm là thất bại thê thảm ở trận Ấp Bắc, tỉnh Định Tường (trong quá trình triển khai chiến lược Trục thăng vận và Thiết xa vận do Mỹ viện trợ) khiến nhiều giới chức trong và ngoài chính quyền Mỹ đặt lại vấn đề hiệu quả của các chương trình quân viện.

Tháng 2, nhằm Tết Quý Mão, là lúc những mâu thuẫn quyền lực và quyền lợi nổ lớn giữa các anh em Ngô Đình: Hai ông Diệm-Nhu một bên, hai ông Thục-Cần một bên, với bà Nhu nhảy nhót tung tăng đổ dầu vào lửa... Tháng 5 cho đến tháng 8 là phong trào đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo của Phật tử với vụ nổ súng giết người ở Huế, cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức ở Sài Gòn, và cuộc tấn công "Nước Lũ" các chùa toàn quốc bắt giam hơn 1,400 Tăng Ni và Cư sĩ của Lực lượng Đặc biệt. Ngày 23/8, trong khi sinh viên học sinh thay thế Tăng Ni Phật tử (đã bị bắt giam) xuống đường rầm rộ thì Chánh Văn phòng Phủ Tổng thống Võ Văn Hải và Bộ trưởng Phủ Tổng Thống Nguyễn Đình Thuần đòi loại bỏ ông Nhu ra khỏi chính quyền. Một loạt các viên chức cao cấp khác như Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu, Đại sứ Trần Văn Chương cũng từ chức (hoặc bị đuổi như Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị Bác sĩ Trần Kim Tuyến, Chủ tịch Quân ủy Đảng Cần Lao Trung tá Nguyễn Văn Châu).

*"... Từ lúc đó trở đi, những phản kháng của Phật tử tăng trưởng thành một phong trào lớn mạnh và có gốc rễ với sự yểm trợ rộng rãi trong giới sinh viên, trí thức, và ngay cả vài người trong cộng đồng Công giáo. Biết rằng tình trạng bất ổn đã lan tràn đến giới quân sự và vài sĩ quan đang lên kế hoạch đảo chánh, ông Nhu đã ngầm ngầm dự định một kế hoạch cực kỳ rắc rối để nghiền nát phong trào Phật tử, đổ lỗi cho quân đội và chiếm đoạt quyền kiểm soát chính phủ của ông Diệm. Ông ta đã đi đến kết luận rằng anh mình [ông Diệm] quá mềm yếu nên không cai trị được nữa. Ông Nhu đã kêu âm lên với [Trưởng] văn phòng CIA [tại Sài Gòn là] John Richardson vào tháng 6 rằng **"Tôi chẳng thèm coi ông anh tôi [Diệm] ra gì nữa. Nếu một chính phủ không đủ sức áp dụng luật lệ được nữa, chính phủ đó sẽ đổ"**. Ông Nhu còn nói thêm rằng chế độ này thì **"quan lại và phong kiến"** đến mức vô phương cứu chữa."*

[From that point, the Buddhist protests grew a powerful deeply rooted movement with broad support among students, intellectuals, and even some among Catholic community.

Aware that unrest had spread to the military and certain officers were planning a coup, Nhu hatched a byzantine plan to crush the Buddhist movement, blame the military and seize the control of the government from Diem. He had concluded that his brother become too weak to rule. “I don’t give a damn about my brother,” Nhu exclaimed to CIA station John Richardson in June, “If a government is incapable to apply the law, it should fall.” The regime, he said, was incurably “mandarin and feudal”. (Randall B. Woods, *Shadow Warrior, William Egan Colby and The CIA*, nxb Basic Books, New York 2013, trang 219)].

Thái độ ông Nhu xem thường ông Diệm “không ra gì” đó, chính bà Nhu, gần 20 năm sau, trong một cuộc phỏng vấn vào năm 1982, khi so sánh tương quan giữa ông anh Tổng thống Diệm và chồng bà cũng đã xác nhận rằng “ông ta biết rất rõ rằng chồng tôi có thể cai trị [đất nước] mà không cần ông ta, nhưng ông ta không thể cai trị nếu không có chồng tôi” [Because he knew very well that my husband can do without him but he could not do without my husband (Chương trình “Vietnam: A Television History”, đài truyền hình PBS, phát hình năm 1983)]



TRANSCRIPT PRINT

“...Madame Nhu, what about your husband. Could you — how would you define his role?”

Ngo Dinh Nhu:

“... He was everything in Vietnam. He organized the country when the President was away. And when the President returned everything was there to greet. And without him the President would not be — I don't think that he would be easy for him to rule the country, to govern the country. That's why when it was it was requested he was requested to send away my husband, he said it was absolutely a stupid demand.”

“... Because he knew very well that my husband can do without him but he could not do without my husband. Did my husband is, I

Bản chép lại (Transcript) cuộc phỏng vấn bà Ngô Đình Nhu trong Chương trình “Vietnam: A Television History”, đài truyền hình PBS phát hình năm 1983

Cho nên, để hoàn tất một trong những mắt xích của chiến lược chống Mỹ - phé Diệm của mình, ngày 25/8, sau

nhieu vận động của Pháp và Ấn Độ, lần đầu tiên, trong một buổi tiệc tại Bộ Ngoại giao, ông Nhu gặp đại diện của Bắc Việt là Trưởng đoàn Ba Lan Mieczyslaw Maneli tại ICC. Lần gặp thứ nhì vào ngày 2/9, Quốc Khánh của VNDCCH, ông Nhu mời ông Maneli vào Dinh Gia Long... đó là chưa kể những trao đổi bí mật khác qua hai "special envoy" Phạm Hùng và Trần Văn Dĩnh. Những biến cố dồn dập, phức tạp và trầm trọng đó, tích lũy từ 3 năm trước và lên đến cao điểm vào cuối Hè năm 1963, đã vượt khỏi khả năng cai trị và ý chí lãnh đạo của con người thơ lại khấn đóng áo dài Ngô Đình Diệm. Ông chỉ còn biết quay về với chuyện ông giỏi nhất và thích nhất: câu chuyện với Chúa và hút thuốc lá liên miên. Vả lại, ông bà Nhu đã thay ông điều động việc nước từ lâu rồi. Những ngày đầu tháng 10 năm 1963, không cần những kế hoạch đảo chánh giả "Bravo1/Bravo2" cực kỳ rắc rối để cướp quyền ông Diệm, không cần cho nhân viên thay chân dung to lớn của ông Diệm tại Tòa Đô sảnh bằng chân dung của mình, ông Nhu cũng đã là, trên thực tế và bất chấp Hiến Pháp, Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa rồi. Một tổng thống với tâm địa của một tên "đao phủ chính trị".

And the rest is history ... !

Ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Phụ tá Quốc Phòng rồi Bộ trưởng tại Phủ Tổng Thống của Đệ Nhất Cộng Hòa, người ra vào Dinh Gia Long hầu như hằng ngày, đã kể lại rằng "... Vào giai đoạn đó, Nhu sa vào vòng nghiện ngập và điều đó đã đẩy ông ta đến những trạng thái cực đoan... Người ta bắt đầu thấy những dấu hiệu điên loạn trên mặt ông ta, nhìn bất động như kẻ mộng du, với một nụ cười lạnh lùng cố hữu ... (theo Rogers Hillman, *To Move A Nation*, Doubleday Inc. and Co., New York 1967, trang 480)



Đệ Nhất Cộng Hòa, 1960-1963

*“Vua Lê’ Ngô Đình Diệm nhu nhược an phận
và ‘Chúa Trịnh’ Ngô Đình Nhu gian hùng hiếu sát*

Thế cờ bí oan nghiệt - Một post-mortem Khi cùng ông Nhu trốn ra khỏi Dinh Gia Long ngày 2-11-1963, ông Diệm nghĩ rằng cùng đi với nhau, ông Nhu sẽ an toàn hơn. Ông Diệm đã nghĩ đúng một nửa vì trước đó, bạn cũng như thù, cộng tác viên cũng như đối lập, đều chỉ đòi hỏi ông bà Nhu rời khỏi nước và giữ ông Diệm làm Quốc trưởng (bù nhìn). Nhưng một nửa khác mà ông Diệm nghĩ không tới là theo đà cuộc khủng hoảng kéo dài từ năm 1960 chứ không phải từ vụ Phật giáo (5/1963), *Chúa Trịnh* Ngô Đình Nhu độc ác đã “tiếm quyền” *Vua Lê* Ngô Đình Diệm nhu nhược, thì tình cảm của quân dân miền Nam đã trở nên căm thù và uất hận ông Nhu như thế nào? Ngày 2-11 đó là ngày họ, cả người sống lẫn người chết, đòi nợ máu của 7 năm bạo trị! Giá mà tại nhà ông ba Tàu làm kinh tài cho đảng Cần Lao tên là Mã Tuyên ở Chợ Lớn, khi toàn bộ những công cụ bạo lực của gia đình ông đều tụt tê liệt hoặc tan rã như bọt sóng, ông Diệm để ông Nhu “nhảy núi” một mình, theo đường giao liên vào mật khu của Mặt trận Giải phóng Miền Nam rồi ra Hà Nội, còn ông về nhà thờ cha Tam để liên lạc với các Tướng lãnh thì có phải cơ may để cả hai ông vẫn toàn thân có phải lớn hơn

không? Nhưng lịch sử không làm bằng những “giá mà”, và số phận đã làm cho “*Diệt vô Nhu, Diệt héo - Nhu vô Diệt, Nhu tàn*” nên họ đã không bỏ được nhau. Bộ óc “muru lược bá đạo” Ngô Đình Nhu đã không nghĩ ra được cách giải thể cờ bí oan nghiệt của chính anh em mình bày ra. Vì Nhân Quả là quy luật hằng hữu của kiếp nhân sinh, hay đó cũng là nhiệm ý của Thiên Chúa chăng? Cho nên chính những anh em dòng họ Ngô Đình đã tự hại nhau mà không biết! Và lịch sử sang trang trong tiếng reo mừng thoát nạn của toàn dân thủ đô Sài Gòn trưa ngày 2-11-1963.

Nguyễn Kha 8/2013

MỸ ĐÃ THẤY MẬT NAM VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1961: LỖI LỚN LÀ DO CHẾ ĐỘ ÔNG DIỆM

(Bản Ghi nhớ NSAM 263 của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia
về quyết định rút 1,000 quân Mỹ vào cuối năm 1963)
Cư Sĩ Nguyên Giác dịch

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Một số người trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại đã nêu lên lý luận rằng, Tổng Thống Hoa Kỳ John F. Kennedy trong năm 1963 đã yêu cầu đưa quân Mỹ vào Việt Nam, nhưng bị Tổng Thống Diệm phản đối, nên Hoa Kỳ mới thúc đẩy các cuộc biểu tình của Phật Giáo để lật đổ ông Diệm hầu để đưa chiến binh Mỹ vào miền Nam VN được. Từ đó, để “giải tội” cho ông Diệm, họ đã phóng to thành kịch bản “ông Diệm bảo vệ quyền tự quyết” nên bị Mỹ xúi giục các tướng lãnh đảo chánh!

Lý luận trên hoàn toàn sai, hoàn toàn không đúng. Các hồ sơ giải mật gần đây cho thấy TT Kennedy đã thấy thua từ cuối 1961, nên thu xếp từ mùa xuân 1962 để giảm sự tham dự quân sự Hoa Kỳ trở về mức tương đương với đầu năm 1961. Và vào ngày 11 tháng 10-1963, TT Kennedy đã ra một lệnh bí mật để lập kế hoạch rút 1,000 cố vấn (trên tổng số gần 17,000) từ VN về Mỹ vào cuối năm 1963; hồ sơ mật này có ký hiệu là NSAM 263. Như vậy, **TT Kennedy không những đã không muốn đem quân vào Việt Nam, mà ngược lại, còn quyết định bắt đầu rút quân khỏi miền Nam.**

Ngoài ra, Phật Giáo đã không tham dự gì với các diễn biến chính trị quân sự quan trọng trong quan hệ Mỹ-Việt đó, vì trận tổng tấn công các chùa do ông Nhu thực hiện đêm 20 rạng 21-8-1963 đã bắt hầu hết các vị sư lãnh đạo Phật Giáo.

Sau đây là bản Việt dịch 5 trang trong cuốn biên khảo

“*Death of A Generation*” của GS Howard Jones, xuất bản bởi NXB Oxford University Press năm 2003, và cả bản Việt dịch hồ sơ NSAM 263. Cuốn biên khảo viết trong 15 năm, duyệt và góp ý bởi nhiều học giả, ghi lại thông tin có từ nhiều hồ sơ giải mật và các cuộc phỏng vấn riêng, cùng với các bản khai hữu thể chưa phổ biến từ ba thư viện Tổng Thống và Trung Tâm Văn Khố Quốc Gia.

Sách này viết công phu và cẩn trọng vì tham khảo nhiều nguồn; Thí dụ, độc giả có thể xem cuối bản dịch này, trong chú thích số (9) — khi nói về chiến lược Rostow trình lên TT Kennedy — đã dẫn ra tới 7 nguồn khác nhau. Tất cả các chú thích nơi đây đều sẽ không dịch ra Việt ngữ, giúp người cần nghiên cứu có thể dựa vào chú thích để dễ dàng tìm ra tài liệu gốc Anh ngữ.

Qua các tài liệu và phân tích trong 5 trang này, ta có thể nhận ra các sự kiện sau:

- Năm 1960, John F. Kennedy nhậm chức Tổng Thống Mỹ. Tháng 4 năm 1961, ông chấp thuận đưa du kích quân (Lữ Đoàn 2506, do CIA huấn luyện) vào Vịnh Con Heo để lật đổ Fidel Castro và để chiếm Cuba nhưng hoàn toàn thất bại. Sau thảm bại này, TT Kennedy **không hoàn toàn tin vào các nhận định của các tướng Hoa Kỳ và CIA nữa.**
- Năm 1962, TT Kenney sắp xếp để sẽ rút bớt quân Mỹ tại VN (xem trang 8). Kennedy tin rằng cải cách chính trị ở Việt Nam quan trọng hơn là chiến thắng ở chiến trường. Nhưng **Việt Nam tất phải thua vì chính sách của TT Ngô Đình Diệm làm mất lòng dân** (xem chú thích 16).
- Bản văn NSAM 263 đề ngày 11 tháng 10-1963, do Cố vấn An ninh Quốc gia (NSC) McGeorge Bundy **chỉ thị sẽ rút quân Mỹ kể từ tháng 12-1963.**
- Kennedy hỗ trợ cuộc đảo chánh của các tướng lãnh VNCH, nhưng muốn đưa ông Diệm ra lưu vong.
- Dòng họ Ngô Đình Diệm kiêu kỳ và khó chịu tới nỗi, Tòa Đại Sứ Mỹ chỉ thị cho tất cả các nhân viên sứ quán không được uống bất cứ thứ gì trong 3 giờ đồng hồ trước khi vào Dinh Tổng Thống để khỏi phải dùng nhà vệ sinh (xem trang 9).

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

- Thất bại trong Cuộc Chiến Việt Nam là **do Tổng Thống Diệm và gia tộc họ Ngô** (xem trang 9).
- Kennedy đã thấy Mỹ và chính phủ ông Diệm tất phải thua cuộc chiến từ cuối năm 1961 (xem trang 11).
- Kennedy sắp xếp việc rút quân bằng cách dự tính gỡ chức Ngoại Trưởng của Rusk (xem trang 11) và giữ thể diện cho Đảng Dân Chủ khi thua cuộc ở Nam VN bằng cách đưa Lodge (Cộng Hòa) vào chức Đại Sứ Mỹ ở VN (xem trang 12).

Cuối bản dịch này sẽ đính kèm bản scan của các trang 8-12 và bản gốc hồ sơ mật NSAM 263. Toàn văn dịch bởi Cư sĩ Nguyên Giác.)

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH HỒ SƠ NSAM 263

Bạch Ốc
Washington

CHỈ ĐỌC THÔI

Ngày 11 tháng 10 1963

BẢN GHI NHỚ HÀNH ĐỘNG AN NINH QUỐC GIA SỐ 263

GỬI TỚI: Bộ Trưởng Ngoại Giao
Bộ Trưởng Quốc Phòng
Tham Muu Trưởng Liên Quân

CHỦ ĐỀ: Nam Việt Nam

Trong một buổi họp ngày 5 tháng 10-1963, Tổng Thống [Kennedy] xem xét các khuyến nghị trong bản phúc trình của Bộ Trưởng McNamara và Tướng Taylor trong chuyến đi khảo sát của họ ở Nam VN.

Tổng Thống chấp thuận khuyến nghị quân sự trong Phần I B (I-3) của bản phúc trình, nhưng ra lệnh rằng không đưa ra loan báo chính thức nào về việc thực hiện kế hoạch rút 1,000 chiến binh Mỹ về vào cuối năm 1963.

Sau khi thảo luận về các khuyến nghị còn lại trong bản

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

phúc trình, TT Kennedy chấp thuận bản chỉ thị cho Đại sứ Lodge nguyên đã ghi trong bức điện văn số 534 do Bộ Ngoại Giao Mỹ gửi (LND: Điện văn 534 này đề ngày 5 tháng 10-1963).

Ký tên:
McGeorge Bundy
(Cố vấn An ninh Quốc gia)

Phó bản gửi để thực hiện:
Giám đốc Sở Tình Báo Trung Ương CIA
Giám đốc Sở Phát Triển Quốc Tế AID

Phó bản gửi để biết:
Ông Bundy, Ông Forrestal, Ông Johnson,
Hồ sơ lưu Hội đồng An ninh Quốc gia NSC.

Hồ sơ giải mật ngày 15 tháng 7-1977

Hết Bản Dịch NSAM 263

NGUYỄN VĂN: →

THE WHITE HOUSE
WASHINGTON

~~TOP SECRET~~ - EYES ONLY

October 11, 1963

NATIONAL SECURITY ACTION MEMORANDUM NO. 263

TO: Secretary of State
Secretary of Defense
Chairman of the Joint Chiefs of Staff

SUBJECT: South Vietnam

At a meeting on October 5, 1963, the President considered the recommendations contained in the report of Secretary McNamara and General Taylor on their mission to South Vietnam.

The President approved the military recommendations contained in Section I B (1-3) of the report, but directed that no formal announcement be made of the implementation of plans to withdraw 1,000 U.S. military personnel by the end of 1963.

After discussion of the remaining recommendations of the report, the President approved an instruction to Ambassador Lodge which is set forth in State Department telegram No. 534 to Saigon.

McGeorge Bundy
McGeorge Bundy

Copy furnished:
Director of Central Intelligence
Administrator, Agency for International Development

cc:
Mr. Bundy ✓
Mr. Forrestal
Mr. Johnson
NSC Files

~~TOP SECRET - EYES ONLY~~

DECLASSIFIED

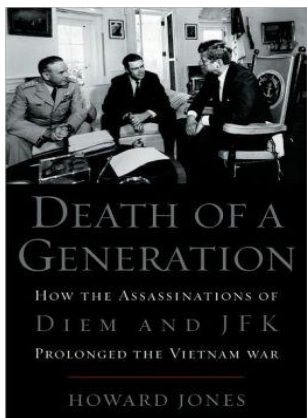
E. O. 11652, SEC. 2.11, 2.12, 2.13, 2.14

Committee Print of Pentagon Papers
BY *MSZ* MARK DATE *7/15/77*

*

* *

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH TRANG 8-12
của tác phẩm DEATH OF A GENERATION



■ Trang 8:

...Chủ nghĩa Cộng sản vồ lấy các nước chưa phát triển bằng cách trà trộn, nổi loạn, và mở ra cuộc chiến du kích. Để đối phó “bệnh” này, Rostow (Phụ tá Cố vấn An ninh Quốc gia của TT Kennedy) đưa ra chiến lược phản kích đa tầng, tập trung vào việc tăng tính di động nhanh hơn để đánh các trận hạn chế, và một chương trình kinh tế đề ra để ngăn cản phiến quân Cộng sản xuyên qua các chương trình xây dựng đất nước.

Phương pháp rộng lớn như thế đòi các biện pháp cả quân sự và dân sự để cung cấp cho số lượng nhiều nông dân tại Lào và Việt Nam “*một chỗ đứng trong hệ thống, một cảm thức về vai trò của họ trong đó, và một quyết tâm để hệ thống này tồn tại.*”

Một phương pháp linh động và tự chế như thế có thể hoàn tất lời hứa nêu lên trong bài diễn văn đăng quang của Tổng Thống Kennedy để giúp “*những người sống trong các túp lều và các ngôi làng của một nửa địa cầu đang gian nan trong việc phá vỡ các tai ách nghèo khó tập thể.*” Chỉ khi làm được như thế, Hoa Kỳ mới tránh nổi việc tham chiến trực tiếp. (9)

Nhưng sự lạc quan trong giây phút đăng quang đã nhạt dần đi. Vào thời điểm Tổng Thống Kennedy bị ám sát, **ông đã sắp hoàn tất một tiến trình để rút hầu hết lính Mỹ ra khỏi Việt Nam** theo kế hoạch có tên “Comprehensive Plan for South Vietnam.” (Kế Hoạch Toàn Diện cho Nam Việt Nam -- viết tắt, CPSV)

Thực sự, **1,000 chiến binh Mỹ đầu tiên sẽ khởi sự theo lịch trình rút khỏi VN vào đầu tháng 12-1963.** (10)

Nên biết rằng, cách tiếp cận của TT Kennedy đối với Nam VN [cho đến năm 1963] đã dẫn tới việc **đưa gần 17,000 lính Mỹ vào Nam VN**, nhưng không chiến binh nào có quyền tác chiến trừ khi bị tấn công. Mục tiêu chính thức của họ vẫn là cố vấn, hỗ trợ, và hiện diện biểu tượng, ngay cả khi họ có mặt như thể đã dẫn tới một số lính Mỹ rơi vào trường hợp tác chiến, cho dù là với tư cách cố vấn quân sự, chuyên gia về tổ chức, phi công, hay chỉ đơn giản là nhân viên trong căn cứ.

Bạch Ốc đã cố gắng che giấu cuộc chiến bí mật tại VN nhằm ngăn cản bất ổn trong nội bộ Hoa Kỳ và để giữ mức hạn chế đối với cuộc chiến thực giữa những người Cộng sản và Thế Giới Tự Do. Nếu Quân lực VNCH đẩy lùi được Việt Cộng, và nếu Kennedy thắng cử lần nữa vào năm 1964, **ông dự định tiếp tục chương trình rút quân Mỹ về từng giai đoạn, nhằm đưa hầu hết lính Mỹ từ VN về Mỹ trong năm 1965**. Những lính Mỹ còn lại dự kiến sẽ chỉ còn 1,500 người, gồm toàn là cố vấn và như thế sẽ gần với con số ấn định trong Hiệp Định Geneva.

Nhưng, khi **tình hình Nam VN tệ hại đi vào mùa thu 1961**, TT Kennedy tin rằng, ít nhất có một lúc như thế, ông phải nhấn mạnh liệu pháp quân sự có sẵn trong lý thuyết chống nổi loạn. TT Kennedy cố gắng duy trì lần ranh mỏng giữa nhiệm vụ hỗ trợ và tác chiến trực diện với Việt Cộng. Nhưng lần ranh này mờ dần đi khi chiến binh Mỹ tại Nam VN đông thêm và gặp nguy hiểm hàng ngày.

Làm thế nào một cấp chỉ huy quân sự Mỹ có thể kèm chế lính của ông trong khi bị tấn công? Có thể nào mà việc tự vệ sẽ không dẫn tới một cuộc tấn công, mà việc tấn công đó đã Mỹ hóa cuộc chiến tranh này?

Vào mùa xuân 1962, **Tổng Thống Kennedy tìm cách giảm mức tham dự quân sự của Mỹ trở về ngang mức của đầu năm 1961**. Nỗ lực rút quân Mỹ về như thế đã khựng lại từ sau những cuộc biểu tình của Phật Tử vào tháng 5-1963, và rồi ngưng hẳn sau khi TT Kennedy bị ám sát 6 tháng sau đó.

■ Trang 9:

Thất bại tại Việt Nam **phần lớn là do Tổng Thống Diệm và gia đình của ông ta**. Là một giáo dân Thiên Chúa

Giáo La Mã trong một đất nước đa số là Phật Tử, Diệm thấy khó mà cãi lại các cáo buộc ông về lỗi truy bức tôn giáo.

Với kiểu cách lạnh lùng, kiêu kỳ và thiên vị, Diệm không bao giờ lộ ra bất kỳ khuynh hướng nào cho dân chủ, và đã **chỉ ưa nắm quyền lực trong tay riêng cho ông và gia đình ông**. Thực sự, ông Diệm thuộc loại quá khó để nói chuyện, đến nỗi, để tránh việc phải sử dụng nhà vệ sinh, Tòa Đại Sứ Mỹ đã chỉ thị cho các viên chức là đừng có uông bất kỳ nước gì trong 3 giờ đồng hồ trước khi gặp ông Diệm.

Niềm tin của ông Diệm vào “Chủ nghĩa Nhân vị,” phản ảnh cái nền tảng quan cách, thượng lưu của ông, và phản ảnh cái nghi ngờ thâm sâu của Diệm đối với những người ở ngoài gia tộc nhà Ngô -- kể cả [nghi ngờ] người Mỹ.

Khi các sĩ quan bất mãn thất bại trong cuộc đảo chánh dang dở cuối năm 1960, có phải đúng là gia đình của Diệm vẫn giữ lòng trung thành với nhau hay sao? Có phải là không chắc chắn rằng (ít nhất là với ông Diệm) Tòa Đại Sứ Mỹ và CIA trước đó đã chấp nhận [đảo chánh] miễn đừng sát hại ông Diệm?

Do vậy, ông Diệm (không có vợ) đã tìm lời cô vấn hầu như chỉ riêng từ người em là Ngô Đình Nhu, cũng lạnh lùng xa cách và như dường vô cảm như ông, vốn là người không giữ chức vụ hành pháp nào trong chính quyền, và cô em dâu là bà Ngô Đình Nhu, người đã trở thành “Đệ Nhất Phu Nhân” của ông Diệm.

Bà Nhu là người chỉ trích các nỗ lực đổi mới của Mỹ tại Nam VN bằng lời cay độc và sinh động; Bà Nhu là một cựu Phật Tử, đã cải đạo sang Thiên Chúa Giáo La Mã, và ưa thích một xã hội khép kính dựa vào tiêu chuẩn đạo đức nghiêm khắc mà riêng bà định ra. Bà Nhu đã nói, “Không chỉ ánh sáng mặt trời tới [khi mở cửa], mà cả nhiều thứ tệ hại cũng bay vào.” (11)

Khi Kennedy lên ngôi Tổng Thống, Diệm trước đó đã thoát nhiều cuộc khủng hoảng từ khi giữ chức lãnh đạo Nam VN năm 1954, khi Hoa Kỳ đỡ đầu chế độ của Diệm với viện trợ kinh tế và quân sự lớn lao, vừa sau khi quân Pháp thảm bại ở trận Điện Biên Phủ.

Trong một động thái sai mục tiêu bi thảm, chính phủ Kennedy vào năm 1963 đã hỗ trợ cuộc đảo chánh của các tướng lãnh chống ông Diệm, **nghĩ rằng thay đổi chính phủ sẽ cải tiến nỗ lực chiến tranh và từ đó sẽ dọn đường để Mỹ rút khỏi Việt Nam**. Khi các tướng lãnh Quân lực VNCH sửa soạn đảo chánh đầu tháng 11-1963, họ biết rất rõ là **được Hoa Kỳ tán thành, dù không có hợp tác và tham dự trực tiếp**. Dù vậy, Tòa Bạch Ốc vẫn mang trách nhiệm lớn. Tổng Thống Kennedy đã trở thành đồng lõa trong cuộc đảo chánh bằng cách tỏ dấu hiệu cho các tướng lãnh này thấy rằng ông Diệm sẽ không được Mỹ giúp đỡ.

Những tiếp cận trước đó từ các tướng lãnh VNCH với Hoa Kỳ xuyên qua CIA đã không được bảo đảm như thế, làm cho họ khựng lại kế hoạch hồi tháng 8-1963. Nhưng rồi các thông tin lộ ra cho thấy Nhu đã bí mật liên lạc với Bắc VN về việc kết thúc chiến tranh mà không tham khảo các quốc gia siêu cường nào hết. Số mệnh các tướng lãnh sẽ ra sao, khi họ đã liễu bất mãn với nhà Ngô như thế? **Bàn tay tàn bạo của ông Diệm khi đàn áp Phật Tử cuối cùng kết hợp với tình hình quân đội VNCH dao động trong nỗ lực chiến tranh, với việc chính phủ Kennedy công khai chỉ trích chế độ Sài Gòn, và những tin đồn liên tục về những cuộc thương thuyết bí mật của Nhu với Hà Nội đã thúc đẩy các tướng lãnh phải đảo chánh** và đã dẫn tới cái chết của cả ông Diệm và Nhu.

■ Trang 10:

Những lễ hội tung bồng đón mừng các tướng lãnh ở Sài Gòn, **khi dân chúng bày tỏ lòng biết ơn và ca ngợi họ đã lật đổ được nhà Ngô đáng ghét**. Sự ổn định nội bộ như dường đã trở lại với Nam VN. Cuộc dàn quân đảo chánh của các tướng lãnh đã cho thấy hiệu quả, cho thấy niềm tin rộng rãi rằng họ sẽ dễ dàng đánh bại Việt Cộng.

Nhưng niềm vui này chỉ kéo dài khoảnh khắc. Quyết định của các tướng lãnh trong việc giết Diệm và Nhu đã làm chính họ chia rẽ thâm sâu, và dẫn tới hỗn loạn cay đắng ở Sài Gòn. Rồi thì, ba tuần sau đó, TT Kennedy bị giết – và chôn cùng với ông là CPSV (Kế Hoạch Toàn Diện cho Nam VN).

Các viên chức thân cận của TT Kennedy đã xác định ý định của ông muốn **giảm sự tham dự** của Mỹ tại VN. **John Kenneth Galbraith**, Đại sứ Mỹ tại Ấn Độ và là bạn lâu năm và là người thân tín của TT Kennedy, nói rằng Kennedy đã quyết định đưa lực lượng quân sự đặc biệt của Mỹ ra khỏi VN. **Hilsman** (Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ Viễn Đông Vụ) và **McNamara** (Bộ Trưởng Quốc Phòng) cũng nói thế, và như thế đã làm tăng mức bi kịch cho vụ ám sát TT Kennedy. (12)

Đặc biệt thêm là, lời khẳng định của Galbraith rằng, để xúc tiến việc rút quân Mỹ ra khỏi VN, TT Kennedy đã lên kế hoạch đưa McNamara thay Rusk trong chức vụ Ngoại Trưởng Mỹ, sau cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ vào năm 1964. Galbraith tin rằng Kennedy có ý định “Việt Nam hóa” cuộc chiến sau cuộc tái thắng cử dự kiến của ông — để giảm sự tham dự của Mỹ trở về mức cố vấn như thời khi ông mới vào Bạch Ốc.

Trở ngại lớn nhất của TT Kennedy là quân đội. TT Kennedy bị ‘phỏng’ vì các viên chức Bộ Quốc Phòng (và CIA) trong thảm bại ở Vịnh Con Heo, và sau đó đã lưỡng lự không còn tin tưởng họ. Vào cuối năm 1962, TT Kennedy đã tìm ra một cách để duy trì sự kiểm soát quân đội Mỹ trong khi **giảm từ từ viện trợ quân sự đặc biệt của Mỹ tại VN**. Một cách để làm như thế, theo lời Galbraith, là đổi lãnh đạo ở Bộ Ngoại Giao Mỹ.

TT Kennedy đã xem Ngoại Trưởng Rusk như là “một chiến sĩ lạnh lùng, quyết tâm, và được trao cho, như ở Việt Nam, một giải pháp quân sự, hay, nói chính xác hơn, là không-giải-pháp.” Thực sự, quan điểm của Rusk về dòng thác xâm lấn của Cộng sản tới từ kinh nghiệm của Tây Phương ở Munich năm 1938.

Rusk viết trong hồi ký, “*Khi người ta nhìn các sự kiện buồn trong thập niên 1930’s tại Châu Âu, tôi nghĩ rằng Hoa Kỳ và các nền dân chủ Tây Phương, với chủ nghĩa chủ hòa và chủ nghĩa tự cô lập của chúng ta, và với sự lạnh nhạt của chúng ta đối với dòng thác xâm lấn đó, đều có tội để cửa cho bọn cướp vào.*”

Do dự duy nhất của TT Kennedy về dự định chuyển

McNamara [thay Rusk] là, khi Bộ Quốc Phòng Mỹ không còn McNamara nữa, giới quân đội có thể sẽ leo lái cuộc chiến. Galbraith nói rằng, Kennedy xem McNamara là người duy nhất có khả năng leo lái Tham Mưu Trưởng Hoa Kỳ và Bộ Quốc Phòng Mỹ. (13)

Các nhận định đó của Galbraith có giá trị. Hilsman, cũng thế, nói rằng Kennedy “*rõ ràng sắp rút khỏi VN*” và rằng Kennedy dự định bình thường hóa quan hệ với Nam VN. Hilsman nói, một phương tiện để làm như thế là phải gỡ Rusk đi [khỏi chức Ngoại Trưởng].

■ Trang 11:

Mặc dù Rostow đã ra khỏi Bạch Ốc vào cuối năm 1961, Rostow cũng đã biết về một kế hoạch rút lính Mỹ về nước một thời gian sau đó. Thực sự, McNamara trước đó đã tin rằng vào mùa thu 1963, Mỹ sẽ rút nhiều ngàn “*cố vấn*” về lại Mỹ.

Thực sự, theo lời Galbraith, một sự thật lớn lao không được nói lên trong vòng cao cấp nhất của chính phủ Kennedy là, **Hoa Kỳ không thể thắng nổi cuộc chiến, và nên thu về toàn bộ các trợ giúp đặc biệt đã đưa vào VN kể từ tháng 1-1961.**

Khi được hỏi về lời khẳng định của Galbraith rằng TT Kennedy đã quyết định thay đổi người giữ chức vụ Ngoại Trưởng, Cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng [McNamara] trả lời rằng TT Kennedy không yêu cầu ông vào thay chức [Ngoại Trưởng của Rusk] nhưng rằng “*Robert Kennedy đã yêu cầu như thế.*” (14)

(LND: Robert Kennedy là em ruột của Tổng Thống Kennedy, giữ chức Bộ Trưởng Tư Pháp Mỹ từ 1961-1964, đồng thời là Cố vấn Bạch Ốc cho TT Kennedy từ 1961-1963.)

Tiết lộ của Galbraith đã đưa McNamara vào sâu thêm vào bóng mờ của Việt Nam. Mặc dù Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara đã kêu gọi rút quân Mỹ về trong năm 1963, ông không nêu ý kiến đó khi Tổng Thống Johnson leo thang cuộc chiến sau đó vào cuối năm đó.

McNamara giải thích với tôi (GS Howard Jones) rằng vì Việt Cộng tăng tốc hoạt động và vì chỉ có hành động quân sự

mới có thể giải quyết tình hình nguy cấp đó. Tuy nhiên, Hilsman nói rằng McNamara mang tâm thức “bất định” và “lẫn lộn” và không bao giờ có ý định rút lui. (15)

Vào tháng 12-1963, Tổng Thống Johnson đã làm những gì mà người tiền nhiệm đã khéo léo tránh né: Ông gắn bó sát hơn với quan điểm của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Mỹ về vấn đề Việt Nam.

Khi còn là Phó Tổng Thống, Johnson đã không có mặt trong các buổi họp bí mật ở Bạch Ốc về diễn tiến cuộc đảo chánh ở Nam VN, và khi biết sự liên hệ bí mật của chính phủ Kennedy, Johnson đã mạnh mẽ lên án quyết định đó. Khi lên giữ chức Tổng Thống, Johnson muốn cuộc chiến dừng rắc rối quá để khỏi ngăn trở việc ông thực hiện chương trình cải cách trên nước Mỹ.

Để lý luận, các sử gia sẽ do dự khi giả thiết về những gì có thể xảy ra tại VN nếu TT Kennedy còn sống. Rồi thì, tại sao khảo sát vấn đề này? Những người bi quan nói, Kennedy đã chết ở Dallas, như thế thật là vô nghĩa khi chúng ta bàn về Kennedy có thể có chính sách gì khác tại VN để có thể ngăn cản cái chết của nhiều triệu người.

Tuy nhiên, không phải là chuyện giả thiết khi khảo sát chính sách của TT Kennedy về VN trong nỗ lực muốn tìm xem có hay không diễn ra một mô hình rút lui quân Mỹ về. Là một nhân vật chủ yếu trong vở bi kịch này, Kennedy lý luận rằng **chỉ có người Nam VN mới có thể chiến thắng (hay thất bại) ở cuộc chiến này**. Chính Kennedy đã lập đi lập lại rằng ông định nghĩa thành công như là việc giảm khả năng của loạn quân Việt Cộng về mức độ mà chính phủ Sài Gòn có thể tự mình kiểm soát được để giữ an ninh.

Các hồ sơ củng cố cho cuộc nghiên cứu này cho thấy rằng **TT Kennedy đã có ý định rút bớt sự tham dự quân sự đặc biệt của Mỹ tại Nam VN về còn mức tương đương đầu năm 1961 thôi**. (16)

Sau khi liên tục nhận các bản báo cáo lẫn lộn (thắng/thua) về diễn tiến cuộc chiến, TT Kennedy đã chọn giải pháp **rút bớt quân Mỹ, dự kiến khởi sự từ cuối 1963 và, sau**

khi tái đắc cử vào mùa thu 1964, sẽ đưa số quân Mỹ giảm còn tương đương mức cố vấn quân sự của năm 1961 vào cuối năm 1965. Việc Kennedy bổ nhiệm Henry Cabot Lodge làm Đại sứ tại Nam VN vào mùa thu 1963 là sự kiện đáng nói.

■ Trang 11:

Là một nhân vật hàng đầu của Đảng Cộng Hòa, Lodge và Đảng Cộng Hòa sẽ chia sẻ trách nhiệm chính trị nếu có thất bại tại Việt Nam. Thực sự, Lodge trở thành người ủng hộ mạnh mẽ cho cuộc đảo chánh [tại Sài Gòn], liên lạc trực tiếp với TT Kennedy và làm cho việc này trong bản chất trở thành việc của lưỡng đảng [tức, Dân Chủ và Cộng Hòa].

Nghi ngờ khả năng của Nam VN [tức, chính phủ nhà Ngô] và **chống lại việc quân Mỹ phải tham chiến, TT Kennedy đã tìm cách ngưng việc Mỹ hóa cuộc chiến** trong một tiến trình mà TT Richard M. Nixon sẽ đặt tên là “*Việt Nam hóa*” chiến tranh.

Không phải ai cũng chấp nhận các khám phá trong cuộc nghiên cứu này (LND: mà kết quả là sách “*Death of a Generation*”). Câu chuyện kể lại trong các trang giấy này vẫn còn chưa lắng xuống, và khó mà bác bỏ. TT Kennedy lúc đầu đã cùng những người khác tham dự chiến lược tranh cãi là rút lui xuyên qua việc leo thang chiến tranh, nhưng đã **sớm nhận ra rằng gỡ dần quan hệ quân sự mới đưa ra con đường khả thi duy nhất để ra khỏi vũng lầy.** TT Kennedy lúc đó **hỗ trợ cuộc đảo chánh trong một nỗ lực tính nhằm để đẩy tới kế hoạch rút quân Mỹ về**, mà, vì các lý do chính trị, việc rút quân đó sẽ thực hiện trong nhiệm kỳ thứ nhì của ông ở cương vị Tổng Thống Mỹ.

TT Kennedy không đơn độc chịu trách nhiệm cho các sự kiện này. Tham dự của Mỹ tại VN trong nhiều năm trước khi ông vào Bạch Ốc đã đẩy Hoa Kỳ vào các vấn đề đối ngoại và đối nội của Nam VN.

Emmet John Hughes, cựu cố vấn chính trị và là người viết diễn văn cho TT Eisenhower, ghi nhận rằng Hoa Kỳ với tư cách quốc gia can thiệp không có thể “*cứu nền tự do chân thực của nước khác mà không trở thành liên hệ một cách chủ yếu*”

trong toàn bộ hành vi và định mệnh của quốc gia đó.” Không có cách nào khác để tách biệt sự liên hệ về các vấn đề đối ngoại và đối nội. “Điểm cần thấy rằng để sắp xếp từ xa vào đời sống chính trị nội bộ của một nước đồng minh chính là ‘can thiệp’. Đó là sự can thiệp của sự ung thuận lặng lẽ.” **Sự liên hệ của Hoa Kỳ [với Việt Nam] đã quá sâu** tới nỗi Mỹ không thể thoát trách nhiệm về cuộc đảo chánh đó, bất kể những gì Mỹ đã làm hay đã không làm. (17)

Dù vậy, TT Kennedy không xuất hiện phù hợp với hình ảnh lý tưởng như trong vở bi kịch Camelot. Kennedy đã khuyến khích một cuộc đảo chánh ra ngoài vòng kiểm soát và dẫn tới cái chết của ông Diệm chứ không như dự tính là đẩy Diệm ra hải ngoại. Một số sử gia hiện đại nghi ngờ sự liên hệ của Kennedy với cuộc đảo chánh, nhưng họ không đẩy xa vấn đề vì chẳng bao lâu sau đó TT Kennedy lại bị ám sát.

Nếu Kennedy thoát chết và thắng cử nhiệm kỳ nữa, sẽ không có lý do nào để tin rằng ông sẽ thay đổi quan điểm của ông về việc muốn rút ra khỏi một cuộc chiến vốn đã trở thành một thảm bại tất yếu (to get out of a war that had become a lost cause – Dictionary.com dịch ‘lost cause’ là ‘whose defeat is inevitable; a cause with no chance of success’).

Có công bằng không, khi chỉ trích TT Kennedy đã hoãn một cuộc rút quân Mỹ vì lý do chính trị? Có phải Kennedy làm đúng khi nhận định rằng rút quân Mỹ trước cuộc bầu cử sẽ bảo đảm cho Đảng Cộng Hòa chiến thắng vì cáo buộc rằng Đảng Dân Chủ đã làm mất VN cũng như trước đó họ làm mất Trung Quốc?

Trong vở bi kịch của T.S. Eliot, tựa đề *Murder in the Cathedral* (*Ám sát trong thánh đường*), Tổng Giám Mục người Anh ở Tổng Giáo Phận Canterbury là Thomas Becket (LND: chức này cũng là Giáo Chủ Anh Giáo) tuyên bố, “Cám dỗ cuối cùng là phản bội lớn nhất; Để làm điều đúng vì một lý do sai lầm.” (18)

Nhưng động cơ có đáng nói không, nếu kết quả có thể cứu được một thế hệ [thanh niên Mỹ]?

NOTES:

9. Rostow to Rusk, Jan. 6, 1961, pp. 2–3, 8–9, President’s Office File (hereafter referred to as POF), Staff Memoranda Nov. 1960–Feb. 1961—Rostow, box 64a, JFKL; Walt W. Rostow, *The Stages of Economic Growth, A Non-Communist Manifesto* (Cambridge, Engl.: Cambridge University Press, 1960); William J. Rust, *Kennedy in Vietnam: American Vietnam Policy, 1960–1963* (New York: Charles Scribner’s Sons, 1985), 31; JFK’s Inaugural Address, Jan. 20, 1961, *Public Papers of the Presidents of the United States: John F. Kennedy, 1961* (Washington, D.C.: Government Printing Office, 1962), 1; David Halberstam, *The Making of a Quagmire: America and Vietnam during the Kennedy Era* (New York: Alfred A. Knopf, 1964; revised ed., New York: Alfred A. Knopf, 1988); David Halberstam, *The Best and the Brightest* (New York: Random House, 1969); Neil Sheehan, *A Bright Shining Lie: John Paul Vann and America in Vietnam* (New York: Random House, 1988).

10. Hedrick Smith, “220 G.I.’s Leave South Vietnam as Troop Reduction Gets Under Way,” *New York Times*, Dec. 4, 1963, p. 1; “South Vietnam: The Break-Even Point,” *Newsweek*, Dec. 2, 1963, p. 57; Hilsman, “McNamara’s War,” 161.

11. Hilsman, “McNamara’s War,” 158; Mme. Nhu quoted in Schlesinger, *Thousand Days*, 451. For background of Diem and family, see Denis Warner, *The Last Confucian: Vietnam, Southeast Asia, and the West* (New York: Macmillan, 1963), chap. 5, and Robert Scigliano, *South Vietnam: Nation under Stress* (Boston: Houghton Mifflin, 1964), 13–24.

12. Author’s interview with Galbraith, March 28, 2001; author’s interview with Hilsman, Sept. 17, 2001; author’s interview with McNamara, March 5, April 17, 2001.

13. Author’s interview with Galbraith, March 28, 2001; Galbraith to author, Oct. 10, 2001 (letter in author’s

possession); Rusk, *As I Saw It*, 83; author's interview with Hilsman, Sept. 17, 2001.

14. Author's interview with Hilsman, Sept. 17, 2001; author's interview with Rostow, Feb. 20, 2001; author's interview with Galbraith, March 28, 2001; author's interview with McNamara, April 17, 2001. Hilsman thought that President Kennedy might replace Rusk with McGeorge Bundy.

15. Author's interview with McNamara, April 17, 2001; author's interview with Hilsman, Sept. 17, 2001.

16. Other historians have made this argument before me, daring to speculate about what might have resulted in Vietnam had the bullets missed Kennedy. The three most deeply researched works on Kennedy and Vietnam are: John M. Newman, *JFK and Vietnam: Deception, Intrigue, and the Struggle for Power* (New York: Warner Books, 1992); Fredrik Logevall, *Choosing War: The Lost Chance for Peace and the Escalation of War in Vietnam* (Berkeley: University of California Press, 1999); and David Kaiser, *American Tragedy: Kennedy, Johnson, and the Origins of the Vietnam War* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 2000). Logevall most directly speculates about what might have been, but he bases his thoughts on sound reasoning. President Kennedy, Logevall maintains, had always been ambivalent about the war, never wavering from his desire to win but recognizing the danger of enlarging U.S. intervention without allied support and understanding the domestic political costs involved in taking over the war. Despite Kennedy's setbacks in foreign policy, he had earned sufficient credibility to permit him to change Vietnam policy after his presumed reelection in 1964. He knew that political reforms in Vietnam were more important than battlefield victories; he had no Great Society program to implement; and, having faced a number of crises while in office for three years, he had less need than Johnson to prove himself. The dire situation in Vietnam by late 1964 would doubtless have encouraged Kennedy to reduce the U.S. commitment. See Logevall, *Choosing War*, 395–400, and his essay, "Vietnam and

the Question of What Might Have Been,” in Mark J. White, ed., *Kennedy: The New Frontier Revisited* (New York: New York University Press, 1998), 43–48.

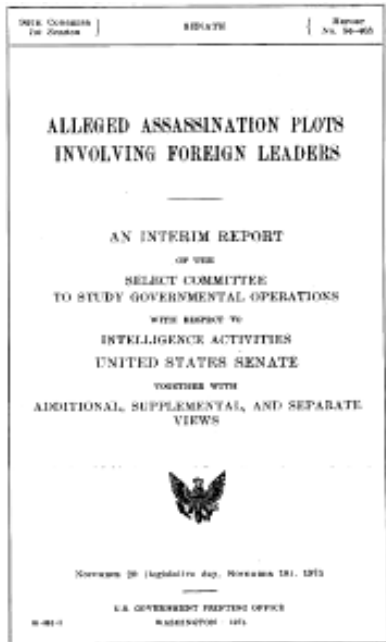
17. Emmet John Hughes, “A Lesson from Vietnam,” *Newsweek*, Sept. 9, 1963, p. 17.

18. T. S. Eliot, *Murder in the Cathedral* (New York: Harcourt, Brace, 1935), 44.

TƯỚNG LÃNH TIÊN HÀNH ĐÁNH DINH GIA LONG DÙ ÁP LỰC GIỜ CHÓT CỦA MỸ ĐÒI HỦY BỎ CUỘC LẬT ĐỔ NHÀ NGÔ



Phúc Trình Thượng Viện Hoa Kỳ Số 94-465



(LỜI NGƯỜI DỊCH: Đọc lại các chuyển biến trong thời điểm 24 giờ trước cuộc cách mạng 1-11-1963, chúng ta thấy lịch sử có thể chuyển biến theo nhiều hướng khác nhau, khi có nhiều áp lực từ MACV và từ Cố vấn An Ninh Quốc gia Hoa Kỳ đòi hủy bỏ cuộc đảo chính. Một bản phúc trình của Ủy Ban Đặc Tuyển Thượng Viện Hoa Kỳ dày 351 trang về “những âm mưu ám sát các lãnh tụ nước ngoài mà phía Hoa Kỳ có liên hệ”, trong đó các trang 216-223 kể về trường hợp các tướng lãnh VNCH lật đổ ông Ngô Đình Diệm.

Sau đây là bản dịch trang 222, từ kho lưu trữ hồ sơ của Ủy Ban Đặc Tuyển Thượng Viện Hoa Kỳ. Bản phúc trình có tựa đề “Alleged Assassination Plots Involving Foreign Leaders — An Interim Report of the Select Committee to Study Governmental Operations, November 1975” — tức là “Các Âm Mưu Ám Sát Liên Hệ Các Lãnh Tụ Ngoại Quốc — Bản Phúc Trình Lâm Thời của Ủy Ban Đặc Tuyển để Nghiên Cứu Hoạt Động Chính Phủ, Tháng 11-1975.

Vài ghi nhận từ bản phúc trình tháng 11 năm 1975 này:

- Tướng Stillwell ngày 17-10-1963 yêu cầu chính phủ ông Diệm đổi cách làm việc, áp lực cụ thể là sẽ ngưng viện trợ cho các đơn vị Lực Lượng Đặc Biệt cho tới khi các đơn vị này chuyển về trực thuộc Tổng Tham Mưu Trưởng và **được dùng ngoài chiến trường thay vì dùng để đàn áp Phật Giáo.**
- Đại sứ Lodge ngày 27-10-1963 đã trực tiếp nói với ông Diệm, nhưng ông Diệm không cam kết gì.
- Tướng Trần Văn Đôn hứa sẽ tiết lộ kế hoạch đảo chánh cho Đại sứ Lodge biết **4 giờ** đồng hồ trước khi đảo chánh khởi động. Tuy nhiên, vào ngày 1-11-1963, Tòa Đại sứ Mỹ chỉ được báo trước **4 phút** mà thôi.
- Đại sứ Lodge điện văn về Mỹ ngày 30-10-1963 nói rằng **chuyện đảo chánh hoàn toàn nằm trong tay phía người Việt, còn Mỹ không cản ngăn gì được.**
- Tướng Tư Lệnh MACV là Harkins lập tức cùng ngày 30-10-1963 từ Sài Gòn gửi điện văn về Mỹ **phản đối tất cả những âm mưu đảo chánh ông Diệm.**
- Hai điện văn cùng ngày 30-10-1963 từ Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ khuyến cáo Đại sứ Lodge, bày tỏ quan ngại và nói Lodge có thể **nên khuyến cáo hủy bỏ đảo chánh.**
- Khoản tiền 42,000 Mỹ Kim đã do CIA trao trước đó để dùng **mua thực phẩm** cho chiến binh VNCH và dùng làm **tiền tử tuất** cho gia đình tử sĩ trong cuộc đảo chánh.
- Tướng Dương Văn Minh hai lần điện thoại tới ông Diệm, đề nghị hai anh em Diệm-Nhu đầu hàng sẽ được an toàn xuất ngoại. Ông Diệm hai lần từ chối.

Ngoài ra, trong phần Tổng Kết Những Phát hiện và Kết

luận Về Những Âm Mưu (Summary of Findings and Conclusions On The Plots) tại 5 nước là Cuba (Fidel Castro), Congo (Patrice Lumumba), Dominica Republic (Rafael Trujillo), Chile (Rene Schneider), và South Vietnam (Ngô Đình Diệm), kết luận về trường hợp Ngô Đình Diệm ở trang 5 là như sau:

Ngô Đình Diệm (Nam Việt Nam) – Diệm và em ông ta, Nhu, bị giết vào ngày 2 tháng 11 năm 1963, trong quá trình diễn biến của một cuộc đảo chánh của các Tướng lãnh Nam Việt Nam. Mặc dù Chính phủ Mỹ ủng hộ cuộc đảo chánh, [Ủy ban chúng tôi] đã không tìm thấy chứng cứ nào cho thấy quan chức Mỹ đồng ý với cuộc ám sát. Thật vậy, có vẻ như việc ám sát Diệm đã không nằm trong kế hoạch trước khi đảo chánh của các Tướng lãnh, nhưng lại là một hành động tự phát xảy ra trong cuộc đảo chánh và đã được tiến hành không có sự can dự và ủng hộ của Hoa Kỳ.

cerning whether the weapons were knowingly supplied for use in the assassination and whether any of them were present at the scene.

Ngo Dinh Diem (South Vietnam).—Diem and his brother, Nhu, were killed on November 2, 1963, in the course of a South Vietnamese Generals' coup. Although the United States Government supported the coup, there is no evidence that American officials favored the assassination. Indeed, it appears that the assassination of Diem was not part of the Generals' pre-coup planning but was instead a spontaneous act which occurred during the coup and was carried out without United States involvement or support.

General Rene Schneider (Chile).—On October 25, 1970, General Schneider died of gunshot wounds inflicted three days earlier while re-

Trang 5 của Phúc Trình 94-465

Kết luận về trường hợp Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam

Bản dịch dưới đây do **Cư sĩ Nguyễn Giác** thực hiện)

Nguyên văn toàn bộ Phúc trình 94-465 có thể hạ tải ở:

<http://www.intelligence.senate.gov/pdfs94th/94465.pdf>

BẮT ĐẦU BẢN DỊCH

Hoa Kỳ đã tăng áp lực lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm để điều chỉnh phương cách làm việc của ông ta. Vào ngày 17-10-1963, Tướng Richard Stillwell (Chỉ huy trưởng về hoạt động của MACV, cơ quan điều hợp viện trợ quân sự Hoa Kỳ ở VN, viết tắt của “Military Assistance Command, Vietnam”) thông báo cho Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần rằng Hoa Kỳ sẽ ngưng viện trợ cho các đơn vị Lực Lượng Đặc Biệt đã tấn công các ngôi chùa cho tới khi nào các đơn vị này chuyển ra chiến trường và đặt dưới quyền của Tổng Tham Mưu Trưởng. (Theo Pentagon Papers, trang 217)

Vào ngày 27-10-1963, Đại sứ Lodge cùng với ông Diệm tới thăm Đà Lạt, nhưng không nhận được cam kết nào từ ông Diệm để thực hiện theo yêu cầu của Mỹ. (Pentagon Papers, trang 219)

Vào ngày 28-10-1963, Conein (LND: tình báo CIA) gặp Tướng Trần Văn Đôn; Tướng này trước đó đã nhận được bảo đảm từ Đại sứ Lodge rằng Conein đã nói nhân danh cho Hoa Kỳ. Tướng Đôn nói rằng ông sẽ tiết lộ kế hoạch đảo chánh cho Đại sứ Lodge biết bốn giờ đồng hồ trước khi xảy ra, và đề nghị rằng Đại sứ Lodge đừng đối kế hoạch bay sang Mỹ dự kiến vào ngày 31-10-1963. (Bản phúc trình I.G. Report, phần C, trang 37; Pentagon Papers, trang 219)

Vào ngày 30-10-1963, Đại sứ Lodge báo cáo về Washington rằng ông không có cách nào ngăn cản cuộc đảo chánh nữa, và rằng chuyện này hoàn toàn nằm trong tay người Việt rồi. Tướng Harkins (LND: Tư lệnh MACV) không đồng ý, và gửi điện văn bày tỏ lập trường chống đảo chánh của ông lên Tướng Maxwell Taylor (LND: Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Hoa Kỳ) (Pentagon Papers, trang 220)

Một điện văn từ Bundy (LND: Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ) gửi cho Đại sứ Lodge đề ngày 30-10-1963 bày tỏ quan ngại của Tòa Bạch Ốc và chỉ thị rằng “*Chúng ta không thể chấp nhận kết luận rằng chúng ta không có sức mạnh để trì hoãn hay khuyến cáo hủy bỏ cuộc đảo chánh.*” (Điện văn,

Bundy gửi Lodge, 30/10/63)

Một điện văn kế tiếp trong cùng ngày từ Washington gửi cho Đại sứ Lodge ra lệnh Lodge vận động các tướng lãnh VNCH hủy bỏ cuộc đảo chánh nếu Lodge không tin là cuộc đảo chánh sẽ thành công. Chỉ thị này yêu cầu Lodge “*tuyệt đối không liên hệ gì [tới đảo chánh] và giữ thái độ trung lập một cách nào đó.*” (Pentagon Papers, trang 220)

Vào buổi sáng ngày 1-11-1963, các đơn vị đầu tiên liên hệ tới cuộc đảo chánh bắt đầu vây quanh Sài Gòn. Tòa Đại Sứ Mỹ chỉ được thông báo có 4 phút đồng hồ trước khi cuộc đảo chánh khởi sự. (Điện văn, MACV gửi Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Hoa Kỳ, ngày 1/11/63)

Một phụ tá của Tướng Đôn nói với Conein là hãy mang tiền có sẵn tới Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH. Conein mang 3 triệu đồng VN (tương đương khoảng 42,000 Mỹ kim) tới Bộ Tổng Tham Mưu, trao cho Tướng Đôn để mua thực phẩm cho chiến binh và để trả tiền tử tuất cho các chiến binh hy sinh trong cuộc đảo chánh. (Conein, ngày 20/6/75, trang 72) (1)

Conein có mặt ở doanh trại của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH trong hầu hết thời gian đảo chánh. (Bản phúc trình I.G. Report, C, trang 41-42)

Vào lúc 1:40 giờ trưa ngày 1-11-1963, các tướng lãnh đề nghị rằng ông Diệm hãy từ chức tức khắc, và hứa sẽ bảo đảm cho hai ông Diệm và Nhu an toàn ra đi [khỏi VN]. (Conein, bản phúc trình Conein After-Action, trang 15)

Dinh Tổng Thống bị bao vây liền sau đó, và vào khoảng 4:30 giờ chiều, các tướng tuyên bố đảo chánh trên đài phát thanh và yêu cầu hai ông Diệm và Nhu từ chức.

Ông Diệm điện thoại cho Đại sứ Lodge và hỏi về lập trường Hoa Kỳ. Đại sứ Lodge trả lời rằng Mỹ không có quan điểm nào, và bày tỏ quan ngại về an toàn của ông Diệm. (Pentagon Papers, trang 221)

Theo bản phúc trình của Conein, Tướng Dương Văn Minh nói với ông Ngô Đình Nhu rằng nếu ông Diệm và Nhu không từ chức trong vòng 5 phút đồng hồ, Dinh Tổng Thống sẽ bị dội bom. Rồi Tướng Minh điện thoại cho ông Diệm. Ông

Diệm từ chối nói chuyện với Tướng Minh, và tướng này ra lệnh dội bom vào Dinh. Chiến binh tiến vào Dinh, nhưng ông Diệm vẫn từ chối điều đình. Tướng Minh đề nghị cho ông Diệm cơ hội thứ nhì để đầu hàng nửa giờ sau đó...

GHI CHÚ:

(1) Chuyển số tiền này cho các lãnh đạo cuộc đảo chánh đã được đề cập đến từ trước cuộc đảo chánh. Vào ngày 29-10-1963, Đại Sứ Lodge gửi điện văn nói rằng nên đoán trước rằng cần có tiền trợ giúp. (Điện văn, Đại sứ Lodge gửi Bộ Ngoại Giao Mỹ, ngày 29/10/1963 và ngày 30/10/1963) Conein đã nhận tiền này vào ngày 24-10-1963, và giữ tiền này trong tủ sắt tại nhà riêng của ông.

- HẾT TRANG 222 -

ĐÍNH KÈM →

The United States increased pressure on Diem to mend his ways. On October 17, General Richard Stillwell (MACV operations chief) informed Secretary Thuan that the United States was suspending aid to the Special Forces units responsible for the pagoda raids until they were transferred to the field and placed under Joint General Staff (JGS) command. (Pentagon Papers, p. 217) On October 27, Lodge traveled to Dalat with Diem, but did not receive any commitment from Diem to comply with American requests. (Pentagon Papers, p. 219)

On October 28, Conein met with General Don, who had received assurance from Lodge that Conein spoke for the United States. Don said that he would make the plans for the coup available to the Ambassador four hours before it took place, and suggested that Lodge not change his plans to go to the United States on October 31. (I.G. Report, C, p. 37; Pentagon Papers, p. 219)

On October 30, Lodge reported to Washington that he was powerless to stop the coup, and that the matter was entirely in Vietnamese hands. General Harkins disagreed and cabled his opposition to the coup to General Taylor. (Pentagon Papers, p. 220) A cable from Bundy to Lodge dated October 30 expressed White House concern and stated that "[w]e cannot accept conclusion that we have no power to delay or discourage a coup." (Cable, Bundy to Lodge, 10/30/63) A subsequent cable on that same day from Washington instructed Lodge to intercede with the Generals to call off the coup if he did not believe it would succeed. The instructions prescribed "strict non-involvement and somewhat less strict neutrality." (Pentagon Papers, p. 220)

Late in the morning of November 1, the first units involved in the coup began to deploy around Saigon. The Embassy was given only four minutes warning before the coup began. (Cable, MACV to Joint Chiefs of Staff, 11/1/63) An aide to Don told Conein to bring all available money to the Joint General Staff headquarters. Conein brought 3 million piasters (approximately \$42,000) to the headquarters, which was given to Don to procure food for his troops and to pay death benefits to those killed in the coup. (Conein, 6/20/75, p. 72)¹

Conein was at the Joint General Staff headquarters during most of the coup. (I.G. Report, C, pp. 41-42) At 1:40 p.m., the Generals proposed that Diem resign immediately, and guaranteed him and Nhu safe departure. (Conein After-Action Report, p. 15) The palace was surrounded shortly afterwards, and at 4:30 p.m. the Generals announced the coup on the radio and demanded the resignation of Diem and Nhu. Diem called Lodge and inquired about the United States' position. Lodge responded that the United States did not yet have a view, and expressed concern for Diem's safety. (Pentagon Papers, p. 221)

According to Conein's report, Minh told Nhu that if he and Diem did not resign within five minutes, the palace would be bombed. Minh then phoned Diem. Diem refused to talk with him and Minh ordered the bombing of the palace. Troops moved in on the palace, but Diem still refused to capitulate. Minh offered Diem a second chance to sur-

¹ Passing money to the coup leaders was considered sometime prior to the coup. On October 28, Lodge cabled that a request for funds should be anticipated. (Cables, Lodge to State, 10/29/63, and 10/30/63) Conein received the money on October 24, and kept it in a safe in his house.

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

PHẦN III

VÀI TÀI LIỆU TỔNG HỢP

Bản Ghi Nhớ Tình Báo:
THÍCH TRÍ QUANG và Mục Tiêu
Chính Trị Phật Giáo tại Nam Việt Nam

VĂN PHÒNG GIÁM ĐỐC TÌNH BÁO
(Directorate of Intelligence)



Hồ Sơ Mật

Viết ngày 20 tháng 4 năm 1966

Hồ sơ số No. 0806/66

Bản thứ 213

Giải Mật Ngày 15 tháng 1 năm 2004

Tên hồ sơ: CIA-RDP80B01676R000100050011-6.pdf

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Hồ sơ này đã giải mật theo luật Hoa Kỳ — tuy vẫn còn xóa trắng 2 dòng ở trang 1, và xóa trắng hai trang 3 và 4 — sẽ cho thấy cách nhìn từ chính phủ Mỹ về tình hình Việt Nam trong thập niên 1960s. Hồ sơ này cho thấy đánh giá từ phía tình báo Hoa Kỳ về Thầy Thích Trí Quang và hoạt động của Phật Giáo VN trong năm 1966, tức là ba năm sau khi Hòa Thượng Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân. Một vài đánh giá trong bản văn này bây giờ đã thấy là không chính xác, khi Mỹ dựa vào suy đoán để gán ghép một mục tiêu chính trị nào đó cho một hay nhiều vị sư. Tuy nhiên, bản văn này cho thấy cái nhìn từ phía tình báo Hoa Kỳ đối với Phật Giáo trong tình hình lúc đó đang gay gắt, và sẽ chiếu rọi thêm một phần vào lịch sử phong trào Phật Giáo.

Điểm ghi nhận từ hồ sơ đánh giá này:

(1) Phật Giáo đứng về quyền lợi dân tộc, không hề bị chi phối bởi người Cộng sản hay bởi người Mỹ;

(2) Thời kỳ Phật Giáo hồi phục gắn liền với phong trào kháng Pháp;

(3) Người Pháp củng cố quyền lực cai trị phần lớn là nhờ các giáo sĩ;

(4) Bản văn CIA này còn quá sơ sài, không nhìn đúng tình hình chế độ của Tổng Thống Diệm đã gay gắt đàn áp tôn giáo, như đối với Đạo Cao Đài

[<http://hoangnamgiao.blogspot.com/2013/02/ao-cao-ai-bi-nha-ngo-ap-ra-sao-tran-van.html>] hay đối với Phật Giáo Hòa Hảo [<http://hoangnamgiao.blogspot.com/2013/02/phat-giao-hoa-hao-bi-nha-ngo-ap-ra-sao.html>], đó là chưa nói tới trường hợp Phật Giáo;

(5) Bản thân Thầy Thích Trí Quang không liên hệ gì tới CIA hay Cộng sản, chỉ là một người chủ nghĩa dân tộc;

(6) Theo CIA đánh giá, Phật Giáo là cảm xúc sâu thẳm nhất của đa số dân VN (xem đoạn văn 27), chính phủ Phật Giáo nếu có sẽ có thể là kinh địch mạnh nhất mà Việt Cộng có thể đối diện (xem đoạn 30), và Phật Giáo muốn thấy người Mỹ rời Việt Nam (xem đoạn 31).

Cần ghi nhận bối cảnh này:

- Tháng 3 năm 1966, Phật Tử biểu tình tại Đà Nẵng và Huế, tổng đình công, chiếm đài Phát thanh ở Huế và Đà Nẵng.

- Ngày 17-3-1966, tại Sài Gòn đại sứ Hoa Kỳ tại VNCH, Cabot Lodge gặp Thầy Thích Trí Quang, trong khi các tướng Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ gặp Thầy Thích Tâm Châu.

- Ngày 19-3-1966, Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tuyên bố không chống đối chính phủ mà chỉ đòi hỏi bầu cử và thành lập chính phủ dân sự. Biểu tình tiếp diễn.

- Ngày 5-4-1966, tướng Nguyễn Cao Kỳ đem theo hàng ngàn binh sĩ ra Đà Nẵng bằng cầu không vận Mỹ, nhưng bị binh

lính địa phương ngăn chặn, không cho ra khỏi sân bay.

- Ngày 8-4-1966, chính phủ gửi tiếp hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến ra Đà Nẵng nhưng Bộ Ngoại giao Mỹ phản đối và yêu cầu chính phủ giải quyết tranh chấp bằng thương lượng.

- Ngày 14-4-1966, trung tướng Nguyễn Văn Thiệu nhượng bộ, công bố sắc luật số 14/66, tổ chức bầu cử Quốc hội Lập hiến để soạn thảo và biểu quyết hiến pháp VNCH. Phật giáo tuyên bố tạm ngưng đấu tranh.

- Ngày 17-4-1966, Thầy Thích Trí Quang từ Sài Gòn ra Huế dàn xếp và kêu gọi ngưng biểu tình.

- Và ngày 20-4-1966, hồ sơ tình báo này được soạn thảo...

Trong bản dịch này, chữ “Catholic” sẽ dịch là “Thiên Chúa giáo,” hiểu là thuộc hệ “Thiên Chúa giáo La mã” của Vatican. Sau đây là bản dịch toàn văn, thực hiện bởi Cư Sĩ Nguyễn Giác.)

TÓM LƯỢC:

Một chiến thắng chính trị Phật Giáo xuất phát từ khủng hoảng chính trị hiện nay ở Nam Việt Nam sẽ dẫn tới một bước khựng lại tạm thời đối với mục tiêu và các chương trình Hoa Kỳ, nhưng sẽ không có nghĩa là thảm họa hoàn toàn. Những mục tiêu được nêu lên từ các vị lãnh đạo Phật Giáo nhấn mạnh tới việc gìn giữ sự độc lập của Nam Việt Nam và sự tự do không bị Cộng Sản chế ngự. (Người dịch: Tới đây là hai dòng trong bản văn giải mật bị cơ quan giải mật xóa trắng. Những người Phật Tử là một yếu tố chính trị có sức mạnh mà bất kỳ chính phủ nào cũng phải thương lượng nếu muốn đạt ổn định.

Các vị sư chính trị, như Thích Trí Quang, không nhất thiết lên tiếng cho, hay đại diện cho, ước muốn chân thực của tất cả Phật Tử Nam Việt Nam, nhưng họ có một tổ chức chính trị hiệu quả, dựa vào số đông quần chúng, hơn bất kỳ ai khác không phải người Cộng sản. Hệ thống tổ chức Phật Giáo không phải là Cộng sản, mặc dù các hoạt động của các vị lãnh đạo tổ chức này thường trợ giúp cho chính nghĩa Cộng sản. Thái độ và

các hành xử của những vị này, và sự tiếp nhận của công chúng VN đối với ảnh hưởng chính trị của họ, đã bị điều kiện hóa bởi các yếu tố tôn giáo, chính trị và xã hội xuyên qua lịch sử VN.

Nếu các Phật Tử thành công trong việc nắm chính quyền, Hoa Kỳ sẽ bị trực diện với các vấn đề chính trị tế nhị. Tuy nhiên, về lâu dài, một chính phủ do Phật Tử chiếm đa số có thể có hiệu quả ổn định tình hình VN.

Không có vẻ gì là một chính phủ Phật Giáo sẽ cố ý trao Nam VN cho người Cộng sản. Mặc dù các Phật Tử mong muốn kết thúc sự hiện diện và ảnh hưởng của Mỹ, các vị lãnh đạo Phật Giáo chính yếu công nhận rằng sự hỗ trợ kinh tế và quân sự của Mỹ sẽ còn cần tới một thời gian nữa. Mặc dù họ có vẻ mong muốn một Nam VN độc lập trong kiểm soát của Phật Giáo, họ có lẽ nhận ra rằng mục tiêu này không có thể thành đạt nếu không có Mỹ ủng hộ để chống lại người Cộng sản.

Một chính phủ do Phật Giáo kiểm soát sẽ bị nhìn với bất mãn và nhiều ngờ vực từ các tổ chức tôn giáo khác và chính trị khác tại Nam VN, và một số tổ chức này có thể sẽ tìm cách lật đổ chính phủ (của PG). Tuy nhiên, đối diện với lựa chọn giữa người Phật Tử và Việt Cộng, hầu hết các tổ chức khác sẽ có thể sẽ đi chung với PG, hy vọng điều tốt nhất nhưng chờ đợi điều tệ nhất.

Nếu PG nắm được quyền lực chính trị cũng sẽ gây căng thẳng lớn trong quân lực Nam VN. Về ngắn hạn, sự đoàn kết và tính hiệu quả của quân đội sẽ có lẽ bị thiệt hại. Tuy nhiên, có thể ít nhất là mức độ tiềm tàng ủng hộ PG trong khắp quân đội Nam VN có thể dẫn tới sự đoàn kết tốt hơn và một ý nghĩa lớn hơn về một căn cước giữa quân đội và quần chúng.

Sư Thích Trí Quang

1. Nếu người PG thành công trong việc lật đổ chính phủ hiện nay ở Nam VN và dựng lên một chính phủ như họ muốn, kết quả sẽ là một chiến thắng cho Sư Thích Trí Quang, người sẽ trở thành, ít nhất tạm thời là, khuôn mặt chính trị quyền lực nhất tại Nam VN. Sư Thích Trí Quang là một người Việt Nam độc đáo, và rất phức tạp. Ông lộ vẻ mờ nhạt, tự đồng nhất “ý muốn

quần chúng” với của riêng ông, và kỹ lưỡng chơi trò chính trị. Ông là người theo chủ nghĩa dân tộc tới mức không ra ngoại quốc; ông là bậc thầy của nghệ thuật kích động và áp lực, và là chính khách hiệu quả nhất hiện hoạt động ở Nam VN. Không ai thực sự biết ông muốn gì cụ thể, và ông có lẽ không thể nói ra các mục tiêu tích cực của ông với bất kỳ mức độ chính xác nào... (Tới đây, có 2 trang bị xóa trắng, không bị giải mật.) ... cần tới sự hỗ trợ của Mỹ trong việc chiến đấu chống lại Việt Cộng và đối với sự bất khả của việc thương thuyết với người Cộng sản cho tới khi họ bị đánh bại, sẽ có rất ít ngờ vực rằng ông muốn thấy Mỹ rút khỏi Nam VN càng sớm càng tốt. Ông có lẽ có khả năng tự làm đồng minh với người Cộng sản nếu ông xem xét điều này là lợi thế để đạt các mục tiêu chính trị và tôn giáo của ông, và ông tự tin tới mức nghĩ là ông có thể lôi kéo họ làm đồng minh khi họ trước đó đã làm lợi cho mục tiêu của ông. Thường khi, ông như dường đã xem người Thiên Chúa giáo VN như là một hiểm họa lớn hơn đối với chủ nghĩa dân tộc và đối với Phật Giáo, hơn là người Cộng sản.

Bối Cảnh Phong Trào Phật Giáo

7. Sự phát triển lịch sử của Phật Giáo tại VN đã giúp tạo ra quan điểm chính trị của Sư Thích Trí Quang, và ngay cả quan trọng hơn, đã cho ông một quần chúng đón nhận rộng lớn. Phật Giáo vào VN từ Trung Quốc trong thời kỳ TQ đô hộ, chiếm đóng VN hơn một ngàn năm theo Tây lịch. Cùng với Phật Giáo, người TQ đã đưa những lý thuyết và khái niệm tôn giáo khác, kể cả Không Giáo và Đạo Giáo, tất cả tích hợp tại VN với tín ngưỡng bái vật và thờ tổ tiên vốn đã rộng lớn, đặc biệt là trong dân chúng miền quê.

8. Gần như tất cả người dân tộc Việt [người Kinh] đều theo Đại Thừa PG, một nhánh Phật Giáo Bắc Truyền. Người sắc tộc Việt nguyên khởi cư ngụ ở nơi bây giờ là Bắc VN, và đã tiến dần dần về nam qua nhiều thế kỷ để chinh phục nơi bây giờ là Nam VN từ người sắc tộc Khmer, tức là sắc tộc của người Cam Bốt hiện nay. Vẫn còn nhiều người thiểu số Khmer ở các tỉnh vùng đồng bằng Nam VN, theo PG Theravada (Nam Tông

hay Nam Truyền), một hình thức chính thống hơn được truyền vào từ Ấn Độ và Tích Lan. Mặc dù cả 2 truyền thống PG Bắc Truyền và Nam Truyền có một liên minh chính thức lỏng lẻo hiện nay, ảnh hưởng của lãnh đạo PG Bắc Truyền hiện nay ở Nam VN ở các tỉnh cực nam của Nam VN vẫn tương đối hạn chế.

Thiên Chúa Giáo và Người Pháp

9. Phật Giáo có một chút ảnh hưởng chính trị tại VN cho tới thời nhà Lý; triều nhà Lý kéo dài từ 1009-1224 đã chính thức ủng hộ Phật Giáo. Thời kỳ này có sự hợp tác gần gũi giữa chính trị và tôn giáo, giữa các vị vua và các vị sư, đó là cao điểm của PGVN, và tôn giáo này sau đó suy giảm cho tới những năm gần đây. Tuy nhiên, thời vàng son này đã cho PGVN một hào quang dân tộc truyền kỳ, cho tận tới bây giờ. Suy giảm thế lực của PG tăng nhanh hơn, khi người Pháp vào. Sức mạnh chính trị áp đặt của người Pháp trong thế kỷ 19 theo sau các đoàn truyền giáo Dòng Tên từ khoảng 2 thế kỷ trước đó. Các chức sắc nhà thờ sau đó đã liên minh với những thành phần quyền lực. Có lúc, sự ủng hộ — gồm cả các quân đánh thuê vũ trang (armed mercenaries) — từ các chức sắc Công Giáo người Pháp thực tế đã giúp dựng lên Nhà Nguyễn, mà hoàng đế cuối cùng của dòng vua này là Bảo Đại đã bị truất phế năm 1954. Sự liên hệ của giới tu sĩ người Pháp và giáo dân người Việt đã dẫn tới lời kêu gọi tăng hỗ trợ từ chính phủ Pháp, và rồi dẫn tới việc quân đội Pháp vào can thiệp, và tận cùng là tới sự thiết lập quyền kiểm soát chính trị của người Pháp trên khắp Đông Dương.

10. Người Pháp đã cai trị Đông Dương phần lớn xuyên qua các quan chức người Việt được lèo lái bởi các “cố vấn” người Pháp. Đa số những người Việt này là Thiên Chúa giáo, ít nhất theo danh nghĩa, một phần bởi vì đòi hỏi về giáo dục cho giai cấp quan chức người Việt chủ yếu là từ các trường học dạy bằng tiếng Pháp do nhà thờ CG kiểm soát. Người Pháp cũng thấy điều này thuận lợi, nhằm duy trì sự kiểm soát của họ, để khuyến khích sự trung thành ở địa phương và khu vực, khích lệ

sự chia rẽ chính trị (để dễ cai trị) và hệ thống trường đạo giữa các thần dân Thiên Chúa giáo của họ và các thần dân không-Công-giáo. Họ cũng không làm bao nhiêu trong việc tăng thêm khuynh hướng vốn đã chia rẽ trong Phật Giáo VN. Do vậy, một cách truyền thống, và cũng không sai bao nhiêu, những người Việt không theo Thiên Chúa giáo vẫn đồng nhất đạo Thiên Chúa giáo với người Châu Âu và với sự cai trị của ngoại quốc.

11. Trong thập niên 1920s, một thời kỳ của Phật Giáo hồi phục, gần như trùng hợp với các phong trào chống Pháp tại Việt Nam, kể cả phong trào Cộng sản. Sự hồi phục của Phật giáo phản ánh không chỉ là một chủ nghĩa dân tộc bài ngoại, chủ nghĩa này vốn trong tự thân là một đặc tính của dân Việt, nhưng cũng là những cảm xúc cay đắng của lịch sử đã ăn sâu giữa người Việt Thiên Chúa giáo và không theo Thiên Chúa giáo. Tình hình thay thế chủ nghĩa thực dân của Pháp ở Nam VN bởi chế độ Ngô Đình Diệm, cho dù ông Diệm là người chủ nghĩa dân tộc chống Pháp, có khuynh hướng kéo dài quyền kiểm soát của giai cấp quan lại Thiên Chúa giáo vốn đã cường thịnh dưới thời Pháp. Mặc dù ông Diệm không chính thức kỳ thị giữa tín đồ Thiên Chúa giáo và Phật tử, và không đàn áp tôn giáo, nguồn hỗ trợ chính của ông chủ yếu là Thiên Chúa giáo, hoặc là những người có tổ chức chính trị từ quê miền Trung của ông, hoặc là những người di cư chống Cộng từ Bắc VN. Trong khi chính phủ ông Diệm ngày càng trở nên độc tài, bộ máy này đã tạo nên một cơ chế kiểm soát chính trị ngày càng chặt chẽ do đa số là Thiên Chúa giáo thống trị, và nền tảng do vậy đã đặt ra một “nan đề tôn giáo” nơi đó người Phật tử có thể nêu lên, và những chỉ trích và chống đối ông Diệm có thể tập trung vào.

Phong Trào Phật Giáo Hiện Nay

12. Số lượng Phật tử nhiệt tâm, tu hành tích cực tại Nam VN là khoảng từ 2 tới 2.5 triệu người, trong phía Thiên Chúa giáo là từ 1 tới 1.5 triệu người. Hầu hết người Việt khác ở miền Nam là tổng hợp nhiều khuynh hướng tôn giáo khác, gắn bó với tín ngưỡng bái vật, thờ tổ tiên, và theo đạo lý Khổng tử. Tuy nhiên, vì đại đa số người Việt không theo Thiên Chúa giáo,

phong trào Phật giáo đã tự có bối cảnh chung để lên tiếng chống đối một Thiên Chúa giáo đầy quyền lực chính trị. Phật giáo cũng cung cấp một phương tiện để bày tỏ chủ nghĩa dân tộc bởi những người Việt không theo Thiên Chúa giáo, cũng như [cung cấp] một điểm tập trung để đối kháng với một chính quyền cụ thể ở Sài Gòn.

13. Trước thời Thế Chiến II, người Phật tử đã có nhiều nỗ lực để thiết lập các giáo hội khu vực hay toàn quốc. Trong thời hưng thịnh của các chủ nghĩa dân tộc Châu Á sau thế chiến, Tổng hội Phật giáo Việt Nam thành lập năm 1951. Tổ chức này, một liên minh lỏng lẻo của các hội Phật giáo khu vực, được thiết lập để trao đổi quan điểm và để khởi lên một vài cảm thức về thống nhất giữa các trường phái Phật giáo. Tuy nhiên, một cách chủ yếu, Phật tử thuần thành vẫn còn tập trung quanh các vị sư tại một ngôi chùa hay tông phái cụ thể, hay là quanh các vị sư cao cấp ở những khu đô thị. Các chính sách và những hành động của ông Diệm – và đặc biệt là những sự kiện của tháng 5-1963 ở Huế, lúc đó đã đưa Sư Thích Trí Quang lên tầm vóc toàn quốc – đã là một tác nhân để thúc đẩy Phật tử, và đặc biệt là các vị sư, vào môi trường chính trị. Sau những tháng xung khắc với chính phủ ông Diệm, người Phật tử tới lúc đó đã hiển lộ ra những tài năng chính trị và có khả năng tổ chức, sử dụng cơ chế Tổng hội Phật giáo Việt Nam cho các mục tiêu của họ.

14. Cuộc tranh đấu chống ông Diệm, cao điểm là việc quân đội lật đổ nhà Ngô, đã cho người Phật tử một cảm thức mới về đoàn kết thống nhất và cho các lãnh đạo của họ một ước muốn quyền lực. Một đại hội để thống nhất Phật tử VN đã tổ chức cuối năm 1963 dẫn tới việc thành lập một tổ chức mới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN), bao gồm tất cả các tông phái PG chính, gồm cả PG Nam Tông (Theravada). GHPGVNTN có 2 cơ chế tổng quát: một Viện Tăng Thống (VTT) trên danh nghĩa là cao nhất và quan tâm chính là về tinh thần, và một Viện Hóa Đạo (VHD), tức là cơ chế hành pháp của Giáo hội, đặc biệt về các vấn đề thế gian. Dưới quyền VHD, chủ tịch là Sư Thích Tâm Châu, là sáu tổng vụ trông y hệt như các ban bộ trong một đảng chính trị muốn

tìm quyền lực.

15. Cao nhất trong Giáo hội là Sư Thích Tịnh Khiết, một bậc đại sư tuổi trên bát tuần và là lãnh đạo tinh thần của phong trào Phật giáo. Thực tế, Sư này chỉ là mặt ngoài cho các vị sư trẻ hơn và xông xáo hơn, đặc biệt là Sư Thích Trí Quang, người giữ chức Tổng Thư Ký Viện Tăng Thống. Từ lâu đã có kinh nhau giữa Sư Thích Trí Quang, đại diện các Phật tử xông xáo Miền Trung, và Sư Thích Tâm Châu, người, có bản doanh ở Sài Gòn, có quyền lực từ ủng hộ của và là phát ngôn nhân của Phật tử di cư từ Bắc vào. Sư Thích Tâm Châu, xấp xỉ cùng tuổi với Sư Thích Trí Quang, được xem có lập trường trung dung hơn. Mặc dù có vẻ như một số dị biệt chính sách hiển lộ giữa hai vị sư này, việc Phật tử tham gia vào chính trị đã gần như luôn luôn cho thấy rằng Sư Thích Trí Quang nắm quyền chỉ huy, và Sư Thích Tâm Châu hoặc là phải đi đồng bộ hoặc là nhượng bước. Sư Thích Tâm Châu thường xuyên là một mục tiêu – trong khi Sư Thích Trí Quang không bao giờ bị – của những tấn công từ phía Việt Cộng và từ quy chụp rằng vị sư này là một “búp bê của Mỹ.”

16. Trong nhiều vị sư chính trị khác ở Nam VN, người uy thế nhất bây giờ là Sư Thích Thiện Minh, một sư cùng quan điểm năng động của Sư Thích Trí Quang, và Sư Thích Hộ Giác, một nhà hùng biện thường đứng về phía Sư Thích Tâm Châu và là một trong số ít các vị sư theo PG Nam Tông, từng tu học ở Cam Bốt. Một vị sư nổi tiếng khác, Sư Thích Quảng Liên, tốt nghiệp đại học Yale, trông có vẻ như thân cận, nhưng không hoàn toàn là, thuộc vòng trong cơ chế Phật giáo. Nỗ lực của Sư Thích Quảng Liên muốn đẩy ra một phong trào hòa bình vào đầu năm 1965, dù có quảng bá hay không bởi các sư thẩm quyền, đã bị dẹp bỏ bởi cả các sư thẩm quyền và chính phủ ông Quát vì có nghi ngờ rằng Phật tử có thể đang bị Việt Cộng lợi dụng. Tuy nhiên, tuyên truyền Cộng sản vẫn liên tục chỉ trích phong trào của Sư Thích Quảng Liên là không đi “đúng đường,” và ám chỉ rằng đó là một hình thức cạm bẫy của Mỹ. Sư Thích Đức Nghiệp, một vị sư chống Cộng mạnh mẽ, là người tích cực trong phong trào Phật giáo chống ông Diệm,

nhưng đã ra ngoại quốc rồi. Lập trường chống cộng mạnh mẽ của Sư Thích Đức Nghiệp đã vượt xa khỏi các giới hạn mà các vị sư trong Giáo hội của ông sẵn sàng lựa chọn, và cũng có vẻ như đã khởi lên ngọn vực của họ rằng Sư này muốn có ủng hộ từ phía Mỹ trong việc tranh quyền Giáo hội.

Mục Tiêu Chính Trị Phật Giáo

17. Người ta thường suy đoán rằng các định chế dân chủ mà các lãnh đạo Phật Giáo nói là mục tiêu của họ thì với họ chỉ là phương tiện để đạt tới một quốc gia có ảnh hưởng Phật Giáo, mặc dù không nhất thiết là một nhà nước Phật Giáo. Theo các văn bản công bố và theo các cuộc nói chuyện riêng của họ với các viên chức Mỹ, các Phật tử bây giờ muốn có một quốc hội đơn viện do dân bầu lên. Mặc dù Sư Thích Trí Quang thường nói về nhu cầu cần có một chính phủ trung ương mạnh, các Phật tử có vẻ như nói về một cơ chế chính phủ được lựa chọn bởi và chịu trách nhiệm với Quốc hội này. Sư Thích Trí Quang cũng nói về một nghị viện lâm thời, sẽ gồm các đại diện được cử lên bởi các hội đồng tỉnh và địa phương được bầu hồi tháng 5-1965. Cơ quan lâm thời này sẽ soạn thảo một Hiến pháp và hoặc là “phê chuẩn” chính phủ hiện nay đang chờ tuyên cử, hoặc là chọn một vài chế độ lâm thời nào khác. Mục tiêu của thủ tục tiền bầu cử này được hiểu là sẽ cho Nam VN một chính phủ “hợp pháp” càng sớm càng tốt.

18. Người Phật tử nói rằng họ có thể thắng đa số trong bầu cử -- điều có thể xảy ra, nhưng chưa chứng minh thực tế -- nhưng rằng họ muốn có một chính phủ quân bình gồm những người xuất sắc nhất có thể. Tuy nhiên, việc kết hợp khả thể của một chính phủ lâm thời hay thường trực với đa số là Phật Tử thì không thể tiên đoán chính xác. Có sự ngờ vực [chưa rõ] là [sẽ có] bất kỳ vị sư uy quyền nào, đặc biệt là Sư Thích Trí Quang, sẽ muốn nhận bất kỳ vị trí hành pháp có trách nhiệm nào. Một số vị, gồm cả Sư Thích Tâm Châu, có thể đồng ý làm một thành viên của hoặc là một Quốc hội lâm thời hay thường trực; Sư Thích Trí Quang, người có vẻ như ưa muốn không chế từ hậu trường, gần như chắc chắn sẽ không [muốn vào Quốc hội].

19. Ít nhất là trong một chính phủ lâm thời, không có vẻ gì là người Phật tử sẽ mời một số khuôn mặt nổi tiếng, như Tướng Dương Văn Minh (đang ở hải ngoại) về làm nguyên thủ quốc gia; họ cũng đã cho thấy rằng họ sẽ chấp nhận một người Thiên Chúa giáo không theo chế độ ông Diệm vào vị trí này. Họ có thể mời một vài dân sự Phật tử làm Thủ Tướng, mặc dù Sư Thích Trí Quang đã cho thấy rằng Sư sẽ chấp nhận một vài khuôn mặt không tôn giáo như Tướng hồi hưu Trần Văn Đôn. Trong trường hợp của một Quốc hội lâm thời, người Phật tử sẽ hoặc là đòi bầu cử sớm để chọn lên một Quốc Hội, hoặc là tìm cách chuyển một cơ quan lâm thời, nếu có thể được, thành một Quốc hội thường trực.

20. Bầu cử tổ chức dưới sự bao bọc của Phật giáo sẽ có thể bị dàn dựng để có một Quốc hội do Phật tử kiểm soát, nhưng một vài chính khách uy thế không bị kiểm soát bởi Phật tử, như Bác sĩ Phan Quang Đán (LND: bản văn CIA viết nhằm là 'Dr. Pham Quang Dan'), có thể sẽ thắng cử. Với giả thiết rằng người Phật tử có thể, và sẽ chọn, để thiết lập một chính phủ toàn là Phật tử, Thủ Tướng sẽ, không ngờ vực gì, hẳn là một vài chính khách Phật tử dân sự, như Bùi Tường Huân, hiện là Viện Trưởng Viện Đại Học Huế. Các chức bộ trưởng sẽ có thể là giới trí thức và cư sĩ Phật tử trẻ, và có thể một vài sĩ quan quân đội thân Phật giáo. Việc dựng lên chính phủ đó, tất nhiên, sẽ theo sau đó là thay đổi hàng loạt tỉnh trưởng, như kiểu Việt Nam trước giờ.

Phản Ứng Thiên Chúa Giáo và Người Không Phải Phật Tử

21. Một chính phủ do Phật tử kiểm soát sẽ bị nhìn với bất mãn và lo ngại lớn từ các nhóm chính trị khác tại Nam VN. Người Thiên Chúa giáo, đặc biệt thành phần người Bắc di cư, sẽ rất là bất mãn. Một vài tổ chức Thiên Chúa giáo, như giáo dân của Linh Mục (LM) Hoàng Quỳnh và LM Nguyễn Quang Lãm, sẽ gần như chắc chắn làm vài hình thức kích động, ít nhất là tại Sài Gòn, với hy vọng lật đổ chính phủ. Tuy nhiên, đối diện với lựa chọn giữa người Phật tử và Việt Cộng, hầu hết

người Thiên Chúa giáo có lẽ rồi sẽ quyết định, với nhiều mức độ do dự, rằng họ không còn chọn lựa nào khác ngoài việc đồng hành với tân chính phủ, hy vọng cho điều tốt nhất nhưng cũng mong đợi điều tệ nhất.

22. Các nhóm thiểu số khác, kể cả Cao Đài và Hòa Hảo, cũng sẽ bất mãn, mặc dù có lẽ ít bạo động hơn người Thiên Chúa giáo; những ‘dân Nam kỳ’ – tức là những người sinh ở các tỉnh phía Nam, tức là nơi trước kia gọi là vùng Cochinchina – cũng sẽ có thêm phần bất mãn chính phủ mới với cơ vùng miền, bởi vì Sư Thích Trí Quang và các Phật tử thân tín của Sư này là từ các tỉnh miền Trung. Những nơi các nhóm thiểu số này có thể lực, nhưng nhiều nơi ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, có thể ở mức độ nhiều ít “ly khai” khỏi chính quyền trung ương, mặc dù hậu quả chính trị sẽ kém nghiêm trọng so với việc Quân Đoàn I tách rời.

23. Việc Phật tử nắm quyền lực chính trị sẽ gây căng thẳng sâu thẳm trong quân đội Nam VN. Một số sĩ quan, đặc biệt là Thiên Chúa giáo, có lẽ sẽ nghĩ tới đảo chánh để quân đội nắm quyền trở lại. Nếu người Phật tử nhanh chóng đưa các sĩ quan trung thành giữ các chức vụ cầm quân quan trọng, những quân nhân trung kiên, cũng như cộng đồng Thiên Chúa giáo, có thể tự thấy đối diện với sự lựa chọn cay đắng giữa người Phật tử hay Việt Cộng, và rồi sẽ chọn về phía người Phật tử. Về ngắn hạn, dưới nhà nước ảnh hưởng Phật tử, sự đoàn kết và tính hiệu quả của cấp lãnh đạo quân đội Nam VN sẽ có thể thiệt hại. Sẽ khó tiên đoán thiệt hại này kéo dài bao lâu, nhưng ít nhất có thể rằng mức độ ủng hộ tiềm tàng đối với người Phật tử vẫn rộng rãi khắp quân đội, đặc biệt ở sĩ quan cấp thấp và ở Quân Đoàn I, có thể sẽ dẫn tới đoàn kết quân đội rộng lớn hơn và tới một ý nghĩa lớn hơn về căn cước giữa quân đội và quần chúng.

24. Một khi đã nắm quyền, không có lý do để tin rằng người Phật tử sẽ thuần nhất một khối hơn là bất kỳ nhóm dân Việt nào khác. Đã có chia rẽ thấy rõ trong hàng ngũ của họ. Sư Thích Tâm Châu và tín đồ hầu hết gốc Bắc của vị Sư này đang thấy bất an về ưu thế của Sư Thích Trí Quang và thành phần miền Trung ủng hộ Sư này. Nhiều Phật tử phía Nam – chủ yếu

là cư sĩ lãnh đạo Mai Thọ Truyền và người ủng hộ cư sĩ này, cũng như nhiều người trong Phật giáo Nam tông – thì không thiện cảm với vận động áp lực hiện nay của Sư Thích Trí Quang. Mặc dù những tiếng nói trung dung trong phong trào Phật giáo vẫn thường im lặng trong thời tranh đấu, sự căng thẳng nội bộ và sự bất đồng ý tất sẽ tái xuất hiện nếu người Phật tử nắm quyền.

25. Một chính phủ hình dung như trên sẽ có thể gặp khó khăn khi thực hiện quyền lực trung ương trên cả nước. Nó sẽ bị vây bủa tứ phía bởi tranh cãi, bởi do dự, và bởi sự viển vông trong cơ chế quốc hội quyền lực, và bởi những mưu đồ tranh quyền và chức ngay cả trong các phe Phật tử. Tốc độ và nhịp điệu của nỗ lực chống nổi dậy sẽ hầu như bị hạn chế, ít nhất là tạm thời, do vậy đặt gánh nặng kèm chế Việt Cộng hầu như toàn bộ vào quân Mỹ và đồng minh.

26. Tuy nhiên, phần nhiều những sự yếu kém của một chính phủ Phật Giáo sẽ, trong các mức độ khác nhau, cũng là những yếu kém sẽ gây rối bất kỳ tân chính phủ Nam VN nào. Với trường hợp sức mạnh quân sự của Mỹ và đồng minh và các trợ giúp liên hệ có thể ngăn cản nhiều bước tiến của người Cộng sản trong một thời kỳ chuyển tiếp chưa ổn định, một chính phủ có đa số Phật tử có thể có một số ưu thế mà chưa chính phủ nào trước đó từng có. Một lý do lớn cho điều này là, không kể tới người Cộng sản, người Phật tử hiện nay là tổ chức quần chúng hiệu quả duy nhất tại Nam VN. Mặc dù người Thiên Chúa giáo cũng tương tự như thế, và có lẽ có kỷ luật hơn, cơ cấu chính trị Phật giáo có gốc rễ quần chúng sâu hơn, đặc biệt ở miền Trung và các tỉnh ven biển phía bắc Sài Gòn, hơn bất kỳ tổ chức chính trị nào. Mặc dù mức độ mà người Phật tử có thể vận dụng tín đồ để hỗ trợ cho, chứ không phải chống đối với, một chính phủ vẫn còn cần phải chờ xem, một chính phủ Phật giáo sẽ có một khối nền tảng quần chúng tiềm năng rộng hơn và mạnh hơn bất kỳ tổ chức nào trước đó của họ.

27. Phật giáo, như là một khái niệm tôn giáo chính trị, đã chứng tỏ rằng chính họ có khả năng đánh động những cảm xúc sâu thẳm trong những khối đa số của dân tộc Việt. Một

chính phủ Phật giáo khuynh hướng dân tộc nhạy cảm có thể sẽ là điều mà tuyên truyền Cộng sản sẽ thấy khó tấn công. Người Cộng sản cũng sẽ gặp gian nan khi tìm bất kỳ đồng minh nào trong những người đối lập tự nhiên của một chính phủ Phật giáo so với người Thiên Chúa giáo, những người như dường kiên quyết chống Cộng.

Tình Hình Phật Giáo Chiếm Ưu Thế và Chính Sách Hoa Kỳ

28. Sư Thích Trí Quang, Sư Thích Tâm Châu và các vị sư chính trị khác, những người đã thảo luận về mục tiêu Phật giáo với các viên chức Mỹ đều ám chỉ rằng riêng người Phật tử có thể “hợp pháp hóa” vị trí Hoa Kỳ tại VN. Họ nói rằng họ muốn có sự hỗ trợ tiếp tục từ Hoa Kỳ, rằng họ muốn với trợ giúp của Mỹ để cách mạng hóa xã hội, và rằng họ nhận ra sự bất khả của việc hòa giải hay thương thuyết với Việt Cộng trong hoàn cảnh hiện nay. Ít nhất bằng cách ám chỉ, họ nói rằng họ muốn thực hiện cuộc chiến tranh. Sự chân thực của những lời này có lẽ còn cần chất vấn, và cách [họ] trình bày các mục tiêu Phật giáo sẽ được thể hiện ra các chương trình chính phủ cụ thể thì không có thể tiên đoán một cách tự tin được.

29. Tuy nhiên, có thể rằng trách nhiệm của quyền lực sẽ có tính nghiêm túc đối với người Phật tử cũng như nhiều nhà cách mạng thành công khác. Cách chống Cộng thông minh và phức tạp mà các lãnh đạo Phật giáo trình bày là muốn thực hiện có thể được củng cố nếu, một khi tín đồ của họ nắm quyền, những người Phật tử khám phá rằng các phần tử Việt Cộng (những người trước giờ thành công trong việc xâm nhập phong trào tranh đấu Phật giáo) không sẵn lòng ngưng kích động và hoạt động gây rối. Việc xâm nhập quá độ của Cộng sản trong nhiều nhóm tranh đấu đã cho các phần tử chống Cộng lý do để quan ngại công khai.

30. Trong khi có thể tranh cãi rằng người Cộng sản có thể nằm lặng lẽ để kích lệ khả năng của những cuộc thương thuyết thành công với một chế độ Phật giáo, người Cộng sản sẽ không nhất thiết lý luận và hành động kiểu này. Hậu quả chung

của những hoạt động gây rối tiếp diễn của họ, và có thể ngay cả phong trào tranh đấu hiện nay, có thể làm khởi lên trong những người Phật tử một ý thức ưu tiên về nhu cầu chống lại hiểm họa Cộng sản. Nếu người Phật tử toàn lực gắn bó vào cuộc chiến chống Cộng, họ có thể sẽ là một kinh địch chính trị mạnh mẽ hơn bất kỳ kinh địch nào mà Việt Cộng từng đối diện.

31. Có một câu hỏi nhỏ rằng người Phật tử, một cách cảm xúc, không ưa mức độ can thiệp của Mỹ hiện nay trong vấn đề Việt Nam và sự hiện diện rộng lớn, lộ liễu của quân sự Mỹ, với những hiệu ứng bên lề là tất phải xảy ra. Không ngờ vực gì rằng người Phật tử rất muốn thấy người Mỹ rời VN, một mục tiêu chắc chắn không phù hợp với mục tiêu Hoa Kỳ. Vẫn còn cần phải chờ xem rằng có phải hay không, rằng người Phật tử sẽ có thể tìm cách buộc Mỹ rút quân sớm trong tình hình tất sẽ dẫn tới chiến thắng của người Cộng sản. Có một vài nguy hiểm rằng, ngay cả nếu điều này không phải ý định trực tiếp của họ, sự thiên cận của họ có thể thúc đẩy họ hành động trong những cách sẽ gây rủi ro dẫn tới hậu quả đó.

32. Về mặt quân binh, như dường không có vẻ gì một chính phủ Phật giáo sẽ cố ý giao nộp Nam VN vào tay chế độ CS ở Hà Nội. Sư Thích Trí Quang có thể ước muốn có một Nam VN độc lập nhưng dưới quyền kiểm soát của Phật tử và không nằm trong quyền lực chính trị của CS. Sư có thể nhận thức rằng những mục tiêu này không có thể đạt được nếu không có hỗ trợ và viện trợ từ Mỹ, nhưng định kiến kèm với sự thông minh của Sư này và với những mục tiêu trực tiếp có thể dẫn Sư này vào những chuỗi hành động và liên minh mà Sư không có thể đảo ngược nổi.

33. Một chính phủ Phật giáo, đặc biệt khi một chính phủ lên nắm quyền với những điều kiện làm mất mặt quân đội Nam VN, sẽ gần như chắc chắn thử nghiệm một phương pháp khác với cuộc chiến và các chương trình hòa bình liên hệ. Hành động và chính sách của một chính phủ như thế sẽ sớm làm sáng tỏ xem Sư Thích Trí Quang có phải là một người đứng giữa thân Cộng hay không, như một số nhà quan sát Mỹ và Việt Nam quy chụp, hay có phải là một người chủ nghĩa dân tộc chống Cộng

như Sư này tự nói hay không. Trong bất kỳ sự kiện nào, sẽ tất yếu có một vài thời kỳ gián đoạn, trong thời kỳ đó quân Mỹ và đồng minh sẽ phải gánh chịu nhiều phần gánh nặng kèm chế tình hình Việt Cộng tiến quân và nỗ lực hưởng lợi khi có sự gián đoạn một quyền lực trung ương.

34. Tuy nhiên, về lâu dài, một chính phủ Phật giáo có thể chứng tỏ là có gốc rễ sâu thẳm trong truyền thống Việt Nam hơn bất kỳ chính phủ nào trước đó. Quan hệ của chính quyền đó với Mỹ sẽ là khó khăn và mong manh, đặc biệt bởi vì chính phủ Phật giáo sẽ có tính dân tộc nhạy cảm, và sẽ có một kiểu hoạt động khác so với những chính phủ tiền nhiệm thân Tây phương hơn. Một chính phủ có Phật tử chiếm đa số có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn với sự trong sáng của các khái niệm cách mạng hơn là với các chi tiết thực dụng của guồng máy chính trị hay với những vấn đề cụ thể như lạm phát cần có những giải pháp cụ thể. Tuy nhiên, một chính phủ mà trong đó Phật tử có tiếng nói ưu thế có thể dẫn tới một điềm tập trung đề chủ nghĩa dân tộc Việt Nam hiển lộ, mà, một cách thực tế, có thể cho toàn bộ cơ cấu dân tộc phi Cộng sản một nền tảng mạnh hơn là nền tảng hiện nay đang có.

HẾT

Nguyên bản phóng ảnh
của Cơ Quan Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ (CIA):
THICH TRI QUANG AND BUDDHIST POLITICAL
OBJECTIVES IN SOUTH VIETNAM

Link: <http://thuvienhoasen.org/images/upload/CIA-RDP80B01676R000100050011-6.pdf>



HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

25X1

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80-01676R000100050011-6

~~SECRET~~



20 April 1966

No. 0806/66

Copy No. 213

INTELLIGENCE MEMORANDUM

THICH TRI QUANG AND BUDDHIST POLITICAL
OBJECTIVES IN SOUTH VIETNAM

DIRECTORATE OF INTELLIGENCE

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80-01676R000100050011-6

GROUP 1
Excluded from automatic
downgrading and
declassification

~~SECRET~~

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

No. 0806/66

CENTRAL INTELLIGENCE AGENCY
Directorate of Intelligence
20 April 1966

INTELLIGENCE MEMORANDUM

Thich Tri Quang and Buddhist Political
Objectives in South Vietnam

Summary

A Buddhist political victory stemming from the current political crisis in South Vietnam would almost certainly entail a temporary setback to US objectives and programs, but would not portend total disaster. The professed aims of the Buddhist leaders stress preservation of South Vietnamese independence and freedom from Communist domination.

25X6

[redacted]
[redacted] the Buddhists are a potent political factor with which any government must come to terms if it is to achieve stability.

25X6
25X6

The political bonzes, such as Thich (meaning "venerable") Tri Quang, do not necessarily speak for or represent the true aspirations of all South Vietnamese Buddhists, but they do have a more effective, mass-based political organization than anyone else in Vietnam other than the Communists. The Buddhist hierarchy is not Communist, although the activities of its leaders often aid the Communist cause. The attitudes and behavior of these men, and the Vietnamese public receptiveness of their political influence, have been conditioned by complex religious, political, and sociological factors over the course of Vietnamese history.

Should the Buddhists succeed in bringing to power a government under their control, the US would be confronted with delicate political problems. Over the longer term, however, a Buddhist-dominated government could have the effect of stabilizing the Vietnam situation.

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

It is unlikely that a Buddhist government would deliberately hand South Vietnam to the Communists. Although the Buddhists desire the eventual termination of US presence and influence, key Buddhist leaders recognize that US economic and military support will be needed for some time. Though they appear to desire an independent South Vietnam under Buddhist control, they probably recognize that this goal cannot be achieved without US support and assistance against the Communists.

A Buddhist-controlled government would be viewed with resentment and great apprehension by other political and religious groups in South Vietnam, and some of these groups might attempt to bring the government down. Faced with a choice between the Buddhists and the Viet Cong, however, most other groups would probably eventually decide to go along with the Buddhists, hoping for the best, but expecting the worst.

Buddhist acquisition of political power would also cause deep strains within the Vietnamese military establishment. Over the short run, the unity and effectiveness of the armed forces would probably be impaired. It is at least possible, however, that the degree of latent support for the Buddhists prevalent throughout the armed forces could eventually result in better military unity and a greater sense of identity between the army and the populace.

Tri Quang

1. If the Buddhists succeed in toppling the present government of South Vietnam and installing a government responsive to their wishes, the net result will be a victory for Tri Quang, who will become at least temporarily the most powerful political figure in South Vietnam. Tri Quang is highly complex and uniquely Vietnamese. He is vain, equates "the people's" wishes with his own, and thoroughly enjoys playing the game of politics for its own sake. He is nationalistic to the point of xenophobia, a consummate master of the arts of agitation and pressure, and the most effective politician now active in South Vietnam. No one really knows what he wants, in concrete terms, and he himself probably could not spell out his positive objectives with any great degree of precision.

-2-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

25X1

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

Next 1 Page(s) In Document Exempt

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

the need for US support in fighting the Viet Cong and to the impossibility of negotiating with the Communists until they are defeated, there is little doubt that he desires to see the US out of South Vietnam at the earliest possible moment. He is probably capable of allying himself with the Communists if he considered this advantageous to achieving his political and religious goals, and he is sufficiently egotistical to believe he could shuck them as allies when they had served his immediate purposes. Often, he has seemed to regard the Vietnamese Catholics as a greater threat to his concepts of nationalism and Buddhism than the Communists.

Background of the Buddhist Movement

7. The historical development of Buddhism in Vietnam has helped to shape Tri Quang's political views, and, even more importantly, to provide him with a large and potentially receptive audience. Buddhism was introduced into Vietnam from China during the middle period of Chinese domination which lasted roughly over the first millennium A.D. Along with Buddhism, the Chinese introduced other religious ideas and doctrines, including Confucianism and Taoism, which underwent considerable fusion in Vietnam with the animism and spirit worship which were prevalent, particularly among the rural population.

8. Virtually all ethnic Vietnamese adhere to the Mahayana sect, an essentially northern branch of Buddhism. The ethnic Vietnamese originally inhabited the area that is now North Vietnam, and expanded southward only gradually over the course of several centuries to conquer what is now South Vietnam from the Khmers, or forerunners of the modern Cambodians. There is still a large minority Khmer population in the delta provinces of South Vietnam, who practice Theravada Buddhism (the Hinayana or "Lesser Vehicle" sect), a more orthodox form introduced from India and Ceylon. Although both the Mahayana and Theravada sects have a loose formal alliance today, the impact of South Vietnam's present Mahayana Buddhist leadership in the southernmost provinces of South Vietnam is still comparatively limited.

-5-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

Catholicism and the French

9. Buddhism had little political significance in Vietnam until the Ly Dynasty, which lasted from 1009-1224, officially sponsored the religion. This period of close political and religious cooperation between emperors and the Buddhist clergy was the high point of Vietnamese Buddhism, and the religion thereafter fell into a decline until recent years. This ancient period of glory, however, gave Buddhism in Vietnam something of a legendary "nationalist" aura which persists today. The decay of Buddhist influence in Vietnam was already well advanced when the French arrived. The imposition of French political authority in the 19th century was preceded by the introduction of Jesuit missionaries some two centuries earlier. The churchmen who followed eventually made their own alliances with Vietnam's contending power factions. In time, support--including armed mercenaries--from French Catholic prelates actually helped to install the Nguyen Dynasty, whose last emperor Bao Dai was deposed in 1954. The involvement of the French clergy, and their Vietnamese followers, resulted in calls for increasing support from the French Government, leading in turn to French military intervention, and ultimately to the establishment of French political control over all of Indochina.

10. The French ruled Indochina largely through Vietnamese officials guided by French "advisers." The majority of these Vietnamese were at least nominally Catholic, partly because the education requirements for the Vietnamese administrative class were mainly available in church-controlled French schools. The French also found it advantageous, in order to maintain their control, to encourage regional and local loyalties, political factionalism, and parochialism among their Catholic and non-Catholic subjects. They did little to discourage the existing divisive tendencies in Vietnamese Buddhism. Thus, traditionally, and not without some justification, non-Catholic Vietnamese have tended to identify Catholicism with the European foreigner, and with foreign domination.

11. In the 1920s, a period of Buddhist resurgence began, roughly coinciding with the emergence

-6-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01675R000100050011-6

25X1

of the anti-French nationalist movements in Vietnam, including the Communist movement. The Buddhist resurgence reflected not only a xenophobic nationalism, which is in itself a pronounced Vietnamese trait, but also the deep-seated historical animosities between Catholic and non-Catholic Vietnamese. The replacement of French colonialism in South Vietnam by the regime of Ngo Dinh Diem, even though Diem was an intensely anti-French nationalist, tended to perpetuate the control of the Catholic mandarin class which had prospered under the French. Although Diem did not officially discriminate between Catholics and Buddhists and did not suppress freedom of religion, the mainstays of his political support were mostly Catholic, either politically organized supporters from his native central Vietnam, or militantly anti-Communist refugees from North Vietnam. As Diem's government developed increasingly autocratic tendencies, it acquired an increasingly tight political control mechanism largely dominated by Catholics, and the groundwork was thus laid for a "religious issue" on which the Buddhists could capitalize and criticism and opposition to Diem could focus.

The Present-Day Buddhist Movement

12. The number of devout, actively practicing Buddhists in South Vietnam is about 2-2.5 million as compared with 1-1.5 million practicing Catholics. Most other Vietnamese in the South are religious eclectics, adhering to a vague mixture of animism, ancestor worship, and Confucian ethical precepts. However, since the overwhelming majority of Vietnamese are non-Catholic, the Buddhist movement has provided them with a vehicle for voicing their opposition to politically powerful Catholicism. Buddhism also provides a means for the expression of nationalism by non-Catholic Vietnamese, as well as a focal point for opposition to a particular government in Saigon.

13. Prior to World War II, the Buddhists made several efforts to launch regional or national associations. In the upsurge of Asian nationalism after the war, a General Association of Vietnamese Buddhists was formed in 1951. This organization, a loose federation of regional Buddhist associations,

-7-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01675R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

was designed to permit an exchange of views and to foster some sense of unity among Buddhist sects. Essentially, however, Buddhist loyalties were still centered around the monks in a particular pagoda or sect, or among the ranking monks in urban areas. The policies and practices of Diem--and particularly the events of May 1963 in Hue, which catapulted Tri Quang into national prominence--acted as a catalyst for pushing the Buddhists, and particularly the monks, into the political scene. In the ensuing months of conflict with the Diem government, the Buddhists displayed hitherto unsuspected organizational and political talents, using the shell of the General Association of Buddhists for their purposes.

14. The struggle against Diem, culminating in his overthrow by the military, gave the Buddhists a new sense of unity and their leaders an appetite for power. A Vietnamese Buddhist reunification congress held at the close of 1963 led to the creation of a new organization, the Unified Buddhist Association (UBA), embracing all the main Buddhist sects including the Theravada sect. The UBA has two general divisions: a High Clerical Council which is nominally supreme and concerned with spiritual matters, and an Institute for the Propagation of the Faith (the Vien Hoa Dao or VHD) which is the UBA's executive arm, particularly in secular matters. Under the VHD, whose chairman is Thich Tam Chau, are six general commissions which bear a striking resemblance to shadow ministries in a political party seeking office.

15. The over-all head of the UBA is Thich Tinh Khiet, a revered octogenarian bonze who is ostensibly the "leader" and spiritual head of the Buddhist movement. In fact, he is merely a facade for younger and more militant bonzes, particularly Tri Quang, who is secretary-general of the High Clerical Council. There has long been a rivalry between Tri Quang, representing the militant Buddhists of central Vietnam, and Tam Chau, who, while headquartered in Saigon, draws his power from and is the spokesman for refugee Buddhists from North Vietnam. Chau, approximately the same age as Tri Quang, is generally regarded as more moderate. Even though there are apparently some genuine policy differences between the two men,

-8-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

Buddhist intrusions into politics have almost invariably ended with Quang calling the shots, and Chau either falling into step or retreating from active engagement. Chau is frequently a target-- as Tri Quang never is--of Viet Cong attacks and charges that he is a "US puppet."

16. Of the many other political bonzes in South Vietnam, the most prominent at present are Thich Thien Minh, a Tri Quang follower of similarly radical views, and Thich Ho Giac, a finebrand orator who generally sides with Tam Chau and who is one of the few ethnic Vietnamese Theravada bonzes, having been reared in Cambodia. Another well-known monk, Yale-educated Thich Quang Lien, is apparently close to, but not entirely of, the Buddhist inner circles. Lien's efforts to launch a peace movement in early 1965, whether or not promoted by the Buddhist hierarchy, were squelched by both the hierarchy and the Quat government as suspicions arose that the Buddhists were deliberately playing into Viet Cong hands. Communist propaganda, however, consistently denounced Lien's movement as not on the "correct path," and implied that it was some form of US trick. A strongly anti-Communist monk, Thich Duc Nghiep, was active in the Buddhist campaign against Diem, but has since gone abroad. Nghiep's preoccupation with combating Communism apparently went far beyond the commitment his colleagues were prepared to make, and also appeared to have aroused their suspicion that he was bidding for US backing in the rivalry for Buddhist leadership.

Buddhist Political Aims

17. It is frequently conjectured that the democratic institutions which the Buddhist leaders say are their goals are to them only the means for attaining a Buddhist-dominated state, although not necessarily a theocracy. According to Buddhist public statements and their private conversations with US officials, the Buddhists now desire a unicameral, elected legislature. Although Tri Quang has often spoken of the need for a strong central government, the Buddhists appear to be speaking of a parliamentary government chosen by and responsible to this legislature. Quang has also spoken of an

-9-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

25X1

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01675R000100050011-6

"interim" assembly, to be composed of representatives named by the provincial and municipal councils elected in May 1965. This interim body would draft a constitution and either "confirm" the present government in office pending elections, or choose some other provisional regime. The purpose of this pre-election procedure is allegedly to give South Vietnam a "legally" based government as quickly as possible.

18. The Buddhists say that they could win an election majority--something probable, but not yet proven--but that they desire a balanced government of the best available men. However, the probable composition of either a provisional or a permanent government dominated by the Buddhists cannot be accurately predicted. It is doubtful that any of the more prominent bonzes, particularly Tri Quang, would serve in any responsible executive post. Some, including Tam Chau, might agree to be a member of either an interim or permanent assembly; Tri Quang, who apparently prefers to dominate from the wings, almost certainly would not.

19. It is not unlikely that, at least in an interim government, the Buddhists would invite some well-known figure, such as exiled General Duong Van "Big" Minh, to act as chief of state; they have even indicated that they would accept a Catholic not associated with the Diem regime in this post. They might well insist upon some prominent Buddhist civilian as premier, although Tri Quang has also indicated that he would accept some nonreligious figure such as retired General Tran Van Don. In the case of an interim assembly, the Buddhists would either press for early elections of a permanent legislature, or try to transform an interim body, if sufficiently pliable, into a permanent legislature.

20. Elections held under Buddhist sponsorship would probably be rigged to produce a Buddhist-controlled legislature, but some prominent politicians not under Buddhist control, such as Dr. Pham Quang Dan, could probably win seats. On the hypothesis that the Buddhists were able, and would choose, to install a fully Buddhist government, the

-10-

25X1

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01675R000100050011-6

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

premier would undoubtedly be some activist Buddhist lay politician, such as Bui Tuong Huan, the rector of the Hue University. Ministerial posts would probably be staffed by younger Buddhist intellectuals and laymen, and possibly some Buddhist-oriented army officers. The government's installation would, of course, be followed by a wholesale change of province chiefs, as is standard Vietnamese practice.

Catholic and Non-Buddhist Reaction

21. A Buddhist-controlled government would be viewed with resentment and great apprehension by other political groups in South Vietnam. The Catholics, especially northern refugee militants, would be deeply disturbed. Some Catholic groups, such as the followers of Father Hoang Quynh and Father Nguyen Quang Lam, would almost certainly attempt some form of agitation, at least in the Saigon area, in the hope of bringing the government down. Faced with a choice between the Buddhists and the Viet Cong, however, most Catholics would probably eventually decide, with varying degrees of reluctance, that they had no choice but to go along with the new government, hoping for the best, but expecting the worst.

22. Other minority elements including the Cao Dai and Hoa Hao would also be disturbed, although perhaps less violently than the Catholics; the "southerners"--those born in the southern provinces or former Cochinchina--would be additionally resentful of the government on regional grounds, since Tri Quang and his close Buddhist cohorts are from the "center" provinces. Areas where the minority groups are locally strong, as in parts of the delta, might more or less "secede" from the central government, although the political consequences would be less severe than the secession of I Corps.

23. Buddhist acquisition of political power would cause deep strains within the Vietnamese military establishment. Some officers, particularly Catholics, would probably be inclined to coup attempts in order to reassert military control. Should the Buddhists move quickly to put

-11-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

25X1

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01675R000100050011-6

loyal officers into key command positions, the military die-hards, like the Catholic community, might find themselves faced with the unpalatable choice of the Buddhists or the Viet Cong, and opt for the Buddhists. Over the short run, under Buddhist rule, the unity and effectiveness of the South Vietnamese military establishment would probably be impaired. How permanent the damage might be cannot be predicted, but it is at least possible that the degree of latent support for the Buddhists prevalent throughout the military, particularly in the lower ranks and in I Corps, could eventually result in greater military unity and a greater sense of identity between the army and the populace.

24. There is no reason to believe that, once in power, the Buddhists would be more monolithic than any other Vietnamese group. There are already obvious divisions within their ranks. Tam Chau and his predominantly northern followers are restive over the primacy accorded Tri Quang and his central Vietnam-based faction. Many southern Buddhists--principally lay leader Mai Tho Truyen and his supporters but also many of the Theravada sect--are not in sympathy with Tri Quang's present pressure campaign. Although moderate voices within the Buddhist movement have tended to be muted in time of struggle, internal strains and disagreements would undoubtedly reappear if the Buddhists were in power.

25. A government such as that envisaged above would probably find it difficult to exert effective centralized authority throughout the country. It would be beset with squabbling, irresolution, and unrealism in its paramount parliamentary body, and with jockeying for power and position even among Buddhist factions. The pace and tempo of the counter-insurgency effort would almost certainly be checked, at least temporarily, thus placing the burden of containing the Viet Cong almost entirely on US and allied forces.

26. Many of the weaknesses of a Buddhist government, however, would be those which, in varying degrees, would plague any new Vietnamese government. Provided US and allied military strength and related assistance could prevent the Communists from making too many inroads during a period of unsettled

-12-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01675R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

transition, a Buddhist-dominated government might have some assets not enjoyed by any of its predecessors. A major reason for this is that, apart from the Communists, the Buddhists currently have the only effective mass organization in South Vietnam. Although the Catholics are similarly, and perhaps better disciplined, the Buddhist political structure has deeper popular roots, particularly in central Vietnam and along the coastal strip north of Saigon, than any other political body. Although the extent to which the Buddhists are capable of marshaling their followers in support of, rather than in opposition to, a government remains to be seen, a Buddhist government would have a potentially stronger and broader base than any of its predecessors.

27. Buddhism, as a politico-religious idea, has shown itself capable of touching deep emotional chords within large segments of the Vietnamese population. A sensitively nationalistic Buddhist government might be something Communist propaganda would not find easy to attack. The Communists would also have difficulty finding any willing allies among such natural opponents of a Buddhist government as the Catholics who seem alterably opposed to Communism.

Buddhist Domination and US Policy

28. Tri Quang, Tam Chau, and other political bonzes who have discussed Buddhist objectives with US officials have all implied that the Buddhists alone can "legalize" the US position in Vietnam. They claim that they are anxious for continued US support, that they want with US assistance to pursue the work of social revolution, and that they realize the impossibility of accommodation or negotiation with the Viet Cong under present circumstances. By implication at least, they claim that they want to prosecute the war. The sincerity of these claims is perhaps open to question, and the way that professed Buddhist objectives would be translated into concrete government programs cannot be confidently predicted.

29. It is possible, however, that the responsibilities of power would be as sobering to the Buddhists

-13-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

as to many other successful revolutionaries. The intelligent and sophisticated anti-Communism that the Buddhist leaders profess to endorse might be reinforced if, once their followers were in power, the Buddhists discovered that Viet Cong elements who have succeeded in penetrating the Buddhist-inspired "struggle movement" were unwilling to suspend agitation and disruptive activities. The excesses of Communist penetration in various "struggle" groups have already given anti-Communist elements grounds for openly expressed concern.

30. While it is arguable that the Communists might lie low to encourage the possibility of fruitful negotiations with a Buddhist regime, the Communists will not necessarily reason and act in this fashion. The net result of their continuing disruptive activities, and possibly even of the present "struggle" movement, may be to implant in Buddhist circles a heightened awareness of the need for combating the Communist menace. If the Buddhists were to become totally engaged in the anti-Communist fight, they might be a more potent political adversary than any the Viet Cong have yet faced.

31. There is little question that the Buddhists emotionally resent the present extent of US involvement in Vietnamese affairs and the sheer physical magnitude of the current US military presence, with the side effects it inevitably entails. There is no doubt that the Buddhists would ultimately like to see the Americans leave, a goal certainly not incompatible with US objectives. Whether the Buddhists would attempt to force an early US withdrawal in a manner which would result in inevitable Communist victory remains to be seen. There is some danger that, even if this is not their immediate intention, their shortsightedness may prompt them to act in ways which would risk just this result.

32. On balance, it seems unlikely that a Buddhist government would deliberately deliver South Vietnam into the hands of the Communist regime in Hanoi. Tri Quang probably desires an independent South Vietnam, but under Buddhist control and not under Communist political dictation. He probably recognizes that these goals cannot be achieved

-14-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

HỒ SƠ MẬT 1963 TỪ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU CỦA CHÍNH PHỦ MỸ

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

without US support and assistance, but preoccupation with his own cleverness and with immediate objectives could lead him into courses of action and alliances which he could not reverse.

33. A Buddhist government, particularly one acquiring power in conditions which caused severe loss of face to the Vietnamese military, would almost certainly essay a different approach to the war and related pacification programs. The actions and policies of such a government would soon clarify whether Tri Quang is a pro-Communist neutralist, as some American and Vietnamese observers contend, or the anti-Communist nationalist he himself claims to be. In any event, there would inevitably be some period of dislocation, during which US and allied forces would have to bear much of the burden of containing Viet Cong incursions and attempts to profit from a disruption of central authority.

34. Over the longer term, however, a Buddhist government might prove to have deeper roots in Vietnamese traditions than any of its predecessors. Such a government's relations with the US would be delicate and difficult, particularly since a Buddhist government would be touchily nationalistic, and would have a different style of operation from its more Western-oriented predecessors. A Buddhist-dominated government would perhaps be more concerned with the purity of its revolutionary concepts than with the practical details of political administration or with concrete problems such as inflation requiring concrete solutions. Nevertheless, a government in which the Buddhists had a predominant voice could produce a focus for emergent Vietnamese nationalism which, eventually, could give the whole non-Communist nationalist structure a stronger foundation than it presently enjoys.

-15-

Approved For Release 2004/01/15 : CIA-RDP80B01676R000100050011-6

25X1

TIẾT LỘ TỪ “BẢN GHI NHỚ CHO ÔNG MOYERS”: MỸ KHÔNG CẢN NỖI CUỘC ĐẢO CHÁNH VỐN ĐÃ MẠNH NHA TỪ TRƯỚC NGÀY ÔNG NHU TỔNG TẤN CÔNG CHÙA CHIỀM 20-8-1963

Chính quyền Johnson nhìn lại Biến cố 1-11-1963.

Bản Ghi Nhớ viết ngày 30 tháng 7-1966
của Bộ Ngoại Giao/CIA gửi Tòa Bạch Ốc
(Giải mật ngày 20-4-1998 - Bản lưu cho Thư Viện Tổng Thống
Lyndon B. Johnson)

(LỜI NGƯỜI DỊCH: Lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm là cuộc cách mạng chung của quân và dân Miền Nam, từ nhận thức chân thực rằng nhà Ngô cần bị lật đổ vì họ vừa không xứng đáng vừa không đủ khả năng lãnh đạo miền Nam nữa, do đó không khởi nguồn từ xúi giục của bất kỳ ngoại nhân nào, kể cả từ Hoa Kỳ.

Trước ngày 11 tháng 6-1963, ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân, từ năm 1960, đã có những cuộc chống đối, thậm chí đảo chánh bằng vũ lực, thất bại. Và ngay trong buổi chiều 11/6 đó, sau khi có tin Ngài Quảng Đức tự thiêu, Trung Tá Đỗ Khắc Mai, Tham Mưu Trưởng Không Lực VNCH, đã bày tỏ ý định vận động một cuộc lật đổ nhà Ngô; ý định này được ghi lại trong Điện văn 165, đề ngày 11-6-1963, do Tòa Đại Sứ Mỹ gửi về Bộ Ngoại Giao Mỹ ghi theo tiết lộ của một mật báo viên.

Từ ngày 11-6-1963 trở đi, cho tới khi nhà Ngô sụp đổ, đã có thêm một số âm mưu đảo chánh khác, vận động từ phía các sĩ quan cấp tá và nhiều lãnh tụ đảng phái, kể cả những cộng sự viên thân tín của ông Diệm. Trong những người tham dự âm mưu lật đổ nhà Ngô có cựu Đại sứ Trần Văn Chương, thân phụ

của bà Ngô Đình Nhu, theo Bản Ghi Nhớ số 118 đề ngày 16-9-1963, viết bởi Paul M. Kattenburg, Phó Giám Đốc Đông Nam Á Sự Vụ tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.

Hồ sơ mật được dịch sau đây cho thấy một điều minh bạch nữa, rằng ngay sau khi ông Nhu ra lệnh Lực Lượng Đặc Biệt tấn công các chùa cuối tháng 8-1963, Tướng Lê Văn Kim đã nói với một viên chức Mỹ rằng ông và một số tướng lãnh đang có ý muốn đảo chánh nhà Ngô, nhưng tới **hiều tuần lễ sau, chính phủ Mỹ vẫn còn do dự**; Cần ghi nhận về một điện văn ngày 24-8, còn gọi là Cable 243 hay DEPTTEL 243 hay Telegram 243, chỉ thị Đại sứ Lodge phải áp lực ông Diệm **gạt bỏ ông bà Nhu ra khỏi chính phủ**, nghĩa là vẫn sẽ duy trì Đệ Nhất Cộng hòa và riêng ông Diệm vẫn làm Tổng Thống, và nếu điều kiện này không thỏa đáng thì được hiểu là Mỹ đồng ý một “sự thay thế” lãnh đạo tại miền Nam.

Hai ngày sau trận tổng tấn công vào các chùa do ông Ngô Đình Nhu thực hiện, và **TRƯỚC KHI chính phủ Mỹ có những buổi họp cấp cao có tính chính sách tại Washington hay tại Sài Gòn nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng tại Nam Việt Nam**, Tướng Lê Văn Kim ngày 23-8-1963, đã gặp Rufus Phillips, Giám đốc USOM Rural Affairs, và nói rằng quân đội VNCH đã **sẵn sàng đảo chánh để lật đổ chế độ nhà Ngô vì đó là cách duy nhất để giữ lòng dân** – vì quân đội và dân chúng đều bất mãn tột độ khi Phật Giáo bị đàn áp.

Tuy nhiên, cho tới giữa tháng 9-1963, **chính phủ Mỹ còn do dự không biết nên ủng hộ hay không đối với các tướng lãnh VNCH đang muốn lật đổ nhà Ngô**.

- Ngày 14-9-1963, Bộ Ngoại Giao Mỹ tin là nhà Ngô phải bị lật đổ, trong khi Bộ Quốc Phòng Mỹ và CIA tin là không nên lật đổ nhà Ngô. (Xem đoạn ghi số 6)

- Ngày 16-9-1963, Tổng Thống Kennedy chủ tọa một buổi họp ở Bạch Ốc, do dự trước nhiều luận cứ về nên hay không nên lật đổ nhà Ngô, nên chỉ thị đưa một phái đoàn sang VN để khảo sát tình hình cụ thể. (Xem đoạn ghi số 7)

- Ngày 23-9-1963, phái đoàn gồm Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara, Tướng Taylor và một số ít viên chức cao cấp

bay từ Mỹ sang VN để khảo sát mọi phương diện, xem có thể chiến thắng CS nếu giữ nhà Ngô hay không. (Xem đoạn ghi số 7 và 8)

- Ngày 2-10-1963, phái đoàn trở về Mỹ, báo cáo tức khắc với TT Kennedy rằng phái đoàn đồng thuận là Mỹ phải áp lực ông Diệm cải tổ triệt để, trong đó có việc loại trừ ông bà Nhu. (Xem đoạn 8)

- Đầu tháng 10-1963, có khoảng 2 hay 3 âm mưu đảo chánh đang chuẩn bị tiến hành. (Xem đoạn 11)

- Vài ngày trước cuộc đảo chánh 1-11-1963, Mỹ lo ngại cuộc đảo chánh do các Tướng Dương Văn Minh và Tướng Trần Văn Đôn có thể thất bại vì thiếu quân, **muốn ngăn cản nhưng thấy không cần nổi.** (Xem đoạn 12)

Bản Ghi Nhớ này viết ngày 30-6-1966, bởi William P. Bundy (viên chức CIA, Phụ Tá Ngoại Trưởng về Viễn Đông Á Vụ, cũng là cố vấn đối ngoại cho các Tổng Thống Kennedy và Johnson) theo yêu cầu của Bill Moyers (Trưởng Phòng Thông Tin của Tổng Thống Johnson) để giải thích về **diễn tiến những quyết định của chính phủ Kennedy 3 năm trước đó đối với chế độ ông Diệm.**

Bản gốc hồ sơ lưu ở Thư Viện Tổng Thống Lyndon B. Johnson, hồ sơ về Việt Nam, hộp 263, trong xấp hồ sơ Roger Hilsman (người tiền nhiệm của William P. Bundy trong chức vụ Phụ Tá Ngoại Trưởng về Viễn Đông Á Vụ). Dưới đây sẽ dịch theo bản lấy từ Thư Viện Đại Học George Washington University:

<http://www.gwu.edu/~nsarchiv/NSAEBB/NSAEBB101/vn29.pdf>

Ghi nhận, bản văn chỉ còn 4 trang, có thể trang sau vẫn chưa giải mật hay đã bị thất lạc. Bản văn gốc sẽ kèm dưới đây. Toàn văn dịch bởi **Cư sĩ Nguyễn Giác.**)

BẮT ĐẦU BẢN VĂN

TÔI MẬT

Ngày 30 tháng 7-1966

BẢN GHI NHỚ CHO ÔNG MOYERS -- CHỈ ĐỂ ĐỌC THÔI

ĐỀ TÀI: Cuộc thảo luận về chế độ Ngô Đình Diệm trong tháng 8 tới tháng 10-1963.

Câu hỏi cụ thể của ông giành cho tôi về bức điện văn đề ngày 24-8-1963 mà nhiều người biết, trong đó đã chỉ thị cho Đại sứ Lodge và Phái bộ [Ngoại Giao Mỹ] khởi sự thăm dò để tìm người lãnh đạo thay thế ông Diệm. Điện văn đó thực sự phức tạp hơn và có lẽ ít minh bạch hơn bản tóm lược một câu đó. Bản này kèm theo đây, gọi là TAB A.

Theo lời Michael Forrestal (LND: Phụ tá của cố vấn an ninh quốc gia của TT Johnson) nói với tôi hồi giữa tháng 9-1966 (tôi không có mặt ở văn phòng từ giữa tháng 8 tới giữa tháng 9-1963), tin nhắn đó được chấp thuận qua điện thoại bởi Tổng Thống Kennedy từ Hyannisport, lúc đó là một đêm Thứ Bảy. Có một dị biệt lớn về trí nhớ giữa ông Forrestal và Tướng Krulak (lúc đó là đại diện ở VN của Phòng Tổng Tham Mưu Quân Lực Hoa Kỳ) về tình hình có phải Tướng Taylor (LND: lúc đó, năm 1963, Tướng Taylor là Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Hoa Kỳ) đã có chấp nhận tin nhắn này chưa. Tôi tin mọi người đều nhớ rằng ông Gilpatric (LND: Thứ Trưởng Quốc Phòng năm 1963) nói qua điện thoại từ trang trại của ông ở Bờ Biển Eastern Shore, trên nền tảng rằng vấn đề này chủ yếu là chính trị. Bộ Trưởng Ngoại Giao Rusk và Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara đều đi xa ngoài thủ đô và không liên lạc được cho tới đầu tuần lễ kế tiếp.

Trong khi Điện văn ngày 24-8-1963 là một phần chủ yếu của câu chuyện và thực sự phản ánh một “điểm chuyển biến” chân thực trong suy nghĩ của chính phủ Mỹ, có rất nhiều điều liên hệ mà tôi nghĩ sẽ là sai lầm khi đơn giản chỉ nhìn vào điện văn đó. Các sự kiện trước đó và sau đó sơ lược như sau:

1. Lodge được bổ nhiệm tới Sài Gòn trong tháng 6-1963, và nơi đó bắt đầu tức khắc có tin đồn trong giới báo chí rằng Lodge sẽ làm sáng tỏ tình hình và làm gì đó về ông Diệm. Tôi không thể nói ai có trách nhiệm về mấy chuyện [tin đồn] đó, nhưng người tiền nhiệm của tôi, ông Hilsman, cứ mãi gặp xui xẻo kiểu đó. Tất nhiên, ông Diệm xem việc Lodge tới [nhậm chức Đại sứ] như một thách thức có tính toán với ông ta.

2. Vào ngày 18-8-1963, trong khi Lodge trên đường tới Sài Gòn, Diệm và Nhu ra lệnh quân đội xông vào các chùa ở Sài Gòn, đẩy tới bước chuyển biến cho cuộc khủng hoảng Phật Giáo vốn đang âm ỉ từ tháng 5-1963. Tính toán thời điểm [tấn công chùa] này hẳn là nhắm việc Lodge tới VN.

3. Sau vài ngày tìm hiểu xem có phải quân đội VNCH tham dự trận tổng tấn công các chùa hay không, bức điện văn ngày 24-8 mới gửi đi.

4. Trong tuần lễ kế tiếp, như các điện văn gửi đi ở cấp cao kèm trong hồ sơ TAB B nơi đây cho thấy, chúng ta [chính phủ Mỹ] lại tới lui lần nữa về khả thể của việc quân đội VNCH đảo chánh ông Diệm. Đây chủ yếu là hoạt động của CIA, và tôi đã lục xem từ các hồ sơ của tôi một thứ tự ngày tháng về những liên lạc chủ yếu của CAS (LND: văn phòng CIA ở Sài Gòn) trong trọn thời kỳ từ tháng 8 tới hết tháng 10-1963. Hồ sơ này đính kèm, ghi tên là TAB C. Chủ yếu, chúng ta **lặng lẽ tiếp cận với các sĩ quan quân đội chính yếu, những người đó nói với chúng ta rằng họ không thể đảo chánh vào lúc đó được.** Tuy nhiên, không ngờ vực gì nữa, ý nghĩ rằng họ có thể hành động, và **nếu họ đảo chánh, chúng ta sẽ ủng hộ họ**, đã được đưa ra lúc đó.

5. Vào ngày, hay vào khoảng ngày, 7 tháng 9-1963, Tổng Thống Kennedy -- dựa vào những cuộc thảo luận mà tôi không có hồ sơ hay không biết, đã tổ chức một cuộc họp báo chỉ trích ông Diệm nặng nề. Thời gian ngắn sau đó, chúng ta ngưng các giao dịch trong Chương Trình Commodity Import Program (LND: chương trình này là hình thức viện trợ tiền mặt Mỹ Kim cho chính phủ ông Diệm, chiếm 80% tổng số viện trợ từ Mỹ cho VNCH -- xem giải thích từ sách *A History of the*

Vietnamese của K. W. Taylor, trang 565), một chương trình căn bản cho việc hỗ trợ nỗ lực chiến tranh của chính phủ VNCH. Việc ngưng như thế không có nghĩa thực tế là viện trợ ngưng, vì có một khoản viện trợ ít nhất 2 tới 3 tháng đã gửi sang rồi.

6. Vào giữa tháng 9-1963, có một cuộc tranh cãi gay gắt trong chính phủ Mỹ, và một loạt lộ tin trên báo chí rất đáng tiếc trong đó nêu rõ hai phía tranh cãi – Hilsman và những viên chức khác trong Bộ Ngoại Giao tin là phải lật đổ ông Diệm, trong khi Bộ Quốc Phòng, Văn Phòng Tổng Tham Mưu, và CIA (cả ở Washington và cả ở Việt Nam) đều chống lại bất kỳ thay đổi nào. Bản thân tôi trở về từ Châu Âu ngày 14-9-1963, và còn nhớ sinh động rằng Mike Forrestal tức khắc gặp tôi để nói rằng những người như tôi, những người không chọn lập trường dựa trên cảm xúc nào hết, bây giờ nên tham dự trọn vào tình hình này và xem chúng ta có thể làm vấn đề rõ ràng hơn không.

7. Vào giữa tuần lễ của ngày 16-9-1963, TT Kennedy chủ tọa một buổi họp nhỏ trong Bạch Ốc, quyết định rằng cách duy nhất để chọn một lập trường chắc chắn cho chính phủ là để cho Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara và Tướng Taylor dẫn một nhóm ít người tức khắc tới Sài Gòn khảo sát kỹ. Tôi làm việc với Bộ Trưởng McNamara trong việc chọn người vào phái đoàn này, trong đó có Bill Sullivan từ Bộ Ngoại Giao, Mike Forrestal từ Bạch Ốc, và Bill Colby từ CIA. Nhóm này lên đường ngày 23-9-1963.

8. Phái đoàn McNamara/Taylor ở lại Việt Nam cho hết ngày 1-10-1963, làm nhiều chuyến khảo sát nhưng tập trung chủ yếu vào các liên lạc rộng rãi nhất có thể được trong mọi nơi để đánh giá tình hình chính trị. Phái đoàn trở về Mỹ ngày 2-10-1963, và tức khắc trình một bản báo cáo đầy đủ lên TT Kennedy, mà tôi kèm đây bản do tôi hiệu đính ghi tên là TAB D. Bản báo cáo tự nó nói lên được điều muốn trình bày rồi. Rủi ro thay, dư luận công chúng dựa vào bản tin Bạch Ốc phổ biến ngày 2-10-1963 lại nêu lên tiên đoán của phái đoàn McNamara/Taylor rằng sẽ có thể giảm nỗ lực quân sự Hoa Kỳ từ cuối năm 1965. Tuy nhiên, cốt tủy bản báo cáo là kết luận của nó rằng **ông Diệm phải cải tổ triệt để rồi chúng ta mới có**

thể hy vọng chút nào rằng ông ta có thể là một lãnh tụ hiệu quả. Kết luận đồng thuận tuyệt đối này của phái đoàn củng cố cho suy nghĩ của cấp cao Hoa Kỳ rằng chúng ta có thể buộc phải tìm người khác thay thế ông Diệm. (Theo tôi nhớ, quan điểm của Phó Tổng Thống lúc đó không nêu lên trong các buổi họp lúc đó, mặc dù là có thể đã được nói riêng với TT Kennedy, và có thể không phù hợp với bản báo cáo và với sự đồng thuận đưa ra từ bản báo cáo.)

9. Tuy nhiên, từ một quan điểm hành động, các quyết định là sẽ tiếp tục ngưng các giao dịch của chương trình Commodity Import Program, để Lodge chờ liên lạc với ông Diệm để áp lực ông Diệm phải cải tổ, và rằng – như đối với bất kỳ cuộc đảo chánh nào có thể xảy ra – chúng ta **sẽ không thúc đẩy một cuộc đảo chánh nào như thế, nhưng sẽ liên lạc thân cận với các lãnh đạo quân sự, những người có thể liên hệ tới các nỗ lực như thế.** Điểm cuối cùng vừa nói là đề tài của một bản phụ đính Tối Mật của Bản Ghi Nhớ Hành Động NSC (Hội Đồng An Ninh Quốc Gia), mà tôi không có phóng ảnh chính xác nào, mặc dù tôi có bản nháp trong đó xác nhận các điểm tôi đã nói ở trên.

10. Trong tháng 10-1963, ông Diệm từ chối gặp Đại sứ Lodge cho tới rất trễ cuối tháng đó, gần trước khi xảy ra cuộc đảo chánh. Tôi nhớ rằng Lodge cuối cùng đã gặp ông Diệm ở Đà Lạt, khoảng các ngày 27 hay 28 tháng 10-1963, và nói mạnh mẽ đòi cải tổ, với một số đáp ứng từ Diệm. Tuy nhiên, ông Diệm không có bất kỳ hành động nào trước ngày đảo chánh, ngày 1 tháng 11-1963.

11. Về việc liên lạc với quân đội VNCH, chủ yếu thực hiện bởi một viên chức CIA trực tiếp nhận lệnh từ Lodge. Các thông tin chuyên cho chúng ta cho biết có sự chuyển động, và thông điệp duy nhất từ phía Mỹ là, nếu việc thay đổi chính phủ xảy ra bất kỳ lúc nào hay vì bất kỳ lý do nào, Hoa Kỳ sẽ ủng hộ tân chính phủ nếu nó thực sự hiệu quả và sẵn sàng tiến hành cuộc chiến. Tuy là tổng quát, thông điệp này khuyến khích những người âm mưu đảo chánh. Vào đầu tháng 10-1963, họ có vẻ như rời rạc, và hình như cùng lúc là có ít nhất 2 hay 3 âm

mưu đảo chánh cùng tiến hành. Tuy nhiên, vào cuối tháng 10-1963, chúng ta thấy rõ từ nguồn CIA rằng âm mưu hành động nghiêm túc từ nhóm của Tướng Trần Văn Đôn có thể thực sự sắp xảy ra.

12. Do vậy, trong vòng 2 hay 3 ngày trước ngày 1-11-1963, có một loạt buổi họp cuối cùng để chúng ta xem rằng chúng ta có nên làm gì để ngăn cản hay gián đoạn một cuộc đảo chánh nếu nó xảy ra. Chúng ta quan ngại sâu sắc về tình thế cân bằng lực lượng ở Sài Gòn, và đã nghĩ rằng hoàn toàn có thể xảy ra một trận tắm máu ở Sài Gòn từ cuộc đảo chánh với kết quả không dứt điểm nổi, và sẽ gây ra hỗn loạn công quyền. Tuy nhiên, chúng ta cuối cùng kết luận rằng **chúng ta đã không có sức áp lực hay có các mối liên lạc để ngăn cản cuộc đảo chánh** – mà chúng ta cũng không thể, một cách tự tin, chọn lập trường ngược lại để tiết lộ cho ông Diệm những gì chúng ta biết có thể đang sôi sục.

Do vậy, cuối cùng, chúng ta không theo phe nào, và nhóm các Tướng Trần Văn Đôn và Tướng Dương Văn Minh đã tiến hành cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963 với thành công lớn.

Trong cuộc đảo chánh này, điều chúng ta rất tiếc nhất là việc giết anh em Diệm và Nhu. Trong khi chúng ta trước đó đã lập lại nhiều lần với các lãnh tụ quân sự rằng chúng ta...

HẾT BẢN DỊCH

Bản gốc Anh Văn của Bộ Ngoại Giao/CIA gửi cho Tòa Bạch Ốc ngày 30-7-1966

[Phóng ảnh cho Thư viện Lyndon Baines Johnson – Copy LBJ Library]





4d

~~TOP SECRET~~

July 30, 1966

MEMORANDUM FOR MR. MOYERS - EYES ONLY

SUBJECT: Discussion Concerning the Diem Regime in August-October 1963

Your specific question to me concerned the celebrated cable of August 24, 1963, which in effect directed Lodge and the Mission to start exploring ways to find alternative leadership to Diem. That message is in fact more complex and perhaps less clear than that one-sentence summary. It is attached as TAB A.

According to my oral information from Michael Forrestal in mid-September (I myself was away from mid-August to mid-September), the message was cleared by phone with President Kennedy in Hyannisport, it being a Saturday night. There is a sharp difference of recollection between Mr. Forrestal and General Krulak (then in the JCS as their Vietnam man) as to whether General Taylor ever cleared the message. I believe it is agreed that Mr. Gilpatric did so by phone from his Eastern Shore farm, on the basis that the matter was essentially political. Secretaries Rusk and McNamara were both out of town and unavailable until early in the following week.

While the August 24 cable is a vital part of the story and indeed reflects a true "breakpoint" in Washington thinking, there is so much more to it that I think it would be a mistake merely to look at that cable. The prior and ensuing events were roughly as follows:

L. Lodge was nominated to Saigon in June and there began immediately to be dope stories in the press that he was going out to clean up the situation and do something about Diem. I cannot say who was responsible for those stories, but my

DECLASSIFIED

~~TOP SECRET~~

Authority SEK 077-10001-10455

By W NARA, Date 4-20-98

COPY LBJ LIBRARY

~~TOP SECRET~~

predecessor, Mr. Hilsman, had unfortunate tendencies in this direction. Undoubtedly, Diem came to regard Lodge's arrival as a calculated challenge to him.

2. On August 18th, while Lodge was en route to Saigon, Diem and Nhu ordered the Army into the pagodas in Saigon, bringing to a flash point the simmering Buddhist crisis that had been going on since May. The timing must have been related to Lodge's arrival.

3. After a few days of back and forth trying to establish whether the Army really had been acting at all on its own, the August 24th cable was sent.

4. In the ensuing week, as the top-level outgoings attached as TAB B show, we went up the hill and down again as to the possibility of the military taking action against Diem. This was primarily a CIA operation, and I have dug out from my own files a chronology of principal CAS contacts in the whole August-October period. This is attached as TAB C. In essence, we made quiet approaches to key military men, who finally told us that they simply could not make it at that time. Undoubtedly, however, the idea that they might act, and that if they did we would support them, was planted at that time.

5. On or about September 7th, President Kennedy -- based on discussions of which I have no record or knowledge, made a press conference sharply critical of Diem. Shortly thereafter, we suspended further transactions under the Commodity Import Program, the proceeds of which were of course fundamental to the support of the Vietnamese war effort. The suspension of transactions did not at all mean that support ceased in fact, since there was a pipeline of at least 2 - 3 months already on the way.

6. By mid-September, there was acute controversy within the government, and a large and regrettable spate of newspaper leaks that pretty clearly identified the respective sides -- Hilsman and others in State believing that Diem must go, while DoD, JCS, and CIA (both in Washington and in the field) were opposed to any change. I myself

~~TOP SECRET~~

~~TOP SECRET~~

returned from Europe on September 14, and vividly recall that Mike Forrestal came to me at once to describe the whole controversy and its background, and to say that people like myself, who had taken no emotional position, should now get into the situation fully and see if we could help straighten it out.

7. In the middle of the week of September 16th, President Kennedy chaired a small White House meeting at which it was decided that the only way to get a solid government position would be for Secretary McNamara and General Taylor to take a small and select group at once to Saigon for a hard look. I worked with Secretary McNamara in the selection of this group, which included Bill Sullivan from State, Mike Forrestal from the White House, and Bill Colby from CIA. This group left on September 23rd.

8. The McNamara/Taylor mission stayed in Vietnam through October 1st, making field trips but focusing primarily on the widest possible contact in all quarters to assess the political situation. The mission returned on October 2nd and immediately presented a full report to President Kennedy, of which I enclose my own editing copy as TAB.D. The report speaks for itself. Unfortunately, its public image has always derived from the White House release of October 2nd which picked up the McNamara/Taylor prediction that it should be possible to scale down the US military effort in Vietnam by the end of 1965. However, the real guts of the report was its conclusion that Diem simply had to be drastically reformed if we were to have any hope that he could be an effective leader. This unanimous conclusion of the group solidified top-level Washington thinking that we might be forced to see some alternative to Diem. (To the best of my recollection, the then Vice President's views were not stated in the meetings at that time, although they may well have been conveyed privately to President Kennedy, and may not have been in accord with the report and the consensus that appeared to develop from it.)

9. However, from an action standpoint, the decisions were to continue the suspension of transactions under the Commodity Import Program, for Lodge to await contact with Diem but to use any such contact to press him on reform, and that -- as to any possible military coup -- we would not actively promote such a coup, but

~~TOP SECRET~~

~~TOP SECRET~~

would stay in close contact with military leaders who might be involved in such efforts. The last point was the subject of a careful Top Secret annex to the NSC Action Memorandum, of which I have no precise copy, although I have drafts that confirm the above statements.

10. During October, Diem refused to see Lodge until very late in the month, just prior to the actual coup. My recollection is that Lodge finally saw him in Dalat about October 27-28, and made a strong pitch for reforms, with some apparent response from Diem. However, the latter had not taken any action by the date of the coup -- November 1st.

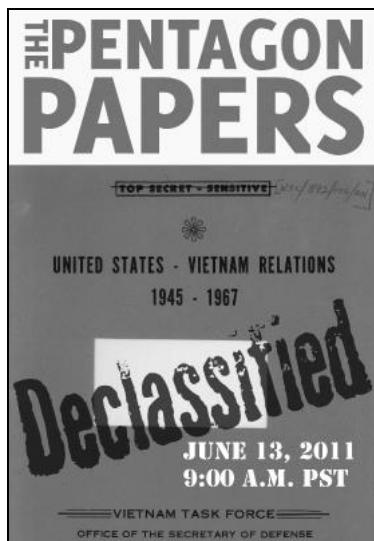
11. With respect to contacts with the military, these were principally carried out by a CIA officer under Lodge's personal direction. They were directed to our knowing exactly what might be afoot, and the only message conveyed on the US side was that, if a change of government did take place at any time or for any reason, the US would support the new government if it were in fact effective and prepared to carry on the war. This message, while general, undoubtedly encouraged the military plotters. In the early part of the month, they seemed to be disorganized, and there seemed to be at least two or three rather feeble efforts on foot at once. However, in the last week of October, it became clear to us all from the CIA source that serious action by the group led by General Don might in fact be imminent.

12. Hence, in the two or three days prior to November 1st, there was a last series of meetings as to whether we should do anything to forestall or interrupt a coup if it did take place. We were deeply concerned as to the balance of forces in Saigon, and thought it entirely possible that a coup attempt would produce a blood bath in Saigon with no decisive result and resulting government chaos. However, we finally concluded that we did not have the leverage or the contacts to prevent a coup -- nor could we confidently take the other side and tell Diem what we knew might be brewing. Hence, in the end we stood aside, and the Don/Big Minh group did in fact carry out its coup on November 1st with great success. The element of the coup that we of course most regretted was the killing of Diem and Nhu. While we had repeatedly told the military leaders that we

~~TOP SECRET~~

BẢN GHI NHỚ CHO ÔNG MOYERS, 30 tháng 7 năm 1966
GIẢI MẬT – Cơ quan Thẩm quyền JFK#577-10001-10455,
ngày 20-4-98 (trang 3 và 4)

**THE PENTAGON PAPERS:
BIẾN ĐỘNG PHẬT GIÁO
Từ Ngày 8-5 Tới 21-8-1963**



Hồ Sơ Mật Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ về Cuộc Chiến VN
Giải Mật Ngày 13-6-2011

Dịch theo bản văn từ trang nhà
của Đại Học Mount Holyoke College:

<https://www.mtholyoke.edu/acad/intrel/pentagon2/pent6.htm>

(LỜI NGƯỜI DỊCH: The Pentagon Papers là tên gọi tắt một hồ sơ tối mật về Cuộc Chiến Việt Nam; theo Wikipedia, hồ sơ này tên chính thức là “United States – Vietnam Relations, 1945–1967: A Study Prepared by the Department of Defense” (Quan Hệ Mỹ-Việt, 1945--1967: Cuộc Nghiên Cứu Thực Hiện Bởi Bộ Quốc Phòng). Hồ sơ này được giải mật và phổ biến công khai năm 2011.

Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Robert McNamara thành lập Ban Đặc Nhiệm Nghiên Cứu Về Việt Nam ngày 17-6-1967, có nhiệm vụ viết một “tự điển bách khoa về Cuộc Chiến Việt Nam,” mà theo ông là để lưu hồ sơ cho các sử gia và để ngăn cản các sai lầm chính sách trong các chính phủ Hoa Kỳ tương lai.

Hồ sơ này thực hiện bởi 36 nhà phân tích – phân nửa là các sĩ quan đương nhiệm lúc đó, phần còn lại là các học giả và các viên chức dân sự liên bang -- phần lớn dựa vào các hồ sơ có sẵn trong Bộ Quốc Phòng. Hồ sơ gồm 3,000 trang phân tích lịch sử, và 4,000 trang tài liệu gốc của chính phủ, soạn thành 47 tập, và xếp loại “Top Secret – Sensitive” (“Tối Mật -- Nhạy Cảm.”) Chữ “nhạy cảm” chỉ có nghĩa là việc phổ biến hồ sơ sẽ làm chính phủ Mỹ mất mặt.)

Ban Đặc Nhiệm in hồ sơ làm 15 ấn bản duy nhất. Ngày giải mật và phổ biến tới các thư viện Tổng Thống, và tới Trung Tâm Giải Mật Quốc Gia của Văn Khố Liên Bang là ngày 13-6-2011.

Sau đây là bản dịch về tình hình Phật Giáo Việt Nam thời gian từ ngày 8-5-1963 tới ngày 21-8-1963, nằm trong “Chapter 4, ‘The Overthrow of Ngo Dinh Diem, May-November, 1963’ pp.201-276” thuộc Tập 2.

Một số ghi nhận về hồ sơ này trong bối cảnh từ ngày 8-5-1963 cho tới ngày 21-8-1963:

- Ông Diệm biệt đãi Thiên Chúa Giáo, kỳ thị Phật Giáo;
- Thảm sát ở Huế ngày 8-5-1963 xảy ra tình cờ, bất ngờ;
- Trách nhiệm thảm sát ở Huế là do chính quyền Huế, nhưng ông Diệm đổ tội cho VC;
- Biểu tình ngày 3-6-1963 bị đàn áp bằng hơi cay, Mỹ nghi có hơi độc mustard gas;
- Cuộc vi pháp thiêu thân của HT Thích Quảng Đức gây chấn động toàn cầu;
- Thông Cáo Chung 16-6-1963 không được ông Diệm thực thi, và bị ông Nhu phá;
- Cao điểm sự tráo trở của chính phủ ông Diệm là cuộc tổng bố ráp các chùa toàn quốc ngày 21-8-1963, bắt 1.400 nhà sư

trong đó có Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết (Hội chủ của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam) và Thượng Tọa Thích Tâm Châu (Ủy ban Liên phái Phật Giáo).

Độc giả có thể đọc thêm nguyên bản Anh văn kèm dưới đây. Bản dịch thực hiện bởi Cư sĩ Nguyên Giác.)

BẢN VIỆT DỊCH

Sự kiện tại Huế ngày 8 tháng 5-1963 á một sự kiện dẫn tới những gì được gọi là cuộc khủng hoảng Phật giáo và khởi sự cho một chuỗi sự kiện đã tận cùng dẫn tới việc lật đổ chế độ ông Diệm và hạ sát anh em nhà Ngô – đã xảy ra một cách tình cờ và bất ngờ.

Không ai thấy trước rằng sự kiện Huế sẽ khởi lên một vận động đòi lập toàn quốc có khả năng gần như tất cả những người dị biệt chính kiến và không Cộng sản tại Nam Việt Nam. Một cách quan trọng hơn, lúc đó chưa ai nhận ra đúng về mức độ bất mãn của dân Việt Nam đối với chính phủ ông Diệm, cũng như về mức độ mục nát chính trị trong chế độ, một chế độ không còn khả năng đối phó với sự bất mãn rộng lớn.

Cội nguồn tôn giáo của sự kiện này có thể dò tới cuộc di cư đông đảo của người tỵ nạn Thiên Chúa Giáo ra khỏi Bắc Việt Nam sau khi Pháp thua trận năm 1954. Khoảng một triệu tín đồ Thiên Chúa Giáo rời bỏ Miền Bắc và định cư ở Miền Nam. Ông Diệm – một cách hiển nhiên, vì động cơ tôn giáo và nhân đạo, và với ý định tuyển một hậu thuẫn chính trị từ đồng đạo của ông – đã biệt đãi những người tỵ nạn Thiên Chúa Giáo này qua việc cấp đất, cứu trợ và hỗ trợ, cấp giấy phép thương mại và xuất nhập cảng, ưu tiên tuyển làm công chức, và các biệt đãi khác từ chính phủ. Bởi vì ông Diệm có thể dựa vào sự trung thành của họ, họ được điền vào gần như tất cả các chức vụ quân sự và dân sự quan trọng.

Như một định chế, Giáo Hội Thiên Chúa Giáo hưởng một quy chế pháp lý đặc biệt. Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục là anh và là cố vấn của ông Diệm. Nhưng trước năm 1962, không có kỳ thị minh bạch chống người Phật Tử. Tuy nhiên, tại

Nam Việt Nam nơi có từ 3 tới 4 triệu Phật Tử tu học và có 80% dân số là Phật Tử trên danh nghĩa, chính sách của ông Diệm – thiên vị Thiên Chúa Giáo, độc tài toàn trị, và kỳ thị tôn giáo – đã làm ngùn chấy sự bất mãn.

Vào tháng 4-1963, chính phủ ra lệnh các quan cấp tỉnh thực hiện một lệnh cấm, nguyên đã có từ lâu nhưng thường bị bỏ lơ, về treo cờ tôn giáo. Lệnh này đưa ra vừa sau những lễ hội được khuyến khích chính thức tại Huế để kỷ niệm 25 năm ngày ông Ngô Đình Thục được tấn phong Tổng Giám Mục Huế, mà trong dịp đó cờ Vatican treo đầy khắp. Lệnh này cũng đưa ra, như đã xảy ra, vừa trước ngày Phật Đản (ngày 8 tháng 5-1963), một Đại Lễ Phật Giáo.

Huế, cố đô của Việt Nam, lúc đó là trung tâm thực sự duy nhất về học Phật và học bổng về tu học Phật Giáo tại Việt Nam, và đại học nơi đây (Huế) từ lâu là một trung tâm của những bất đồng khuynh tả. Không ngạc nhiên gì, lúc đó, Phật Tử Huế đã treo cờ của họ bất chấp lệnh cấm và, khi chính quyền địa phương ra vẻ như đã nhượng bộ về lệnh cấm treo cờ, Phật Tử biểu lộ cứng rắn hơn để sẽ tổ chức một cuộc tụ họp đông người theo lịch trình trước đó đã định vào ngày 8 tháng 5 để mừng Phật Đản.

Nhìn thấy cuộc tụ họp đông người đó như một thách thức đối với ảnh hưởng của gia đình họ Ngô (Huế cũng là thủ đô lãnh địa chính trị của Ngô Đình Cần, em của ông Diệm) và đối với chính quyền địa phương, các viên chức địa phương tìm cách giải tán đám đông. Khi các nỗ lực ban đầu không có kết quả, Phó Tỉnh Trưởng (cũng là giáo dân Thiên Chúa Giáo) ra lệnh cho lính của ông nổ súng. Thế là dẫn tới hỗn loạn, 9 người bị giết, trong đó có vài trẻ em, và 14 người bị thương. Xe bọc sắt được cho là đã cán lên một số nạn nhân. Chính quyền ông Diệm sau đó loan tin rằng một cán bộ Việt Cộng đã ném một quả lựu đạn vào đám đông và rằng các nạn nhân bị giẫm đạp bởi đám đông hỗn loạn. Chính phủ ông Diệm nhất quyết không chịu nhận trách nhiệm, ngay cả khi các quan sát viên độc lập đưa ra các đoạn phim cho thấy quân chính phủ bắn vào đám đông.

Cá tính quan lại của ông Diệm không cho phép ông xử lý cuộc khủng hoảng này với sự linh động và tế nhị cần thiết. Ông Diệm không có thể công khai nhận trách nhiệm về thảm kịch và tìm sự hòa giải với những Phật Tử giận dữ. Ông còn tin rằng sự mất mặt công khai như thế sẽ làm suy yếu thẩm quyền cai trị của ông, hiển nhiên đối với sự kiện rằng không nhà lãnh đạo thời hiện đại nào có thể từ lâu đã bỏ mặc sự bất mãn lớn lao như thế bất kể rằng đạo đức cá nhân riêng ông có thể tốt như thế nào. Do vậy chính phủ bám chặt vào cách giải thích riêng về chuyện đã xảy ra.

Ngày kế tiếp ở Huế, hơn 10,000 người biểu tình để phản đối cuộc thăm sát. Đó là cuộc biểu tình đầu tiên của một chuỗi dài những biểu tình mà Phật Tử dùng để áp lực chế độ ông Diệm trong 4 tháng kế tiếp. Phật Tử đã mau chóng tự tổ chức, và vào ngày 10 tháng 5-1963, bản Tuyên Ngôn của các chức sắc Phật Giáo trình lên chính phủ, yêu cầu được tự do treo cờ của họ, được bình đẳng về pháp lý với Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, xin ngưng việc bắt bớ, xin tự do trong việc hành đạo, và xin bồi thường các nạn nhân sự kiện ngày 8 tháng 5-1963 cùng với trừng phạt những kẻ trách nhiệm.

Năm nguyện vọng này chính thức trình lên Tổng Thống Diệm ngày 15 tháng 5-1963, và Phật Tử đã tổ chức buổi họp báo đầu tiên của họ sau buổi trao Tuyên Ngôn đó. Những cuộc tuyệt thực và những buổi họp liên tục cho hết tháng 5, nhưng ông Diệm tiếp tục trì trệ trong việc giải quyết vấn đề và gây bất mãn thêm.

Vào ngày 30-5-1963, khoảng 350 nhà sư Phật Giáo biểu tình trước tòa nhà Quốc Hội ở Sài Gòn, và cuộc tuyệt thực 48 giờ được loan báo. Vào ngày 3-6-1963, một cuộc biểu tình ở Huế bị giải tán bằng hơi cay và nhiều người bị phỏng, dẫn tới các cáo buộc rằng lính ông Diệm đã sử dụng hơi độc mustard gas (LND: mustard gas là chất lỏng gây phỏng da và cơ, có thể chết người, được dùng làm vũ khí hóa học từ Thế Chiến I). Vào ngày 4-6, chính phủ loan báo bổ nhiệm một ủy ban liên bộ chỉ huy bởi Phó Tổng Thống Thơ để giải quyết vấn đề tôn giáo, nhưng vào lúc này cử chỉ đó có lẽ đã quá trễ. Phần lớn dân số

thành thị đã tham dự những cuộc biểu tình Phật Giáo, nhận ra trong họ sự khởi đầu của đối lập chính trị chân thực đối với ông Diệm. Vào ngày 8-6, bà Nhu làm tệ hại vấn đề thêm khi loan báo rằng Phật Tử đã bị trà trộn bởi Việt Cộng.

Trong suốt những ngày đầu của khủng hoảng, giới truyền thông Mỹ đã theo sát các sự kiện và gây sự chú ý với thế giới. Vào ngày 11-6, truyền thông được nhắc trước để tới một ngã tư một phố chính vào buổi trưa. Trong khi đoán là sẽ có cuộc biểu tình nữa, họ kinh hoàng chứng kiến cuộc tự thiêu đầu tiên thực hiện bởi một nhà sư. Cái chết phụt lửa của Hòa thượng Thích Quảng Đức gây chấn động thế giới và Nam Việt Nam.

Những cuộc thương thuyết trước đó đã diễn ra giữa ủy ban của Phó Tổng Thống Thơ và Phật Tử có từ ngày 5-6-1963, với những chất vấn cay đắng công khai về thiện chí của cả hai bên. Sau cuộc tự thiêu, chính phủ Mỹ tăng cường áp lực lên chính phủ ông Diệm để làm dịu lòng người Phật Tử, và để đưa tình hình chính trị đang suy sụp trở lại trong tầm kiểm soát.

Cuối cùng, vào ngày 16-6-1963, bản Thông Cáo Chung giữa Phật Giáo và chính phủ ông Diệm được phổ biến, liệt kê các đồng thuận thương thuyết, nhưng không quy trách nhiệm đối với sự kiện ngày 8-5-1963 (LND: không quy trách nhiệm cho chính phủ, chỉ hứa điều tra xem cá nhân viên chức nào có lỗi). Tuy nhiên, trận đàn áp biểu tình dữ dội ngày kế tiếp đã làm hỏng mất tinh thần của sự hòa giải. Trong phần của họ, vợ chồng Ngô Đình Nhu tức khắc phá hoại sự hòa giải bằng cách bí mật huy động các lực lượng thanh niên do chính phủ đỡ đầu đấu tố bản Thông Cáo Chung. Vào cuối tháng 6, thấy rõ rằng Thông Cáo Chung không phải là cử chỉ chân thực của sự hòa giải từ phía ông Diệm, nhưng chỉ là một nỗ lực để làm dịu Hoa Kỳ và là một tờ giấy vẽ sự chia rẽ ngày càng lớn trong chính trị nội bộ.

Sự thiếu niềm tin có căn cứ về phía chính phủ trong Thông Cáo Chung Ngày 16-6-1963 đã làm mất uy tín chính sách trung dung để hòa giải mà giới lãnh đạo cao cấp Phật Giáo đã theo đuổi cho tới khi đó. Vào cuối tháng 6, quyền lãnh đạo phong trào Phật Giáo trao sang cho một nhóm vị sư trẻ hơn,

quyết liệt hơn, với mục tiêu chính trị vươn xa hơn. Các vị sư này đã vận dụng chính trị khéo léo và thông minh một đợt thủy triều đang dâng cao từ phía dân chúng ủng hộ.

Những cuộc biểu tình và tụ tập đông người có kế hoạch kỹ lưỡng được kèm với cuộc vận động truyền thông từ giới đối lập của chế độ ông Diệm. Hiểu tầm quan trọng của truyền thông báo chí Hoa Kỳ, các vị sư này kết giao với phóng viên Mỹ, thông báo họ về những cuộc biểu tình và tụ tập, và cẩn trọng tính thời điểm hoạt động sao cho được giới truyền thông tường thuật rộng rãi tối đa. Không ngạc nhiên gì, gia đình họ Ngô phản ứng bằng cách đàn áp dữ dội hơn đối với các nhà hoạt động Phật Giáo, và với chỉ trích cay đắng hơn và ngay cả hăm dọa các phóng viên Mỹ.

Đầu tháng 7-1963, ủy ban của Phó Tổng Thống Thor loan báo rằng một cuộc điều tra sơ khởi về sự kiện ngày 8-5-1963 đã xác định rằng những cái chết là do hành động khủng bố của Việt Cộng. Phẫn nộ, những người Phật Tử lên án kết luận đó và tăng cường các hoạt động phản đối của họ. Vào ngày 19-7-1963, dưới áp lực Hoa Kỳ, ông Diệm đọc bài diễn văn trên đài phát thanh, ngắn chỉ 2 phút đồng hồ, mặt ngoài là bày tỏ hòa giải với Phật Tử, nhưng được viết sẵn và trình bày một cách lạnh lùng như để phá hủy trước bất kỳ ảnh hưởng nào mà các đồng thuận nhỏ nhoi đã loan báo có thể có.

Về phía trong chế độ, ông Nhu và vợ nặng nề chỉ trích ông Diệm đã nhượng bộ áp lực Phật Giáo. Bà Nhu công khai chê giễu cuộc tự thiêu là “nướng thịt,” tố cáo các lãnh đạo Phật Giáo bị trà trộn bởi người Cộng sản, và mô tả các cuộc biểu tình là do Việt Cộng kích động. Cả ông Nhu và vợ ra sức công khai, và riêng tư, làm suy yếu các nỗ lực vốn đã yếu của ông Diệm trong việc tương nhượng với Phật Tử, và có tin đồn khởi sự loan ra trong tháng 7 rằng ông Nhu đang xem xét một cú đảo chánh lật đổ ông anh.

Một Bản Đánh Giá Tình Báo Quốc Gia Đặc Biệt đề ngày 10-7-1963 kết luận với tiên đoán rằng nếu chế độ ông Diệm không làm gì để thực hiện bản Thông Cáo Chung 16-6-1963 và làm dịu người Phật Tử, nhiều phần là những cuộc biểu

tình trong mùa hè sẽ lan rộng với nhiều khả năng sẽ có một nỗ lực đảo chánh từ người không cộng sản (LND: Bản Đánh Giá Tình Báo Quốc Gia Đặc Biệt này đã dịch ở Thư Viện Hoa Sen <http://tinyurl.com/TVHS-TBDB>).

(Hồ sơ 21) Vào giữa tháng 8-1963, một tuần trước khi ông Nhu tung ra cuộc tổng bố ráp nhắm vào các chùa ở Sài Gòn và nơi khác, Sở Tình Báo Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ CIA đã bắt đầu nhận thấy có bất mãn biểu lộ trong giới công chức và quân nhân:

“Từ khi những mâu thuẫn giữa Phật Tử và chế độ ông Diệm bùng phát ngày 8-5-1963, đã có một loạt các bản phúc trình cho thấy không chỉ sự mưu tính và bày tỏ bất mãn tăng dày đặc giữa những người không Cộng Sản trước giờ vẫn chỉ trích ông Diệm, mà sự bất ổn hiện lộ trở lại và sự căm ghét ngày càng tăng trong giới công chức và quân nhân về cách ông Diệm xử lý về mâu thuẫn này.”

Bản đánh giá này tiếp tục mô tả chi tiết nhiều tin đồn, xuất hiện ít nhất từ cuối tháng 6, về các âm mưu đảo chánh. Nhưng ông Nhu, trong một hành động táo bạo nhằm gây kinh hoàng những người âm mưu đảo chánh, và để làm họ bất ngờ, đã triệu tập các tướng lĩnh cao cấp vào ngày 11-7-1963, nặng nề khiển trách họ đã không có hành động nào để dẹp bẹp sự nổi loạn, và chất vấn sự trung thành của họ đối với chế độ. Hành động của ông Nhu như dường đã tạm thời làm khựng lại tất cả các kế hoạch về một cuộc lật đổ. CIA cũng báo cáo về tin đồn rằng chính ông Nhu đang lên kế hoạch một “cuộc đảo chánh giả” để thu hút ra và rồi đàn áp người Phật Tử.

Trong tháng 8-1963, Phật Tử hoạt động tới mức căng thẳng mới; các vị sư tự thiêu vào ngày 5, ngày 15, và ngày 18. Không khí chính trị căng thẳng tại Sài Gòn vào giữa tháng 8-1963 cho các nhà quan sát Hoa Kỳ thấy rằng cuộc chạm trán đang diễn tiến. Tuy nhiên, khi cuộc chạm trán xảy ra, trong cuộc tổng bố ráp ngày 21-8-1963 nhắm vào các chùa, các nhà ngoại giao Hoa Kỳ hoàn toàn bất ngờ.

HẾT BẢN DỊCH

NGUYỄN VĂN

The Pentagon Papers

Gravel Edition

Volume 2

Chapter 4, "**The Overthrow of Ngo Dinh Diem, May-November, 1963,**" pp. 201-276.

(Boston: Beacon Press, 1971)

Section 1, pp. 201-232

(SNIPPED)

II. THE BUDDHIST CRISIS: MAY 8-AUGUST 21

A. THE CRISIS ERUPTS

The incident in Hue on May 8, 1963, that precipitated what came to be called the Buddhist crisis, and that started the chain of events that ultimately led to the overthrow of the Diem regime and the murder of the Ngo brothers, happened both inadvertently and unexpectedly. No one then foresaw that it would generate a national opposition movement capable of rallying virtually all non-communist dissidence in South Vietnam. More importantly, no one then appreciated the degree of alienation of Vietnam's people from their government, nor the extent of the political decay within the regime, a regime no longer capable of coping with popular discontent.

The religious origins of the incident are traceable to the massive flight of Catholic refugees from North Vietnam after the French defeat in 1954. An estimated one million Catholics fled the North and resettled in the South. Diem, animated, no doubt, by religious as well as humanitarian sympathy, and with an eye to recruiting political support from his coreligionists, accorded these Catholic refugees preferential treatment in land redistribution, relief and assistance, commercial and export-import licenses, government employment, and other GVN largess. Because Diem could rely on their loyalty, they came to fill almost all important civilian and military positions. As an institution, the Catholic Church enjoyed a special legal status.

The Catholic primate, Ngo Dinh Thuc, was Diem's brother and advisor. But prior to 1962, there had been no outright discrimination against Buddhists. However, among South Vietnam's 3-4 million practicing Buddhists and the 80% of the population who were nominal Buddhists, the regime's favoritism, authoritarianism, and discrimination created a smoldering resentment.

In April 1963, the government ordered provincial officials to enforce a longstanding but generally ignored ban on the public display of religious flags. The order came just after the officially encouraged celebrations in Hue commemorating the 25th anniversary of the ordination of Ngo Dinh Thuc, the Archbishop of Hue, during which Papal flags had been prominently flown. The order also came, as it happened, just prior to Buddha's birthday (May 8)-a major Buddhist festival. Hue, an old provincial capital of Vietnam, was the only real center of Buddhist learning and scholarship in Vietnam and its university had long been a center of left-wing dissidence. Not surprisingly, then, the Buddhists in Hue defiantly flew their flags in spite of the order and, when the local administration appeared to have backed down on the ban, were emboldened to hold a previously scheduled mass meeting on May 8 to commemorate Buddha's birthday. Seeing the demonstration as a challenge to family prestige (Hue was also the capital of the political fief of another Diem brother, Ngo Dinh Can) and to government authority, local officials tried to disperse the crowds. When preliminary efforts produced no results, the Catholic deputy province chief ordered his troops to fire. In the ensuing melee, nine persons were killed, including some children, and fourteen were injured. Armored vehicles allegedly crushed some of the victims. The Diem government subsequently put out a story that a Viet Cong agent had thrown a grenade into the crowd and that the victims had been crushed in a stampede. It steadfastly refused to admit responsibility even when neutral observers produced films showing government troops firing on the crowd.

Diem's mandarin character would not permit him to handle this crisis with the kind of flexibility and finesse it required. He was incapable of publicly acknowledging responsibility for the tragedy and seeking to conciliate the angry Buddhists. He was convinced that such a public loss of face would undermine his authority to rule, oblivious to the fact that no modern ruler can long ignore massive popular disaffection whatever his own particular personal virtues may be. So the government clung tenaciously to its version of what had occurred.

The following day in Hue over 10,000 people demonstrated in protest of the killings. It was the first of the long series of protest activities with which the Buddhists were to pressure the regime in the next four months. The Buddhists rapidly organized themselves, and on May 10, a manifesto of the Buddhist clergy was transmitted to the government demanding freedom to fly their flag, legal equality with the Catholic Church, an end of arrests and freedom to practice their beliefs, and indemnification of the victims of the May 8th incident with punishment for its perpetrators. These five demands were officially presented to President Diem on May 15, and the Buddhists held their first press conference after the meeting. Publicized hunger strikes and meetings continued throughout May, but Diem continued to drag his feet on placating the dissenters or settling issues. On May 30, about 350 Buddhist monks demonstrated in front of the National Assembly in Saigon, and a 48-hour hunger strike was announced. On June 3, a demonstration in Hue was broken up with tear gas and several people were burned, prompting charges that the troops had used mustard gas. On June 4, the government announced the appointment of an interministerial committee headed by Vice President Tho to resolve the religious issue, but by this time such gestures were probably too late. Large portions of the urban population had rallied to the Buddhist protest, recognizing in it the beginnings of genuine political opposition to Diem. On June 8, Mme. Nhu exacerbated

the problem by announcing that the Buddhists were infiltrated by communists.

Throughout the early days of the crisis, the U.S. press had closely covered the events and brought them to the attention of the world. On June 11, the press was tipped off to be at a downtown intersection at noon. Expecting another protest demonstration, they were horrified to witness the first burning suicide by a Buddhist monk. Thich Quang Duc's fiery death shocked the world and electrified South Vietnam.

Negotiations had been taking place between Vice President Tho's committee and the Buddhists since June 5, with considerable acrimonious public questioning of good faith by both sides. After the suicide, the U.S. intensified its already considerable pressure on the government to mollify the Buddhists, and to bring the deteriorating political situation under control. Finally, on June 16, a joint GVN-Buddhist communique was released outlining the elements of a settlement, but affixing no responsibility for the May 8 incident. Violent suppression by the GVN of rioting the next day, however, abrogated the spirit of the agreement. The Nhus, for their part, immediately undertook to sabotage the agreement by secretly calling on the GVN-sponsored youth organizations to denounce it. By late June, it was apparent that the agreement was not meant as a genuine gesture of conciliation by Diem, but was only an effort to appease the U.S. and paper over a steadily widening fissure in internal politics.

The evident lack of faith on the part of the government in the June 16 agreement discredited the conciliatory policy of moderation that the older Buddhist leadership had followed until that time. In late June, leadership of the Buddhist movement passed to a younger, more radical set of monks, with more far-reaching political objectives. They made intelligent and skillful political use of a rising tide of popular support. Carefully planned mass meetings and demonstrations were accompanied with an aggressive press campaign of opposition to the regime. Seizing on the importance of American news

media, they cultivated U.S. newsmen, tipped them off to demonstrations and rallies, and carefully timed their activities to get maximum press coverage. Not surprisingly, the Ngo family reacted with ever more severe suppression to the Buddhist activists, and with acrimonious criticism and even threats to the American newsmen.

Early in July, Vice President Tho's committee announced that a preliminary investigation of the May 8 incident had confirmed that the deaths were the result of an act of Viet Cong terrorism. Outraged, the Buddhists denounced the findings and intensified their protest activities. On July 19, under U.S. pressure, Diem made a brief two-minute radio address, ostensibly an expression of conciliation to the Buddhists, but so written and coldly delivered as to destroy in advance any effect its announced minor concessions might have had.

Within the regime, Nhu and his wife were severely criticizing Diem for caving in under Buddhist pressure. Mme. Nhu publicly ridiculed the Buddhist suicide as a "barbecue," accused the Buddhist leaders of being infiltrated with communists, and construed the protest movement as Viet Cong inspired. Both Nhu and his wife worked publicly and privately to undermine Diem's feeble efforts at compromise with the Buddhists, and rumors that Nhu was considering a coup against his brother began to circulate in July.

A U.S. Special National Intelligence Estimate on July 10 concluded with the perceptive prediction that if the Diem regime did nothing to implement the June 16 agreement and to appease the Buddhists, the likelihood of a summer of demonstrations was great, with the strong possibility of a non-communist coup attempt. [Doc. 21] By mid-August a week before Nhu launched general raids on Buddhist pagodas in Saigon and elsewhere, the CIA had begun to note malaise in the bureaucracy and the army:

Since the Buddhist dispute with the Diem government erupted on 8 May, there have been a series of reports indicating

not only intensified plotting and grumbling among Diem's traditional non-Communist critics, but renewed restiveness and growing disaffection in official civilian and military circles over Diem's handling of the dispute.

This estimate went on to detail numerous rumors of coup plots in existence since at least late June. But Nhu, in a bold move designed to frighten coup plotters, and to throw them off guard, had called in the senior generals on July 11, reprimanded them for not having taken action to squelch revolt, and questioned their loyalty to the regime. Nhu's move seemed to have temporarily set back all plans for an overthrow. CIA also reported rumors that Nhu himself was planning a "false coup" to draw out and then crush the Buddhists.

In August, Buddhist militancy reached new intensity; monks burned themselves to death on the 5th, 15th, and 18th. The taut political atmosphere in Saigon in mid-August should have suggested to U.S. observers that a showdown was on the way. When the showdown came, however, in the August 21 raids on the pagodas, the U.S. mission was apparently caught almost completely off guard.

B. THE U.S. "NO ALTERNATIVES TO DIEM" POLICY

(SNIPPED)

(Nguồn:

<https://www.mtholyoke.edu/acad/intrel/pentagon2/pent6.htm>)

PHẬT GIÁO VÀ CUỘC CHÍNH BIẾN 1-11-1963 QUA CÁC TƯ LIỆU GIẢI MẬT CỦA BỘ NGOẠI GIAO, QUỐC PHÒNG & CỤC TRUNG ƯƠNG TÌNH BÁO MỸ

Tâm Diệu

Công cuộc tranh đấu đòi quyền bình đẳng tôn giáo của Phật Giáo Việt Nam bắt đầu ở Huế với cái chết của tám Phật tử đêm 8/5/1963 tại đài phát thanh, rồi cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức ngày 11/6/1963 tại Sài Gòn và chiến dịch “nước lử” tổng tấn công chùa chiền toàn quốc đêm 20 rạng ngày 21/ 8/1963. Ba biến cố lịch sử quan trọng của phong trào Phật Giáo tranh đấu này dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng kéo dài nửa năm và kết thúc bằng cuộc chính biến lật đổ chính quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Khởi đầu từ ngày từ 8-5-1963 và chấm dứt vào đêm 20 tháng 8 năm 1963 là **cuộc tranh đấu của Phật Giáo**, tiếp sau đó là **cuộc cách mạng toàn diện** của học sinh, sinh viên, và quân dân Miền Nam Việt Nam.

Kể từ năm 1963 đến nay (*tháng 11 năm 2013*) là tròn nửa thế kỷ. Năm mươi năm trôi qua, một thời gian đủ dài để con người có thể lắng dịu tâm tư và các kho lưu trữ tài liệu mật của các bộ Ngoại Giao, Quốc Phòng, và cục Tình báo Trung Ương Hoa Kỳ cũng đã giải mật cho công chúng tự do vào xem để mọi người có thể nhìn lại lịch sử ngày 1-11-1963 một cách rõ ràng.

May mắn thay chúng ta có thể tiếp cận các kho lưu trữ tài liệu này một cách dễ dàng qua một số bản dịch Việt ngữ được dịch rất nghiêm túc bởi hai dịch giả Nguyễn Giác và Nguyễn Kha. Những bản dịch này được hai dịch giả tuyển dịch

từ những tài liệu chính thức có độ khả tín cao và khách quan (*thông tin nội bộ dùng để làm việc-operational, không có tính cách tuyên truyền*), bao gồm phúc trình kín, mật và tối mật, biên bản chính thức của những thảo luận nội bộ, điện văn trao đổi hàng ngày giữa Bộ Ngoại Giao, Bộ Quốc Phòng, Tòa Bạch Ốc, Cục Tình báo Trung ương ở Washington và tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Những tài liệu này đã được Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ giải mật và xuất bản thành 5 tập với tựa đề: *Foreign Relations of the United States, 1961-1964 (Bang giao quốc tế của Hoa Kỳ, 1961-1964)*, thường được giới nghiên cứu biết và sử dụng dưới tên gọi (acronym) “FRUS”. Thêm vào đó là hồ sơ tối mật về Cuộc Chiến Việt Nam “*The Pentagon Papers*” do Ủy ban Đặc nhiệm Nghiên cứu về Việt Nam của Bộ Quốc Phòng nghiên cứu, soạn thảo và xuất bản thành 4 tập.

Qua nội dung các bản dịch đó, chúng ta có thể biết được những gì thực sự đã xảy ra trong những ngày trước và sau cuộc chính biến 1-11- 1963.

Trước khi giới thiệu toàn bộ các bản dịch, chúng tôi mạn phép tóm lược vài điểm ghi nhận quan trọng của chính các dịch giả, theo diễn biến sự kiện. Phân chi tiết, xin mời quý độc giả mở các links liên hệ để xem bản dịch Việt và đối chiếu với các bản ảnh copy từ các văn bản nguyên gốc bằng tiếng Anh đính kèm.

BIẾN CỐ NGÀY 8-5-1963 TẠI HUẾ

Trước hết là các điện văn trao đổi giữa Tòa Lãnh Sự Mỹ ở Huế, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, và Bộ Ngoại Giao Mỹ ở thủ đô Washington trong đêm xảy ra biến cố 8/5/1963 tại đài phát thanh Huế. **Điểm quan trọng trong biến cố này là ai đã bắn súng và ném lựu đạn vào đám đông trước đài phát thanh đêm 8/5/1963.** Theo điện văn báo cáo về Washington, địa phương quân dưới quyền Thiếu Tá Phó Tỉnh Trưởng Đặng Sỹ đã nổ súng và ném lựu đạn (điện văn số 116). Tuy nhiên, trong một điện văn khác ông Đại sứ Nolting, sau khi hội kiến với TT Ngô Đình Diệm cho biết ông Diệm tin rằng Việt Cộng

hoặc thành phần bất đồng chính kiến đã ném lựu đạn vào đám đông. (điện văn số 131). [01]

Tiếp theo các điện văn trao đổi là bản phúc trình của Trung Ương Tình Báo (CIA) ở Washington báo cáo lên Tổng Thống Mỹ Về Cuộc Thảm Sát Huế 1963, trong đó ghi rằng, khi giải tán đám đông 3,000 Phật Tử, **trách nhiệm thảm sát tại Đài Phát Thanh Huế là do 3 lực lượng: cảnh sát, Dân Vệ và quân đội.** Hồ sơ CIA nơi đây cũng nói: chính sách của chính phủ ông Diệm là thiên vị Thiên Chúa Giáo, nhưng Phật Tử trước giờ vẫn lặng lẽ chịu đựng, cho tới khi xảy ra biến động Huế. [02]

CUỘC TỔNG TẤN CÔNG CÁC CHÙA ĐÊM 20-8-1963

Sự kiện tại Huế ngày 8 tháng 5 năm 1963 – một sự kiện dẫn tới những gì được gọi là cuộc khủng hoảng Phật giáo và khởi sự cho một chuỗi sự kiện đã tận cùng dẫn tới việc đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm – đã xảy ra một cách tình cờ và bất ngờ theo sự nhận định của 36 nhà phân tích của Mỹ về tình hình Phật Giáo Việt Nam thời gian từ ngày 8-5-1963 tới ngày 21-8-1963 trong hồ sơ *The Pentagon Papers*.

Cũng theo tài liệu này thì nguyên nhân xảy đến chuỗi sự kiện này là do chính quyền Ngô Đình Diệm đã biệt đãi Thiên Chúa Giáo và kỳ thị Phật Giáo. [03]

Và các nỗ lực hòa giải giữa Phật Giáo và chính quyền đã không thành công. Thông Cáo Chung 16-6-1963 không được ông Diệm thực thi vì bị ông bà Nhu phá hoại; Cao điểm sự tráo trở của chính phủ Ngô Đình Diệm là cuộc tổng tấn công chùa chiền toàn quốc đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, bắt 1.400 nhà sư trong đó có hai vị lãnh đạo Phật Giáo cao cấp là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết (*Hội chủ của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam*) và Thượng Tọa Thích Tâm Châu (*Chủ tịch Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật Giáo*).

Điều đáng chú ý là trong suốt năm 1963, chính ông Nhu đã đoạt quyền ông Diệm để đối phó với cuộc khủng hoảng Phật giáo đang càng lúc càng lan rộng nhờ được sự tiếp tay của các

lực lượng quân chúng khác. Thậm chí ông Nhu còn cho ông Diệm là người nhu nhược và “*đã biểu lộ sự chống đối mãnh liệt ông Diệm và chính phủ của ông ta*” đến mức dự định đảo chánh ông Diệm (FRUS 256 - *Bản Ghi nhớ của Phó Giám đốc Kế hoạch CIA Helms, ngày 16-8-1963, gửi Phụ tá Ngoại trưởng Hilsman* [04]). Ông Nhu đã thăm dò những điều kiện đàm phán sơ khởi với lãnh đạo Cộng sản ở Hà Nội (theo *Death of a Generation*, Howard Jones, Oxford University Press, 2003 [05]), đã từng thiết lập danh sách viên chức Mỹ sẽ bị ông ám sát (FRUS 68 - Điện văn của Giám Đốc Phòng Tình Báo và Nghiên Cứu Thomas Hughes trình lên Ngoại Trưởng Hoa Kỳ ngày 6-9-1963 [06]), đã tuyên bố với nhật báo Ý *L'Espresso* ngày 3-10-1963 sẽ “*cắt đầu*” Đại sứ (*cha vợ*) Trần Văn Chương (FRUS 186 - Điện văn số POL 15S VIET của Đại sứ Cabot Lodge gửi cho Bộ Ngoại Giao ngày 7-10-1963 [07]),... Lý giải cho những động thái điên cuồng độ của ông Nhu, các vị Đại diện Ba Lan tại Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến ICC là Mieczylaw Maneli, Chánh Văn phòng Phủ Tổng thống Võ Văn Hải, Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng Nguyễn Đình Thuần đều cho là ông Nhu bị bệnh tâm thần, ám ảnh bởi bệnh hoang tưởng “... Vào giai đoạn đó, Nhu sa vào vòng nghiện ngập và điều đó đã đẩy ông ta đến những trạng thái cực đoan... Người ta bắt đầu thấy những dấu hiệu điên loạn trên mặt ông ta, nhìn bất động như kẻ mộng du, với một nụ cười lạnh lùng cố hữu ...” (theo Roger Hilsman, *To Move A Nation*, Doubleday Inc. and Co., New York 1967, trang 480 [08])

Không khí chính trị căng thẳng tại Sài Gòn từ ngày Hoà Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu đến giữa tháng 8-1963 đã cho các nhà quan sát Hoa Kỳ thấy rằng cuộc tranh chấp giữa Phật Giáo và chính quyền đang diễn tiến. Tuy nhiên, khi cuộc chạm trán xảy ra, trong cuộc tổng tấn công đêm 20 rạng ngày 21-8-1963 nhắm vào các chùa với lệnh thiết quân luật trên toàn miền Nam, các nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã hoàn toàn bất ngờ.

Họ cũng nhận định Quân đội VNCH bất mãn vì bị dân chúng đổ tội tấn công các chùa, trong khi thực tế quân đội không biết gì về việc ông Ngô Đình Nhu ra lệnh cho Đại Tá Lê

Quang Tung dẫn Lực Lượng Đặc Biệt bắt ngờ tấn công các chùa và tin tức tình báo cho biết ông Nhu đã gài vũ khí, chất nổ vào chùa để vụ va.[09] Và chính Mỹ cũng bất mãn vì ông Diệm không hòa giải với Phật Giáo, và chính trận tấn công các chùa chiền đã xé bỏ bản Thông Cáo Chung 16-6-1963 mang chữ ký của hai nhà lãnh đạo, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

CUỘC ĐIỀU TRA CỦA PHÁI ĐOÀN LIÊN HIỆP QUỐC - PHÚC TRÌNH A/5630

Ngày 4-9-1963, 14 nước bao gồm Afghanistan, Algeria, Cambodia, Ceylon, Guyana, India, Indonesia, Mông Cổ, Nigeria, Pakistan, Rwanda, Sierra Leone, Somalia, Trinidad và Tobago (sau đó, thêm hai nước Mali và Nepal) đưa vấn đề Phật giáo Việt Nam ra trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc (LHQ) với nội dung cáo buộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa vi phạm các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Một tháng sau, ngày 4/10/1963, Việt Nam Cộng hòa gửi thư lên Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc mời một phái đoàn sang Việt Nam điều tra về tình hình tôn giáo tại Việt Nam. Cuối tháng Mười, Liên Hiệp Quốc cử phái đoàn gồm 16 thành viên đại diện 7 quốc gia Afghanistan (trưởng phái đoàn), Brazil, Ceylon, Costa Rica, Dahomey, Morroco và Nepal sang Việt Nam điều tra tìm hiểu sự thật. Phái đoàn đến Phi trường Tân Sơn Nhất tối 24-10-1963, và bắt đầu từ hôm sau chỉ tiếp xúc các giới chức chính quyền và phỏng vấn các nhân chứng trong **6 ngày** (mà riêng 2 ngày cuối tuần là 26 và 27/10 thì phần lớn thời gian phái đoàn ở khách sạn đọc tài liệu). Cuộc điều tra kết thúc sớm hơn dự liệu khi chế độ Diệm bị lật đổ vào đúng ngày lễ Các Thánh (Toussaint, 1-11) của Công giáo, ngày mà tất cả cơ quan chính phủ được nghỉ lễ. Và phái đoàn rời Sài Gòn ngày 3-11-1963.

Có ba tài liệu chính thức của Liên Hiệp Quốc và một công trình nghiên cứu đại học liên quan đến cuộc điều tra về đàn áp Phật giáo tại Nam Việt Nam của LHQ:

- **Tài liệu A/5630** - Phúc trình của Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc tại Nam Việt Nam, hoàn tất ngày 7-12-1963. (*Document A/5630 - Report of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam*)

- **Đề mục Thảo luận số 77** (*Agenda Item 77*)

- **Biên bản Buổi họp Khoáng đại thứ 1280 của Đại Hội đồng LHQ**, Phiên họp thứ 18, ngày 13-12-1963 (*United Nations General Assembly, Eighteen Session, 1280th Plenary Meeting – Official Records*)

- Khảo luận in thành sách “**Một Cao Ủy Liên Hiệp Quốc về Nhân Quyền**” (*A United Nations High Commissioner For Human Rights*) của Giáo sư Roger Stenson Clark, do Martinus Nijhoff (Hòa Lan), xuất bản năm 1972.

Cả 4 tài liệu này đều có một kết luận giống nhau: Dù thu thập được một số dữ kiện ở cả hai phía chính quyền và phía nạn nhân Phật giáo, nhưng Phúc trình A/5630 của Liên Hiệp Quốc **đã chưa đưa ra một kết luận khẳng định hay phủ định** nào trong cuộc điều tra về đàn áp Phật giáo tại Việt Nam vì cuộc điều tra chưa hoàn tất do biến cố 1-11-1963 xảy ra trong lúc đó. Giáo sư Roger Clark tóm tắt một cách chính xác như sau trong Khảo luận của mình:

“It arrived in Saigon in late October and heard a number of witness. Unfortunately for the scholar, the affair ended inconclusively as a result of the successful coup against President Diem that took place while the Mission was in Saigon”. (Phái đoàn đến Sài Gòn vào cuối tháng Mười và đã nghe một số nhân chứng. Không may cho các học giả, công việc bị kết thúc **dang dở** vì cuộc đảo chánh Tổng thống Diệm đã thành công khi Phái đoàn đang ở Sài Gòn) [10]

CUỘC CHÍNH BIẾN 1-11-1963

Điểm quan trọng trong các tài liệu nói về cuộc chính biến 1-11-1963 là **ai khởi xướng và lập kế hoạch đảo chánh**. Ông Henry Cabot Lodge, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Tướng Trần Văn Đôn hay Tướng Dương Văn Minh?

Theo điện văn của Thứ Trưởng Ngoại Giao George Ball gửi ông Lodge đề ngày 24-8-1963 mang số 243 cho biết ông đã chỉ thị cho Đại sứ Lodge phải áp lực ông Diệm **gạt bỏ ông bà Nhu** ra khỏi chính phủ, nghĩa là vẫn sẽ duy trì Đệ Nhất Cộng hòa và riêng ông Diệm vẫn làm Tổng Thống, và nếu điều kiện này không thỏa đáng thì được hiểu là Mỹ đồng ý một “sự thay thế” lãnh đạo tại miền Nam.[11][12]

Theo Bản Ghi Nhớ viết ngày 30 tháng 7-1966 của Bộ Ngoại Giao/CIA gửi Tòa Bạch Ốc ghi trong tài liệu “*Chính quyền Johnson nhìn lại Biến cố 1-11-1963*” [13] thì Mỹ không can nôi cuộc đảo chánh vốn đã manh nha từ trước ngày ông Nhu hạ lệnh tổng tấn công chùa chiền 20-8-1963 như (1) Trung Tá Đỗ Khắc Mai, Tham Muu Trường Không Lực VNCH, đã bày tỏ ý định vận động một cuộc lật đổ nhà Ngô; ý định này được ghi lại trong điện văn 165, đề ngày 11-6-1963, do Tòa Đại Sứ Mỹ gửi về Bộ Ngoại Giao; và (2) theo Bản Ghi Nhớ số 118 đề ngày 16-9-1963, viết bởi Paul M. Kattenburg, Phó Giám Đốc Đông Nam Á Sự Vụ tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cho biết đã có thêm một số (*ít nhất là 10*) âm mưu đảo chánh khác, vận động từ phía các sĩ quan cấp tá và nhiều lãnh tụ đảng phái, kể cả những cộng sự viên thân tín của ông Diệm. Trong những người tham dự âm mưu lật đổ nhà Ngô có cựu Đại sứ Trần Văn Chương, thân phụ của bà Ngô Đình Nhu. Ngoài ra Tướng Lê Văn Kim ngày 23-8-1963, đã gặp Rufus Phillips, Giám đốc USOM Rural Affairs, và nói rằng quân đội VNCH đã sẵn sàng đảo chánh để lật đổ chế độ nhà Ngô vì đó là cách duy nhất để giữ lòng dân – vì quân đội và dân chúng đều bất mãn tột độ khi Phật Giáo bị đàn áp.

Như thế, qua các tài liệu đã giải mật, người đọc có thể thấy rõ ràng cuộc đảo chánh 1-11-1963 nhằm lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm không khởi nguồn từ xúi giục của bất kỳ ngoại nhân nào, kể cả từ Hoa Kỳ. Điều này được thấy trong phần kết luận của *Bản Ghi Nhớ* viết ngày 30 tháng 7-1966 của Bộ Ngoại Giao/CIA gửi Tòa Bạch Ốc nói ở trên và theo một tài liệu khác từ kho lưu trữ hồ sơ của *Ủy Ban Đặc Tuyển Thượng Viện Hoa Kỳ* cho biết, trước cuộc đảo chánh một ngày, chính quyền Hoa

Kỳ ở Washington bị nhiều áp lực từ viên tướng Tư Lệnh MACV Harkins phản đối tất cả những âm mưu đảo chánh ông Diệm và từ Cố vấn An Ninh Quốc gia Hoa Kỳ nói Lodge nên khuyến cáo (các tướng lãnh Việt Nam) nên hủy bỏ đảo chánh và Đại sứ Lodge điện văn về Mỹ ngày 30-10-1963 nói rằng chuyện đảo chánh hoàn toàn nằm trong tay phía người Việt, còn Mỹ không cản ngăn gì được. Cũng trong ngày đó, Tướng Trần Văn Đôn hứa sẽ tiết lộ kế hoạch đảo chánh cho Đại sứ Lodge biết **4 giờ** đồng hồ trước khi đảo chánh khởi động. Tuy nhiên, vào ngày 1-11-1963, Tòa Đại sứ Mỹ chỉ được báo trước **4 phút** mà thôi. [14]

Tâm Diệu

Ban Biên Tập TVHS

[01] CÁC ĐIỆN VĂN TRAO ĐỔI GIỮA HUẾ SÀI GÒN VÀ WASHINGTON (Biên cô đêm 8/5/1963 tại Huế)

[02] CIA BÁO CÁO TỔNG THỐNG MỸ VỀ CUỘC THẨM SÁT HUẾ 1963

[03] THE PENTAGON PAPERS: BIẾN ĐỘNG PHẬT GIÁO Từ Ngày 8-5 Tới 21-8-1963

[04] NGÔ ĐÌNH NHU MUỐN THAY THẾ ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM LÀM TỔNG THỐNG

[05] NGÔ ĐÌNH NHU THƯƠNG THUYẾT VỚI HÀ NỘI

[06] ĐIỆN VĂN 68 NGÀY 6-9-1963: NHU LẬP DANH SÁCH ÁM SÁT VIÊN CHỨC MỸ

[07] VUA LÊ NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ CHÚA TRINH NGÔ ĐÌNH NHU

[08] VUA LÊ NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ CHÚA TRINH NGÔ ĐÌNH NHU

[09] ĐIỆN VĂN 274: CHIẾN DỊCH TẤN CÔNG CHÙA

[10] PHÚC TRINH A/5630 ĐÃ KẾT LUẬN NHƯ THẾ NÀO?

[11] CHIẾN DỊCH TỔNG TẤN CÔNG CÁC CHÙA ĐÊM 20-8-1963 VÀ CÁC HỆ QUẢ

[12] ĐIỆN VĂN 243 TỐI MẬT NGÀY 24/8/1963

[13] CHÍNH QUYỀN JOHNSON NHÌN LAI BIẾN CỐ 1-11-1963

[14] ÁP LỰC GIỜ CHÓT CỦA MỸ ĐÒI HUY BỎ CUỘC LẬT ĐỒ NHÀ NGÔ

Toàn văn sách này lưu ở Thư Viện Hoa Sen:
<http://thuvienhoasen.org/>
=> vào "Danh Mục Khác"
=> vào "Phật Giáo Việt Nam"
=> vào "PGVN 1963-1975"
=> vào "Các bản dịch từ kho dữ liệu bộ Ngoại Giao Mỹ..."

Thien Tri Thuc Publications
P.O. Box 4805
Garden Grove, CA.92842-4805 – USA